

Hải Phòng, ngày 01 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Ông/Bà

- Số ĐKSH:; Ngày cấp:

- Địa chỉ:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng (Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng; Mã số doanh nghiệp: 0200171274) trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Thời gian: 07h30 Thứ Tư, ngày **22/4/2026**.

Địa điểm: Hội trường tầng 6 Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng, Số 54 Đinh Tiên Hoàng, phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Đối tượng tham dự: Các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng theo danh sách chốt của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ngày 23/3/2026.

Nội dung chính của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026:

Thảo luận và thông qua:

- Báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty;
- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025; Kế hoạch hoạt động năm 2026;
- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026;
- Báo cáo phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2025;
- Báo cáo kế hoạch, quyết toán thù lao năm 2025 và phương án chi trả thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Báo cáo lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2026 của Công ty;
- Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030 của Công ty;
- Kế hoạch đầu tư phát triển của Công ty năm 2026;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi và bổ sung;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi và bổ sung;
- Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp không tham dự Đại hội, Quý cổ đông có thể ủy quyền cho người khác hoặc một trong các thành viên Hội đồng quản trị (hoặc không tham dự và không ủy quyền cho ai) theo mẫu giấy ủy quyền (gửi kèm thông báo này) và gửi về Phòng Tổ chức Hành chính Công ty.

Khi tham dự Đại hội, Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo: Thông báo này, CMND/CCCD/Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền).

Trước khi vào Hội trường tham dự Đại hội, Quý cổ đông (hoặc người được ủy quyền) phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại bàn đăng ký đại biểu của Ban tổ chức và nhận các tài liệu liên quan khác.

Tài liệu Đại hội được đăng tải trên website của Công ty: www.capnuochaiphong.com.vn, mục: Dành cho cổ đông/ Đại hội cổ đông thường niên. Các cổ đông có thể truy cập vào website của Công ty và tải tài liệu Đại hội.

Các cổ đông tự chi trả các chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí cá nhân khác khi đến tham dự Đại hội.

Thông báo mời họp được gửi tới các cổ đông và thông báo trên website của Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Kính gửi;
- Lưu Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Việt Cường



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

DỰ THẢO

CHƯƠNG TRÌNH

Thời gian: Từ 07h30 Thứ Tư, ngày 22/4/2026.

Địa điểm: Hội trường tầng 6 – Công ty CP Cấp nước Hải Phòng; Số 54 Đinh Tiên
Hoàng, Hồng Bàng, Hải Phòng

TT	NỘI DUNG
1	Đón tiếp đại biểu và đăng ký cổ đông.
2	<ul style="list-style-type: none">- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.- Chủ tịch HĐQT phát biểu khai mạc Đại hội.- Bầu Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu.
3	<p>Thông qua chương trình.</p> <p>Thông qua quy chế làm việc của Đại hội.</p>
4	Báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2026 của Công ty.
5	Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.
6	Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT năm 2025; Kế hoạch hoạt động năm 2026.
7	Báo cáo về Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030 của Công ty.
8	Báo cáo của BKS về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.
9	Báo cáo phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2025.
10	Báo cáo kế hoạch, quyết toán thù lao năm 2025 và phương án chi trả thù lao năm 2026 của HĐQT, BKS.
11	Báo cáo lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2026.
12	Trình bày dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi và bổ sung lần thứ 4.
13	Trình bày dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
14	Trình bày ý kiến của UBND TP về việc cho ý kiến để người đại diện vốn nhà nước biểu quyết các nội dung tại Đại hội
15	Chủ tọa điều hành Đại hội thảo luận và xin ý kiến của cổ đông về các nội dung được trình bày tại Đại hội.
16	Trình bày tờ trình của HĐQT thông qua các nội dung cần biểu quyết.
17	Biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo.

TT	NỘI DUNG
18	Thông qua Biên bản kiểm phiếu.
19	Thông qua Nghị quyết Đại hội.
20	Thông qua Biên bản Đại hội.
21	Bế mạc Đại hội.



Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2026

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

Tên cổ đông:

Số ĐKSH:; Ngày cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax: Email:

Hiện đang sở hữu cổ phần của Công ty CP Cấp nước Hải Phòng.

Số cổ phần bằng chữ:

Ủy quyền cho:

Ông/Bà (*):

Số CCCD/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Thay mặt tôi để tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của tôi tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 với toàn bộ số cổ phần tôi sở hữu, số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu cổ đông là pháp nhân)

Ghi chú: Trường hợp không tham dự và không ủy quyền tham dự Đại hội cho người khác, đề nghị ghi rõ vào mục (*): "Tôi không tham dự đại hội và không ủy quyền cho người khác dự thay".



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

THẺ BIỂU QUYẾT

Họ và tên: ...; Số ĐKSH: ...

TỔNG SỐ CỔ PHẦN BIỂU QUYẾT: ... Cổ phần.
(Bằng chữ: ... cổ phần).

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu:	... Cổ phần.
- Số cổ phần Đại diện sở hữu: (Đại diện vốn, nhận ủy quyền tham dự Đại hội)	Cổ phần.

Ghi chú: Quý Cổ đông sử dụng thẻ biểu quyết này để biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội.

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **CĐ-ĐH/CĐ-2026**

Hải Phòng, ngày 22 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 67/BB-HĐQT ngày 12/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng xây dựng Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (gọi tắt là “Đại hội”) của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty theo danh sách chốt của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ngày 23/3/2026.

2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội:

a) Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu liên quan (tài liệu được đăng trên website công ty và công bố thông tin theo quy định;

b) Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;

c) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

d) Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, các tài liệu liên quan khác và đăng ký xác nhận tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

b) Ăn mặc lịch sự, khi đến dự phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông trước khi vào Hội trường dự Đại hội.

c) Không hút thuốc lá trong hội trường, điện thoại để chế độ rung hoặc tắt.

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội.

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Đoàn Chủ tịch Đại hội.

f) Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

g) Tuân thủ quyền điều hành của Đoàn Chủ tịch Đại hội.

h) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

3.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị ("HDQT") Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội xuất trình chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Thư mời, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp các tài liệu họp liên quan khác;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;
- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội hoặc khi công bố kết quả biểu quyết từng nội dung, nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

3.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

4.1. Ban kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và các thành viên do Đoàn Chủ tịch đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

4.2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn thể lệ biểu quyết, bầu cử và tiến hành kiểm phiếu cho từng vấn đề biểu quyết.

4.3. Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

4.4. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

4.5. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

4.6. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập và bàn giao lại biên bản kiểm phiếu cho HĐQT Công ty ngay sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch và Thư ký Đại hội

5.1. Đoàn Chủ tịch Đại hội gồm ba (03) thành viên, do Đại hội giới thiệu và biểu quyết thông qua.

5.2. Quyết định của Đoàn Chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

5.3. Đoàn Chủ tịch tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

5.4. Đoàn Chủ tịch có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

5.5. Đoàn Chủ tịch có quyền cất ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

100171
CÔNG TY
CỔ PHẦN
P. NƯỚC
I. PHON
NG. T. R. V.

5.6. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Đoàn Chủ tịch, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

5.7. Đoàn Chủ tịch được chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn Chủ tịch.

Chương III: THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội

6.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

6.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

7.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

7.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

7.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản và Nghị quyết Đại hội được thông qua.

Điều 8. Thông qua vấn đề của Đại hội

Các vấn đề của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 9. Thẻ biểu quyết, phiếu bầu

9.1. Thẻ biểu quyết, phiếu bầu được đóng dấu của Công ty và được gửi cùng tài liệu liên quan cho các cổ đông khi đến đăng ký dự Đại hội. Thẻ biểu quyết, phiếu bầu được ghi mã số, họ tên, số cổ phần của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

9.2. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

Điều 10. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được thực hiện bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và được công bố ngay tại Đại hội. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn thể lệ cho các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền trước khi tiến hành biểu quyết.

Điều 11. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu thì nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá năm (05) phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 12. Nghị quyết Đại hội

Đoàn Chủ tịch chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua và công bố thông tin theo quy định.

Điều 13. Biên bản Đại hội

13.1. Nội dung diễn biến tổ chức Đại hội được lập thành Biên bản. Đoàn Chủ tịch Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

13.2. Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

13.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

13.4. Biên bản Đại hội phải được công bố thông tin theo quy định.

Điều 14. Hiệu lực thi hành của Quy chế

14.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười bốn (14) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;

14.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Nơi nhận

- HĐQT, BĐH, BKS
- Cổ đông của Công ty;
- Lưu: BTK.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOạ ĐẠI HỘI

CHỦ TỊCH HĐQT
Trần Việt Cường



Hải Phòng, ngày 22 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch
hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty**

Năm 2025, trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới còn nhiều biến động, Hải Phòng tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao, đạt nhiều kết quả tích cực trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và người dân, thành phố không chỉ giữ vững vai trò động lực tăng trưởng của vùng đồng bằng sông Hồng mà còn khẳng định vị thế là một trong những cực tăng trưởng quan trọng của cả nước. Cùng với sự phát triển của thành phố nói chung theo đó là sự mở rộng và hoàn thiện mạnh của hạ tầng kỹ thuật, giữ vững truyền thống là một trong những đơn vị sản xuất và cung cấp nước sạch hàng đầu của miền Bắc và cả nước, với nỗ lực cao của toàn thể CBCNV Công ty cùng với phát huy kinh nghiệm, hiệu quả công tác quản trị, linh hoạt trong điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Điều hành (BDH); năm 2025 Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng (Công ty) tiếp tục duy trì ổn định sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo chất lượng nước, hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch công tác năm góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau:

I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên, các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong năm 2025, Ban Điều hành công ty đã thực hiện chức năng quản lý điều hành mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Ban điều hành đã giao nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên theo từng lĩnh vực để chỉ đạo, giám sát và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của các phòng ban chi nhánh. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)/(4)
1	Nước sản xuất	triệu m ³	95,6	98,7	103,2%
2	Nước tiêu thụ	triệu m ³	89,3	89,3	100,1%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)/(4)
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	tỷ đồng	1.309,3	1.313,9	100,4%
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	125,7	176,8	140,7%
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	102,5	143,4	139,9%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (*)	%		16,0%	
7	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ (dự kiến)	%	≥ 9,0%	15,0%	

(*) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) được tính bằng tỷ lệ giữa lợi nhuận sau thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân trong năm của Công ty.

Một số điểm quan trọng và nổi bật trong hoạt động của công ty theo các lĩnh vực như sau:

1. Lĩnh vực nguồn nước - sản xuất - chất lượng nước

- Sản xuất nước ổn định, đảm bảo cấp nước đầy đủ cho nhu cầu của khách hàng. Nước sản xuất đạt 98,7 triệu m³; đạt 103,2% so với kế hoạch, tăng 4,6% so với cùng kỳ 2024.

- Quy trình, áp lực vận hành mạng lưới cấp nước được cải tiến với mục tiêu cung cấp nước với áp lực tại điểm đầu khách hàng lớn hơn 2,0 bar (20m cột nước). Đến nay trên 90% các khu vực đã có áp lực lớn hơn 2,0 bar; các khu vực còn lại đa số lớn hơn 1,5 bar; một số khu vực trung tâm có áp lực vượt yêu cầu (3,0 bar).

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị được thực hiện thường xuyên theo kế hoạch, đảm bảo hoạt động an toàn không để xảy ra sự cố. Thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm tra, kiểm định an toàn đảm bảo tốt công tác PCCN và ATVSLĐ, không để xảy ra tai nạn trong lao động.

- Năm 2025, 100% mẫu nước cấp của công ty đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hải Phòng QCDP 02:2023/TPHP và Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2024 của Bộ Y tế: Độ đục nước sau xử lý trung bình đạt 0,14 NTU (quy chuẩn là ≤2 NTU); Clo dư trung bình đạt 0,84 mg/l; Tất cả các mẫu thử không có vi khuẩn Coliform. Chất lượng nước cấp được kiểm tra, giám sát bởi: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hải Phòng (CDC), Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường - Bộ Y tế và Phòng Kiểm tra chất lượng Công ty - VILAS 449 (Phòng thí nghiệm được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017).

- Công ty thực hiện chế độ giám sát, báo cáo chất lượng nước cấp theo quy định Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 14/12/2018. Kết quả chất lượng nước được định kỳ báo cáo các cơ quan chức năng của thành phố

và công bố trên trang thông tin điện tử (website) công ty. Công ty luôn được đánh giá thực hiện tốt các quy định hiện hành và tất cả các mẫu nước do đoàn kiểm tra lấy mẫu đều đạt yêu cầu theo quy định.

- Nhờ việc kiểm soát tốt nước đầu nguồn và ảnh hưởng thời tiết không quá nặng nề, năm 2025 các thông số ô nhiễm nước thô giảm hơn so với cùng kỳ năm 2024. Tuy nhiên nguồn nước thô các nhà máy do rong, tảo và các thực vật thủy sinh phát triển nên hàm lượng Ôxy hoà tan (DO), pH tăng cao, tăng nguy cơ gây mùi. Thông số Nitrit, nhu cầu ôxy sinh hoá - BOD5 trung bình năm 2025 cao hơn so với năm 2024. Vào mùa mưa, chất lượng nước thô biến động lớn, mức độ ô nhiễm tăng cao, các thông số Pecmaganat, BOD, COD, Amoni, Mangan, Nitrit, Oxy hoà tan (DO), vi khuẩn (Coliform, Coliform chịu nhiệt)... tăng cao vượt ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08:2023/BTNMT nhiều lần. Với điều kiện chất lượng nước thô suy giảm như vậy, để đảm bảo nước sau xử lý vẫn đáp ứng các chỉ tiêu theo Quy chuẩn quốc gia và địa phương, Công ty đã làm chủ và tiếp tục mở rộng ứng dụng công nghệ bể lọc tiếp xúc sinh học – UBCF của Nhật Bản để xử lý ô nhiễm hữu cơ trong nước thô. Bên cạnh đó, công ty cũng thực hiện hàng loạt các cải tiến trong dây chuyền sản xuất như: châm PAC hai bậc; châm Clo nhiều điểm; phối hợp châm Polime và PAC; châm thuốc tím sau lắng; phân tách, điều chỉnh hút bùn sau lắng và nước rửa lọc để tái sử dụng... hạn chế tối đa hóa chất xử lý, tối ưu hiệu quả, nâng cao công suất xử lý của các dây chuyền công nghệ các nhà máy nước. Nhờ thực hiện giải pháp kỹ thuật đồng bộ, năm 2025 lượng tiêu hao hóa chất đã giảm đáng kể so với năm 2024: PAC bột bằng 71,1%; Clo bằng 91,6%; Thuốc tím (tính theo kg) bằng 79,1%...

- Năm 2025 Công ty tiếp tục chủ động phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng, chính quyền địa phương và các công ty khai thác công trình thủy lợi cùng chung tay bảo vệ nguồn nước thô, đảm bảo an ninh, an toàn nguồn nước với các hành động như: thau đào nguồn nước, kê gia cố các bờ kênh, sửa chữa, nâng cấp các công điều tiết...

- Tại đặc khu Cát Bà, Công ty đã và đang quản lý vận hành nhà máy nước Cái Giã có công nghệ xử lý nước mặt truyền thống, 02 cụm xử lý nước biển, 02 cụm xử lý nước lợ; đảm bảo cung cấp nước sạch cho mục tiêu dân sinh và phát triển kinh tế – xã hội trên đảo. Tuy nhiên, hiện nay nhiều dự án lớn đang được triển khai tại Cát Bà khiến nhu cầu sử dụng tiêu thụ nước sạch dự báo sẽ tăng cao, vượt khả năng cung cấp của hệ thống cấp nước tại chỗ của đảo. Vì vậy, cần thiết sớm triển

khai dự án đầu tư xây dựng hệ thống truyền tải từ đất liền ra đảo để có thể đáp ứng nhu cầu cấp nước trong thời gian tới một cách bền vững.

- Đối với đặc khu Bạch Long Vỹ, sau hơn 03 năm hệ thống cấp nước được đưa vào vận hành đã góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng đời sống của quân và dân trên đảo. Ở đảo xa đất liền, nguồn nước thô phục vụ sản xuất nước sạch nhiều thời điểm gặp khó khăn về trữ lượng cũng như chất lượng. Công ty đã triển khai nhiều biện pháp cải tiến, nâng cao hiệu suất xử lý và tuyên truyền sử dụng nước tiết kiệm... đáp ứng nhu cầu trên đảo. Tuy nhiên, để có thể cung cấp nước sạch bền vững, đáp ứng các nhu cầu bổ sung trong tương lai, cần thiết có thêm dung tích hồ trữ nước thô tại đảo. Đặc biệt, tại khu vực Việt Hải – đặc khu Cát Hải và đặc khu Bạch Long Vỹ, Công ty đã lắp đặt 100% đồng hồ đo nước thông minh, các dữ liệu tiêu thụ của khách hàng được truyền tự động về hệ thống quản lý Barman, tự động phát hành hoá đơn tới khách hàng, không cần đến nhân viên đọc số tiêu thụ. Đây là bước đầu việc ứng dụng chuyển đổi số toàn diện trong công tác kinh doanh tiêu thụ và xây dựng cấp nước thông minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh tiêu thụ và tài chính

2.1. Công tác kinh doanh tiêu thụ

- Năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai xây dựng các tuyến ống truyền dẫn, mạng lưới phân phối để phát triển khách hàng theo kế hoạch, cấp nước cho các khu công nghiệp, khu đô thị mới và nông thôn. Tổng số khách hàng phát triển năm 2025 đạt 16.431 khách hàng, đạt 145,6% so với kế hoạch. Sản lượng nước tiêu thụ năm 2025 đạt 89,3 triệu m³ tăng 5,1% so với năm 2024.

- Bên cạnh đó, việc thực hiện cải tiến nâng cao áp lực mạng lưới cấp nước đi liền với thách thức kiểm soát thất thoát. Trong năm 2025, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp mới trong lĩnh vực kiểm soát nước thất thoát như: khai thác số liệu chuyên sâu từ hệ thống Scada; triển khai mô hình đồng hồ by-pass sử dụng đồng hồ thông minh D15; cải tiến quy trình kiểm soát rò rỉ... nhờ đó tỷ lệ nước không doanh thu vẫn đảm bảo tốt hơn kế hoạch.

- Công tác sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai, đóng bình HảiPhong Water ngày càng phát triển và có sức cạnh tranh tốt. Thương hiệu nước tinh khiết “Hải Phong Water” đang ngày càng được nhân dân và các tổ chức, doanh nghiệp tin dùng. Doanh thu năm 2025 doanh thu đạt trên 11 tỷ đồng.

- Năm 2025, Công ty tiếp tục đổi mới các quy trình công việc, đẩy nhanh ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ thông tin trong công tác nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, nâng cao trải nghiệm của khách hàng.

- Tiếp tục duy trì và cải tiến phương pháp đọc đồng hồ nước bằng điện thoại thông minh kết hợp với việc đa dạng các hình thức thanh toán đã mang lại nhiều thuận lợi cho khách hàng. Đến nay, 100% khách hàng đã thanh toán tiền nước qua các hình thức điện tử, không dùng tiền mặt.

- Trung tâm chăm sóc khách hàng Call Center và fanpage Công ty Cấp nước Hải Phòng tiếp tục được duy trì vận hành hiệu quả, là những kênh cung cấp thông tin và nhận phản hồi từ khách hàng một cách thuận tiện và nhanh nhất, góp phần tư vấn và giải quyết các thắc mắc, sự cố cho khách hàng. Trong năm 2025, Công ty đã tiếp nhận và giải đáp, tư vấn cho trên 52.000 lượt khách hàng.

- Tháng 8/2025, Công ty chính thức đưa vào sử dụng và triển khai cài đặt rộng rãi ứng dụng chăm sóc khách hàng trên thiết bị di động với tên gọi “Cấp nước Hải Phòng” giúp khách hàng sử dụng các dịch vụ cấp nước trên điện thoại cá nhân một cách an toàn, tiện lợi và minh bạch, góp phần hạn chế tối đa nguy cơ bị lừa đảo trên các nền tảng số. Tính đến 31/12/2025, tỷ lệ cài đặt phần mềm CNHP đã thực hiện được 80,3%, tương đương với hơn 305.000 điểm dùng khách hàng.

- Đẩy mạnh cải tiến đổi mới các quy trình cung cấp dịch vụ như lắp đặt, di chuyển máy nước, triển khai hợp đồng điện tử; tiếp nhận yêu cầu thay đổi thông tin khách hàng và các dịch vụ liên quan qua nền tảng trực tuyến trên website, hoặc qua App khách hàng nhằm rút ngắn thời gian giải quyết yêu cầu, giảm việc đi lại của khách hàng, tiến tới đáp ứng mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ cao nhất.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý mạng lưới, hệ thống cấp nước nhằm kiểm soát tốt nước thất thoát bằng việc triển khai đồng bộ các giải pháp từ xây dựng, nâng cấp đến áp dụng công nghệ và tăng cường quản lý, tỷ lệ nước không doanh thu của Công ty năm 2025 đạt kế hoạch công tác góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tiết kiệm tài nguyên nước.

2.2. Công tác tài chính

- Trong năm 2025 sự biến động của nền kinh tế vĩ mô cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất qua đêm có đảm bảo dựa trên các giao dịch trong thị trường mua lại trái phiếu Kho bạc Mỹ-SOFR (lãi suất dùng để xác định lãi vay dự án ADB) tiếp tục duy trì ở mức cao. Tỷ giá USD/VND cũng liên tục biến động trong thời gian qua làm ảnh hưởng đến nguồn tiền trả nợ gốc và lãi vay dự án, ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Công ty do phải đánh giá lại tỷ giá hối đoái đối với khoản vay bằng ngoại tệ. Tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo, Ban điều hành Công ty trong công tác quản lý tài chính đã giúp cân đối thu chi, đảm bảo trả nợ gốc/lãi vay các dự án và trang trải các

khoản chi phí vận hành đầy đủ, kịp thời giúp duy trì sản xuất kinh doanh ổn định, có hiệu quả, quản lý tài sản và nguồn vốn theo quy định, bảo toàn và phát triển vốn.

- Thực hiện chủ trương theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ tại Công điện số 77/CD-TTg ngày 29/5/2025, năm 2025 Công ty đã xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp thúc đẩy sản xuất kinh doanh hiệu quả đối với doanh nghiệp nhà nước, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch công tác năm, đảm bảo tăng trưởng doanh thu tối thiểu 8%. Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2025 đạt 1.313,9 tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2024. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 176,8 tỷ đồng; tăng 48,6% so với cùng kỳ năm trước, đạt 140,7% so với kế hoạch công tác.

- Lập và công bố báo cáo tài chính theo quy định.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.
- Thực hiện tốt công tác quản lý và bảo toàn phát triển vốn tại Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.

3. Lĩnh vực đầu tư xây dựng

Thực hiện Kế hoạch đầu tư phát triển đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua tại Văn bản số 821/UBND-TCNS ngày 16/4/2025 và ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua tại Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ-2025 ngày 17/4/2025; nhằm đáp ứng nhu cầu và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, năm 2025 Công ty tiếp tục triển khai các dự án, quyết định chủ trương đầu tư theo kế hoạch để nâng cao công suất, nâng cao năng lực cấp nước các Nhà máy và mở rộng mạng lưới cấp nước trong vùng phục vụ; mở rộng hệ thống phân phối đối với các khu vực nông thôn, hải đảo như huyện Vĩnh Bảo, huyện Kiến Thụy, huyện Cát Hải, huyện Tiên Lãng cũ...

Bên cạnh các dự án, công trình xây dựng các tuyến ống trục cấp nước; xây dựng, nâng cấp mở rộng nhà máy, trạm bơm tăng áp; phát triển cấp nước khu vực nông thôn... đã hoàn thành và đang tiếp tục triển khai, trong năm 2025 một số dự án, công trình khác đã được phê duyệt theo kế hoạch mặc dù đã hoàn thành công tác tư vấn, chuẩn bị triển khai xây dựng và đang nghiên cứu nhưng chưa triển khai do một số nguyên nhân khách quan. Năm 2025 là giai đoạn thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về sắp xếp, sáp nhập tinh gọn đơn vị hành chính và tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính. Theo đó, công tác quy hoạch chung của thành phố cũng đang được nghiên cứu, xây dựng lại để hoàn thiện theo sự phát triển của thành phố, đặc biệt là định hướng, quy hoạch phát triển mở rộng các khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị trên toàn địa bàn thành phố. Do đó, một số dự án cấp nước

theo Kế hoạch đầu tư phát triển cần phải nghiên cứu, điều chỉnh, tính toán công nghệ, quy mô công suất để phù hợp với quy hoạch mới, đảm bảo cấp nước cho sự phát triển của thành phố.

(Chi tiết tham khảo tại Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2025; Kế hoạch hoạt động năm 2026)

4. Lĩnh vực quản lý khác

4.1. Bộ máy tổ chức, nhân lực Công ty

- Hội đồng quản trị: 05 người.
- Ban Điều hành: 05 người (gồm Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng).
- Ban Kiểm soát: 03 người (02 người là cán bộ không chuyên trách).
- Đơn vị trực thuộc: 12 đơn vị (gồm 10 phòng ban và 12 Chi nhánh).
- Tổng số CBCNV tính đến 31/12/2025 là 964 người.

Công ty luôn chú trọng tới công tác cán bộ, nhân sự. Định kỳ rà soát xem xét bổ nhiệm lại các chức danh quản lý; sắp xếp lại lao động tại các đơn vị để phát huy hiệu quả công việc; đồng thời tinh giản bộ máy. Trong năm 2025, công ty đã thực hiện tái cấu trúc sắp xếp lại các Chi nhánh, Tổ quản lý Kinh doanh nước máy từ ngày 01/10/2025 theo hướng tinh gọn, tăng cường phân công, phân cấp, tăng cường hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và phù hợp với chính sách điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính trên địa bàn thành phố. Việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức, thực hiện bố trí lại lao động phù hợp hơn trong điều kiện mới nhằm đảm bảo sự đồng bộ trong hệ thống quản lý, nâng cao năng suất lao động, tối ưu được nguồn lực con người, tài sản và cơ sở vật chất, tiết kiệm chi phí...

Phát huy kết quả từ việc đổi mới phương thức trả lương nhằm khuyến khích CBCNV phấn đấu thực hiện vượt định mức lao động thông qua nâng cao thu nhập, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty tiếp tục nghiên cứu cải tiến phương thức chi trả tiền lương nhằm nâng cao năng suất lao động; tăng cường việc chi quỹ lương theo hướng đúng người đúng việc, thúc đẩy phân cấp cho đơn vị và tham gia giám sát của CBCNV trong triển khai. Phương án cải tiến lương góp phần làm tăng chế độ phúc lợi cho người lao động; làm tăng mức thu nhập từ các khoản lương và phụ cấp theo lương từ đó tạo động lực nâng cao hiệu quả làm việc; nâng cao năng suất lao động bình quân được thể hiện qua mức tăng giá trị gia tăng của tất cả nguồn lực, phản ánh qua các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh chung của công ty.

4.2. Ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa, chuyển đổi số trong quản lý

Năm 2025 Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tự động hóa các dây chuyền sản xuất cũng như công tác chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh tiêu thụ, điều hành, quản lý của Công ty:

- Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất, quản lý, dịch vụ khách hàng. Hoàn thiện và tiếp tục hoàn thiện các ứng dụng, phần mềm trên điện thoại thông minh để quản lý công tác tiêu thụ, công tác kiểm soát cho bộ phận hiện trường và khách hàng... như triển khai bản đồ áp lực mạng lưới; xây dựng phần mềm kiểm soát đồng hồ khối, đồng hồ khu vực.

- Triển khai cài đặt phần mềm chăm sóc khách hàng (CNHP) trên thiết bị di động giúp khách hàng có thể tra cứu thông tin tiền nước nhanh chóng, chính xác; thanh toán trực tuyến tiện lợi không dùng tiền mặt; nhận các thông báo về dịch vụ cấp nước; gửi các yêu cầu dịch vụ trực tuyến và theo dõi tiến độ xử lý ngay trên ứng dụng.

- Giám sát nước thô qua hệ thống các trạm quan trắc tự động mực nước, độ dẫn điện, các máy đo chất lượng nước online, bể cá chỉ thị sinh học; dùng bèo tây kết hợp phao chắn dầu tăng cường bảo vệ cho các điểm thu nước... tiếp tục cho thấy hiệu quả, giúp phát hiện sớm ô nhiễm hoặc thay đổi đột ngột về chất lượng nước thô cũng như tăng cường thêm các lớp bảo vệ nguồn nước thô trước khi vào dây chuyền các nhà máy nước.

- Tiến hành nghiên cứu ứng dụng màng lọc nano trong công tác xử lý nước. Hoàn thiện và tiếp tục triển khai lắp đặt dây chuyền Pilot phục vụ nghiên cứu phương án sử dụng hóa chất, tối ưu hoá các dây chuyền xử lý nước tại các nhà máy.

- Triển khai nhân rộng lắp đặt đồng hồ bypass phục vụ chống thất thoát, quản lý trên các nhánh, tuyến. Tăng cường kiểm soát giảm nước không doanh thu, sử dụng module AI cảnh báo lưu lượng tối thiểu. Tăng cường khai thác dữ liệu hệ thống SCADA phục vụ công tác kiểm soát nước thất thoát và quản lý; cải tạo, tích hợp bổ sung và áp dụng rộng rãi tính năng phân tích kiểm soát lưu lượng ban đêm tại các đơn vị.

- Khai thác hiệu quả phần mềm GIS với các thông tin đầy đủ từ đường ống chuyên tài, dịch vụ... các thông tin về sửa chữa, bảo dưỡng và thông tin khách hàng; phục vụ nhanh và chính xác cho các công việc như: thiết kế hệ thống cấp nước, phát triển khách hàng, sửa chữa ống vỡ, tìm kiếm rò rỉ...

- Nghiên cứu và tự xây dựng nhiều phần mềm, ứng dụng mới giúp nâng cao hiệu quả và năng suất lao động, kiểm soát sửa chữa bảo dưỡng, kiểm soát công trình, nguồn nước... Tiếp tục triển khai xây dựng phần mềm quản lý chất lượng

nước. Triển khai sử dụng phần mềm quản lý sản xuất đối với toàn bộ các đơn vị sản xuất.

- Ngoài ra, qua phát động phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo trong CBCNV, năm 2025 Công ty đã có 31 sáng kiến, giải pháp ở các lĩnh vực kỹ thuật, quản lý và tác nghiệp được áp dụng thành công và mang lại hiệu quả cả về năng suất lao động, tiết giảm nguồn nhân lực và lợi ích kinh tế.

- Tháng 12/2025, UBND thành phố đã có quyết định công nhận sáng kiến của đồng chí Trần Việt Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty với sáng kiến “Ứng dụng giải pháp công nghệ, cải tiến trong quản lý vận hành cấp nước, nâng cao hiệu quả và chất lượng dịch vụ cấp nước cho nhân dân” là một trong 45 sáng kiến có hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng thành phố năm 2025.

- Kỹ sư trẻ Đặng Duy Khánh – Cán bộ Phòng Kỹ thuật vinh dự nhận Giải Ba với giải pháp “Nghiên cứu và chế tạo hệ đan lọc hai tầng, ứng dụng cho bể lọc nhanh trong hệ thống xử lý nước sạch” tại Lễ trao Giải thưởng Cán bộ trẻ ngành Nước Việt Nam 2025 do Hội Cấp Thoát nước Việt Nam tổ chức.

- Sáng kiến chế tạo van điều áp thông minh của các kỹ sư Phạm Đắc Nguyên phòng Kỹ thuật và Vũ Văn Đại phòng Công nghệ thông tin (nhóm tự động hóa) từ các van thông thường không chỉ tiết kiệm rất nhiều chi phí mà còn mở ra giải pháp điều hành từ xa và tự động hóa vận hành trực tiếp trên mạng lưới với các tuyến truyền tải hay hệ thống phân phối.

4.3. Công tác đào tạo

Công ty luôn quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có phẩm chất chính trị, chuyên môn, có khả năng điều hành và làm chủ thiết bị công nghệ cao, đội ngũ công nhân lành nghề và đội ngũ nhân viên kinh doanh tiêu thụ có phong cách phục vụ khách hàng tốt.

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục cải tiến việc công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho CBCNV; công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, an toàn hóa chất cho cán bộ, công nhân viên được triển khai đúng quy định. Hơn 2.000 lượt CBCNV đã tham gia các lớp tập huấn, đào tạo như: đào tạo tiếp cận ứng dụng AI toàn diện trong doanh nghiệp; tập huấn về quy trình thực hiện, triển khai thiết kế, dự toán, quản lý hoạt động thi công cho các nhân viên kỹ thuật; ứng dụng công nghệ trong Quản lý sản xuất và kinh doanh ngành nước... nhằm bổ sung kiến thức mới, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn giúp nâng cao năng suất lao động.

4.4. Hợp tác quốc tế

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục đẩy mạnh các chương trình hợp tác quốc tế đạt được nhiều kết quả quan trọng.

- Tham gia Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố, Hội Việt Nam Phần Lan thành phố Hải Phòng, Hội Việt Nam Nhật Bản thành phố Hải Phòng nhằm tăng cường, giao lưu hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học công nghệ... góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Thực hiện hợp tác hỗ trợ kỹ thuật theo Chương trình cải thiện phương pháp xử lý nước của Cục cấp thoát nước thành phố Kitakyushu mang lại hiệu quả cao trong cấp nước an toàn cho người dân thành phố Hải Phòng. Hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị Cấp nước Phú Thọ, Tiền Giang: Ngày 28/4/2025, thủ tướng chính phủ 2 nước Việt Nam – Nhật Bản đã chứng kiến trao biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Cục Cấp thoát nước thành phố Kitakyushu và Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng, Công ty Cấp nước Tiền Giang – đây là một trong những sự kiện được diễn ra tại Diễn đàn Việt Nam – Nhật Bản về hợp tác trong các ngành công nghiệp chiến lược, công nghệ cao, chuyển đổi xanh và bán dẫn được tổ chức tại trụ sở Chính phủ, có sự tham dự của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và Thủ tướng Nhật Bản Ishiba Shigeru.

- Hợp tác với Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản và Cơ quan Khoa học và Công nghệ Nhật Bản triển khai Dự án hỗ trợ kỹ thuật Satreps “Phát triển hệ thống cấp nước thích ứng với nguồn nước ô nhiễm”. Dự án này nhằm phát triển công nghệ xử lý nước tiên tiến, thích ứng với các chất ô nhiễm mới, xây dựng hệ thống quan trắc hiệu quả hướng đến cấp nước an toàn và bền vững.

- Hợp tác cùng Đại học Xây dựng, Đại học Nagasaki tiếp tục triển khai Dự án hỗ trợ kỹ thuật Satreps “Phát triển hệ thống cấp nước thích ứng với nguồn nước ô nhiễm” theo chương trình hợp tác với Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (Jica) và Cơ quan Khoa học và Công nghệ Nhật Bản. Dự án đang trong quá trình thử nghiệm mô hình tại NMN An Dương với công nghệ màng, sử dụng năng lượng thấp để xử lý ô nhiễm; bước đầu đã cho kết quả rất khả quan, mở ra hướng mới cho giải pháp xử lý nước thích ứng với biến đổi khí hậu, ô nhiễm gia tăng với chi phí thấp.

- Duy trì quan hệ hợp tác quốc tế, chia sẻ những kinh nghiệm, giải pháp hiệu quả trong quản lý, sản xuất, đảm bảo cấp nước an toàn thông qua Hội Cấp thoát nước Việt Nam tại các hội thảo trực tiếp/trực tuyến. Đặc biệt, Công ty là thành viên tích cực của Hội Cấp Thoát nước Việt Nam, tham gia các diễn đàn chuyên ngành “Tuần lễ ngành nước Việt Nam (Viet Nam Water Week 2025)” với sự góp mặt của các nhà quản lý, doanh nghiệp, chuyên gia trong và ngoài nước.

5. Công tác Đoàn thể chính trị, xã hội:

Trong năm 2025, Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên đã tổ chức thành công đại hội đại biểu, giúp kiện toàn bộ máy, nhất quán trong các thực hiện nhiệm vụ chính trị, sản xuất kinh doanh.

5.1. Công tác Đảng

Đảng bộ Công ty luôn quan tâm, chú trọng lãnh đạo công tác xây dựng các tổ chức đoàn thể. Mỗi quan hệ giữa Đảng ủy, Chính quyền và các đoàn thể được củng cố chặt chẽ thông qua việc xây dựng và thực hiện Quy chế phối hợp hoạt động đồng bộ. Nhờ sự cơ chế phối hợp đó, các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội Cựu chiến binh đã phát huy tối đa vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao, tích cực tham mưu và hỗ trợ Đảng ủy, Ban Lãnh đạo Công ty trong việc tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến toàn thể cán bộ, đảng viên và người lao động, góp phần đảm bảo việc thực thi nghiêm túc.

Năm 2025 Đảng bộ Công ty đã kết nạp được 10 quần chúng ưu tú vào Đảng, chuyển đảng chính thức cho 10 đồng chí. Đảng bộ Công ty gồm có 23 Chi bộ, 01 Đảng bộ bộ phận. Tổng số lượng Đảng viên hiện có 389 đảng viên trong đó 379 đảng viên chính thức, 10 đảng viên dự bị. Đảng bộ Công ty thường xuyên quán triệt các Nghị quyết của Đảng đến mọi cán bộ đảng viên, xây dựng chương trình hành động cụ thể thiết thực để tổ chức, lãnh đạo thực hiện, đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, những chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo từng năm được mọi đảng viên các chi bộ tham gia hưởng ứng tích cực, góp phần vào sự thành công của đợt vận động.

Đảng ủy Công ty đã đạt danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách HCM trong xây dựng văn hoá doanh nghiệp thời kỳ hội nhập”; cá nhân đ/c Phó Bí thư – Tổng giám đốc Công ty đạt danh hiệu “Doanh nhân văn hoá tiêu biểu thời kỳ hội nhập”.

5.2. Công tác Công đoàn

Là tổ chức đại diện bảo vệ quyền lợi người lao động, Công đoàn Công ty luôn làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động CBCNV tích cực học tập nâng cao trình độ; tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời những đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, thắt chặt tình tương thân tương ái trong tập thể người lao động; thường xuyên tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, thể thao ... tạo sân chơi bổ ích cho CBCNV tham gia như: tiếp xúc, giao lưu các ngày lễ, vui hè; tổ chức các giải thi đấu thể thao như bóng đá, cầu lông, bóng bàn; tổ chức tặng quà là những nhu yếu phẩm cho tất cả CBCNV như một lời chúc cả năm đủ đầy.



Với những hoạt động chăm lo đời sống cho CBCNV, Công đoàn Công ty đã nhận được Cờ thi đua Liên đoàn Lao động thành phố năm 2025; và vinh dự là một trong 6 tập thể thuộc Công đoàn thành phố Hải Phòng được biểu dương là điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước công nhân, viên chức toàn quốc giai đoạn 2020 – 2025 tại Đại hội Thi đua yêu nước công nhân, viên chức, lao động toàn quốc lần thứ XI (2025–2030) được tổ chức vào ngày 26/10/2025.

5.3. Công tác Đoàn thanh niên

Đoàn thanh niên Công ty luôn thể hiện được vai trò xung kích đi đầu; gắn liền hoạt động của Đoàn Thanh niên với hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy tối đa sức trẻ trong việc ứng dụng và triển khai các giải pháp, sáng kiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các hoạt động tình nguyện như: tham gia hiến máu, hưởng ứng chiến dịch thanh niên tình nguyện hè, tham gia hướng dẫn, tuyên truyền cho các em học sinh trong chương trình nâng cao ý thức cộng đồng trong bảo vệ môi trường và nguồn nước...cũng như các hoạt động giao lưu văn hoá, thể thao, giải chạy vì thành phố Hải Phòng xanh, văn minh, thân thiện....

Bên cạnh đó, các hoạt động tuyên truyền, an sinh xã hội, tình nguyện đã trở thành những hoạt động thường niên, năm 2025 Đoàn thanh niên Công ty phối hợp với Sở Giáo dục Đào tạo và các trường học trên địa bàn thành phố tổ chức hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan, tìm hiểu quy trình, công trình sản xuất nước. Các nhà máy nước An Dương, Hưng Đạo đã đón gần 1.800 lượt học sinh tới tham quan, trải nghiệm đến từ các trường THPT Trần Nguyên Hãn, Mạc Đĩnh Chi, Quang Trung, Lạc Viên...

Với các kết quả nỗ lực đó, tập thể Đoàn Thanh niên Công ty đã xuất sắc nhận Bằng khen của BCH DTN thành phố Hải Phòng đã có thành tích trong hoạt động Tháng Thanh niên năm 2025.

5.4. Hội Cựu chiến binh

Phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, Hội CCB Công ty luôn hoàn thành các nhiệm vụ được giao; giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, động viên các thế hệ đoàn kết, tích cực trong lao động sản xuất, giúp nhau nâng cao đời sống. Năm 2025, Hội CCB Công ty đã tổ chức tri ân CBCNV là thương binh, thân nhân liệt sỹ, cựu quân nhân vào các ngày lễ như Ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7, ngày Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12. Hội CCB Công ty được Bằng khen của Hội CCB Thành phố vì đã có thành tích xuất sắc trong Phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu” năm 2025.

5.5. Công tác đời sống - xã hội

- Bên cạnh việc tập trung vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của CBCNV. Công tác chăm lo

sức khỏe cho CBCNV cũng được Công ty quan tâm: tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV hàng năm... Chế độ chi trả lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên (bao gồm người quản lý Công ty) được Công ty thực hiện theo quyết định của UBND thành phố về việc phê duyệt phương án Quỹ tiền lương của doanh nghiệp. Công ty luôn đảm bảo đủ việc làm cho người lao động giúp họ có thu nhập ổn định, từng bước cải cách hình thức trả lương cho CBCNV sát hơn với hiệu quả công việc, tạo sự công bằng, khuyến khích người lao động hăng say trong công việc.

- Đồng hành cùng với thành phố trong trách nhiệm cộng đồng, Công ty đã tham gia ủng hộ các chương trình phát động cũng như các quỹ ủng hộ người nghèo, thiên tai lũ lụt, các tổ chức đoàn thể, đặc biệt trong đợt ảnh hưởng của cơn bão số 3 và ủng hộ miền Trung – Tây Nguyên... với tổng số tiền trên 500 triệu đồng...

6. Lĩnh vực khác

- Cập nhật, điều chỉnh bổ sung các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với Điều lệ và các quy định hiện hành cũng như tình hình thực tiễn của Công ty.

- Phối hợp người đại diện vốn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty CP kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng (Công ty số 2). Trong các năm qua, Công ty số 2 luôn hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, phần vốn góp của Công ty được bảo toàn và phát triển.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 2025, Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng quyết tâm cao, hoàn thành kế hoạch năm 2026 với thành tích tốt nhất, tạo tiền đề cho Công ty phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của nhân dân và sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU SXKD CHÍNH KẾ HOẠCH NĂM 2026

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026
1	Nước sản xuất	triệu m ³	100,7
2	Nước tiêu thụ	triệu m ³	90,9
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	1.323,5
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	187,8
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	152,2
6	Tỷ lệ trả cổ tức/vốn điều lệ	%	≥12,0%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	16,9%

1. Lĩnh vực sản xuất nước – chất lượng nước

- Nước sản xuất dự kiến: 100,7 triệu m³, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của khách hàng tại các vùng phục vụ. Dự kiến nước tiêu thụ là 90,9 triệu m³ nước.
- Tăng cường công tác bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước. Đẩy mạnh công tác đảm bảo an toàn nguồn nước, khắc phục ô nhiễm nguồn nước thô.
- Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, chất lượng nước đảm bảo theo quy chuẩn kỹ thuật địa phương QCDP 02:2023/TPHP và Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2024 của Bộ Y tế. Áp lực nước cuối nguồn ở các tuyến ống chính ≥ 20 m cột nước ($\geq 2,0$ bar), phần đầu áp lực tại đồng hồ khách hàng ≥ 20 m cột nước ($\geq 2,0$ bar).
- Tiếp tục giữ vững sản xuất ổn định, đảm bảo cấp nước cho các nhu cầu, đặc biệt là phát triển công nghiệp của thành phố và các khu vực nông thôn còn khó khăn về cấp nước. Tiếp tục tìm tòi các giải pháp, công nghệ mới để ứng phó với những biến động về chất lượng nước nguồn đang có diễn biến ngày một phức tạp.

2. Lĩnh vực kinh doanh tiêu thụ và tài chính

- Dự kiến năm 2026 phát triển khoảng 10.223 khách hàng, nâng tổng số khách hàng dùng nước đạt 390.535 khách hàng.
- Tổng doanh thu và thu nhập khác phần đầu đạt 1.323,5 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế phần đầu đạt 187,8 tỷ đồng.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2026 dự kiến đạt 16,9% tăng 0,9% so với năm 2025.
- Nâng cao chất lượng phục vụ. Thủ tục lắp đặt, sửa chữa, di chuyển máy nước được thực hiện nhanh chóng, đúng quy trình. Các khiếu nại của khách hàng được giải quyết hợp lý, kịp thời, đúng quy định.
- Trả nợ gốc và lãi vay đầy đủ đúng hạn. Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, đảm bảo tỷ suất đầu tư hợp lý. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, bảo đảm thu nhập của người lao động và nộp ngân sách đầy đủ.
- Quản lý hiệu quả bảo toàn và phát triển vốn đầu tư tại Công ty CP kinh doanh nước sạch số 2.
- Phối hợp với các cấp, ngành trong việc giải phóng mặt bằng phục vụ công tác chỉnh trang đô thị và các dự án phát triển của Thành phố.

3. Lĩnh vực đầu tư xây dựng

Hiện nay thành phố đang phát triển vượt bậc, các khu đô thị, các khu kinh tế, công nghiệp không ngừng mở rộng và đầu tư trên toàn địa bàn thành phố. Các chương trình chính sách phát triển kinh tế, xã hội, thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, đô thị hoá, xây dựng nông thôn mới đang được thành phố triển khai tập trung và đẩy nhanh tốc độ. Để kịp thời đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho

nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của thành phố thì cần thiết phải tiếp tục đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, nâng công suất, bổ sung các nhà máy nước, trạm bơm tăng áp, lắp đặt các tuyến ống cấp nước truyền tải, liên thông đảm bảo cấp nước an toàn, ổn định với chất lượng dịch vụ tốt nhất.

Căn cứ theo các văn bản chỉ đạo của Thành phố và các văn bản liên quan; Căn cứ theo nhu cầu cấp nước thực tế, yêu cầu cấp nước cho sự phát triển kinh tế xã hội, công nghiệp, dịch vụ và cơ sở pháp lý về quy hoạch, chuyển giao vùng cấp nước tại các khu vực nông thôn, Công ty đã nghiên cứu phương án, lập kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026 đảm bảo cấp nước an toàn ổn định, kịp thời cho nhu cầu của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của thành phố, phù hợp theo quy hoạch cấp nước thành phố. Tổng mức đầu tư của từng dự án trong kế hoạch đầu tư đều <631,3 tỷ đồng (tương đương <35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán. Tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2025 là 1.975,1 tỷ đồng). Quy mô các dự án cụ thể căn cứ theo nhu cầu cấp nước của từng khu vực, khách hàng nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch đầy đủ, chất lượng đảm bảo theo quy định trong giai đoạn hiện tại và tính đến nhu cầu phát triển tương lai. Các dự án thành phần khi triển khai sẽ được thực hiện đúng quy định, đầy đủ cơ sở pháp lý và theo đúng chỉ đạo của UBND thành phố.

(Chi tiết tham khảo tại Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026)

4. Lĩnh vực quản lý khác

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tiếp tục đẩy nhanh các công việc tự động hóa, điều khiển tự động ở mức cao các trạm bơm theo hướng các kỹ sư công ty tự đảm nhiệm thiết kế, lập trình điều khiển và thi công.

- Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới mô hình quản trị (công tác Đảng, đoàn thể...). Tiếp tục thực hiện tinh giảm bộ máy, cơ cấu tổ chức, nhân sự. Thực hiện sử dụng lao động, chế độ tuyển dụng, đào tạo theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty. Tiếp tục cải cách hình thức trả lương cho CBCNV.

- Phối hợp với các bên liên quan, các công ty khai thác thủy lợi tăng cường công tác bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước. Đẩy mạnh công tác đảm bảo an toàn nguồn nước, khắc phục ô nhiễm nguồn nước thô.

- Tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ: Duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ trong công tác lắp đặt, di chuyển, nâng hạ, thay đổi cỡ đồng hồ; duy trì, hoàn thiện và phát triển dịch vụ lắp đặt, sửa chữa nhanh sau đồng hồ cho khách hàng theo thỏa thuận. Quyết tâm, đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong công tác ghi thu chi số đồng hồ đo nước các khách hàng: chuyển đổi, nâng cấp đồng hồ đo

nước thông minh cho khách hàng. Tiếp nhận và giải quyết các dịch vụ cấp nước trực tuyến qua Website công ty, Trung tâm Callcenter, App Cấp nước Hải Phòng.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Thực hiện các dự án đầu tư theo đúng kế hoạch đã đề ra: các dự án mở rộng vùng phục vụ. Các dự án lắp đặt các tuyến ống chuyên tải kết hợp lắp đặt các trụ nước chữa cháy, các dự án khác theo yêu cầu của thành phố. Phối hợp với các cấp, các ngành thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án của thành phố.

- Công tác quản lý kế hoạch, tổ chức, tài chính đạt hiệu quả cao, đảm bảo trả đủ gốc và lãi vay đúng hạn. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bằng hoặc cao hơn năm 2025. Doanh thu, chi phí của các khu vực được cập nhật và kiểm soát hàng ngày.

- Đảm bảo điều kiện công ăn việc làm, ổn định thu nhập, nâng cao đời sống CBCNV Công ty. Sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty để khen thưởng, động viên khích lệ người lao động hăng say trong công việc.

- Duy trì và phát triển quan hệ hợp tác quốc tế.

- Tăng cường công tác bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước.

- Tổ chức các chương trình học tập, tham quan nghiên cứu, tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCNV.

- Tích cực tham gia các công tác xã hội. Tạo điều kiện tốt nhất cho các đoàn thể quần chúng hoạt động.

III. Nhận xét, đánh giá

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh kinh tế còn nhiều biến động, cùng với những thách thức từ diễn biến phức tạp của chất lượng nguồn nước và yêu cầu ngày càng cao đối với dịch vụ cấp nước. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự điều hành linh hoạt của Ban Điều hành và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp quản trị, kỹ thuật và kinh doanh, qua đó duy trì ổn định hoạt động sản xuất, đảm bảo cấp nước an toàn và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu trong năm 2025 cơ bản đạt và vượt kế hoạch, đặc biệt là các chỉ tiêu về phát triển khách hàng, doanh thu và lợi nhuận. Công tác quản lý vận hành hệ thống cấp nước tiếp tục được cải tiến, các giải pháp kỹ thuật và ứng dụng công nghệ mới trong xử lý nước, kiểm soát thất thoát và quản lý mạng lưới đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết giảm chi phí và đảm bảo chất lượng nước cấp theo quy chuẩn. Đồng thời, Công ty tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, cải tiến dịch vụ khách hàng, mở rộng mạng lưới cấp nước nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhân dân và sự phát triển kinh tế – xã hội của thành phố.

Nhìn chung, năm 2025 Công ty đã giữ vững sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản trị và từng bước hiện đại hóa hệ thống cấp nước, tạo nền tảng thuận lợi để tiếp tục triển khai các mục tiêu phát triển trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng, báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- HĐQT, BODH, BTC ĐHĐCĐ;
- BKS, CTCĐ;
- Lưu: BTK, VT, TCHC.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Dương



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		742.686.933.195	597.265.362.259
110	I. Tiền và tương đương tiền		16.306.847.714	7.825.224.346
111	1. Tiền	3	16.306.847.714	7.825.224.346
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		632.800.000.000	487.800.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	632.800.000.000	487.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.636.883.292	25.100.819.945
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.220.905.796	9.537.424.620
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.039.816.936	6.683.562.056
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	12.901.044.853	9.589.470.674
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(524.884.293)	(709.637.405)
140	IV. Hàng tồn kho		72.348.908.054	57.285.967.708
141	1. Hàng tồn kho	7	72.348.908.054	57.285.967.708
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.594.294.135	19.253.350.260
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	365.767.001	359.480.500
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.010.898.235	18.709.009.970
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	217.628.899	184.859.790
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.232.377.584.082	1.364.156.369.796
220	I. Tài sản cố định		1.157.781.066.250	1.289.663.768.926
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.156.472.640.384	1.288.128.866.170
222	- Nguyên giá		3.628.743.322.366	3.557.258.593.751
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.472.270.681.982)	(2.269.129.727.581)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.308.425.866	1.534.902.756
228	- Nguyên giá		13.184.436.573	12.729.936.573
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.876.010.707)	(11.195.033.817)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		47.049.393.152	45.348.064.517
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	47.049.393.152	45.348.064.517
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		22.638.000.000	22.638.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	4	21.938.000.000	21.938.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	700.000.000	700.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		4.909.124.680	6.506.536.353
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	4.909.124.680	6.506.536.353
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.975.064.517.277	1.961.421.732.055

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		929.809.909.570	967.640.565.579
310	I. Nợ ngắn hạn		184.247.438.711	179.804.478.904
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	7.888.400.381	12.128.202.348
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.450.399.832	1.121.374.459
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	15.997.674.851	9.772.896.103
314	4. Phải trả người lao động		62.771.255.206	49.406.244.524
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	3.433.035.922	4.205.921.245
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	11.815.248.233	11.170.502.643
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	67.742.388.100	78.414.701.220
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	13.149.036.206	13.584.636.362
330	II. Nợ dài hạn		745.562.470.859	787.836.086.675
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	745.562.470.859	787.836.086.675
400	D. NGUỒN VỐN		1.045.254.607.707	993.781.166.476
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.045.254.607.707	993.781.166.476
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		742.069.400.000	742.069.400.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		742.069.400.000	742.069.400.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		157.997.290.854	153.161.317.242
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		145.187.916.853	98.550.449.234
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.830.976.986	1.445.806.653
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		143.356.939.867	97.104.642.581
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			1.975.064.517.277	1.961.421.732.055



Trần Việt Cường
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Đăng Ninh
Kế toán trưởng

Lã Thị Thu Huyền
Người lập

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.255.806.475.532	1.166.568.582.156
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.255.806.475.532	1.166.568.582.156
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	21	791.630.761.826	745.593.854.873
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		464.175.713.706	420.974.727.283
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	37.515.473.707	31.090.254.857
22	7. Chi phí tài chính	23	74.448.037.441	96.596.429.791
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		47.168.823.449	57.466.701.350
25	8. Chi phí bán hàng	24	154.674.938.754	140.072.503.703
28	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	103.499.218.250	97.730.402.539
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		169.068.992.968	117.665.646.107
31	11. Thu nhập khác	26	20.604.827.651	16.239.267.186
32	12. Chi phí khác	27	12.917.925.475	14.871.496.913
40	13. Lợi nhuận khác		7.686.902.176	1.367.770.273
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		176.755.895.144	119.033.416.380
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	33.398.955.277	21.928.773.799
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>143.356.939.867</u>	<u>97.104.642.581</u>



Trần Việt Cường
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Đăng Ninh
Kế toán trưởng

Lã Thị Thu Huyền
Người lập

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT
năm 2025; Kế hoạch hoạt động năm 2026

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15; Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ-2025 ngày 17/4/2025 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty;

Căn cứ theo Quyết định số 21/QĐ-HĐQT ngày 17/4/2025 của HĐQT về việc phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT Công ty;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025;

Căn cứ kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 67/BB-HĐQT ngày 12/3/2026 của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng (Công ty) về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 thông qua.

HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 gồm 05 thành viên được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 bầu ra theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ-2025, bao gồm:

- | | |
|------------------------|---------------------|
| 1. Ông Trần Việt Cường | – Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Trần Văn Dương | – Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Cao Văn Quý | – Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Trịnh Anh Tuấn | – Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Đặng Hữu Dũng | – Thành viên HĐQT |

Xin được báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2026 về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2025; Kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. Kết quả hoạt động năm 2025

1. Đánh giá chung về tình hình hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị (HĐQT) công ty năm 2025

Năm 2025 là thời điểm cả nước triển khai cuộc cách mạng cải cách hành chính, sắp xếp lại bộ máy chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp. Thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương hoàn thành việc hợp nhất thành đơn vị hành chính mới không chỉ mở rộng không gian phát triển mà còn tối ưu hóa nguồn lực, cộng hưởng các tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, tạo thành một cực tăng trưởng trọng điểm, dẫn dắt và thúc đẩy sự phát triển của vùng và cả nước.

Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của Hải Phòng mở ra nhiều cơ hội, thuận lợi nhưng cũng đầy khó khăn, thách thức, đòi hỏi duy trì tăng trưởng cao và bộ máy hành chính ổn định, thông suốt. Nhờ nỗ lực của hệ thống chính trị, nhân dân và doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội đạt nhiều kết quả tích cực. Tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố (GRDP) năm 2025 tăng 11,81% so với năm 2024, đứng thứ nhất trong 06 thành phố trực thuộc trung ương, đứng thứ 2 cả nước và thứ 2 vùng Đồng bằng sông Hồng. Hải Phòng tiếp tục khẳng định vị thế động lực tăng trưởng của vùng và cả nước, với tăng trưởng cao, thu ngân sách vượt kế hoạch, sản xuất - dịch vụ cùng thu hút đầu tư ổn định và thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội.

Cùng với sự phát triển của Thành phố, Công ty Cấp nước Hải Phòng với nhiệm vụ chính là SXKD nước sạch phục vụ cho các nhu cầu trên địa bàn Thành phố, đã giữ vững ổn định sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo chất lượng nước, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh để tự động hóa và cải tiến, nâng cao năng suất lao động, đầu tư phát triển mở rộng hệ thống cấp nước phù hợp với nhu cầu phát triển của thành phố và các chương trình xây dựng nông thôn mới, đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, hoàn thành kế hoạch đề ra, góp phần tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Trong năm 2025 HĐQT đã thực hiện chức năng quản trị, giám sát và định hướng các hoạt động của Công ty. HĐQT đã giao nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên theo từng lĩnh vực để chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Ban Điều hành (BDH), chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD)

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, trong năm qua HĐQT đã chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng do ĐHĐCĐ giao. Cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)/(4)
1	Nước sản xuất	Triệu m ³	95,6	98,7	103,2%
2	Nước tiêu thụ	Triệu m ³	89,3	89,3	100,1%
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	1.309,3	1.313,9	100,4%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	125,7	176,8	140,7%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	102,5	143,4	139,9%
6	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ (dự kiến)	%	≥9,0%	15,0%	

Trong năm 2025 Công ty gặp phải một số khó khăn sau:

- Chất lượng nước thô các nguồn năm 2025 tốt hơn so với năm 2024 nhờ việc kiểm soát tốt nước đầu nguồn. Việc kiểm soát tốt kết hợp thực hiện các giải pháp kỹ thuật hiệu quả tại các nhà máy đã giúp giảm tiêu hao hoá chất so với năm 2024. Định mức hóa chất sử dụng tại các NMN (tính theo g/m³) bình quân toàn Công ty trong năm 2025 so với năm 2024: PAC bột bằng 71,1%; Clo bằng 91,6%; Thuốc tím (tính theo kg) bằng 79,1%... Tuy nhiên việc biến đổi khí hậu, nước biển dâng và tình hình ô nhiễm nguồn nước diễn biến nhanh, biến đổi phức tạp luôn là thách thức, khó khăn cho công tác xử lý. Nguồn nước thô các nhà máy do rong, tảo và các thực vật thủy sinh phát triển nên hàm lượng Ô xy hoà tan (DO), pH tăng cao, tăng nguy cơ gây mùi. Thông số Nitrit, nhu cầu ô xy sinh hoá - BOD₅ trung bình năm 2025 cao hơn so với năm 2024. Vào mùa mưa, chất lượng nước thô biến động lớn, mức độ ô nhiễm tăng cao, các thông số Pecmaganat, BOD, COD, Amoni, Mangan, Nitrit, Oxy hoà tan (DO), vi khuẩn (Coliform, Coliform chịu nhiệt)... tăng cao vượt ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08:2023/BTNMT nhiều lần.

- Ngoài ra sự biến động của nền kinh tế vĩ mô cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động SXKD của Công ty. Lãi suất qua đêm có bảo đảm dựa trên các giao dịch trong thị trường mua lại trái phiếu Kho bạc Mỹ – SOFR (lãi suất dùng để xác định lãi vay dự án ADB) tiếp tục duy trì ở mức cao. Tỷ giá USD/VND vẫn liên tục biến động, bình quân cả năm 2025, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 3,93% so với năm trước, ảnh hưởng đến nguồn tiền trả nợ gốc và lãi vay dự án, ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Công ty do phải đánh giá lại tỷ giá hối đoái đối với khoản vay bằng ngoại tệ.

Mặc dù gặp phải những khó khăn, thách thức trong hoạt động SXKD nhưng với sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT trong tất cả các lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ, đầu tư... Công ty đã cố gắng nỗ lực vượt qua các khó khăn, đảm bảo cấp nước an toàn trên địa bàn thành phố, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hoàn thành kế hoạch công tác đề ra. Năm 2025 sản lượng nước sản xuất đạt 98,7 triệu m³, tăng 3,2%; Sản lượng nước tiêu thụ đạt 89,3 triệu m³; Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 1.313,9 tỷ đồng, tăng khoảng 0,4%; Lợi nhuận trước thuế đạt 176,8 tỷ đồng, tăng 40,7% so với kế hoạch.

Công tác quản trị tài chính luôn được HĐQT chú trọng. Công ty tiếp tục tăng cường việc kiểm tra, kiểm soát chi tiêu tài chính đảm bảo công khai minh bạch, tiết kiệm, tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty; Sử dụng hiệu quả vốn và tài sản; Hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước; Từng bước nâng cao hiệu quả SXKD, bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp.

Việc đầu tư tại Công ty CP Kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng (Công ty số 2) có hiệu quả, phần vốn góp của Công ty được bảo toàn và phát triển. Trong năm 2025: Công ty đã nhận được 9,9 tỷ đồng tiền cổ tức từ Công ty số 2; Ngoài ra khi Công ty và Công ty số 2 tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy/mạng lưới cấp nước cũng như khi nguồn nước thô đầu vào diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới công tác sản xuất nước, Công ty và Công ty số 2 đã cung cấp nước sạch, dịch vụ kiểm nghiệm chất lượng nước... cho nhau với giá trị khoảng 8,9 tỷ đồng (bao gồm cả thuế GTGT) để giúp duy trì hoạt động SXKD ổn định, đảm bảo cấp nước an toàn đến người dân.

(Một số chỉ tiêu, nội dung chi tiết khác tham khảo theo Báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2026; Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán)

3. Tình thực hiện dự án đầu tư phát triển

Căn cứ Văn bản số 821/UBND-TCNS ngày 16/4/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc cho ý kiến đề người đại diện phần vốn Nhà nước biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Cấp nước Hải Phòng (Mục 1.7: Thông qua kế hoạch đầu tư phát triển của Công ty năm 2025).

Thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua tại Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ-2025 ngày 17/4/2025, năm 2025 Công ty tiếp tục triển khai các dự án, quyết định chủ trương đầu tư theo kế hoạch để mở rộng mạng lưới cấp nước, nâng cao công suất, nâng cao năng lực cấp nước đáp ứng nhu cầu của khách hàng, phù hợp với quy hoạch phát triển của thành phố,

đáp ứng cấp nước khu vực nông thôn. Căn cứ kế hoạch đầu tư phát triển, Hội đồng quản trị đã họp thống nhất chủ trương đầu tư các dự án. Công ty chủ động bố trí đủ nguồn vốn để thực hiện, các dự án triển khai được thực hiện đúng quy định của pháp luật, đầy đủ cơ sở pháp lý và theo đúng chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Cụ thể như sau:

3.1. Các dự án hoàn thành công tác xây dựng năm 2024 chuyển tiếp 2025

Theo kế hoạch được phê duyệt, năm 2025 Công ty tiếp tục hoàn thiện, bàn giao đưa vào vận hành và hoàn thành công tác thanh quyết toán một số công trình đã hoàn thành công tác xây dựng năm 2024, chuyển tiếp sang năm 2025.

Kết quả: Đến đầu năm 2025, Công ty đã hoàn thành các công trình dự án như (1) dự án xây dựng tuyến ống D400 cấp nguồn khu vực phía tây huyện Tiên Lãng, (2) Cấp nước xã An Thọ - huyện An Lão (cũ) nay thuộc xã An Hưng, (3) Cấp nước xã Vĩnh An – huyện Vĩnh Bảo (cũ) nay thuộc xã Vĩnh Thuận, (4) Tuyến ống cấp nước D500 đường Bùi Viện từ cầu Rào 1 đến ngã tư Võ Nguyên Giáp.

3.2. Dự án xây dựng các tuyến ống trục cấp nước

Theo kế hoạch được phê duyệt, Công ty xây dựng một số tuyến ống trục truyền tải nước thô, cấp nước để nâng cao năng lực truyền tải, phát triển, mở rộng mạng lưới cấp nước.

Kết quả: Năm 2025, Công ty đã hoàn thành công tác xây dựng tuyến ống D400 đường 351 từ ngã tư Long Thành đến cầu Rế; Hoàn thành công tác thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế và đang lựa chọn nhà thầu xây dựng tuyến ống D1000 đường Tôn Đức Thắng, tuyến ống D1000 khoan ngầm qua sông Tam Bạc;

Một số tuyến ống, mặc dù đã hoàn thành công tác tư vấn, chuẩn bị triển khai xây dựng và đang nghiên cứu. Tuy nhiên chưa triển khai do một số nguyên nhân:

- Công tác quy hoạch chuyên ngành cấp nước ban đầu được dự kiến hoàn thành giữa năm 2025 nhưng khi thực hiện sáp nhập thành phố thì công tác quy hoạch chung cần được điều chỉnh bao gồm cả tỉnh Hải Dương (cũ) thay cho Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng theo Quyết định số 323/TTg-CP ngày ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó công tác quy hoạch chuyên ngành cấp nước sẽ thực hiện sau khi có Quy hoạch mới sau sát nhập, (nội dung này đến nay chưa hoàn thiện). Bên cạnh đó, Công tác quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 các khu vực cũng chưa hoàn thiện sau sáp nhập. Do đó, công tác triển khai dự án, công trình chưa đủ căn cứ. Công ty vẫn đang bám sát công tác quy hoạch để kịp thời và triển khai ngay khi có quy hoạch,

- Một số khu kinh tế, khu công nghiệp như khu kinh tế ven biển phía nam thành phố đang trong giai đoạn hoàn thiện quy hoạch chung và chi tiết; thành phố đang lựa chọn các nhà đầu tư thực hiện cấp nước tại các khu vực nông thôn như khu vực huyện Tiên Lãng (cũ), do đó việc đầu tư xây dựng một số tuyến ống trục cần xem xét, nghiên cứu để thực hiện theo chủ trương của thành phố (tuyến ống D400 đường 212; tuyến ống D500, D400 đường ven biển,...);

3.3. Dự án xây dựng và nâng cấp nhà máy nước, trạm bơm tăng áp

Công ty dự kiến xây dựng nâng cấp mở rộng một số nhà máy như Năng công suất nhà máy Cầu Nguyệt lên $100.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$, xây dựng trạm bơm cấp 2 NMN Cầu Nguyệt; xây dựng bể chứa 3.500 m^3 trạm bơm Đông Hải; xây dựng nâng cấp trạm bơm tăng áp Cầu Rào sau khi thành phố giải phóng mặt bằng một phần diện tích trạm bơm, xây dựng trạm bơm tăng áp Đình Vũ,...;

Kết quả: Năm 2025, Công ty đã hoàn thành công tác lập và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch nhà máy nước Cầu Nguyệt, các trạm bơm tăng áp; Hoàn thành công tác lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng bể chứa trạm bơm tăng áp Đông Hải, đang đấu thầu lựa chọn nhà thầu xây dựng; thực hiện lập báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng nâng công suất nhà máy nước Cầu Nguyệt lên $160.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm, trạm bơm nước sạch NMN Cầu Nguyệt $160.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm;

Năm 2025 là giai đoạn thực hiện sắp xếp tinh gọn các cơ quan hành chính nhà nước, công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng cần thời gian để hoàn thiện theo sự phát triển của thành phố, đặc biệt là định hướng, quy hoạch phát triển mở rộng các khu kinh tế, khu công nghiệp, đô thị trên toàn địa bàn thành phố, do đó một số dự án cần phải nghiên cứu, đánh giá, tính toán công nghệ, quy mô công suất để đảm bảo cấp nước kịp thời cho sự phát triển của thành phố, cũng như phù hợp với nhu cầu thực tiễn và diễn biến, xu hướng gia tăng ô nhiễm của chất lượng nước nguồn;

3.4. Các dự án phát triển cấp nước khu vực nông thôn

Thực hiện Thông báo số 1821-TB/TU ngày 13/11/2023 của Thành ủy Hải Phòng thông báo ý kiến của Thường trực Thành ủy về tình hình sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch nông thôn hiện nay và giải pháp bảo đảm cấp nước nông thôn giai đoạn 2023-2025; Thông báo số 87/TB-VP ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố; Nghị Quyết số 15-NQ/TU ngày 31/7/2024 của Thành ủy về lãnh đạo thực hiện các giải pháp bảo đảm cấp nước sạch nông thôn; Trong đó có giao Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng nghiên cứu, đánh giá khả năng thực hiện việc đầu tư hạ tầng cấp nước khu vực nông thôn, kịp thời thay thế các nhà máy cấp nước không đảm bảo chất lượng nước. Công ty đã nghiên cứu phương án,

lập kế hoạch và dự kiến triển khai đầu tư hệ thống cấp nước cho các khu vực nông thôn theo Kế hoạch số 320/KH-UBND ngày 13/12/2023, Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 17/9/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Kết quả: Năm 2025 Công ty đã xây dựng hệ thống cấp nước và kịp thời cấp nước trước tết âm lịch cho xã Cấp Tiến huyện Tiên Lãng cũ (2.160 hộ) (nay thuộc xã Tân Minh);

Các khu vực còn lại, Công ty đã khảo sát, lên phương án cấp nước và phối hợp thỏa thuận chuyển vùng cấp nước nhưng chưa triển khai được. Nguyên nhân: Các khu vực này đang thuộc vùng cấp nước của các đơn vị cấp nước mini. Theo văn bản số 53-BC-ĐU ngày 08/01/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về đảm bảo cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn Thành phố; Văn bản số 2028/VP-XDCT ngày 27/02/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về phương án cấp nước sạch nông thôn thay thế cho các nhà máy nước không đảm bảo chất lượng trên địa bàn thành phố và Văn bản số 511/STC-QLCS ngày 20/01/2026 của Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về phương án cấp nước sạch nông thôn thay thế cho các nhà máy không đảm bảo chất lượng trên địa bàn huyện Tiên Lãng (cũ). Do đó đối với các khu vực khác tại huyện Tiên Lãng (cũ) và khu vực nông thôn khác trên địa bàn thành phố, Công ty đang xem xét, nghiên cứu thực hiện theo chỉ đạo và phương án cấp nước của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Kết quả hoạt động của HĐQT và từng Thành viên HĐQT

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và Quyết định số 21/QĐ-HĐQT ngày 17/4/2025 của HĐQT về việc phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT Công ty, trong năm 2025 HĐQT và các thành viên HĐQT theo lĩnh vực được phân công đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định đối với hoạt động của HĐQT, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của BDH trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch SXKD đề ra, giúp hoạt động năm 2025 của Công ty duy trì ổn định, có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. Cụ thể:

(1) Ông Trần Việt Cường – Chủ tịch HĐQT

- Chỉ đạo chung việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định; Chủ trì giải quyết các công việc của HĐQT.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch theo kế hoạch công tác năm 2025 đề ra. Chỉ đạo BDH rà soát, triển khai thực hiện các giải pháp để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu, đảm bảo

doanh thu đạt mức tăng trưởng 8% trở lên, đóng góp chung vào tăng trưởng GDP cả nước theo như chỉ đạo của Chính phủ, Thành phố và các sở ngành, bảo toàn và phát triển nguồn vốn hiệu quả; Chi trả cổ tức và trích lập các quỹ đầy đủ, kịp thời theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025. Chủ trì phiên họp đầu tiên của HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030 để bầu các chức danh, phân công nhiệm trong HĐQT; Bổ nhiệm lại các chức danh trong BDH, bổ nhiệm thành viên Ban thư ký nhiệm kỳ 2025-2030; Xây dựng kế hoạch công tác năm 2026.

- Chỉ đạo công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Chỉ đạo công tác tổ chức, nhân sự: thực hiện tinh gọn, sắp xếp lại các Tổ quản lý và kinh doanh nước máy tại các chi nhánh phù hợp với việc sắp xếp đơn vị hành chính của nhà nước và tình hình thực tế; Thành lập bộ phận pháp chế, bộ phận kiểm toán nội bộ; Rà soát, ban hành quyết định chức năng nhiệm vụ cập nhật của các đơn vị....; Sắp xếp/quy hoạch/bổ nhiệm lại/luân chuyển cán bộ để trải qua nhiều vị trí công việc. Đánh giá, sắp xếp lại cán bộ kỹ thuật, nhân viên, các vị trí công việc đặc thù phù hợp nhu cầu và tình hình thực tế từng đơn vị; Các chế độ phúc lợi đối với người lao động như: tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tổ chức các hoạt động tham quan học tập/văn hóa thể thao cho CBCNV, khen thưởng con em CBCNV có thành tích trong học tập, xem xét giúp đỡ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn dịp cuối năm,...

- Chỉ đạo tiếp tục lên phương án, thực hiện chuyển đổi số từng bước, từng lĩnh vực tiến tới toàn diện trong hoạt động SXKD, đặc biệt là xây dựng kế hoạch nghiên cứu, học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong việc khai thác sử dụng AI, phát động phong trào CBCNV toàn Công ty ứng dụng AI trong công việc...; Chỉ đạo tiếp tục, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước.

- Chỉ đạo tiếp tục rà soát, nghiên cứu sửa đổi/bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế/quy định quản lý nội bộ phù hợp với quy định hiện hành (như Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp...) và tình hình thực tế.

- Chỉ đạo công tác đầu tư xây dựng theo kế hoạch đầu tư phát triển đã được phê duyệt, nghiên cứu các dự án để nâng công suất các NMN, hệ thống các tuyến ống chuyên tải, phát triển hệ thống cấp nước đảm bảo cấp nước an toàn ổn định, kịp thời cho nhu cầu của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của thành phố, phù hợp theo quy hoạch cấp nước thành phố.

- Chỉ đạo quản lý kinh tế, tài chính và kiểm soát công tác thanh toán; Chỉ đạo thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định.

- Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ Công ty lần thứ 40, Đại hội Công đoàn, Đại hội Đoàn thanh niên Công ty nhiệm kỳ 2025-2030; Các công tác liên quan sản xuất và kinh doanh tiêu thụ khác...

- Là người đại diện theo pháp luật và người phụ trách chung, chỉ đạo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người đại diện vốn nhà nước tại Công ty.

- Tham gia và cho ý kiến vào các kế hoạch, nghị quyết của HĐND Thành phố liên quan đến công tác bảo vệ và cải tạo nguồn nước, phát triển hạ tầng kỹ thuật và cấp nước sạch.

- Thay mặt HĐQT phối hợp tốt với Đảng ủy, Công đoàn và các đoàn thể.

- Tham gia và chủ trì tất các cuộc họp, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ khác được HĐQT phân công.

(2) Ông Trần Văn Dương - Phó Chủ tịch HĐQT

- Tham gia, cho ý kiến kịp thời và đầy đủ các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị được phân công đảm nhiệm và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch năm 2025 đề ra trong lĩnh vực sản xuất: các nhà máy/công trình thiết bị hoạt động ổn định, liên tục không phát sinh sự cố, đảm bảo cấp nước an toàn, tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật địa phương QCDP 02:2023/TPHP về nước sạch, áp lực nước tại các nhà máy và tuyến ống trục cơ bản đảm bảo cho năng áp lực nước tại đồng hồ khách hàng là 2,0 bar. Chỉ đạo nâng cao tiêu chuẩn chất lượng nước.

- Chỉ đạo tiếp tục công tác chuyển đổi số, tự động hóa liên quan đến nguồn nước và các nhà máy: Xây dựng và ngày càng hoàn thiện phần mềm quản lý sản xuất tại tất cả các NMN, xây dựng phần mềm quản lý chất lượng nước, ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu và dự đoán mô hình chất lượng...

- Chỉ đạo rà soát, đề xuất chế độ vận hành các công trình/dây chuyền xử lý để nâng cao hiệu quả, tối ưu sử dụng điện/hóa chất, thích ứng suy giảm nguồn nước, biến đổi khí hậu; Hoàn thiện dây chuyền pilot tại NMN An Dương, duy trì dây chuyền phục vụ nghiên cứu phương án sử dụng hóa chất, tối ưu hóa các dây chuyền xử lý, triển khai lắp đặt dây chuyền Pilot tại CNHP3; Tiếp tục xây dựng, lưu trữ cơ sở dữ liệu chi tiết về nguồn nước/định lượng hóa chất, cách sử dụng, hiệu quả xử lý làm cơ sở cho tự động hóa (AI). Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước phát và nguồn nước thô đầu vào tại tất cả các nhà máy, không chủ quan lơ là, sẵn sàng vật tư/hóa chất và phương án, đặc biệt lưu ý trong mùa mưa bão, các thời điểm xâm nhập mặn, cập nhật kế hoạch cấp nước an toàn. Chỉ đạo nghiên cứu phương án và kịch bản nâng công suất NMN An Dương trên 200.000

m³/ngày đêm, đảm bảo theo quy định hiện hành; Xây dựng phương án nâng công suất lên 60.000 m³/ngày đêm, áp dụng công nghệ, tối ưu sử dụng máy móc thiết bị sẵn có tại NMN Hưng Đạo; Triển khai vận hành, theo dõi chặt chẽ sản lượng, lưu lượng nước nguồn đảm bảo nhu cầu cấp nước trên đảo Cát Bà, đặc biệt trong dịp hè năm 2025; Vận hành chạy thử và lập báo cáo kết quả đánh giá cụm bể U-BCF mới tại NMN Vĩnh Bảo; Thực hiện các thủ tục điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước với mục đích sinh hoạt, xin cấp giấy phép môi trường/đăng ký môi trường đối của tất cả các NMN; Quản trị đơn vị thành viên.

- Chỉ đạo thực hiện thanh quyết toán quỹ tiền lương năm 2025, nghiên cứu thực hiện các quy định mới về tiền lương theo Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ, điều chỉnh tăng mức ăn ca cho người lao động; Xem xét điều chỉnh lương cho CBCNV áp dụng từ năm 2026; Xây dựng định biên lao động năm 2026; Chỉ đạo tổ chức thực hiện các dự án đầu tư, các công trình sửa chữa theo đúng các trình tự và thanh quyết toán công trình xây dựng; Chỉ đạo quản lý công tác lưu trữ trong toàn Công ty.

- Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT, UBND TP Hải Phòng về điều hành hoạt động SXKD của Công ty đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Là người phụ trách quản trị Công ty hỗ trợ công tác quản trị Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định liên quan.

- Tham gia cho ý kiến kịp thời trong công tác rà soát, nghiên cứu sửa đổi/bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế/quy định quản lý nội bộ phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế.

- Tham dự đủ các cuộc họp, thực hiện các nhiệm vụ khác được HĐQT phân công.

(3) Ông Cao Văn Quý - Thành viên HĐQT

- Tham gia, cho ý kiến kịp thời và đầy đủ các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị được phân công đảm nhiệm và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch năm 2025 đề ra trong lĩnh vực kỹ thuật, áp dụng giải pháp/công nghệ trong SXKD: Triển khai thử nghiệm Polime tại các NMN, vận hành thử nghiệm cụm bể U-BCF mới tại NMN Vĩnh Bảo, sử dụng thuốc tím tại trạm bơm Quán Vĩnh để nâng cao hiệu quả xử lý chất hữu cơ từ đầu nguồn, thực hiện châm PAC 2 bậc tại các nhà máy, ứng dụng phần mềm zalo trong công tác cảnh báo tự động chất lượng nước đến người vận hành/các cán bộ quản lý...

- Chỉ đạo tổng kết các sáng kiến/giải pháp năm 2025.

- Chỉ đạo hoàn thiện các thủ tục quyết toán đối với các dự án đã hoàn thành, các dự án đang thực hiện: đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng, an toàn giao thông, tuân thủ biện pháp thi công; Chuẩn bị dự án đầu tư, phát triển/quy hoạch hệ thống cấp nước như: phát triển cấp nước nông thôn bám sát theo kế hoạch của Thành Phố về cấp nước nông thôn và các dự án theo kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua; Phối hợp hoàn thiện quy hoạch chuyên ngành (sau khi sáp nhập Thành phố và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp), phối hợp và triển khai xây dựng quy hoạch chi tiết từng khu vực; Chỉ đạo tăng cường kiểm soát việc thực hiện các công trình sửa chữa đảm bảo theo quy định của pháp luật và các quy chế/quy định của Công ty.

- Chỉ đạo nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm tỷ lệ nước không doanh thu; Chỉ đạo rà soát việc sử dụng máy tính, an ninh mạng, an toàn và bảo mật, việc sử dụng các phần mềm đảm bảo tuân thủ các quy định.

- Chỉ đạo công tác đào tạo như: Cập nhật quy định mới và tiếp tục đào tạo/cập chứng chỉ an toàn lao động, cứu nạn cứu hộ, phòng cháy chữa cháy cho các đối tượng liên quan theo quy định; Ứng dụng/khai thác sử dụng trí tuệ nhân tạo; Đào tạo chuyên sâu về an toàn/thực hành điện...; Hợp tác quốc tế và trong nước: đề xuất chương trình, nhóm hợp tác với Kitakyushu, Cấp nước Tiền Giang, Phú Thọ về hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý, đào tạo nhân lực; Hợp tác với Đại học Xây dựng, Đại học Nagasaki triển khai Dự án hỗ trợ kỹ thuật Satreps; Hợp tác với Đại học Bách Khoa về phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số và bảo mật;...

- Chỉ đạo hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, rà soát và cập nhật/sửa đổi bổ sung các quy trình quản lý phù hợp với quy định, thực tiễn như: Quy trình quản lý, vận hành, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước; Quy trình quản lý chất lượng nước uống đóng chai; Quy trình ghi đọc đồng hồ, phát hành hoá đơn bằng thiết bị Smart phone; Quy trình kiểm soát dự toán, quyết toán;...

- Chỉ đạo nghiên cứu, tham gia góp ý với dự thảo Luật cấp thoát nước, Luật hóa chất, Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về tài nguyên nước, Nghị định sửa đổi Nghị định 117/2007/NĐ-CP về sản xuất cung cấp và tiêu thụ nước sạch, Quy định sửa đổi về mẫu hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước, Nghị định sửa đổi về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Thông tư hướng dẫn đặc thù về giá nước...; Tham mưu trong công tác sản xuất nước, điều hành mạng lưới cấp nước.

- Tham gia cho ý kiến kịp thời trong công tác rà soát, nghiên cứu sửa đổi/bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế/quy định quản lý nội bộ phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế.

- Là người phụ trách chung, chỉ đạo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng (Công ty số 2). Chỉ đạo Công ty số 2 hoàn thành kế hoạch công tác năm 2025 và xây dựng kế hoạch công tác năm 2026, chỉ đạo thực hiện các giao dịch nội bộ đã được thông qua phục vụ hoạt động SXKD của Công ty mẹ-con.

- Tham dự đủ các cuộc họp, thực hiện các nhiệm vụ khác được HĐQT phân công.

(4) Ông Trịnh Anh Tuấn – Thành viên HĐQT

- Tham gia, cho ý kiến kịp thời và đầy đủ các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị được phân công đảm nhiệm và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch năm 2025 đề ra trong lĩnh vực: kinh doanh tiêu thụ, điều hành mạng và hệ thống ống chuyên tải phân phối đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ, đáp ứng nhu cầu cho khách hàng thuộc vùng phục vụ. Nghiên cứu tối ưu vận hành các tuyến ống chuyên tải và các trạm bơm tăng áp (như phân tải, phân vùng...) tối ưu hiệu quả trên toàn mạng lưới; Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới phân vùng tách mạng.

- Chỉ đạo công tác chống thất thoát: tiếp tục kiểm soát tốt, duy trì tỷ lệ nước không doanh thu ở mức thấp so kế hoạch đề ra; Tiếp tục tăng cường kiểm soát, sử dụng module AI cảnh báo lưu lượng tối thiểu, đồng hồ bypass (sóng 4G); Tiếp tục lắp đặt bổ sung module đo lưu lượng tức thời, sensor đo áp lực trên mạng lưới; Tăng cường rà soát và xử lý kịp thời các trường hợp bất thường về sản lượng tiêu thụ do gian lận, can thiệp đồng hồ; Triển khai thực hiện lắp đặt/di chuyển đồng hồ khách hàng ra ngoài nhà để hỗ trợ kiểm soát nước thất thoát...

- Chỉ đạo công tác phát triển khách hàng, mở rộng địa bàn cấp nước: triển khai dự án cấp nước cho xã Cấp Tiến; Phối hợp cùng địa phương triển khai cấp nước cho khu vực Hoàng Châu, Nghĩa Lộ khu vực đặc khu Cát Hải đảm bảo chất lượng nước cấp theo đúng quy định.

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch năm 2025 về sản lượng, giá bán, doanh thu; Thực hiện các công việc liên quan khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp; Sắp xếp, tinh gọn lại các Tổ quản lý và kinh doanh nước máy tại các chi nhánh phù hợp với việc sắp xếp đơn vị hành chính của nhà nước và tình hình thực tế...

- Chỉ đạo nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước và quan hệ với khách hàng như: nâng cao chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn dịch vụ công, tăng áp lực mạng lưới phân đầu mục tiêu trên 2bar tại đồng hồ khách hàng, tăng cường tương tác,

xây dựng kịch bản, sổ tay trao đổi cho các Tổ quản lý khi tương tác với khách hàng qua nhóm Zalo các tổ dân phố để nắm bắt thông tin/phản hồi từ khách hàng, đẩy mạnh tuyên truyền cho khách hàng việc lưã đảo thu tiền nước trên không gian mạng, tăng cường các giải pháp bảo mật chống lộ thông tin khách hàng; Xây dựng/sửa đổi quy định phát triển khách hàng, nâng hạ di chuyển đồng hồ và cá dịch vụ cấp nước mới...

- Chỉ đạo nghiên cứu phương án, thực hiện chuyển đổi số từng bước trong lĩnh vực kinh doanh tiêu thụ như: Tiếp tục thực hiện hợp đồng điện tử; Triển khai thực hiện cài đặt ứng dụng "*Cấp nước Hải Phòng*" cho khách hàng. Tính đến cuối năm 2025, tỷ lệ cài đặt đã thực hiện được 80,3%, tương đương với hơn 305.000 điểm dùng khách hàng, vượt kế hoạch và đang tiếp tục được đẩy mạnh; Khai thác/hoàn thiện bản đồ áp lực, hệ thống scada (tích hợp modul đo lưu lượng ban đêm), hệ thống GIS; Tập trung triển khai lắp đặt đồng hồ thông minh cho khách hàng lớn, khách hàng tư nhân, lắp đặt hồ đồng hồ bypass...

- Tham gia cho ý kiến kịp thời trong công tác rà soát, nghiên cứu sửa đổi/bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế/quy định quản lý nội bộ phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế.

- Tham dự đủ các cuộc họp, thực hiện các nhiệm vụ khác được HĐQT phân công.

(5) Ông Đặng Hữu Dũng - Thành viên HĐQT

- Tham gia, cho ý kiến kịp thời và đầy đủ các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị được phân công đảm nhiệm và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Tham mưu chỉ đạo thực hiện và thanh quyết toán quỹ tiền lương năm 2025 quy định hiện hành, nghiên cứu thực hiện các quy định mới về tiền lương theo Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ; Xây dựng định biên lao động năm 2026; Tham mưu chỉ đạo thực hiện các công việc khi sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định.

- Tham mưu trong công tác quản trị Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty; Sửa đổi/bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế/quy định quản lý nội bộ phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế (Quy trình quản lý, vận hành, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước; Quy trình quản lý chất lượng nước uống đóng chai; Quy trình ghi đọc đồng hồ, phát hành hoá đơn bằng thiết bị Smart phone; Quy trình kiểm soát dự toán, quyết toán,...); Tham gia góp ý với dự thảo Luật cấp thoát nước, Luật hỏa chất, Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về tài nguyên nước, Nghị định sửa đổi Nghị định 117/2007/NĐ-CP về

3280
CÔNG
CỐ PH
ÁP NI
HẢI PH

IND T

sản xuất cung cấp và tiêu thụ nước sạch, Quy định sửa đổi về mẫu hợp đồng thực hiện dịch vụ cấp nước, Nghị định sửa đổi về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Thông tư hướng dẫn đặc thù về giá nước...

- Tham mưu chỉ đạo công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống cấp nước đặc biệt phát triển cấp nước đón đầu các khu vực phát triển của Thành phố, khu vực nông thôn bám sát theo kế hoạch của Thành Phố về cấp nước nông thôn, các dự án theo kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025 đã được phê duyệt...

- Tham mưu chỉ đạo thực hiện các quy định mới của Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15, Luật thuế TNDN số 67/2025/QH15, Hóa đơn/chứng từ theo Nghị định số 70/2025; Luật Bảo hiểm số 41/2024/QH15; Luật đấu thầu sửa đổi năm 2025; Luật thuế TNCN năm 2025...

- Thường xuyên tham gia đóng góp ý kiến với Ban điều hành Công ty về các lĩnh vực: quản lý nội bộ, áp dụng công nghệ kỹ thuật trong quản trị chất lượng nước, bảo vệ nguồn nước.

- Tham dự đủ các cuộc họp, thực hiện các nhiệm vụ khác được HĐQT phân công.

5. Các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ hàng quý với sự mở rộng tham gia dự họp của Ban Kiểm soát, Ban Điều hành để: xem xét, đánh giá hoạt động SXKD, hoạt động của HĐQT, BDH, BKS hàng quý; Kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý tiếp theo. Các cuộc họp chuyên đề khác để giải quyết các công việc theo thẩm quyền về công tác tổ chức, nhân sự, tài chính, đầu tư phát triển...; Tham gia 12 phiên họp thường kỳ hàng tháng với Ban Thường vụ Đảng ủy, BDH Công ty và các phiên họp khác để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, BDH.

Các cuộc họp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy chế, quy định liên quan. Thông qua các cuộc họp, HĐQT đã ra các quyết định, nghị quyết chỉ đạo BDH thực hiện các công việc cần thiết, đảm bảo hoàn thành kế hoạch công tác giúp hoạt động SXKD duy trì ổn định, có hiệu quả, đem lại lợi ích cho Công ty và các cổ đông.

(Chi tiết tham khảo báo cáo thường niên, báo cáo quản trị công ty năm 2025).

6. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT, Ban kiểm soát (BKS)

Thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 được chi trả căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động; Văn bản số 2234/UBND-NVKTGS ngày 27/08/2025 của UBND Thành phố Hải Phòng.

Tổng số tiền chi trả thù lao cho HĐQT, BKS trong năm 2025 là: 588.720.000 đồng. Trong đó: thù lao của HĐQT (04 người) là: 428.160.000 đồng (tương ứng 8.920.000 đồng/người/tháng); thù lao của BKS (02 người): 160.560.000 đồng tương ứng 6.690.000 đồng/người/tháng).

Chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT, BKS thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước và Công ty.

(Chi tiết theo Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán).

7. Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC)

Căn cứ theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ-2025 ngày 17/4/2025 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Công ty, HĐQT đã thực hiện các thủ tục cần thiết để lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty. Đây là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, chi phí kiểm toán hợp lý, đảm bảo tiến độ và được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận kiểm toán và soát xét BCTC cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2025.

8. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc, Ban Điều hành

8.1. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, các thành viên HĐQT thường xuyên chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra công tác điều hành SXKD của Tổng Giám đốc, phối hợp với Ban kiểm soát giám sát các vấn đề:

- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2025 và việc thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

- Việc triển khai thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra; Việc điều hành hoạt động SXKD để duy trì ổn định hệ thống cấp nước, đảm bảo cấp nước an toàn cho người dân và các khách hàng khác trên địa bàn Thành phố.

- Yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo kết quả hoạt động SXKD cũng như phương hướng hoạt động điều hành trong thời gian tới tại các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT và khi có yêu cầu. Từ đó HĐQT xem xét/đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD, các chỉ tiêu kinh tế tài chính và có các chỉ đạo kịp thời; Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của doanh nghiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho mọi hoạt động SXKD của Công ty.

- Thông qua nội dung kiểm tra, đánh giá của BKS về tình hình tài chính và điều hành hoạt động SXKD của Tổng Giám đốc.

- Thường xuyên đơn đốc/phối hợp Tổng Giám đốc kiểm tra giám sát các dự án mà Công ty đang triển khai xây dựng nhằm đưa vào sử dụng đúng tiến độ, phát huy hiệu quả đầu tư vốn.

8.2. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua ngày 17/4/2025, HĐQT luôn theo sát và chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành kế hoạch đề ra. Năm 2025 Công ty đã hoàn thành và đạt các chỉ tiêu quan trọng, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 1.313,9 tỷ đồng, tăng 0,4% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 176,8 tỷ đồng, tăng khoảng 40,7% so với kế hoạch.
- Tỷ lệ nước không doanh thu đạt so với kế hoạch công tác.
- Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Cổ tức và các quỹ đều được chi trả và trích lập theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và được sử dụng đúng quy định.

HĐQT đánh giá cao quá trình hoạt động Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã luôn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và Công ty, cùng những nỗ lực/cố gắng để hoàn thành những mục tiêu quan trọng như: đảm bảo cấp nước an toàn và đầy đủ cho hơn 380 nghìn khách hàng đạt quy chuẩn theo quy định; phát triển hệ thống cấp nước, các dự án/công trình đầu tư xây dựng phát huy hiệu quả ngay khi đưa vào sử dụng; Đảm bảo an toàn về tài chính; Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong quá trình hoạt động, thực hiện chuyển đổi số từng bước trong hoạt động SXKD; Kiểm soát thất thoát, giảm tỷ lệ nước không doanh thu;... Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 các chỉ tiêu quan trọng đều đạt và vượt so kế hoạch mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đề ra, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.

II. Kế hoạch hoạt động năm 2026

1. Định hướng

- Đảm bảo cấp nước an toàn, phấn đấu giảm tỷ lệ nước không doanh thu.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và ngang tầm với các công ty cấp nước hàng đầu cả nước và Châu Á.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và tự động hóa trong công tác quản lý và vận hành hệ thống cấp nước.
- Phát triển, mở rộng hệ thống cấp nước đáp ứng nhu cầu phát triển; cấp nước nông thôn theo chỉ đạo của Thành phố.

- Đảm bảo an toàn tài chính, cân cân thanh toán, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, thực hiện nộp ngân sách nhà nước đầy đủ theo quy định.
- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch công tác đề ra.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2026

- Nước sản xuất:	100,7 triệu m ³
- Nước tiêu thụ:	90,9 triệu m ³
- Tổng doanh thu và thu nhập khác:	1.323,5 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	187,8 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	152,2 tỷ đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ:	≥ 12,0%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE):	16,9%
- Thù lao của HĐQT, BKS:	588.720.000 đồng

3. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026

3.1. Công tác đầu tư xây dựng

- Phát triển hệ thống cấp nước đáp ứng đủ nhu cầu và áp lực đến người dân, khu đô thị, các khu công nghiệp, khu tái định cư, phát triển kinh tế xã hội đảm bảo công tác cấp nước an toàn, kịp thời, cấp nước liên thông giữa các nhà máy, nâng cao năng lực cấp nước, phù hợp quy hoạch chung thành phố,... là lĩnh vực sản xuất kinh doanh cốt lõi của công ty.

- Căn cứ theo các văn bản chỉ đạo của Thành phố và các văn bản liên quan; Căn cứ theo nhu cầu cấp nước thực tế, yêu cầu cấp nước cho sự phát triển kinh tế xã hội, công nghiệp, dịch vụ và cơ sở pháp lý về quy hoạch, chuyển giao vùng cấp nước tại các khu vực nông thôn, Công ty đã nghiên cứu phương án, lập kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026, từng bước triển khai các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp nước, mở rộng vùng phục vụ, phát triển khách hàng để đảm bảo cấp nước an toàn ổn định, kịp thời cho nhu cầu của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của thành phố, phù hợp theo quy hoạch cấp nước thành phố.

- Năm 2026, Công ty tập trung cao triển khai các dự án theo kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026. Trường hợp có yêu cầu của thành phố hoặc địa phương và điều kiện pháp lý đảm bảo, cũng như để kịp thời, đồng bộ với dự án xây dựng các tuyến đường hè của thành phố, Hội đồng quản trị sẽ quyết định các dự án trong kế hoạch 2026-2030 hoặc bổ sung để triển khai sớm hơn dự kiến.

- Việc quyết định Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026 thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và việc quyết định các dự án thành phần theo tổng mức đầu tư thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị khi có đầy

đủ điều kiện và cơ sở pháp lý. Tổng mức đầu tư của từng dự án trong kế hoạch đầu tư đều <631,3 tỷ đồng (tương đương <35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán. Tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2025 là 1.975,1 tỷ đồng), thẩm quyền quyết định Chủ trương đầu tư từng dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Quy mô các dự án cụ thể căn cứ theo nhu cầu cấp nước của từng khu vực, khách hàng nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch đầy đủ, chất lượng đảm bảo theo quy định trong giai đoạn hiện tại và tính đến nhu cầu phát triển tương lai. Các dự án thành phần khi triển khai sẽ được thực hiện đúng quy định, đầy đủ cơ sở pháp lý và theo đúng chỉ đạo của UBND thành phố.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, đa dạng hóa các hình thức đầu tư, đảm bảo tỷ suất đầu tư hợp lý. Tiếp tục sử dụng linh hoạt các nguồn vốn vay, quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án.

- Thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công công trình, đúng trình tự xây dựng cơ bản.

(Chi tiết tại phụ lục kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026 kèm theo).

3.2. Công tác bảo vệ nguồn nước, sản xuất, chất lượng nước

- Chỉ đạo vận hành cấp nước an toàn tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật địa phương QCDP 02:2023/TPHP về nước sạch, điều phối vận hành tại các NMN đảm bảo nhu cầu sử dụng nước; Tiếp tục tối ưu hóa vận hành cấp nước, tăng cường và đảm bảo duy trì áp lực nước tại đồng hồ khách hàng phần đầu trên 2,0 bar; Tăng cường kiểm soát chất lượng nước sau xử lý; Tăng cường giám sát hệ thống thủy lợi cung cấp nước thô cho các NMN, phối hợp với các đơn vị thủy lợi giám sát chặt chẽ và chủ động ứng phó trước diễn biến phức tạp của chất lượng nước nguồn, chủ ý nguy cơ xâm nhập mặn nhằm kịp thời triển khai phương án ứng phó; Rà soát, cập nhật và phê duyệt lại kế hoạch cấp nước an toàn năm 2026.

- Chỉ đạo tiếp tục tăng cường ứng dụng các giải pháp kỹ thuật trong công tác xử lý nước; Tiếp tục vận hành thử nghiệm polime hỗ trợ keo tụ tại các NMN; Nghiên cứu thí điểm sử dụng ozone trực tiếp tại NMN Vĩnh Bảo; Tiếp tục triển khai các biện pháp để tăng hiệu quả xử lý của dây chuyền, đặc biệt khi gia tăng ô nhiễm, thời điểm xâm nhập mặn...

- Tiếp tục thực hiện công tác chuyển đổi số và tự động hóa liên quan nguồn nước và các nhà máy; Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu và dự đoán mô hình chất lượng nước; Xây dựng quy trình bảo trì, bảo dưỡng, vận hành, hiệu chỉnh các thiết bị online chất lượng nước và máy phát điện tại các NMN.

- Nghiên cứu rà soát tổng thể dây chuyền xử lý nước, công nghệ xử lý bùn, đề xuất các thay đổi phù hợp đối với từng đơn vị đảm bảo vận hành hiệu quả, tiết kiệm hóa chất, điện năng tiêu thụ. Nghiên cứu cải tiến theo hướng tăng số cấp lọc RO hoặc bổ sung thiết bị xử lý để tăng chất lượng nước sau lọc và sự ổn định của dây chuyền xử lý nước tinh khiết.

- Tăng cường công tác an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, rà soát quy trình vận hành tại các NMN và các nhà hóa chất, quy trình ứng phó sự cố khẩn cấp.

- Chỉ đạo tính toán nhu cầu sử dụng nước, kiểm tra tổng thể và lập phương án cấp nước Cát Bà cho năm 2026, báo cáo sở ngành và chính quyền địa phương tình hình thiếu nước bổ cập khi thực hiện sửa chữa/cải tạo hồ Xuân Đán. Đánh giá trữ lượng nước thô và khả năng cung cấp nước mùa khô năm 2026 khu vực đảo Bạch Long Vỹ.

- Tiếp tục tiến hành các thủ tục điều chỉnh giấy phép cấp quyền khai thác của các nhà máy theo nhu cầu vận hành; Triển khai lắp đặt các thiết bị quan trắc và truyền số liệu về Bộ TNMT theo quy định; Hoàn thành các báo cáo định kỳ về môi trường và khai thác tài nguyên nước theo quy định.

3.3. Công tác kinh doanh tiêu thụ và dịch vụ khách hàng

- Chỉ đạo tiếp tục tập trung kiểm soát nước không doanh thu, giảm tỷ lệ thất thoát sau đồng hồ khối; Tiếp tục triển khai thực hiện lắp đặt/di chuyển đồng hồ khách hàng ra ngoài nhà để hỗ trợ kiểm soát nước thất thoát và sẵn sàng cho đồng hồ thông minh. Xây dựng và đề xuất phương án kiểm soát nước thất thoát cho các kỳ nghỉ dài.

- Chỉ đạo tiếp tục thực hiện công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực kinh doanh tiêu thụ: Tiếp tục triển khai cài đặt app CNHP cho khách hàng; Hoàn thiện hệ thống GIS, hệ thống scada; Triển khai lắp đặt đồng hồ thông minh cho khách hàng, xây dựng phần mềm kiểm soát đồng hồ khối/đồng hồ khu vực...

- Chỉ đạo cải tiến, nâng cấp mạng lưới cấp nước như: Tiếp tục triển khai thực hiện việc lắp đặt cụm đồng hồ khách hàng, triển khai nhân rộng lắp đặt đồng hồ bypass phục vụ chống thất thoát/quản lý trên các nhánh/tuyến, lắp đặt thí điểm tấm đan nắp của hố kỹ thuật (hố van, hố đồng hồ); Rà soát mạng lưới, nghiên cứu triển khai các công việc phục vụ điều chỉnh nâng cao áp lực, chất lượng dịch vụ... Nâng cao công tác quản lý: Xây dựng quy trình, phương pháp kiểm soát việc thi công, bảo dưỡng;...

- Nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ khách hàng, giữ gìn hình ảnh, uy tín của Công ty; Ban hành kịch bản, sổ tay trao đổi cho các TQL khi tương tác với khách hàng qua nhóm Zalo các tổ dân phố; Tăng cường công tác quản lý tiêu thụ, có biện



pháp/chế tài xử lý đối với các trường hợp vi phạm (nếu có); Hoàn thiện quy định phát triển khách hàng, nâng hạ di chuyển đồng hồ và các dịch vụ cấp nước mới...

3.4. Công tác đào tạo, phát triển nhân lực

- Đổi mới công tác đào tạo, kết hợp nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với từng đối tượng, chú trọng đào tạo công tác thực hành, các kỹ năng mềm.

- Tiếp tục thực hiện việc luân chuyển cán bộ trong nội bộ để cán bộ trải qua nhiều vị trí công việc giúp cho đội ngũ cán bộ nhanh chóng trưởng thành và có kiến thức, năng lực toàn diện hơn.

- Tăng cường công tác đào tạo, hợp tác trong nước và nước ngoài. Trong thời gian tới tiếp tục tổ chức học tập kinh nghiệm tại Cục nước Kitakyushu trong khuôn khổ hợp tác theo biên bản ghi nhớ; Tham gia chương trình đào tạo thuộc khuôn khổ dự án Satreps; Tiếp tục hợp tác với Đại học Bách Khoa về phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số; Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện quản lý hệ thống lưu, khai thác và phân phối các tài liệu tiêu chuẩn kỹ thuật, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn...; Học tập, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị cấp nước khác.

3.5. Công tác kế toán tài chính, cân đối và sử dụng vốn

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng.

- Tăng cường công tác về quản trị tài chính, báo cáo định kỳ với các thông tin minh bạch, chính xác.

- Tiết kiệm trong chi tiêu và quản lý chi phí sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn trong thanh toán.

- Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tài chính, kế toán.

3.6. Các hoạt động khác

- Tăng cường chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện kế hoạch lao động, tiền lương, thù lao theo quyết định của UBND Thành phố và quy định hiện hành. Sử dụng lao động, chế độ tuyển dụng, đào tạo theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty; Tiếp tục cải cách hình thức trả lương cho CBCNV.

- Tiếp tục thực hiện tinh gọn bộ máy, cơ cấu tổ chức, nhân sự. Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

- Luôn quan tâm, đảm bảo quyền lợi và không ngừng nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên.

- Chỉ đạo tiếp tục rà soát, cập nhật, sửa đổi bổ sung các quy chế/quy định nội bộ của Công ty phù hợp các quy định mới hiện hành cũng như tình hình thực tiễn của Công ty.

- Tiếp tục tham gia các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng.

(Chi tiết khác theo Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2026 của Công ty).

III. Đánh giá và kết luận

Trong năm 2025, mặc dù gặp phải nhiều khó khăn do ô nhiễm nguồn nước, biến động của nền kinh tế,... HĐQT đã nỗ lực chỉ đạo, giám sát, điều hành doanh nghiệp theo đúng định hướng phát triển bền vững và hoàn thành các chỉ tiêu SXKD mà ĐHĐCĐ đề ra. Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện công việc vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Nhà nước.

HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ biểu dương tinh thần đoàn kết và sự cố gắng của các thành viên HĐQT, BKS, BDH và toàn thể CBCNV Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2025.

HĐQT sẽ tiếp tục cùng BDH và CBCNV Công ty nỗ lực phấn đấu để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2025; Kế hoạch hoạt động năm 2026. Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- BDH, BTC ĐHĐCĐ;
- BKS, CTCĐ;
- Lưu: BTK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Việt Cường



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

Được ban hành kèm theo Báo cáo số.../BC-HDQT ngày... của HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng trình DHDCTD thường niên năm 2026)

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIỀN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN GIẢI NGÂN NĂM 2026 (TỶ ĐỒNG)	GHI CHÚ
1	DỰ ÁN TRIỂN KHAI (A+B+C)			936,75		83,15	
A. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN HOÀN THÀNH XÂY DỰNG				44,14		21,15	
1	Cấp nước xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng (cũ)- nay là xã Tân Minh	Cấp nước sạch cho nhân dân xã Cấp Tiến	2160 hộ	30,39	Năm 2026	10,94	
2	Xây dựng tuyến ống cấp nước D400 đường 351 từ ngã tư Long Thành đến cầu Rế	Tăng cường và kết nối đảm bảo an toàn cấp nước từ NMN Vật Cách nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước và liên thông với NMN An Dương;	D400 L=2,2km	13,75	Năm 2026	10,21	
B. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI				779,90		60,88	
B1. Tuyến ống trực cấp nước				365,29		44,26	
3	Xây dựng tuyến ống D1000 đường Tôn Đức Thắng (từ ngã tư Cơ Điện đến cầu An Dương)	Tăng cường và kết nối đảm bảo an toàn cấp nước thô từ trạm bơm Quán Vĩnh về NMN An Dương	D1000 L=0,832km	31,85	Năm 2026-2027	12,74	
4	Xây dựng tuyến ống cấp nước D1000 cầu An Dương khoan ngầm qua sông Tam Bạc	Kết nối đảm bảo an toàn cấp nước thô qua sông Tam Bạc về NMN An Dương	D1000 L=185m	7,53	Năm 2026	7,53	
5	Xây dựng tuyến ống si phông khoan ngầm DN450 qua sông, vị trí cầu Máy Chai L=0,4km;	Tăng cường và đảm bảo an toàn cấp nước cho khu vực đảo Vũ Yên (Khu đô thị và vui chơi giải trí Vinhome)	DN450 L=0,4km	9,55	Năm 2026-2027	5,73	



TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIẾN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN GIẢI NGÂN NĂM 2026 (TỶ ĐỒNG)	GHI CHÚ
6	Xây dựng tuyến ống cấp nước D600 Lân Bè - Nguyễn Văn Linh (từ NMN An Dương đến cầu niệm L=980m)	Tăng cường cấp nước sang khu vực Kiến An, giảm tải cho tuyến ống trục D700 để tăng cường cấp nước xuống khu Đình Vũ và kết nối liên thông đảm bảo an toàn cấp nước giữa NMN An Dương và NMN Cầu Nguyệt	DN600 L=980m	17,09	Năm 2026-2027	10,25	
7	Xây dựng tuyến ống cấp nước DN560 khoan ngầm qua sông Lạch Tray khu vực cầu Rào 1 L=186m	Kết nối liên thông đảm bảo an toàn cấp nước giữa NMN An Dương và NMN Hưng Đạo (tăng cường cấp nước giữa khu Dương Kinh và Lê Chân, Hải An) sau khi tuyến ống trục liên thông D400 hiện có bị tháo dỡ khi thực hiện dự án xây dựng cầu Rào 1	DN560 L=186m	8,50	Năm 2026-2027	5,10	
8	Xây dựng tuyến ống D700 Cát Bi - Búi Viện (từ cầu Rào 1 đến đường Lê Hồng Phong L=2,9km)	Tăng cường khả năng và đảm bảo cấp nước từ trạm bơm cầu Rào cho khu vực Hải An, Trảng Cát và khu khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	DN700 L=2,9km	59,75	Năm 2026-2028	0,60	

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIỀN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN GIẢI NGÂN NĂM 2026 (TỶ ĐỒNG)	GHI CHÚ
9	Xây dựng tuyến ống D700 đường vành đai 2 - đường Tân Vũ Lạch Huyện từ đường TL353 đến TBTA Đình Vũ L=9,3km	Tăng cường và đảm bảo cấp nước từ NMN Hưng Đạo về khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải và tạo nguồn cấp nước sang Cát Bà (theo dự án cấp nước Cát Bà của thành phố)	DN700 L=9,3km	165,00	Năm 2026-2029	1,65	
10	Xây dựng tuyến ống cấp nước D600 đường Bùi Viện từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường Trường Chinh L=4km,	Đảm bảo tăng cường cấp nước giữa khu vực trung tâm, Kiến An và Dương Kinh, cấp nước cho các khu đô thị trên tuyến đường	DN600 L=4km	66,03	Năm 2026-2028	0,66	
B2. Nhà máy, trạm bơm				414,60		16,62	
11	Xây dựng bể chứa 3500m ³ trạm bơm tăng áp Đông Hải	Bổ sung dung tích bể chứa nước tại TBTA Đông Hải, đảm bảo an toàn và nâng cao năng lực cấp nước cho khu Đình Vũ - Cát Hải	V=3500m ³	13,06	Năm 2026-2027	10,44	
12	Xây dựng cải tạo, nâng cấp Trạm bơm tăng áp Cầu Rào	Cải tạo và nâng cấp trạm bơm khi thành phố giải phóng thu hồi một phần đất để thực hiện dự án Cầu Rào, đảm bảo an toàn và nâng cao năng lực cấp nước cho khu Hải An và Đình Vũ - Cát Hải;	Q=20.000 m ³ /ngđ	34,27	Năm 2026-2028	1,03	
13	Xây dựng trạm bơm nước sạch NMN Cầu Nguyệt công suất 160.000 m ³ /ngđ	Nâng công suất trạm bơm nước sạch tại NMN Cầu Nguyệt đảm bảo vận hành cấp nước theo công suất nhà máy (160.000 m ³ /ngđ)	Q=160.000 m ³ /ngđ	73,90	Năm 2026-2028	2,22	

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIỀN ĐỢ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN GIẢI NGÂN NĂM 2026 (TỶ ĐỒNG)	GHI CHÚ
14	Xây dựng cụm xử lý 100.000 m ³ /ngđ để nâng công suất NMN Cầu Nguyệt lên 160.000m ³ /ngày;	Nâng cao công suất cấp nước của NMN, đảm bảo cấp nước cho nhu cầu công nghiệp, dịch vụ, sản xuất và sinh hoạt của nhân dân thành phố	Q=100.000 m ³ /ngđ	293,38	Năm 2026-2030	2,93	
C. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN TRIỂN KHAI				112,72		1,13	
C1. Tuyến ống trực				112,72		1,13	
15	Xây dựng tuyến ống D600 từ trạm bơm Đồng Hải theo đường 356, đường Mạc Thái Tổ đến TBTA Đình Vũ, L=6,83km	Tăng cường cấp nước cho khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, tạo nguồn bổ sung cấp nước sang Cát Bà theo dự án cấp nước Cát Bà do thành phố đầu tư	DN600 L=6,83km	112,72	Năm 2026-2029	1,13	
C2. Phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước							

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIẾN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN GIẢI NGÂN NĂM 2026 (TỶ ĐỒNG)	GHI CHÚ
16	Xây dựng phát triển, mở rộng mạng lưới cấp nước ra các khu vực mới khi có yêu cầu và thoả thuận cấp nước		ht				Khi có yêu cầu và thoả thuận cấp nước;

Ghi chú:

- Kế hoạch đầu tư phát triển nêu trên là cơ sở để HĐQT quyết định chủ trương đầu tư các dự án cụ thể khi có đủ điều kiện theo quy định và tình hình cụ thể của công ty;
- Tổng mức đầu tư của từng dự án đều < 631,3 tỷ (tương đương < 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán. Tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2025 là 1975,1 tỷ đồng), thẩm quyền quyết định Chủ trương đầu tư từng dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Năm 2026, Công ty tập trung cao triển khai các dự án theo kế hoạch thực hiện năm 2026. Trường hợp có yêu cầu của thành phố hoặc địa phương và điều kiện pháp lý đảm bảo, cũng như để kịp thời, đồng bộ với dự án xây dựng các tuyến đường hè của thành phố, Hội đồng quản trị sẽ quyết định các dự án trong kế hoạch 2026-2030 hoặc bổ sung để triển khai sớm hơn dự kiến;
- Khối lượng, quy mô đầu tư, đơn giá, tổng mức đầu tư, tiến độ triển khai các dự án được lập trên cơ sở khảo sát toàn bộ theo mét ống, khách hàng và một số dự án tương đương công ty đã triển khai; Quy mô, tổng mức đầu tư và tiến độ phụ thuộc vào thực tế;
- Các dự án trong quá trình đầu tư, tiến độ có thể kéo dài do vướng các thủ tục về quy hoạch chung, quy hoạch 1:2000, quy hoạch chuyên ngành, thoả thuận vùng cấp nước và các nguyên nhân khác như cung ứng vật tư thiết bị ảnh hưởng bởi tình hình ổn định của thế giới....
- Kế hoạch giải ngân năm 2026 được xây dựng trên cơ sở kế hoạch tiến độ thực hiện dự án và tổng mức đầu tư. Các công trình dự án dự kiến thực hiện năm 2026 và công trình phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước giải ngân phụ thuộc vào tình hình thực tế triển khai dự án và tình hình thực tế của công ty;
- Số tiền dự kiến giải ngân năm 2026 có thể được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế triển khai dự án với đầy đủ điều kiện, cơ sở pháp lý và tình hình cụ thể của công ty; Số tiền giải ngân thực tế phụ thuộc vào khối lượng công việc thực tế triển khai và nghiệm thu, quyết toán theo quy định;
- Các dự án trong kế hoạch này được thực hiện cho giai đoạn năm 2026-2030 và thay thế cho các dự án trong kế hoạch trước (từ năm 2025 trở về trước)./.

SỐ PHÂN BCS
CẤP NƯỚC
HẢI PHÒNG

DỰ THẢO

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 26/4/2022;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 26/4/2022;

Căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 09/NQ-ĐHĐCĐ-2025 ngày 17/04/2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 12/BB-BKS ngày 20/3/2026 của Ban Kiểm soát về thống nhất các nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026, chuẩn bị các tài liệu, báo cáo trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại Hội đồng Cổ đông về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.

I/ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 09/NQ-ĐHĐCĐ-2025, Nghị quyết, quyết định HĐQT

1. Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Năm 2025, Công ty triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp nước an toàn cho khách hàng, thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ-2025 ngày 17/04/2025.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh (%)	So sánh (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)/(5)	(6)/(4)
1	Sản lượng nước sản xuất	triệu m ³	94,4	95,6	98,7	103,2	104,6
2	Sản lượng nước tiêu thụ	triệu m ³	85,0	89,3	89,3	100	105,1
3	Tổng doanh thu và TN khác	tỷ đồng	1.213,9	1.309,3	1.313,9	100,4	108,2
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	119	125,7	176,8	140,6	148,6
5	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	97,1	102,5	143,4	139,9	147,6
6	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	9%	≥9,0%	15%		166%

- Sản lượng nước sản xuất năm 2025 là 98,7 triệu m³ tăng 3,2% so với kế hoạch, tăng 4,6% so với thực hiện năm 2024;

- Sản lượng nước tiêu thụ năm 2025 là 89,3 triệu m³ đạt 100% so với kế hoạch, tăng 5,1% so với thực hiện năm 2024;

- Tổng doanh thu và thu nhập khác là 1.313,9 tỷ đồng tăng 0,4% so với kế hoạch, tăng 8,2% so với thực hiện năm 2024;

- Lợi nhuận trước thuế là 176,8 tỷ đồng tăng 40,6% so với kế hoạch, tăng 48,6% so với thực hiện năm 2024;

- Lợi nhuận sau thuế là 143,4 tỷ đồng tăng 39,9% so với kế hoạch, tăng 47,6% so với thực hiện năm 2024.

- Năm 2025, Công ty nộp ngân sách nhà nước (số phải nộp) số tiền: 50.392 triệu đồng. Trong đó: thuế GTGT: 1.019 triệu đồng thuế TNDN: 33.399 triệu đồng; thuế TNCN: 7.514 triệu đồng; thuế môn bài: 15 triệu đồng; thuế tài nguyên: 387 triệu đồng; phí dịch vụ môi trường rừng: 4.645 triệu đồng; Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước: 2.564 triệu đồng; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 848 triệu đồng. Công ty đã nộp 44.200 triệu đồng. Công ty đã chuyển trả tiền cổ tức 53.818 triệu đồng tương ứng với phần vốn góp của nhà nước.

- Hệ số bảo toàn vốn tại ngày 31/12/2025: vốn chủ sở hữu/vốn điều lệ là 1,41. Ngày 31/12/2025 vốn chủ sở hữu 1.045.255 triệu đồng tăng 40,8% so với thời điểm cổ phần hóa (vốn điều lệ 742.069 triệu đồng), tăng 5,2% so với thời điểm 31/12/2024. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, không có lỗ lũy kế, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.

2. Phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ-2025:

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ-2025 ngày 17/04/2025 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua. Trong đó:

- Trích quỹ đầu tư phát triển 4.835 triệu đồng được sử dụng để chi các hoạt động đầu tư phát triển Công ty.

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 24.497 triệu đồng. Năm 2025, Công ty đã sử dụng 24.933 triệu đồng từ quỹ khen thưởng phúc lợi để chi cho các hoạt động phúc lợi, các hoạt động khen thưởng cho người lao động bao gồm các khoản thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo pháp luật thi đua khen thưởng cho người lao động trong Công ty.

- Trích quỹ thưởng người quản lý 600 triệu đồng. Năm 2025, Công ty đã chi thưởng cho người quản lý Công ty 600 triệu đồng.

- Chia cổ tức bằng tiền mặt 9%/vốn điều lệ. Công ty thực hiện chi trả đầy đủ, đúng hạn cho các cổ đông tổng số tiền 66.786 triệu đồng; trong đó chuyển trả đủ cho cổ đông nhà nước là: 53.818 triệu đồng.

3. Chi trả thù lao của thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), thành viên Ban kiểm soát (BKS) Công ty:

- Căn cứ Văn bản số 2234/UBND-NVKTGS ngày 27/08/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án xác định quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng, mức thù lao kế hoạch năm 2025 của thành viên HDQT không chuyên trách là 8.920.000 đồng/tháng/người; mức thù lao kế hoạch năm 2025 của kiểm soát viên không chuyên trách là 6.690.000 đồng/tháng/người. HDQT đã có quyết định về việc phê duyệt chi trả thù lao cho từng thành viên HDQT không chuyên trách, kiểm soát viên không chuyên trách năm 2025.

- Trong năm, Công ty đã chi trả cho từng thành viên HDQT không chuyên trách, kiểm soát viên không chuyên trách với tổng số tiền: 588.720.000 đồng bằng kế hoạch được UBND thành phố phê duyệt. Trong đó, thù lao của thành viên HDQT không chuyên trách (04 người) là 428.160.000 đồng; kiểm soát viên không chuyên trách (02 người) là: 160.560.000 đồng.

4. Lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty:

Hội đồng Quản trị đã thực hiện lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC để thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thuộc danh sách các công ty kiểm toán độc lập được ĐHCĐ thường niên năm 2025 thông qua.

5. Thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025

Thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển đã được ĐHCĐ thường niên năm 2025 thông qua tại Nghị quyết số 09/NQ-ĐHCĐ-2025 ngày 17/04/2025, trong năm Công ty tiếp tục triển khai các dự án, quyết định chủ trương đầu tư. HDQT đã thống nhất thông qua chủ trương đầu tư xây dựng từng dự án trong kế hoạch đầu tư phát triển khi có điều kiện thực hiện.

Trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành công tác nghiệm thu, quyết toán các dự án (1) Xây dựng tuyến ống D400 cấp nguồn khu vực phía tây huyện Tiên Lãng có giá trị quyết toán là 35.128 triệu đồng, giá trị tài sản cố định hình thành là: 32.497 triệu đồng; (2) Cấp nước xã An Thọ, huyện An Lão có giá trị quyết toán là: 9.851 triệu đồng, giá trị tài sản hình thành từ dự án là: 9.201 triệu đồng; (3) Xây dựng tuyến ống D500 đường Bùi Viện - Thiên Lôi (từ đường Võ Nguyên Giáp đến trạm bơm tăng áp Cầu Rào) có giá trị quyết toán là: 5.015 triệu đồng, giá trị tài sản hình thành là 4.609 triệu đồng; (4) Cấp nước xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Bảo có giá trị quyết toán là 10.589 triệu đồng, giá trị tài sản hình thành từ dự án là: 9.840 triệu đồng;

6. Công tác bầu thành viên HĐQT, BKS, Ban thư ký

- Theo Kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua tại Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ-2025 ngày 17/04/2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức phiên họp bầu Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT; và Ban kiểm soát đã tổ chức phiên họp bầu Trưởng Ban kiểm soát.

- HĐQT đã tổ chức họp thống nhất kiện toàn bộ nhiệm các chức danh trong Ban điều hành Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 gồm Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng với thời hạn bổ nhiệm theo nhiệm kỳ 2025-2030.

- HĐQT đã họp thống nhất quyết định bổ nhiệm thành viên Ban thư ký Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 gồm 03 người: 01 trưởng ban và 02 thành viên.

7. Triển khai thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị :

Trong năm 2025, HĐQT đã ban hành 33 nghị quyết, quyết định về việc thông qua kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng quý và kế hoạch quý tiếp theo; chủ trương đầu tư xây dựng các dự án đầu tư theo kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025 đã được phê duyệt; quyết định thành lập ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và các tiểu ban liên quan, thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông; nghị quyết bầu Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm các chức danh trong Ban điều hành; phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT; chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS, Ban thư ký; phân bổ vốn đầu tư của Công ty cho các người đại diện theo ủy quyền quản lý tại Công ty CP Kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng sau khi tăng vốn điều lệ lên 15%; quyết định về việc cập nhật, ban hành lại quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị; quyết định về việc điều chỉnh lương; quyết định về ban hành quy chế thực hiện dân chủ tại Công ty.

Công ty đã triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra.

II/ Báo cáo tài chính năm 2025 và tình hình tài chính của Công ty

1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC)

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Theo ý kiến của kiểm toán viên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã bao gồm đủ các báo cáo theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày

31/12/2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025, báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2025 và thuyết minh báo cáo tài chính. Nội dung và các chỉ tiêu trên báo cáo cơ bản phản ánh tình hình tài sản, nguồn vốn, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2025. Việc lập, trình bày tuân thủ theo biểu mẫu và phương pháp theo quy định hiện hành.

Việc lập, công bố báo cáo tài chính thực hiện theo thẩm quyền và trách nhiệm của các cá nhân, bộ phận liên quan. Công ty tổ chức thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính đã cung cấp thông tin tài chính phục vụ quản lý điều hành sản xuất kinh doanh và các cổ đông.

2. Một số chỉ tiêu tình hình tài chính và kết quả kinh doanh theo số liệu BCTC

Bảng 2: Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A	Tổng cộng tài sản	1.975.065	1.961.422
1	Tài sản ngắn hạn	742.687	597.265
2	Tài sản dài hạn	1.232.378	1.364.156
B	Tổng cộng nguồn vốn	1.975.065	1.961.422
1	Nợ phải trả	929.810	967.641
1.1	Nợ ngắn hạn	184.247	179.804
1.2	Nợ dài hạn	745.562	787.836
2	Vốn chủ sở hữu	1.045.255	993.781
2.1	Vốn góp của chủ sở hữu	742.069	742.069
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	157.997	153.161
2.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	145.188	98.550
C	Kết quả kinh doanh	Năm 2025	Năm 2024
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.255.806	1.166.569
2	Doanh thu hoạt động tài chính	37.515	31.090
3	Thu nhập khác	20.605	16.239
4	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.313.927	1.213.898
5	Tổng chi phí	1.137.171	1.094.865
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	176.756	119.033
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	143.357	97.105

Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được điều chỉnh (chi tiết theo Báo cáo tài chính năm 2025). Theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán, kết quả như sau:

Tại thời điểm ngày 31/12/2025 tổng tài sản của Công ty có giá trị 1.975.065 triệu đồng tăng 13.643 triệu đồng tương đương 0,7% so với giá trị tổng tài sản tại ngày 31/12/2024. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn là 742.687 triệu đồng, tăng 145.422 triệu đồng so với tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2024, chủ yếu tăng do lượng tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại trong nước tăng. Do đó, tăng khả năng đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và trả các khoản nợ vay của Công ty.

- Tài sản dài hạn là 1.232.378 triệu đồng, giảm 131.778 triệu đồng so với năm trước, chủ yếu do khấu hao tài sản trong năm làm giá trị còn lại của tài sản cố định giảm.

Tại thời điểm ngày 31/12/2025 Nợ phải trả là 929.810 triệu đồng, giảm 37.831 triệu đồng so với thời điểm 31/12/2024. Trong đó nợ dài hạn chiếm tỷ trọng lớn (745.562 triệu đồng), là các khoản vay ngân hàng thực hiện các dự án đầu tư. Nợ dài hạn giảm do Công ty thực hiện trả các khoản nợ vay và không phát sinh khoản nợ vay dài hạn mới.

Tại thời điểm ngày 31/12/2025, vốn chủ sở hữu đạt 1.045.255 triệu đồng, tăng 51.474 triệu đồng so với năm 2024. Sự gia tăng này chủ yếu do lợi nhuận sau thuế năm 2025 cao hơn năm 2024 và việc trích lập quỹ đầu tư phát triển theo phương án phân phối lợi nhuận.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 đạt 1.255.806 triệu đồng tăng 89.238 triệu đồng tương đương 7,6% so với năm 2024 do sản lượng nước tiêu thụ và đơn giá bình quân năm 2025 tăng so với năm 2024.

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 143.357 triệu đồng tăng 46.252 triệu đồng tương đương 47,6% so với năm 2024.

Tình hình bảo toàn và phát triển vốn: Theo quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 9/4/2015 về việc hoàn tất thủ tục chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng, vốn điều lệ của Công ty là 742.069 triệu đồng. Trong đó vốn góp của nhà nước là 597.978 triệu đồng. Theo số liệu Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, tại thời điểm 31/12/2024, vốn chủ sở hữu là 993.781 triệu đồng. Tại thời điểm 31/12/2025, vốn chủ sở hữu là 1.045.255 triệu đồng tăng so với vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2024 là 51.474 triệu đồng, tăng so với vốn điều lệ là 303.186 triệu đồng. Vốn chủ sở hữu tăng thông qua việc trích lập quỹ đầu tư phát triển qua các năm, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước. Tại thời điểm 31/12/2025 Công ty không phát sinh lỗ, không có lỗ lũy kế. Vốn chủ sở hữu của công ty bảo toàn và phát triển.

Tình hình tài sản: Tại thời điểm 31/12/2025 tổng tài sản của Công ty là 1.975.065 triệu đồng được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu, vốn vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý, theo dõi tài sản cố định theo nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại của tài sản. Tài sản cố định hữu hình gồm nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, truyền dẫn, thiết bị, dụng cụ quản lý, tài sản cố định hữu hình khác. Các tài sản này được hình thành chủ yếu do mua sắm và xây dựng cơ bản hoàn thành. Trong năm 2025, tài sản cố định hữu hình của Công ty tăng do mua sắm là 11.099 triệu đồng, tăng do đầu tư xây dựng cơ bản là 60.386 triệu đồng.

Đối với tài sản ngắn hạn, tại thời điểm 31/12/2025, tài sản ngắn hạn là 742.687 triệu đồng. Công ty quản lý tiền và gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước, khoản lãi tiền gửi được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính, Công ty duy trì lượng tiền mặt tại quỹ đảm bảo định mức tồn quỹ theo quy định của Công ty; các khoản phải thu của khách hàng được theo dõi và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn; Hàng tồn kho của công ty chủ yếu là nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong quá trình hoạt động, Công ty cẩn thận xuyên rà soát, quản lý, mua sắm hàng tồn kho đảm bảo đúng quy định và hiệu quả, tổ chức rà soát, phân loại chi tiết theo mức độ luân chuyển, xác định rõ nguyên nhân tồn đọng để có biện pháp xử lý phù hợp, theo quy định hiện hành.

Tình hình công nợ: Các khoản nợ phải thu, phải trả được công ty theo dõi theo từng đối tượng phát sinh công nợ. Cuối năm đã gửi đối chiếu xác nhận công nợ. Tại thời điểm ngày 31/12/2025, Công ty còn khoản nợ vay ngân hàng phát triển Châu Á số tiền là 813.305 triệu đồng. Đây là khoản vay thực hiện dự án Đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Hải phòng – giai đoạn 2. Công ty đảm bảo nguồn lực tài chính thực hiện thanh toán các khoản nợ đầy đủ và đúng kỳ. Trong năm 2025, Công ty đã chi trả nợ vay các ngân hàng là 79.312 triệu đồng tiền gốc vay.

Đối với các khoản nợ phải thu, tại thời điểm 31/12/2025 tỷ lệ khoản nợ phải thu khách hàng trên doanh thu thuần ở mức thấp chiếm tỷ trọng 0,34% phản ánh hiệu quả trong công tác quản lý công nợ và thu hồi tiền bán hàng góp phần đảm bảo dòng tiền ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Các chỉ số tài chính

Bảng 3: Một số chỉ số tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (TSNH / Nợ ngắn hạn)	Lần	4,03	3,32
Hệ số thanh toán nhanh ((TSNH – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn)	Lần	3,64	3,00
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Năm 2024
Tỷ lệ TSNH / Tổng tài sản	%	37,6	30,5
Tỷ lệ TSDH / Tổng tài sản	%	62,4	69,5
Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	47,1	49,3
Tỷ lệ nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	52,9	50,7
Tỷ lệ nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	Lần	0,89	0,97
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	16,0	10,8
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	11,4	8,3
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	7,3	5,0

Ghi chú: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu được tính bằng tỷ lệ giữa lợi nhuận sau thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân trong năm. Vốn chủ sở hữu được xác định tại Báo cáo tài chính bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, vốn khác của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu bình quân năm được xác định bằng tổng số dư đầu kỳ và cuối kỳ chia cho 2.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản được tính bằng tỷ lệ giữa lợi nhuận sau thuế so với tổng tài sản bình quân năm. Tổng tài sản bình quân năm được xác định bằng tổng số dư đầu kỳ và cuối kỳ chia cho 2.

Khả năng thanh toán: Tại thời điểm 31/12/2025, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 4,03 lần cho thấy tổng tài sản ngắn hạn lớn gấp 4,03 lần so với nợ phải trả ngắn hạn. Hệ số thanh toán nhanh đạt 3,64 lần, phản ánh khi loại trừ hàng tồn kho, tài sản có tính thanh khoản cao của công ty vẫn đủ để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Khả năng thanh toán nhanh của Công ty ở mức tốt. Công ty đảm bảo được nguồn vốn lưu động thường xuyên để thanh toán chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, sẵn sàng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Cơ cấu tài sản và nguồn vốn: Tỷ lệ tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản đạt 37,6%; Tỷ lệ tài sản dài hạn trên tổng tài sản là 62,4%, cho thấy tài sản dài hạn của công ty chiếm phần lớn. Cơ cấu này phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các tài sản hạ tầng, các công trình tuyến ống, máy móc thiết bị chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản của Công ty. Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn là 47,1% cho thấy nguồn vốn của Công ty được hình thành từ vốn chủ sở hữu lớn hơn nợ phải trả. Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu đạt 0,89 lần. Điều này cho thấy cơ cấu nguồn vốn của Công ty tương đối cân đối, đảm bảo yêu cầu an toàn tài chính, đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Khả năng sinh lời: Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 16%, tăng so với mức 10,8% của năm trước. Chỉ tiêu này cho thấy hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu của Công ty được nâng cao, khả năng tạo lợi nhuận trên

mỗi đồng vốn của cổ đông được cải thiện so với năm trước. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS) đạt 11,4%, tăng so với mức 8,3% của năm trước. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty có sự cải thiện tích cực. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) đạt 7,3%, cao hơn mức 5,0% của năm trước, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty được nâng lên. Các chỉ tiêu sinh lời của Công ty năm 2025 đều tăng so với năm 2024, cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn, khả năng tạo lợi nhuận từ vốn và tài sản được cải thiện.

III/ Các giao dịch với Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng (công ty con)

1. Giao dịch với Công ty con:

Trong năm, giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng (Công ty mẹ) và Công ty CP Kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng (Công ty con) có phát sinh giao dịch mua bán nước sạch và kiểm nghiệm nước sạch, tổng giá trị giao dịch là 8.949 triệu đồng (bao gồm cả VAT). Trong đó:

- Công ty mẹ bán nước sạch, thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm nước cho Công ty con với giá trị: 8.856 triệu đồng (bao gồm cả VAT);
- Công ty mẹ mua nước sạch của Công ty con với giá trị: 93 triệu đồng (bao gồm cả VAT).

2. Một số chỉ tiêu chính kết quả hoạt động của Công ty con

Công ty có vốn đầu tư tại Công ty CP Kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng với tỷ lệ 65,29% vốn điều lệ. Năm 2025, Công ty đã thu tiền cổ tức từ công ty con số tiền 9.933 triệu đồng.

Trong năm, Công ty con đã thực hiện phương án tăng vốn điều lệ 15% từ quỹ đầu tư phát triển. Vốn điều lệ của Công ty con tại ngày 31/12/2025 là 97.203 triệu đồng, trong đó vốn góp của Công ty chiếm 65,29% tương ứng 63.465 triệu đồng.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty CP kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng: Sản lượng nước sản xuất và nước mua đạt 10,8 triệu m³; sản lượng nước tiêu thụ đạt 9,9 triệu m³; doanh thu và thu nhập khác đạt 145.419 triệu đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 31.411 triệu đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 25.129 triệu đồng. Các chỉ tiêu thực hiện này đều đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

IV/ Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ

Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ đã được xây dựng và từng bước hoàn thiện. Công ty đã xây dựng và ban hành các quy chế, quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ để thống nhất triển khai thực hiện và kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính. Về cơ bản, Công ty đã phân công trách nhiệm giữa các bộ phận, đơn vị và cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; Bộ phận

kiểm toán nội bộ của Công ty đã phối hợp với công ty kiểm toán để thực hiện công tác kiểm toán theo định hướng rủi ro, thực hiện kiểm toán 01 chuyên đề.

Tuy nhiên, hiệu quả vận hành của hệ thống kiểm soát nội bộ, việc triển khai thực hiện công tác kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro chưa phát huy đầy đủ vai trò, mức độ phối hợp và gắn kết giữa các bộ phận liên quan còn hạn chế; việc nhận diện và đánh giá rủi ro chưa bao quát toàn diện.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Công ty cần thiết nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường hoạt động kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro để đáp ứng yêu cầu quản trị, nâng cao chất lượng, độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính của báo cáo tài chính, tuân thủ nguyên tắc hoạt động, quản lý, tuân thủ pháp luật, chế độ tài chính, kế toán, các nghị quyết, quyết định của Công ty, phát hiện những sơ hở, yếu kém, gian lận trong quản lý, bảo vệ tài sản; đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành hoạt động của Công ty

V/ Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc, Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc Công ty

1. Kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm:

- (1) Ông Trần Việt Cường – Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- (2) Ông Trần Văn Dương – Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- (3) Ông Cao Văn Quý – Thành viên Hội đồng Quản trị;
- (4) Ông Trịnh Anh Tuấn – Thành viên Hội đồng Quản trị;
- (5) Ông Đặng Hữu Dũng – Thành viên Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị gồm 5 thành viên, trong đó có 03 thành viên kiêm nhiệm là Tổng giám đốc và 02 phó Tổng giám đốc.

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã triệu tập và tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định; đã tổ chức 32 phiên họp bao gồm 04 phiên họp thường kỳ hàng quý và các phiên họp đặc biệt nhất quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, tham gia 12 phiên họp thường kỳ hàng tháng với Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Điều hành Công ty và các cuộc họp khác; Các cuộc họp HĐQT đều có đầy đủ các thành viên tham dự và lập biên bản.

HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, giám sát việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, triển khai thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra;

Trong năm 2025, HĐQT đã ban hành 33 nghị quyết, quyết định về các nội dung thuộc thẩm quyền như: thông qua kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng quý và kế hoạch quý tiếp theo; chủ trương đầu tư xây dựng các dự án cấp nước theo kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025 đã được phê duyệt; quyết định thành lập ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và các tiểu ban liên quan, thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông; nghị quyết bầu Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm các chức danh trong Ban điều hành; phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT; chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS, Ban thư ký; phân bổ vốn đầu tư của Công ty cho các người đại diện theo uỷ quyền quản lý tại Công ty CP Kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng sau khi tăng vốn điều lệ lên 15%; quyết định về việc cập nhật, ban hành lại quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị; quyết định về việc điều chỉnh lương; quyết định về ban hành quy chế thực hiện dân chủ tại Công ty. Ban điều hành đã tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, các nghị quyết, quyết định của HĐQT đảm bảo công ty hoạt động ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Tại cuộc họp HĐQT, các thành viên HĐQT đã thống nhất thông qua các nội dung, tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. Trong đó, HĐQT đã thống nhất thông qua và trình ĐHĐCĐ dự thảo Báo cáo HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2025; Kế hoạch hoạt động năm 2026 (Chi tiết báo cáo kèm theo trong tài liệu trình ĐHĐCĐ)

Trong dự thảo báo cáo hoạt động của HĐQT, số liệu các chỉ tiêu cơ bản về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (sản lượng nước sản xuất, sản lượng nước tiêu thụ, tổng doanh thu và thu nhập khác, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế); kết quả thực hiện các dự án đầu tư phát triển năm 2025; thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát nhất quán với báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và BCTC năm 2025 đã được kiểm toán.

2. Kết quả hoạt động của Tổng giám đốc

Định kỳ hàng tháng Tổng giám đốc tổ chức họp giao ban mời Hội đồng Quản trị, các thành phần tham gia là lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị thuộc Công ty; tổ chức các cuộc họp chuyên đề để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng giám đốc đã chỉ đạo tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các dự án đầu tư và các hoạt động khác theo mục tiêu hoạt động, định hướng của Công ty và đạt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Tại cuộc họp HĐQT, các thành viên HĐQT đã thống nhất thông qua về các nội dung, tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. Trong đó, HĐQT đã thống nhất thông qua và trình ĐHĐCĐ dự thảo Báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty (Chi tiết báo cáo kèm theo trong tài liệu trình ĐHĐCĐ)

Dự thảo báo cáo đã trình bày kết quả tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bao gồm các lĩnh vực với các số liệu phù hợp và nhất quán với Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán; phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 đã được HĐQT thống nhất thông qua để người đại diện vốn nhà nước xin ý kiến chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026

3. Kết quả phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc Công ty.

Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty đã có sự phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty, cổ đông và theo quy định. Ban Kiểm soát đã được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ hàng quý, cuộc họp giao ban nhằm nắm bắt tình hình động sản xuất kinh doanh của Công ty, tham gia đóng góp ý kiến kịp thời.

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

VI/ Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025

1. Số lượng và cơ cấu thành viên của Ban Kiểm soát

Theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ-2025 ngày 17/4/2025 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua kết quả bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030, Ban kiểm soát đã họp bầu trưởng Ban kiểm soát, theo đó Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 bao gồm 03 thành viên:

- (1) Bà Lê Thị Hương: Trưởng Ban Kiểm soát
- (2) Ông Nguyễn Minh Hoàng: Thành viên
- (3) Ông Phạm Quang Huy: Thành viên (được bầu từ ngày 17/4/2025 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025)
- (4) Bà Đỗ Thị Thanh Diệp là Thành viên Ban Kiểm soát đến ngày 17/4/2025.

2. Lương, thưởng, thù lao của Ban Kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Ban Kiểm soát được thực hiện theo Quy chế trả lương, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Tổng thù lao của Ban Kiểm soát trong năm 2025 là: 160.560.000 đồng (Trong đó: Thù lao kiểm soát viên không chuyên trách của Bà Đỗ Thị Thanh Diệp là: 23.415.000 đồng; Thù lao kiểm soát viên không chuyên trách của Ông Nguyễn Minh Hoàng là 80.280.000 đồng; Thù lao kiểm soát viên không chuyên trách của Ông Phạm Quang Huy là 56.865.000 đồng). Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Trưởng Ban Kiểm soát được xây dựng, chi trả theo quy chế trả lương và các quy định nội bộ của Công ty. Thu nhập của thành viên Ban kiểm soát được ghi thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm 2025 theo quy định.

3. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025

3.1 Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025

Trong năm 2025, các thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng giám sát tại Công ty, tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch công tác một cách độc lập, khách quan, trung thực, cẩn trọng, bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và sự phát triển của Công ty. Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ đến từng thành viên, tổ chức các cuộc họp hàng quý bao gồm đầy đủ các thành viên tham gia, đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin giữa các thành viên để triển khai các nội dung công việc theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Ban kiểm soát.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Thông qua báo cáo của HĐQT, Tổng giám đốc để xem xét tính hợp lý, mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban kiểm soát đã phối hợp với Công ty kiểm toán độc lập trong công tác soát xét, xem xét tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Công ty. Thường xuyên cập nhật những kiến thức, quy định mới. Tham dự và tham gia thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty. Các thành viên ban kiểm soát đã lập, thống nhất các báo cáo định kỳ hàng quý, tham gia ý kiến thảo luận tại cuộc họp HĐQT, trình báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên theo quy định.

Trong năm Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để triển khai hoạt động của Ban Kiểm soát, nội dung chủ yếu của các cuộc họp:

- Cuộc họp tổng kết công tác Kiểm soát năm 2024 và thẩm định báo cáo tài chính Quý IV/2024 và cả năm 2024;
- Cuộc họp về thống nhất báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, BĐH, BKS năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025, chuẩn bị các tài liệu, báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025;
- Cuộc họp về bầu Trưởng Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ các thành viên Ban kiểm soát;
- Cuộc họp về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGD, BKS hàng quý năm 2025 và kế hoạch quý tiếp theo.

Ngoài các cuộc họp và làm việc trực tiếp, Ban Kiểm soát thường xuyên liên lạc, trao đổi qua điện thoại và các phương tiện khác những thông tin, tài liệu, thực hiện nhiệm vụ của kiểm soát viên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động

của Ban Kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát, cuộc họp thường kỳ hàng quý của Hội đồng Quản trị để thảo luận, góp ý các nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đã nhất trí nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua.

3.2 Kết quả hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát

Trong năm 2025, các thành viên Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công, tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Đồng thời, các thành viên Ban kiểm soát phối hợp, hỗ trợ và cùng nhau thống nhất các nội dung công việc, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

(1) Bà Lê Thị Hương - Trưởng Ban kiểm soát: Thực hiện các công việc của Trưởng Ban kiểm soát theo quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty; Phụ trách chung công việc của Ban Kiểm soát, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát, cuộc họp thường kỳ hàng quý của HĐQT và một số cuộc họp có thành phần Ban kiểm soát tham dự. Theo dõi, đôn đốc, triển khai thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát thực hiện các nhiệm vụ được giao của Ban kiểm soát; Triển khai thực hiện công tác xem xét, kiểm tra thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, xem xét việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công; tổng hợp ý kiến của các thành viên Ban Kiểm soát, lập các báo cáo của Ban kiểm soát với sự nhất trí, thống nhất của các thành viên Ban kiểm soát; thực hiện các công việc khác theo phân công nhiệm vụ.

(2) Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thành viên: Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Thực hiện xem xét báo cáo tài chính hàng quý/năm; Kiểm tra tính hợp lý, trung thực của các số liệu tài chính và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tính thống nhất, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; Rà soát kiểm tra và đánh giá hiệu quả, hiệu lực của kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty; Xem xét kiểm soát trong việc ban hành, thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành Công ty; Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, ĐHĐCĐ thường niên; Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

(3) Ông Phạm Quang Huy - Thành viên: Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty,

quy chế hoạt động Ban kiểm soát, nhiệm vụ của Ban kiểm soát; Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm tra mức độ cần trọng, tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; Xem xét khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có đơn thư đề nghị xem xét các vấn đề mà cổ đông quan tâm cần làm rõ; Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia đóng góp ý kiến tại các cuộc họp quý của Hội đồng Quản trị, tham gia họp ĐHĐCĐ thường niên; Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

(4) Bà Đỗ Thị Thanh Diệp - Thành viên: Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, quy chế hoạt động Ban kiểm soát, nhiệm vụ của Ban kiểm soát; thực hiện kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; Kiểm tra, kiểm soát các nội dung liên quan các khoản doanh thu, chi phí; công tác mua sắm hàng hóa dịch vụ; nợ phải thu, nợ phải trả; công tác đầu tư vào công ty con; thực hiện các nhiệm vụ khác được phân công.

4. Nhận xét, kiến nghị

Năm 2025, Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc đã triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển của Công ty. Công ty đạt và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua tại Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ-2025 ngày 17/4/2025 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 với một số chỉ tiêu chính bao gồm sản lượng nước sản xuất, sản lượng nước tiêu thụ, tổng doanh thu và thu nhập khác, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế. Trên cơ sở giám sát, Ban kiểm soát có một số kiến nghị Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc như sau:

- Chỉ đạo, giám sát các đơn vị, bộ phận, phổ biến đến từng người lao động thực hiện đầy đủ, đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định; chủ động nhận diện sớm các rủi ro, sự cố để kịp thời xử lý; có trách nhiệm phối hợp trong quá trình thực hiện.

- Chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn hoạt động của Công ty; đảm bảo quy định rõ ràng nghĩa vụ, trách nhiệm của các bộ phận và cá nhân có liên quan đến việc tạo lập, thực hiện, quản lý và kiểm soát các giao dịch kinh tế phát sinh tại Công ty;

- Cùng cố, tăng cường công tác kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả, tính độc lập và tuân thủ quy định của pháp luật. Hàng năm, cần xây dựng kế hoạch kiểm

toán nội bộ dựa trên đánh giá rủi ro, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các sai sót, tồn tại và theo dõi việc thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán.

- Thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ; tăng hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

- Chỉ đạo, thực hiện công tác quản lý tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; hạch toán, ghi nhận và thanh quyết toán chính xác, có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ, hợp pháp, hợp lý, theo quy định của pháp luật, phản ánh trung thực tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty;

- Thực hiện quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động tại Công ty con, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật; cần hoàn thiện cơ chế giám sát, chế độ báo cáo. Đồng thời, cần quy định, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đại diện vốn Công ty tại Công ty con;

- Chỉ đạo công tác theo dõi, quản lý, sử dụng, hạch toán, ghi nhận tài sản cố định theo quy định, kịp thời ghi nhận các biến động tăng, giảm, luân chuyển và nâng cao hiệu quả khai thác. Chỉ đạo xử lý các tài sản lạc hậu, hỏng không còn sử dụng được theo quy định. Đối với tài sản của nhà nước giao cho công ty cần thường xuyên theo dõi, quản lý, sử dụng đúng mục đích, hạch toán, ghi nhận, báo cáo cơ quan chủ sở hữu theo quy định hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

- Công ty tiếp tục công tác chuyển đổi số phù hợp với đặc thù hoạt động, đảm bảo tính kết nối, khai thác hiệu quả dữ liệu, bảo mật thông tin và chi phí hợp lý.

- Tổ chức thực hiện công tác lao động, tiền lương, báo cáo cơ quan chủ sở hữu theo quy định hiện hành; Tiếp tục rà soát, triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến lao động, tiền lương, tiền thưởng, thù lao đảm bảo đúng thẩm quyền, phù hợp với Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 và phù hợp với quy định nội bộ của Công ty.

- Thực hiện công tác quản lý triển khai các dự án đầu tư, công tác xây dựng, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả, thực hiện đúng quy định của pháp luật; triển khai các dự án đầu tư phát triển theo kế hoạch đã được phê duyệt khi có đầy đủ các cơ sở pháp lý, tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả vốn đầu tư.

5. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2026

Thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Triển khai các công việc thường xuyên của Ban kiểm soát bao gồm:

Xem xét, rà soát báo cáo kết quả thực hiện và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, năm và giám sát việc triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh

của Công ty, kiểm tra tính hợp lý và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành thông qua các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, các báo cáo Hội đồng quản trị, báo cáo sản xuất kinh doanh của Ban điều hành; kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc trong việc thực hiện theo đúng định hướng mục tiêu chiến lược của Công ty, theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm 2026, các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

Xem xét tính đầy đủ, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính quý, 06 tháng và năm 2026 của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị. Tham gia, thảo luận và phối hợp với đơn vị kiểm toán trong việc soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm để phát hiện và khắc phục kịp thời các rủi ro trọng yếu.

Thường xuyên cập nhật những kiến thức, quy định mới. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, các cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của công ty. Lập các báo cáo định kỳ của Ban Kiểm soát. Tiếp tục duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và các phòng ban trong Công ty.

Thực hiện các công tác khác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.

Ban kiểm soát xin trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Các thành viên HĐQT;
- Các thành viên BKS;
- Các thành viên BDH;
- Ban Thư ký Công ty;
- Lưu: BKS, BTK.

**TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Lê Thị Hương



UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

**ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC
GIAI ĐOẠN 2026-2030 DỰ KIẾN**
(KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG)

Hải Phòng, Tháng 01/2026

LỜI MỞ ĐẦU

Tiếp nối bề dày truyền thống hơn một thế kỷ hình thành và phát triển, giữ vai trò chủ lực trong lĩnh vực cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và phát triển đô thị của thành phố Hải Phòng. Trải qua nhiều giai đoạn chuyển đổi mô hình hoạt động, từ doanh nghiệp công ích sang công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối, Công ty không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng lưới cấp nước và khẳng định uy tín, vị thế hàng đầu trong ngành cấp nước đô thị tại Việt Nam.

Giai đoạn 2026-2030 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty, trong bối cảnh nền kinh tế số, đô thị thông minh và biến đổi khí hậu đang đặt ra những yêu cầu mới về chất lượng dịch vụ, năng lực quản trị, công nghệ và nguồn lực. Việc xây dựng Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030 nhằm xác định rõ mục tiêu, ưu tiên phát triển, lộ trình hành động và các giải pháp tổng thể, toàn diện, làm cơ sở cho việc triển khai hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và tổ chức bộ máy trong những năm tới.

Tài liệu này được xây dựng dựa trên tổng hợp phân tích về thực trạng nội tại của Công ty, quy hoạch phát triển của thành phố Hải Phòng, các yêu cầu về pháp lý, định hướng của Chính phủ và các bộ ngành, cùng với kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình vận hành hệ thống cấp nước đô thị. Từ đó, hoạch định rõ chiến lược phát triển đồng bộ trên các trụ cột: hiện đại hóa công nghệ, phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải tiến quản trị, tối ưu tài chính và mở rộng vùng phục vụ.

Chiến lược phát triển trong nhiệm kỳ tới tập trung vào các trụ cột chính sau: (1) Đảm bảo cung cấp nước sạch ổn định, chất lượng và an toàn; (2) Đầu tư có trọng điểm vào hạ tầng kỹ thuật, mở rộng vùng phục vụ; (3) Tối ưu hóa hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị, tổ chức và tinh gọn bộ máy; (4) Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, hiện đại hóa hệ thống điều hành, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; (5) Xây dựng đội ngũ nhân lực chuyên môn cao, chuyên nghiệp và gắn bó; (6) Đảm bảo và phát huy hiệu quả việc sử dụng vốn nhà nước và các nguồn lực xã hội hoá.

Việc triển khai thành công Định hướng Chiến lược giai đoạn 2026-2030 đòi hỏi sự đồng thuận, nỗ lực cao của toàn thể cán bộ công nhân viên, sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương. Với truyền thống đoàn kết, tinh thần đổi mới và quyết tâm phát triển, Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng tin tưởng sẽ hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đã đề ra, tiếp tục khẳng định vị thế là doanh nghiệp hàng đầu trong ngành cấp nước, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng và khu vực./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Việt Cường

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG.....	1
II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	2
III. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA CÔNG TY	3
III.1 Các thông tin chung	3
III.2. Ngành nghề kinh doanh	3
III.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	4
III.4. Một số kết quả đạt được.....	4
III.5. Quản lý nhà nước liên quan hoạt động sản xuất kinh doanh	5
III.5.1. Các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất kinh doanh	5
III.5.2. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn về cấp nước sạch.....	6
IV. HỆ THỐNG CẤP NƯỚC VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT KINH DOANH	7
IV.1. Nguồn nước và các nhà máy nước.....	7
IV.1.1. Mô tả chung hệ thống cấp nước.....	7
IV.1.2. Nguồn nước thô	7
IV.1.3. Hệ thống truyền tải nước thô	8
IV.1.4. Nhà máy nước.....	8
IV.2. Hệ thống truyền tải, phân phối, chất lượng sản phẩm và dịch vụ	9
IV.2.1. Hệ thống trạm tăng áp, ống truyền tải và mạng lưới phân phối	9
IV.2.2. Chất lượng nước	10
IV.2.3. Chất lượng dịch vụ.....	11
IV.2.4. Vùng phục vụ, khách hàng và dân số được cấp nước	11
IV.3. Các dự án đã đầu tư những năm qua và đánh giá thực trạng HTCN.....	11
IV.3.1. Các dự án đã đầu tư những năm qua.....	11
IV.3.2. Đánh giá thực trạng hệ thống cấp nước Hải Phòng.....	14
IV.4. Bộ máy tổ chức.....	15
IV.5. Các tổ chức chính trị - đoàn thể.....	16
IV.5.1. Đảng bộ Công ty	16
IV.5.2. Công đoàn Công ty	17
IV.5.3. Đoàn thanh niên Công ty	18
V. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂM 2021-2025	19
VI. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026.....	20
VII. KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 2026-2030	22
VII.1. Mục tiêu, định hướng giai đoạn 2026-2030	22
VII.2. Căn cứ lập, tính toán chỉ tiêu Định hướng Chiến lược giai đoạn 2026-2030	23
VII.2.1. Căn cứ vào các Quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành	23
VII.2.2. Căn cứ thực tế kết quả Sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025	32
VII.2.3. Dự kiến phát triển khách hàng, sản lượng, doanh thu giai đoạn 2026-2030.....	32

VII.3. Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030 các lĩnh vực	35
VII.3.1. Định hướng chỉ tiêu SXKD giai đoạn 2026-2030	35
VII.3.2. Định hướng chiến lược phát triển doanh nghiệp	36
VII.3.3. Định hướng chiến lược phát triển khách hàng	36
VII.3.4. Định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh chung	37
VII.3.5. Định hướng Đầu tư phát triển Hệ thống cấp nước giai đoạn 2026-2030	37
VIII. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....	39
VIII.1 Tăng cường quản trị doanh nghiệp.....	39
VIII.1.1. Tăng cường quản trị chiến lược.....	39
VIII.1.2. Hiện đại hóa hệ thống giám sát và quản lý chất lượng nước	39
VIII.1.3. Tối ưu hóa quản lý và điều hành sản xuất	40
VIII.1.4. Nâng cao năng lực quản lý tài chính	40
VIII.1.5. Tăng cường quản lý tài sản.....	42
VIII.1.6. Áp dụng hệ thống, công cụ quản lý doanh nghiệp	44
VIII.2. Phát triển mở rộng vùng phục vụ, nâng cao hiệu quả chăm sóc khách hàng.....	45
VIII.2.1. Nghiên cứu phát triển và mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ	45
VIII.2.2. Thúc đẩy các giải pháp nâng cao hiệu quả chăm sóc khách hàng	45
VIII.3. Tổ chức nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới.....	46
VIII.4. Tổ chức, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực	47
VIII.4.1. Tổ chức, sắp xếp bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.....	47
VIII.4.2. Chiến lược phát triển và quản lý nguồn nhân lực	48
VIII.4.3. Đào tạo nguồn nhân lực.....	48
VIII.5. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi học tập kinh nghiệm.....	48
VIII.6. Huy động các nguồn vốn.....	49
VIII.7. Xây dựng thương hiệu, công tác truyền thông, quảng bá doanh nghiệp.....	49
VIII.8. Bảo vệ nguồn nước và môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.....	49
IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ.....	49
PHỤ LỤC:.....	51

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định 117/2007/NĐ-CP, ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 – 2025;
- Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;
- Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;
- Căn cứ Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thành lập Ban chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch thành phố Hải Phòng;
- Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-BCĐ ngày 25/04/2017 của Ban Chỉ đạo CNAT & CTTTT NS Thành phố Hải Phòng về việc Ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo;
- Căn cứ quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 05/03/2018 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Quy hoạch cấp nước thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;
- Căn cứ quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính Phủ Quyết định phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;
- Căn cứ quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính Phủ Quyết định phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Các ND mới về quản lý doanh nghiệp, quản lý vốn tại DN nhà nước
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cấp nước Hải Phòng.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

II.1. Mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát

Mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát của Định hướng chiến lược giai đoạn 2026–2030 là nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp; bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, ổn định, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội và đời sống nhân dân.

Trên cơ sở đó, chiến lược phát triển trong nhiệm kỳ tới tập trung vào các trụ cột chính sau: (1) Đảm bảo cung cấp nước sạch ổn định, chất lượng và an toàn; (2) Đầu tư có trọng điểm vào hạ tầng kỹ thuật, mở rộng vùng phục vụ; (3) Tối ưu hóa hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị, tổ chức và tinh gọn bộ máy; (4) Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, hiện đại hóa hệ thống điều hành, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; (5) Xây dựng đội ngũ nhân lực chuyên môn cao, chuyên nghiệp và gắn bó; (6) Đảm bảo và phát huy hiệu quả việc sử dụng vốn nhà nước và các nguồn lực xã hội hoá.

II.2. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể:

- Quản lý, vận hành hiệu quả các hệ thống cấp nước để đảm bảo sản xuất cấp nước an toàn, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hải Phòng, đảm bảo tốc độ phát triển sản xuất kinh doanh cũng như các hoạt động khác của công ty, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho Cán bộ công nhân và người lao động.

- Tổ chức/cải tiến không ngừng bộ máy phù hợp với thực tiễn dây chuyền, hoạt động sản xuất và cung cấp nước, thúc đẩy có hiệu quả áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất tại các Nhà máy, mạng lưới cấp nước và các lĩnh vực quản lý khác của Công ty.

- Đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, thu hút tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển, tăng trưởng bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng thu nhập cho người lao động.

- Nâng cao vai trò năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, phát huy tốt vai trò của các đoàn thể quần chúng trong hệ thống chính trị, tăng cường đoàn kết nội bộ, thực hiện nghiêm quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, phát triển doanh nghiệp theo hướng bền vững.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và ý thức kỷ luật cao, đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành hệ thống cấp nước ngày càng hiện đại. Đồng thời, tiếp tục sắp xếp, sử dụng lao động hợp lý gắn với tinh gọn bộ máy, nâng cao năng suất lao động; tăng cường đào tạo, bồi

đường nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn kỹ thuật. Bên cạnh đó, thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, tạo động lực để người lao động gắn bó và đóng góp lâu dài cho sự phát triển của Công ty.

III. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA CÔNG TY

III.1 Các thông tin chung

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG
- Tên tiếng Anh: HAIPHONG WATER JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính: Số 54, đường Đinh Tiên Hoàng, Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0225 3745377; Fax: 0225 3823748
- Email: ctycapnuoc@haiphong.gov.vn; Website: www.capnuochaiphong.com.vn
- Người đại diện theo pháp luật: Ông: Trần Việt Cường.
- Vốn điều lệ của doanh nghiệp: 742.206.940.000 đ; Trong đó tỷ lệ vốn nhà nước chiếm giữ: 80,58% vốn ngoài nhà nước tham gia: 19,42% chủ yếu là các cán bộ công nhân viên công ty.

III.2. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn Thành phố Hải Phòng.
- Lập quy hoạch, dự án đầu tư, thẩm tra, thẩm định dự án cấp nước; khảo sát, thiết kế, kiểm nghiệm chất lượng nước, quản lý và giám sát thi công các dự án, các công trình cấp thoát nước, điện, động lực, xây dựng dân dụng, công nghiệp và các dịch vụ chuyên ngành.
- Đầu tư xây dựng và quản lý các công trình cấp nước nội ngoại thành Thành phố Hải Phòng. Xây dựng, lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống, các công trình cấp, thoát nước, xử lý chất thải và chất thải rắn, điện, động lực và xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Mua bán, gia công, chế tạo thiết bị, phụ tùng, các sản phẩm chuyên ngành cấp, thoát nước và kinh doanh các công trình hạ tầng khác.
- Tư vấn đầu thầu xây lắp, cung ứng vật tư, thiết bị, công trình cấp thoát nước. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, hướng dẫn quy trình vận hành, bảo dưỡng thiết bị ngành nước.

- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, tổ chức các hội nghị, hội thảo,...
- Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh (trong phạm vi được ủy quyền).
- Dịch vụ vận tải; Sản xuất và kinh doanh nước đá và nước tinh lọc.

III.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Năm 1898 – Hình thành và vận hành HTCN thành phố Hải Phòng.
- Năm 1905 - Xây dựng NMN Lán Tháp tại Uông Bí, công suất 5.000 m³/ngày, ba trạm bơm nâng áp cùng một tháp nước có sức chứa 500m³.
- Năm 1955 - Tiếp quản nhà máy nước từ người Pháp.
- Năm 1967 - Thành lập Nhà máy nước Hải Phòng.
- Năm 1986 - Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng ra quyết định số 845/QĐ-UB ngày 28/10/1986 "về việc đổi tên và quy định quyền hạn Công ty Cấp Nước Hải Phòng".
- Năm 1993: Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 71/QĐ - TCCQ ngày 14/01/1993 "về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước và quy chế hoạt động doanh nghiệp của Công ty Cấp Nước Hải Phòng".
- Năm 1997 – Công ty được chuyển thành doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích, thuộc Sở Giao thông công chính Hải Phòng.
- Từ 1/1/2007 – Chuyển đổi công ty TNHH Một thành viên hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm công ích.
- Từ 1/4/2015 – Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

III.4. Một số kết quả đạt được

Trong những năm qua Công ty đã không ngừng đổi mới công tác tổ chức, quản lý kinh tế, quản lý kỹ thuật, tăng cường đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước, giảm thất thoát nước, đảm bảo chất lượng nước, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, doanh thu tăng. Hiện nay, Công ty cung cấp nước sạch cho trên 1,3 triệu dân với trên 300.000 máy nước. Hàng năm, Công ty đều hoàn thành vượt mức kế hoạch thành phố giao, hiện Công ty là đơn vị cấp nước thuộc top đầu toàn quốc về cung ứng dịch vụ, thất thoát nước thấp và kinh doanh có lãi.

Ghi nhận những thành tựu Công ty đã đạt được, Nhà nước và thành phố đã phong tặng nhiều danh hiệu cao quý và bằng khen cho Công ty như: Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (2003), Anh hùng lực lượng vũ trang thời kỳ chống Mỹ (2014), Anh hùng

Lao động thời kỳ đổi mới lần thứ 2 (2020), Huân chương Độc lập hạng II (2010), Huân chương Độc lập hạng I (2014), Huân . Nhiều năm liền được Thủ tướng Chính phủ và thành phố tặng cờ thi đua xuất sắc. Đảng bộ Công ty được tặng cờ thi đua và danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh...

III.5. Quản lý nhà nước liên quan hoạt động sản xuất kinh doanh

III.5.1. Các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Các cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước trên địa bàn

- Ủy ban nhân dân Thành phố: thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước và tài nguyên nước trên địa bàn; quy định chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý về hoạt động cấp nước cho các cơ quan chuyên môn và ủy ban nhân dân các cấp.
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường: quản lý chuyên ngành về khai thác tài nguyên, quản lý đất đai; kiểm tra, đánh giá các tác động ảnh hưởng đến chất lượng nước nguồn, đề xuất các giải pháp quản lý ô nhiễm nhằm bảo vệ và duy trì chất lượng nguồn nước. Hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động cấp nước nông thôn.
- Sở Xây dựng: hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động cấp nước đô thị, khu công nghiệp. Hướng dẫn đơn vị cấp nước lập các dự án cấp nước an toàn, lập các kế hoạch hàng năm và kế hoạch ngắn hạn, dài hạn.
- Sở Tài chính: Tham mưu, đề xuất về công tác đầu tư trong lĩnh vực cấp nước, đề xuất cân đối bố trí nguồn vốn trong việc đầu tư cấp nước an toàn. Tham mưu, đề xuất bố trí vốn, lĩnh vực tài chính hàng năm, thẩm định dự toán kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo cấp nước an toàn.
- Sở Y tế: kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chuẩn cấp nước sạch trên toàn thành phố.
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật TP Hải Phòng (CDC Hải Phòng): Kiểm tra, giám sát, quản lý chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt, chất lượng nguồn nước.
- Ban quản lý Khu kinh tế: hướng dẫn, tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch về cấp nước trong các khu kinh tế, khu công nghiệp. Đề xuất các cơ chế, chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư, quản lý nguồn nước và hệ thống cấp nước trong khu kinh tế, khu công nghiệp.
- UBND xã/phường: phối hợp với các sở, ngành liên quan để thực hiện kế hoạch CNAT và giám sát việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn thuộc địa phương quản lý.

b. Các cơ quan quản lý nhà nước về nguồn nước

- Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện quản lý nhà nước về nguồn nước (các sông, kênh mương) và các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.
- Ủy ban nhân dân thành phố, xã/phường: thực hiện việc bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

c. Các cơ quan liên quan khác

- Các Công ty khai thác công trình thủy lợi: cung cấp nước thô, theo yêu cầu về khối lượng, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết với Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng
- Các cơ quan bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

III.5.2. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn về cấp nước sạch**a. Các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, hệ thống quản lý**

- Công ty đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, quản lý toàn bộ quá trình sản xuất và kinh doanh từ đầu vào đến đầu ra.
- Công ty kết hợp Trung tâm Y tế dự phòng – Sở Y tế thực hiện việc giám sát chất lượng sản phẩm nước ăn uống sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01-1: 2024/BYT và QCĐP 02: 2023/TPHP bao gồm 99 chỉ tiêu; các chỉ tiêu A giám sát 1 tháng/1 lần, chỉ tiêu B: 2 lần / năm (chỉ tiêu theo QCĐP 02: 2023/TPHP), chỉ tiêu C: 1 lần/ 3 năm và thực hiện quan trắc môi trường tại các nhà máy tuần thủ theo Luật tài nguyên môi trường.

b. Các tiêu chuẩn về chất lượng nước thô

Quy định hiện hành về tiêu chuẩn nước thô về nguồn nước thô sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt bao gồm:

- Cột A-QCVN 08:2023/BTNMT - QC kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.
- QCVN 09:2023/BTNMT – QC kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

c. Chất lượng nước thải được xả vào nguồn nước

Quy định hiện hành về tiêu chuẩn nước thải được xả vào nguồn nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt bao gồm:

- QCVN14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, có hiệu lực từ ngày 01/9/2025;
- QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

IV. HỆ THỐNG CẤP NƯỚC VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT KINH DOANH

IV.1. Nguồn nước và các nhà máy nước

IV.1.1. Mô tả chung hệ thống cấp nước

Hệ thống cấp nước Hải Phòng chủ yếu dựa vào nguồn nước mặt. Hiện có 9 nhà máy xử lý nước. Nhà máy nước An Dương cấp cho các phường: Lê Chân, An Biên, Ngô Quyền, Gia Viên, Hải An, Đông Hải, một phần phường Hồng Bàng, một phần phường An Hải và một phần đặc khu Cát Hải; Nhà máy nước Cầu Nguyệt cấp cho các phường: Kiến An, Phù Liễn, một phần phường An Hải, một phần phường An Dương, xã An Khánh, xã An Hưng, một phần xã An Lão, một phần xã Nghi Dương, một phần xã Kiến Thụy; Nhà máy nước Vật Cách cấp nước cho: một phần phường Hồng Bàng, một phần phường Hồng An, một phần phường An Hải, một phần phường An Phong (Công ty LG); Nhà máy nước Hưng Đạo cấp cho các phường: Hưng Đạo, Dương Kinh, Đồ Sơn, Nam Đồ Sơn và một phần xã Kiến Minh. Nhà máy nước Vĩnh Bảo 1, Vĩnh Bảo 2 cấp nước cho xã Vĩnh Bảo và một phần các xã: Vĩnh Hải, Vĩnh Hoà, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thuận, Vĩnh Am; Nhà máy nước Ngũ Lão cấp nước cho một phần các phường: Hồng Bàng, Thủy Nguyên, Bạch Đằng; Nhà máy nước Cái Giã + một số trạm nhỏ cấp cho một phần đặc khu Cát Hải (đảo Cát Bà trừ khu Gia Luận); Trạm cấp nước Bạch Long Vĩ cấp nước cho đặc khu Bạch Long Vĩ.

Hiện nay, các nhà máy nước chính: An Dương, Cầu Nguyệt, Hưng Đạo, Vật Cách có đường ống đầu nối giao lưu do vậy có thể cấp hỗ trợ nhau một phần khi một trong các nhà máy kia dừng hoạt động. Tuy nhiên việc cấp nước bổ sung chủ yếu từ NMN An Dương và một phần NMN Cầu Nguyệt và NMN Hưng Đạo. Ngoài ra Công ty còn sở hữu 65% vốn Công ty kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng có công suất 30.000 m³/ngày cấp cho phường Hồng An, một phần các phường An Phong, Hồng Bàng, An Dương.

IV.1.2. Nguồn nước thô

Tất cả các nhà máy nước đều lấy từ nguồn nước sông, suối, hồ chịu ảnh hưởng của chế độ thủy triều trong hệ thống sông Thái Bình, sông Đa Độ, sông Giá, sông Luộc, hệ thống An Kim Hải.

- NMN Vật Cách lấy nước từ Kênh Tân Hưng Hồng là một nhánh của Hệ thống An Kim Hải.
- NMN An Dương lấy nước từ sông Rế của Hệ thống An Kim Hải.
- NMN Cầu Nguyệt lấy nước từ sông Đa Độ.
- NMN Hưng Đạo lấy nước từ sông Đa Độ.

- NMN Ngũ Lão lấy nước từ sông Giá.
- NMN Vĩnh Bảo 1 lấy nước từ sông Chanh Dương, một nhánh của sông Luộc.
- NMN Vĩnh Bảo 2 lấy nước kênh Bạch Đà, một nhánh của sông Chanh Dương.
- NMN Cái Giá và các TCN trên đảo Cát Bà lấy nước từ các nguồn suối, hồ chứa, giếng khoan nước ngầm, nước biển: suối Gỏi, khe Thuồng Luồng; hồ thượng Xuân Đám, hồ hạ Xuân Đám, hồ Trân Châu, hồ Hải Sơn,...; các giếng khu vực Hải Sơn, Xuân Đám, Phú Long,...
- Trạm cấp nước Bạch Long Vĩ lấy nước từ hồ Bạch Long Vĩ.

IV.1.3. Hệ thống truyền tải nước thô

Công ty hiện có NMN An Dương và Cái Giá là có hệ thống truyền tải nước thô:

- Đối với NMN An Dương: Nước thô được truyền tải từ sông Rế về NMN An Dương thông qua trạm bơm Quán Vĩnh và 2 tuyến ống D1000 có công suất khoảng 200.000 m³/ngđ:

+ Tuyến ống nước thô D1000 thứ 1 được xây dựng trong Dự án 1A (1999 - 2000), có chiều dài khoảng 4,3 km, vật liệu ống là bê tông cốt thép dự ứng lực, miệng bát với mỗi nối kiểu gioăng cao su.

+ Tuyến ống nước thô D1000 thứ 2 được xây dựng vào năm 2009 - 2010, có chiều dài khoảng 4,0 km, vật liệu ống là gang cầu, miệng bát với mỗi nối kiểu gioăng cao su để thay thế cho tuyến mương nước thô (đặt cạnh và trong lòng mương nước thô cũ).

- Đối với NMN Cái Giá (Cát Bà): Nước thô được truyền tải về thông qua các trạm bơm: Xuân Đám, Thuồng Luồng, Trân Châu, Hải Sơn và trên 13km ống DN280 - DN222.

IV.1.4. Nhà máy nước

Trong vùng phục vụ, Công ty hiện có 9 nhà máy nước với tổng công suất thiết kế là 410.300 m³/ngđ, được kê theo bảng như sau:

CÁC NHÀ MÁY NƯỚC HIỆN CÓ

STT	Nhà máy nước	Công suất thiết kế (m ³ /ngày)	Phạm vi cấp nước	Năm xây dựng	Năm cải tạo
1	An Dương	200.000	Lê Chân, An Biên, Ngô Quyền, Gia Viên, Hải An, Đông Hải, một phần phường Hồng Bàng, một phần phường An Hải và một phần đặc khu Cát Hải	1963	1973 2000 2004 2021
2	Cầu Nguyệt	60.000	Kiến An, Phú Liễn, một phần phường An Hải, một phần phường An Dương, xã An Khánh, xã An Hưng, một phần xã An Lão, một phần xã Nghi Dương, một phần xã Kiến Thụy	1977	1979 2008 2024
3	Hưng Đạo	50.000	Hưng Đạo, Dương Kinh, Đồ Sơn, Nam Đồ Sơn và một phần xã Kiến Minh, Hưng Đạo, Dương Kinh, Đồ Sơn, Nam Đồ Sơn và một phần xã Kiến Minh	2018	2023
4	Vật Cách 2	40.000	Một phần phường Hồng Bàng, một phần phường Hồng An, một phần phường An Hải, một phần phường An Phong (Công ty LG)	2012 - 2014	2023
5	Ngũ Lão	25.000	Một phần các phường: Hồng Bàng, Thủy Nguyên, Bạch Đằng.	2020	
6	Minh Đức	3.000	Một phần phường Bạch Đằng	2008	
7	Vĩnh Bảo số 1	12.000	xã Vĩnh Bảo và một phần các xã: Vĩnh Hải, Vĩnh Hoà, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thuận, Vĩnh Am	2006	2009 2014 - 2017
8	Vĩnh Bảo số 2	5.000		2016	
9	Cái Giá và các trạm nhỏ lẻ	15.000	Một phần đặc khu Cát Hải (đảo Cát Bà)	2007	
10	Trạm cấp nước Bạch Long Vĩ	300	Đặc khu Bạch Long Vĩ	2022	
	Tổng	410.300			

Thời gian vận hành của các nhà máy nước trên là 24h/ngày, công suất vận hành trung bình đạt khoảng 270.000 m³/ngày.

IV.2. Hệ thống truyền tải, phân phối, chất lượng sản phẩm và dịch vụ**IV.2.1. Hệ thống trạm tăng áp, ống truyền tải và mạng lưới phân phối**

a. Hệ thống trạm tăng áp

Hiện nay, hệ thống cấp nước của Công ty Cấp nước Hải Phòng có 11 trạm bơm tăng áp đang vận hành:

- Trạm bơm tăng áp Máy Tơ: Tăng áp cho một phần phường Ngô Quyền vào giờ cao điểm.
- Trạm bơm tăng áp Đồng Quốc Bình: Tăng áp cho một phần phường Gia Viên vào giờ cao điểm.
- Trạm bơm tăng áp Cầu Rào: Tăng áp cho một phần phường Hải An, Gia Viên vào giờ cao điểm.
- Trạm bơm tăng áp Đông Hải: Tăng áp cho một phần phường Đông Hải và đặc khu Cát Hải (đảo Cát Hải).
- Trạm bơm tăng áp Tân Dương: Tăng áp cho một phần phường Hồng Bàng.
- Trạm bơm tăng áp Đồng Hoà: Tăng áp cho một phần phường Kiến An.
- Trạm bơm tăng áp Đồ Sơn: Tăng áp cho một phần phường Đồ Sơn, Nam Đồ Sơn.
- Trạm bơm tăng áp Trường Sơn: Tăng áp cho một phần xã An Lão.
- Trạm bơm tăng áp Đình Vũ: Tăng áp cho một phần đặc khu Cát Hải (đảo Cát Hải).
- Trạm bơm tăng áp Tiên Lãng: Tăng áp cho một phần khu vực xã Tân Minh.

b. Ống truyền tải và mạng phân phối

- Nước sạch sau khi đã xử lý ở các nhà máy nước được bơm áp lực vào mạng lưới đường ống truyền dẫn, sau đó tới hệ thống đường ống phân phối, đường ống dịch vụ và cuối cùng là các đơn vị, hộ gia đình sử dụng nước.
- Tổng chiều dài của ống truyền tải đường kính D300 đến D1000 khoảng trên 370 km; D150 đến D250 khoảng trên 560km; mạng lưới đường ống D40 đến D100 khoảng trên 3.500 km.

IV.2.2. Chất lượng nước

Chất lượng nước cấp của Công ty luôn đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT; Quy chuẩn QCVN 02:2023/TPHP của thành phố Hải Phòng và kèm theo Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 19/11/2023 áp dụng cho nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt.

IV.2.3. Chất lượng dịch vụ

Cung cấp đầy đủ nước 24/7 cho các nhu cầu trong vùng phục vụ của Công ty với chất lượng và dịch vụ ngày một cải thiện. Áp lực nước cấp cuối nguồn cơ bản $\geq 20\text{m}$ (trừ một số khu vực đặc biệt, khó khăn về nguồn nước).

IV.2.4. Vùng phục vụ, khách hàng và dân số được cấp nước

Hiện nay vùng phục vụ cấp nước của Công ty bao gồm các phường, xã: Lê Chân, An Biên, Ngô Quyền, Gia Viên, Hải An, Đông Hải, Kiến An, Phù Liễn, Hưng Đạo, Dương Kinh, Đồ Sơn, Nam Đồ Sơn, An Khánh, An Hưng, Vĩnh Bảo, đặc khu Cát Hải, đặc khu Bạch Long Vỹ và một phần các phường, xã: Hồng Bàng, An Hải, An Dương, Hồng An, An Phong, Thủy Nguyên, Bạch Đằng, Kiến Minh, An Lão, Nghi Dương, Kiến Thụy, Vĩnh Hải, Vĩnh Hoà, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thuận, Vĩnh Am với khoảng 382.000 khách hàng, tương đương khoảng 1,6 triệu dân được cấp nước. Trong số khách hàng trên có khoảng 80.000 khách hàng ở địa bàn các thị trấn và vùng nông thôn, tương ứng với 300.000 dân. Trong đó khách hàng dùng nước cho mục đích sinh hoạt khoảng 310.000 hộ, còn lại là số khách hàng dùng nước cho sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ và sinh hoạt văn phòng.

Diện bao phủ cấp nước như sau :

- Khu vực các phường trung tâm nội thành: tỷ lệ cấp nước 100% số dân; Mức dùng khoảng 130 – 170 l/ng/ngđ.
- Khu vực các phường, xã vùng ven trung tâm nội thành: tỷ lệ cấp nước 100% số dân; mức dùng khoảng 130 – 160 l/ng/ngđ.
- Khu vực các xã ngoại thành thành phố: tỷ lệ cấp nước từ khoảng 20-60% số dân tùy khu vực, mức dùng khoảng 90-140 l/ng/ngđ.
- Khu vực đặc khu Cát Hải có tỷ lệ cấp nước khoảng 98%, mức dùng khoảng 60-140 l/ng/ngđ.
- Khu vực đặc khu Bạch Long Vỹ: tỷ lệ cấp nước 100% số dân, mức dùng khoảng 60-80l/ng/ngđ.

IV.3. Các dự án đã đầu tư những năm qua và đánh giá thực trạng HTCN.

IV.3.1. Các dự án đã đầu tư những năm qua

TT	Tên dự án	Giai đoạn thực hiện	Tổng vốn đầu tư (Tỷ VNĐ)	Nguồn vốn (Tỷ VNĐ)		Ghi chú
				Vốn vay	Vốn đối ứng	
1	Dự án cấp nước 1A (cải tạo NMN An Dương lên 100.000 m ³ /ngđ, xây dựng TB Quán Vĩnh, xây dựng ống truyền dẫn, mạng phân phối cho các phường của quận Hồng Bàng, Ngô Quyền..)	1999-2002	316,4	274,4	42,4	Vốn vay của Dự án 1A, 2A từ WB, vốn đối ứng gồm vốn ngân sách Tp và vốn Công ty.
2	Dự án 2A	2006-2009	209,63	181,12	28,5	
3	Các dự án cấp nước khu vực quận Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An, Đồ Sơn, Kiến An, Dương Kinh, huyện An Lão, Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo, Cát Bà	2003-2012	205,57		205,57	Vốn khấu hao Công ty
4	Các dự án cấp nước khu vực quận Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An, Đồ Sơn, Kiến An, Dương Kinh, huyện An Lão, Vĩnh Bảo, Cát Bà	2013	38,243		38,243	Vốn đối ứng lấy từ vốn khấu hao Công ty
5	Các dự án cấp nước khu vực quận Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An, Đồ Sơn, Kiến An, Dương Kinh, huyện An Lão, Vĩnh Bảo, Cát Bà	2014	40,739		40,739	Vốn Công ty lấy từ khấu hao
6	Các dự án cấp nước khu vực quận Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An, Đồ Sơn, Kiến An, Dương Kinh, huyện An Lão, Vĩnh Bảo, Cát Bà, An Dương	2015	178,727		178,727	Vốn Công ty lấy từ khấu hao

TT	Tên dự án	Giai đoạn thực hiện	Tổng vốn đầu tư (Tỷ VNĐ)	Nguồn vốn (Tỷ VNĐ)		Ghi chú
				Vốn vay	Vốn đối ứng	
7	Các dự án cấp nước khu vực quận Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An, Đồ Sơn, Kiến An, Dương Kinh, huyện An Lão, Vĩnh Bảo, Cát Bà, An Dương	2016	140,943	15,182	125,761	Vốn vay thương mại. Vốn đối ứng lấy từ vốn khấu hao Công ty.
8	Các dự án cấp nước khu vực quận Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An, Đồ Sơn, Kiến An, Dương Kinh, huyện An Lão, Vĩnh Bảo, Cát Bà, An Dương	2017	196,212	53,662	142,55	Vốn vay thương mại. Vốn đối ứng lấy từ vốn khấu hao Công ty.
9	Các dự án cấp nước khu vực quận Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An, Đồ Sơn, Kiến An, Dương Kinh, huyện An Lão, Vĩnh Bảo, Cát Bà, An Dương, Thủy Nguyên	2018	210,087		210,087	
10	Các dự án cấp nước khu vực huyện An Lão, Cát Bà, Thủy Nguyên	2019	212,079		212,079	
11	Các dự án cấp nước khu vực quận Lê Chân, Đồ Sơn, Kiến An, Vĩnh Bảo, Cát Bà, Thủy Nguyên	2020	88,462		88,462	
12	Các dự án cấp nước khu vực quận Lê Chân, Vĩnh Bảo, Cát Bà, An Dương, Thủy Nguyên	2021	2.226,084	1.748,092	477,99	
13	Các dự án cấp nước khu vực quận Lê Chân, Vĩnh Bảo, Cát Bà, An Dương, Thủy Nguyên	2022	95,228		95,228	

TT	Tên dự án	Giai đoạn thực hiện	Tổng vốn đầu tư (Tỷ VNĐ)	Nguồn vốn (Tỷ VNĐ)		Ghi chú
				Vốn vay	Vốn đối ứng	
14	Các dự án cấp nước khu vực huyện Cát Hải, An Dương, Tiên Lãng	2023	17,557		17,557	
15	Các dự án cấp nước khu vực huyện Kiến Thụy, An Lão, quận Hải An	2024	83,101		83,101	
16	Các dự án cấp nước khu vực huyện Tiên Lãng, An Lão, Vĩnh Bảo, quận Lê Chân	2025	91,813		91,813	

IV.3.2. Đánh giá thực trạng hệ thống cấp nước Hải Phòng

Nguồn nước thô cấp của thành phố Hải Phòng cơ bản lấy từ nguồn nước mặt từ sông, hồ, hệ thống thủy nông (chỉ có một số nguồn nước ngầm được khai thác tại đảo Cát Bà, xã Tiên Lãng). Lưu lượng và chất lượng nguồn nước thô cơ bản đảm bảo yêu cầu chất lượng, tuy nhiên những năm gần đây với sự biến đổi khí hậu, ô nhiễm chất thải vào nguồn nước làm gia tăng chất hữu cơ, gây tốn kém cho xử lý, đặc biệt hiện tượng nước nguồn bị nhiễm mặn với công nghệ xử lý nước truyền thống chưa xử lý được. Do vậy việc vận hành, bảo vệ nguồn nước trở nên cấp bách cho cả thành phố và các tỉnh lân cận.

Hệ thống truyền tải nước thô cho NMN An Dương và Cái Giá kéo dài nhiều cây số. Đặc biệt tuyến nước thô D1000 bằng bê tông cốt thép đã vận hành nhiều năm, nhiều mối nối và năm 2023 ống xiphong DN800 qua sông đảo Hạ Lý đã bị bực vỡ do tàu chõ hàng đâm vào. Do vậy độ an toàn của hệ thống chưa cao, nên Công ty đang chuẩn bị có phương án đầu tư bổ sung thêm tuyến xiphong đảm bảo cấp nước an toàn.

Trong những năm qua, mạng lưới đường ống truyền tải và phân phối nước đã được công ty từng bước đầu tư xây dựng mới và cải tạo trên toàn bộ địa bàn phục vụ. Hệ thống này hiện nay đã được đấu nối liên thông theo dạng mạng vòng, kết nối giữa các nhà máy nhằm đảm bảo việc cấp nước an toàn và hiệu quả cao. Hiện tại, công ty đang tiếp tục đầu tư xây dựng các tuyến ống truyền tải để kết nối giữa các nhà máy như: An Dương, Hưng Đạo, Cầu Nguyệt, Ngũ Lão, Vĩnh Bảo 1 và 2, đồng thời hoàn thiện hệ thống ống liên thông giữa các khu vực. Mục tiêu là tăng cường tính ổn định và an toàn trong công tác cấp nước. Đặc biệt, thành phố đang triển khai chủ trương xây dựng tuyến ống dẫn nước từ khu vực nội thành Hải Phòng ra đảo Cát Bà, nhằm mở

rộng phạm vi cấp nước và phục vụ tốt hơn nhu cầu dân sinh cũng như phát triển du lịch trên đảo.

Bên cạnh đó, trong thời gian qua, công ty luôn chú trọng đầu tư nâng cấp công suất, hiện đại hóa và tự động hóa các nhà máy nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đảm bảo cung cấp đủ nước phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Trong giai đoạn tiếp theo, công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và tự động hóa trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Mục tiêu là tiến tới tự động hóa hoàn toàn quy trình sản xuất nước sạch tại các nhà máy, cũng như việc vận hành các trạm bơm tăng áp. Công ty sẽ ứng dụng công nghệ để giám sát toàn bộ quy trình sản xuất, theo dõi các thông số chất lượng nước và xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông trên toàn hệ thống. Điều này sẽ giúp tối ưu hóa công tác điều hành, quản trị doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời đại công nghiệp 4.0.

IV.4. Bộ máy tổ chức

Bộ máy tổ chức của Công ty gồm:

- Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị: là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Ban điều hành của Công ty bao gồm 05 (năm người): Tổng Giám đốc, 03 Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Ban điều hành thực hiện điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

- Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban điều hành.

- Công ty gồm có 10 phòng/ban chức năng, thực hiện các nhiệm vụ quản lý, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành theo chức năng nhiệm vụ riêng. Gồm có:

- (1). Ban Quản lý Công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố; các phòng:
- (2). Phòng Tổ chức Hành chính
- (3). Phòng Kỹ thuật
- (4). Phòng Kế hoạch
- (5). Phòng Tài chính Kế toán
- (6). Phòng Quản lý hoạt động xây dựng
- (7). Phòng Công nghệ Thông tin
- (8). Phòng Khách hàng
- (9). Phòng Kiểm tra chất lượng
- (10). Phòng Vật tư

- Công ty có 12 Chi nhánh/Xí nghiệp:

- (1). Chi nhánh Cấp nước Trung tâm
- (2). Chi nhánh Cấp nước Hải Phòng 3
- (3). Chi nhánh Cấp nước Hải Phòng 4
- (4). Chi nhánh Cấp nước Hải Phòng 5
- (5). Chi nhánh Cấp nước Hải Phòng 7
- (6). Chi nhánh Cấp nước Hải Phòng 8
- (7). Chi nhánh Cấp nước Vĩnh Bảo
- (8). Chi nhánh Cấp nước Cát Bà
- (9). Chi nhánh Nước Tinh khiết
- (10). Xí nghiệp Sản xuất nước An Dương
- (11). Xí nghiệp Quản lý Mạng lưới.
- (12). Xí nghiệp Đồng hồ & Xây lắp.

Các phòng, ban, chi nhánh, xí nghiệp có thể tăng, giảm tùy theo yêu cầu thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty con: Công ty CP Kinh doanh Nước sạch số 2 Hải Phòng.

IV.5. Các tổ chức chính trị - đoàn thể

IV.5.1. Đảng bộ Công ty

Đảng bộ Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng là Đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy phường Hồng Bàng. Đảng bộ Công ty gồm có 20 Chi bộ, 01 Đảng bộ bộ phận trực thuộc (có 03 chi bộ). Tổng số đảng viên là ~390 đồng chí (chiếm khoảng 39% tổng số cán bộ công nhân viên). Ban chấp hành Đảng bộ Công ty (nhiệm kỳ 2025 – 2030) gồm 15 đồng chí; Ban thường vụ 05 đồng chí, 01 Bí thư và 01 Phó Bí thư.

Đảng ủy Công ty luôn bám sát các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, Thành ủy Hải Phòng, Đảng ủy UBND phường Hồng Bàng; tích cực đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động, rút ra những kinh nghiệm thực tiễn, vận dụng có hiệu quả để đưa Nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế tại doanh nghiệp. Liên tục nhiều năm liền Đảng bộ Công ty vinh dự được biểu dương, khen thưởng là Đảng bộ đạt tiêu chuẩn “trong sạch vững mạnh”.

Với phương châm hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp là mục tiêu, động lực của công tác xây dựng Đảng, Đảng ủy Công ty xác định tiếp tục xây dựng Đảng bộ Công ty và các tổ chức đoàn thể là hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên, quần chúng và tuyên truyền, vận động các thành viên Công ty thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; tham gia xây dựng và lãnh đạo Công ty phát triển bền vững, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm lợi ích hợp pháp của Doanh nghiệp, các Cổ đông, Người lao động và xây dựng Đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh.

IV.5.2. Công đoàn Công ty

Công đoàn Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng là Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn UBND thành phố Hải Phòng. Công đoàn Công ty gồm Công đoàn bộ phận Khối Văn phòng và các Công đoàn bộ phận các đơn vị trực thuộc. Tổng số đoàn viên Công đoàn Công ty là ~960 đoàn viên.

Công đoàn Công ty luôn phối hợp tốt với chuyên môn thực hiện tốt các nhiệm vụ như xây dựng Kế hoạch An toàn vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ, tổ chức Hội nghị người lao động hàng năm từ cấp cơ sở đến cấp Công ty theo quy định, triển khai, thực hiện Nghị quyết các Hội nghị người lao động của Công đoàn bộ phận và Công đoàn Công ty; động viên cán bộ công nhân viên lao động tập trung thực hiện các phong trào thi đua lập thành tích trong công tác sản xuất kinh doanh; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân viên lao động, thăm hỏi trợ cấp giá đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, công nhân mắc bệnh hiểm nghèo; tặng quà, biểu dương, động viên các tổ trạm sản xuất, gia đình công nhân lao động tiêu biểu nhân các dịp lễ, Tết; phối hợp với chuyên môn, Đoàn thanh niên tổ chức tặng quà cho các cháu thiếu nhi là con cán bộ công nhân viên lao động trong các dịp Tết thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu, đồng thời khen thưởng, động viên các cháu thiếu nhi học sinh tiên tiến, học sinh giỏi hàng năm. Bên cạnh đó, Công đoàn Công ty luôn làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, công nhân viên lao động trong Công ty

hăng hái thi đua lao động sản xuất, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, Nghị quyết Công đoàn các cấp, Đảng ủy, chuyên môn Công ty và Thỏa ước lao động tập thể, các Nội quy, Quy chế, Quy định của Công ty; tự giác nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc. Để nâng cao vai trò đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hàng năm các Công đoàn bộ phận đều đăng ký đảm nhiệm các công trình, phần việc tùy theo điều kiện thực tế của từng đơn vị.

Thực hiện tốt những nội dung công tác chính như trên, trong nhiều năm qua Công đoàn Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng đã đạt nhiều thành tích, nhận nhiều bằng khen của Công đoàn các cấp.

IV.5.3. Đoàn thanh niên Công ty

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng là Đoàn thanh niên cấp cơ sở trực thuộc Đoàn thanh niên UBND thành phố Hải Phòng.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Công ty luôn phối hợp tốt với chuyên môn, Công đoàn thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ công nhân viên lao động đang trong lứa tuổi thanh niên, định hướng cho đoàn viên thanh niên tích cực tham gia các hoạt động lành mạnh, thắt chặt tình đoàn kết giữa các đoàn viên thanh niên trong Công ty, tạo không khí thi đua sôi nổi trong các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cũng như trong các phần việc, công trình thanh niên đăng kí đảm nhận; tổ chức các chương trình văn hóa văn nghệ, tổ chức vui chơi cho các cháu thiếu nhi con cán bộ công nhân viên trong các dịp Tết thiếu nhi 1/6, Tết trung thu; tổ chức Giải bóng đá thanh niên với sự tham gia của tất cả các Chi đoàn trực thuộc. Không chỉ tổ chức các hoạt động nội bộ, Đoàn thanh niên Công ty đã có nhiều hoạt động vì lợi ích cộng đồng như tổ chức chương trình Hiến máu tình nguyện; tổ chức các chương trình thăm hỏi, động viên, tặng quà cho các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo, hậu quả chất độc hóa học, chất độc màu da cam. Bên cạnh đó, Ban thường vụ Đoàn thanh niên Công ty chỉ đạo các Chi đoàn trực thuộc thường xuyên tổ chức các chương trình giao lưu bóng đá với các Chi đoàn bạn, các đơn vị trên địa bàn nhằm tạo sân chơi lành mạnh cho đoàn viên.

Với những hoạt động mang ý nghĩa đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống tinh thần thanh thiếu nhi cũng như vì lợi ích cộng đồng, nhiều năm qua Đoàn thanh niên Công ty luôn nhận được sự quan tâm, động viên, khen thưởng của Đoàn cấp trên. Nhiều năm qua, Đoàn thanh niên Công ty luôn đạt danh hiệu Đoàn cơ sở vững mạnh tiêu biểu của thành phố, nhận được các Bằng khen vì thành tích xuất sắc

trong công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi, thành tích xuất sắc trong các chiến dịch thanh niên tình nguyện.

V. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂM 2021-2025

Trong giai đoạn 2021–2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh có nhiều biến động và thách thức. Đặc biệt, đại dịch COVID-19 kéo dài trong các năm 2020–2021 đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến toàn bộ nền kinh tế, trong đó có lĩnh vực cấp nước. Nhiều hoạt động đầu tư, thi công, kiểm soát thất thoát... bị gián đoạn; nhu cầu sử dụng nước tại các khu vực sản xuất, dịch vụ giảm mạnh trong thời gian giãn cách xã hội, tác động trực tiếp đến doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, trong năm 2024 bão Yagi gây mưa lớn, lũ lụt cục bộ ở một số khu vực, ảnh hưởng đến nguồn nước thô, hệ thống khai thác – xử lý nước, một số kết cấu công trình nhà trạm bị bão cuốn, đường ống mạng lưới cấp nước bị vỡ gây phát sinh chi phí sửa chữa và duy tu, đồng thời đòi hỏi Công ty phải tăng cường các biện pháp đảm bảo cấp nước an toàn trong điều kiện bất lợi.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, Công ty vẫn nỗ lực duy trì sản xuất kinh doanh ổn định và từng bước đạt được các kết quả tích cực, thể hiện qua sự tăng trưởng ổn định về sản lượng nước sản xuất, nước tiêu thụ cũng như các chỉ tiêu tài chính chủ chốt, đạt được các mục tiêu của chiến lược phát triển 2021-2025. Công ty đã duy trì vận hành hệ thống cấp nước an toàn, liên tục và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng trên địa bàn quản lý.

Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025

TT	Các chỉ tiêu SXKD	ĐVT	Thực hiện giai đoạn 2021-2025				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	Tổng số khách hàng	K. hàng	342.182	350.676	355.412	365.293	380.312
2	Sản lượng nước SX	Triệu m3	83,0	86,2	90,3	94,4	98,7
3	Sản lượng nước tiêu thụ	Triệu m3	74,9	78,4	82,7	85,0	89,3
4	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	959,6	1.007,1	1.074,3	1.213,9	1.313,9
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	106,5	106,6	110,1	119,0	176,8
6	Nộp ngân sách NN	Tỷ đồng	99,8	98,7	79,4	92,9	107,5

VI. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Năm 2026 được xác định là năm có ý nghĩa quan trọng trong lộ trình thực hiện các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2026-2030. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 được xây dựng trên cơ sở tăng trưởng thực chất, ổn định và phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030. Các chỉ tiêu đặt ra đảm bảo tính khả thi, đồng thời tạo động lực để Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển hiệu quả và bền vững trong bối cảnh đô thị hóa nhanh và yêu cầu ngày càng cao từ khách hàng và xã hội.

Năm 2026, ngành nước và môi trường trong bối cảnh tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức mang tính dài hạn và khó khăn. Biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan làm suy giảm chất lượng và độ ổn định của nguồn nước; yêu cầu về an toàn cấp nước, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ và hiệu quả vận hành ngày càng cao; đồng thời áp lực chuyển đổi số, hiện đại hóa quản trị doanh nghiệp đòi hỏi nguồn lực đầu tư lớn và liên tục. Bên cạnh đó, định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật và đô thị xanh – thông minh của thành phố Hải Phòng vừa mở ra cơ hội, vừa đặt ra yêu cầu khắt khe hơn về tính ổn định, an toàn và tính bền vững của hệ thống cấp nước.

VI.1. Đánh giá thực tế và bối cảnh tăng trưởng năm 2026:

Trong giai đoạn từ 2015-2025, thành phố Hải Phòng có sự tăng trưởng phát triển kinh tế xã hội mạnh mẽ, tỷ lệ tăng trưởng GRDP rất cao luôn đạt từ 10%-16%. Việc phát triển kinh tế xã hội, hạ tầng đô thị có tác động tích cực, kéo theo tỷ lệ tăng trưởng nước sản xuất, nước tiêu thụ của Công ty giai đoạn này đạt trung bình khoảng 3-4%/năm, đây là tỷ lệ tăng trưởng ở mức cao so với các Công ty Cấp nước khác tại Việt Nam. Tuy nhiên mức tăng trưởng này thấp hơn nhiều tốc độ tăng GRDP của thành phố, do nhu cầu dùng nước đặc thù của thành phố Hải Phòng phụ thuộc chủ yếu vào nhu cầu dân sinh, hành chính (chiếm khoảng 80% tổng sản lượng tiêu thụ), trong đó tỷ lệ tăng dân số trung bình thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020-2025 chỉ khoảng 0,95%/năm (số liệu của Cục thống kê thành phố Hải Phòng).

Trong giai đoạn này, Công ty Cấp nước đã tập trung mạnh mẽ cho công tác nâng cấp, phát triển mở rộng hệ thống cấp nước theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế xã hội, cấp nước nông thôn và đảm bảo an toàn cấp nước. Tổng công suất thiết kế của các nhà máy, trạm cấp nước của Công ty hiện là 410.300m³/ngày, trong đó nhu cầu dùng nước trung bình thực tế chỉ khoảng 270.000m³/ngày. Việc phát triển cấp nước cho khu vực đô thị trung tâm cơ bản đã bao trùm, các Khu cụm công nghiệp lớn đã xây dựng và cũng đã lấp đầy tương

đổi; Công ty cũng đã tập trung phát triển mạnh mẽ, mở rộng hệ thống cấp nước ra các khu vực lân cận và khu vực nông thôn theo chỉ đạo của thành phố, góp phần nâng cấp, đảm bảo cơ sở hạ tầng cấp nước phục vụ việc thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống cho nhân dân thành phố.

Giai đoạn 2022-2025, nhu cầu dùng nước tăng trưởng mạnh hơn do tác động mang tính phục hồi sau đại dịch Covid-19 năm 2020-2021; đặc biệt là năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng đột biến nguyên nhân là do Công ty đã áp dụng rất nhiều giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng 8% theo chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố và nhiều yếu tố thuận lợi mang tính thời điểm khác như:

- Việc tăng áp lực nước phát tại các nhà máy lên mức tối đa là khoảng 4,0-4,2bar (áp lực tại điểm dùng khách hàng trên 2,0 bar) để nâng cao sản lượng nước cấp và nâng cao chất lượng dịch vụ; tuy nhiên tăng trưởng sản lượng nước tiêu thụ quy đổi tương đương thời gian tính của năm 2025 so với năm 2024 cũng chỉ đạt 3,1%.

- Giá nước được áp dụng trọn vẹn 12 tháng mức giá nước mới được Ủy ban nhân dân thành phố duyệt áp dụng từ tháng 3/2024;

- Công ty mở rộng phát triển cấp nước được tại nhiều khu vực của huyện Vĩnh Bảo, Kiến Thụy, Cát Hải, Tiên Lãng cũ, phát triển tăng trưởng đột biến được trên 16.400 khách hàng, cao gần gấp đôi so với trung bình các năm trước;

- Gia tăng sản lượng đột biến từ một số các khách hàng công nghiệp lớn như KCN Đình Vũ do xảy ra sự cố đối với Trạm cấp nước DeepC1-2 nên doanh nghiệp chuyển nguồn sử dụng toàn bộ từ Nhà máy nước An Dương của Công ty;

- Nhu cầu sử dụng nước tăng thêm do tác động từ việc sáp nhập địa giới hành chính và mở rộng hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

Tuy nhiên, những yếu tố thúc đẩy tăng trưởng trên là các yếu tố mang tính thời điểm, năm 2026 không có các điều kiện thuận lợi tương tự: giá nước ổn định chưa có sự điều chỉnh; không còn dư địa phát triển khách hàng tập trung; các giải pháp tối ưu kỹ thuật đã đạt ngưỡng tới hạn; trong khi chi phí đầu vào, nhu cầu đầu tư duy tu, bảo dưỡng và chuyển đổi số tiếp tục gia tăng. Đồng thời, các bất ổn, biến động kinh tế thế giới như chiến tranh thương mại, chiến sự tại các khu vực Trung Đông, Nga-Ucraina,... ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất, thương mại của nhóm khách hàng công nghiệp.

Do vậy, mức tăng trưởng khoảng 2% đối với sản lượng nước sản xuất và khoảng 1,7% đối với sản lượng nước tiêu thụ năm 2026 được xác định là phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện, đồng thời duy trì ổn định

và an toàn hệ thống cấp nước. Đây cũng là tỷ lệ tăng trưởng cao so với mặt bằng chung của các Công ty Cấp nước có quy mô lớn tại Việt Nam là chỉ khoảng 1,0%-1,5%.

VI.2. Các chỉ tiêu dự kiến xây dựng cụ thể như sau:

Căn cứ trên Kế hoạch SXKD năm 2026 đã được lập, với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Nước sản xuất: 100,7 triệu m³, tăng so với năm 2025 là 2,0% (tỷ lệ tăng quy đổi tương đương thời gian so với năm 2025 là 1,7%).
- Nước tiêu thụ: 90,9 triệu m³, tăng so với năm 2025 là 1,7%.
- Tổng doanh thu và thu nhập khác: 1.323,5 tỷ đồng, tăng so với năm 2025 là 0,73%.

+ Về chỉ tiêu doanh thu và thu nhập khác: Dự kiến tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2026 là 1323,5 tỷ đồng, tăng khoảng 9,6 tỷ đồng so với thực hiện năm 2025. Trong đó Doanh thu nước sạch dự kiến là 1257,0 tỷ đồng, tăng 17,4 tỷ đồng; Ngoài ra doanh thu và thu nhập khác giảm 8,9 tỷ

+ Về chỉ tiêu lợi nhuận: Để đảm bảo tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của cổ đông, người lao động và giúp cho Công ty duy trì, phát triển, Công ty dự kiến lợi nhuận trước thuế năm 2026 là 187,8 tỷ đồng.

+ Về chỉ tiêu Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu ROE: phấn đấu tăng cường nâng cao tỷ suất lên dự kiến 16,9%.

+ Về chỉ tiêu thù lao HĐQT, BKS: Năm 2026 bằng với thực hiện năm 2025 là 0,589 tỷ đồng.

+ Về chỉ tiêu cổ tức: Để đảm bảo lợi ích hài hòa của Công ty, cổ đông và người lao động, tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ năm 2026 là $\geq 12,0\%$.

VII. KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 2026-2030

VII.1. Mục tiêu, định hướng giai đoạn 2026-2030

Mục tiêu giai đoạn 2026–2030 là nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh; từng bước tái cơ cấu và tinh gọn bộ máy; đẩy mạnh áp dụng chuyển đổi số, tự động hoá, cách mạng công nghiệp 4.0, trí thông minh nhân tạo AI trong công tác quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh; lấy khách hàng làm trung tâm, hài hoà lợi ích giữa khách hàng, cổ đông, doanh nghiệp và nhà nước.

Giai đoạn 2026–2030 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty, trong bối cảnh nền kinh tế số, đô thị thông minh và biến đổi khí hậu đang đặt ra những yêu cầu mới về chất lượng dịch vụ, năng lực quản trị, công

nghệ và nguồn lực. Việc xây dựng Định hướng chiến lược giai đoạn 2026–2030 nhằm xác định rõ mục tiêu, ưu tiên phát triển, lộ trình hành động và các giải pháp tổng thể, toàn diện, làm cơ sở cho việc triển khai hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và tổ chức bộ máy trong những năm tới.

Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030 này được xây dựng dựa trên tổng hợp phân tích về thực trạng nội tại của Công ty, quy hoạch phát triển của thành phố Hải Phòng, các yêu cầu về pháp lý, định hướng của Chính phủ và các bộ ngành, cùng với kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình vận hành hệ thống cấp nước đô thị. Từ đó, hoạch định rõ chiến lược phát triển đồng bộ trên các trụ cột: hiện đại hóa công nghệ, phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải tiến quản trị, tối ưu tài chính và mở rộng vùng phục vụ.

Chiến lược phát triển trong nhiệm kỳ tới tập trung vào các trụ cột chính: (1) Đảm bảo cung cấp nước sạch ổn định, chất lượng và an toàn; (2) Đầu tư có trọng điểm vào hạ tầng kỹ thuật, mở rộng vùng phục vụ; (3) Tối ưu hóa hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị, tổ chức và tinh gọn bộ máy; (4) Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, hiện đại hóa hệ thống điều hành, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; (5) Xây dựng đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp và gắn bó; (6) Đảm bảo và phát huy hiệu quả việc sử dụng vốn nhà nước và các nguồn lực xã hội hoá.

VII.2. Căn cứ lập, tính toán chỉ tiêu Định hướng Chiến lược giai đoạn 2026-2030

VII.2.1. Căn cứ vào các Quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành

a. Quy hoạch chuyên ngành cấp nước theo Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của thành phố Hải Phòng (thành phố Hải Phòng cũ- Nay là khu vực phía Đông Hải Phòng mới)

Quy hoạch phát triển hệ thống cấp nước thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn 2050 theo Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của thành phố Hải Phòng có những nội dung sau:

*** Quy mô dân số:** Quy mô dân số toàn Thành phố 2025 khoảng 2,3 triệu người; dự báo đến năm 2050 (khu vực Hải Phòng cũ) khoảng 5.260.000 người.

*** Dự báo nhu cầu sử dụng nước đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050:**

Tổng nhu cầu sử dụng nước toàn Thành phố dự kiến vào năm 2025: Trung bình ngày: 890.775 m³; ngày dùng lớn nhất: 1.051.460 m³. Vào năm 2050: ngày dùng trung bình: 1.854.723 m³; ngày dùng nước lớn nhất: 2.156.245 m³.

TT	Đối tượng dùng nước	Giai đoạn 2025		Giai đoạn 2050	
		Trung bình	Ngày max	Trung bình	Ngày max
I	Sinh hoạt, dịch vụ, tưới cây, rửa đường	674.365	835.050	1.322.295	1.623.817
1	Đô thị trung tâm	531.963	638.355	1.070.080	1.284.096
2	Đô thị vệ tinh	54.702	71.115	133.812	173.957
3	Nông thôn	87.700	125.580	118.403	165.764
II	Công nghiệp	216.410	216.410	532.428	532.428
1	Cụm công nghiệp	21.230	21.230	21.060	21.060
2	Khu công nghiệp	195.180	195.180	511.368	511.368
	Tổng:	890.775	1.051.460	1.854.723	2.156.245

Như vậy theo Quy hoạch cấp nước thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn 2050:

- Vào năm 2025: dự báo nhu cầu dùng nước cho toàn Thành phố trung bình ngày khoảng 890.775 m³/ngđ; ngày lớn nhất (max) lên tới 1.051.460 m³. Dự báo nhu cầu nước khu đô thị gồm 8 vùng theo quy hoạch Thành phố mà Công ty hiện có nhà máy nước và đang xây dựng theo dự án phát triển hệ thống cấp nước Thành phố Hải Phòng giai đoạn II vay vốn ADB là 789.500 m³/ngđ. Công suất các nhà máy nước phục vụ 8 vùng là 930.000 m³/ngđ
- Vào năm 2050: dự báo nhu cầu dùng nước cho toàn Thành phố trung bình ngày khoảng 1.854.723 m³/ngđ; ngày lớn nhất (max) lên tới 2.156.245 m³. Công suất các nhà máy nước là 1.540.000 m³/ngđ.

*** Quy hoạch phát triển hệ thống cấp nước của thành phố đến năm 2025 và giai đoạn sau 2025**

- Lựa chọn nguồn nước

Trong Quy hoạch phát triển hệ thống cấp nước thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn 2050 theo Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của thành phố Hải Phòng sử dụng các dùng nguồn nước mặt là chủ yếu: sông Sái, sông Rế, Đa Độ, sông Giá và nước ngầm quy mô nhỏ cấp thị trấn, nước biển tại các khu vực khó khăn về nguồn nước.

TT	Nguồn nước	Giai đoạn đến năm 2025	Giai đoạn sau năm 2025
I	Nguồn nước mặt	- Hệ thống An Kim Hải (sông Sái, sông Vật Cách, sông Rế) - Sông Đa Độ, sông Giá, sông Chanh Dương, kênh Hòn Ngọc.	- Bổ sung thêm nguồn nước từ sông Thái Bình (sau khi đắp đập ngăn mặn trên sông Thái Bình tại vị trí đò Hàn); nghiên cứu sử dụng nước hồ Yên Lập – Quảng Ninh.
II	Nguồn nước ngầm	Tạm thời sử dụng cho Tiên Lãng, Cát Bà và khu vực dân sinh chưa có mạng phân phối.	Không dùng.
III	Nguồn nước biển và tái chế	Chưa tính đến do chi phí xử lý cao.	Nghiên cứu sử dụng nước biển làm một trong những nguồn nước chính khi các nguồn nước ngọt chưa đáp ứng đủ. Nghiên cứu sử dụng các nguồn nước tái chế cho việc tưới cây, rửa đường...

-Phân vùng cấp nước

Theo quy hoạch, thành phố Hải Phòng phân vùng cấp nước theo hai khu vực như sau: Khu vực đô thị trung tâm ; khu vực đô thị vệ tinh và thị trấn. Mỗi khu vực được xác định cấp nước từ nhà máy hiện có hoặc xây dựng nhà máy nước mới.

TT	Khu vực	Phạm vi	Đến năm 2025 (m ³ /ngđ)	Nguồn cấp nước
I	Khu vực đô thị trung tâm			
1	Khu vực đô thị lõi (vùng 1)	Quận Lê Chân, Ngô Quyền, một phần quận Hồng Bàng (phía Đông sông đảo Hạ Lý), 1 phần quận Hải An	192.500	NMN An Dương
2	Khu vực phía Tây (vùng 2)	Quận Hồng Bàng khu vực phía Tây sông đảo Hạ Lý, quận An Dương mới.	103.200	NMN An Dương NMN Vật Cách NMN Kim Sơn
3	Khu vực phía Tây Nam (vùng 3)	Quận Kiến An, đô thị Trường Sơn, An Lão.	50.000	NMN Cầu Nguyệt
4	Khu vực phía Nam (vùng 4)	Quận Dương Kinh, Đồ Sơn, quận mới Tráng Cát.	165.800	NMN Hưng Đạo
5	Khu vực phía Tây Bắc (vùng 5)	Quận mới Tây Bắc	71.000	NMN Vật Cách NMN Kim Sơn
6	Khu vực phía Bắc (vùng 6)	Khu đô thị Bắc Sông Cấm, 1 phần VSIP	120.000	NMN Ngũ Lão
7	Khu đô thị phía Đông (vùng 7)	KCN Đình Vũ, Nam Đình Vũ	48.000	NMN An Dương NMN Hưng Đạo
8	Khu vực phía Đông Nam (vùng 8)	Toàn bộ khu vực Cát Hải, cảng Lạch Huyện	39.000	NMN An Dương NMN Hưng Đạo

TT	Khu vực	Phạm vi	Đến năm 2025 (m ³ /ngđ)	Nguồn cấp nước
Tổng nhu cầu I:			789.500	
II	Khu vực đô thị vệ tinh và thị trần			
1	Minh Đức	Thị trấn Minh Đức		NMN Minh Đức
2	Núi Đèo	Thị trấn Núi Đèo + vùng lân cận		NMN Thủy Sơn
3	An Lão	Thị trấn An Lão + 1 số xã lân cận		NMN An Tiến NMN Quang Trung
4	Núi Đồi	Thị trấn Núi Đồi		NMN Hưng Đạo
5	Tiên Lãng	Thị trấn Tiên Lãng + các xã		NMN thị trấn Tiên Lãng NMN Khởi Nghĩa NMN Cầu Nguyệt
6	Vĩnh Bảo	Thị trấn Vĩnh Bảo + 1 số xã		NMN Vĩnh Bảo số 1, số 2
7	Cát Bà	Thị trấn + các xã trên đảo		NMN Cái Giá TB Xuân Đám.
8	Quảng Thanh	Thị trấn Quảng Thanh + 1 số xã		NMN Quảng Thanh
9	Lưu Kiếm	Thị trấn Lưu Kiếm + 1 số xã		NMN Lưu Kiếm
10	Hòa Bình	Thị trấn Hòa Bình + 1 số xã		NMN Hòa Bình
11	Hùng Thắng	Xã Hùng Thắng + 1 số xã		NMN Khởi Nghĩa
12	Tam Cường	Xã Tam Cường + 1 số xã		NMN Tam Cường
13	Bạch Long Vỹ	Đảo Bạch Long Vỹ		NMN Bạch Long Vỹ

-Quy hoạch xây dựng và mở rộng các nhà máy nước.

TT	Tên nhà máy nước	Địa chỉ	Phạm vi phục vụ	Công suất (m ³ /ngđ)	
				2025	2050
1	An Dương (năng công suất)	249 Tôn Đức Thắng, quận Lé Chân, HP	Khu vực đô thị lõi	200.000	200.000
2	Vật Cách (năng công suất)	Xã Tân Tiến, huyện An Dương	Quận Hồng Bàng mở rộng, quận mới An Dương, KCN Tráng Duệ, Nomura	60.000	140.000
3	Cầu Nguyệt (năng công suất)	Xã Thái Sơn, huyện An Lão	Quận Kiến An + huyện An Lão, Kiến Thụy, Tiên Lãng	120.000	200.000

TT	Tên nhà máy nước	Địa chỉ	Phạm vi phục vụ	Công suất (m ³ /ngđ)	
				2025	2050
4	Hung Đạo	Phường Hưng Đạo, Quận Dương Kinh	Quận Dương Kinh, Đồ Sơn, Trảng Cát, Đình Vũ, Cát Hải, Kiến Thụy.	200.000	300.000
5	Kim Sơn	Lê Thiện, An Dương	Quận mới Tây Bắc, 1 phần quận An Dương	150.000	300.000
6	Ngũ Lão	Xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên	Khu đô thị Bắc sông Cấm, VSIP, KCN Bến Rừng.	100.000	300.000
7	Đình Vũ	KCN Đình Vũ	Khu vực đồng đảo Đình Vũ, KCN Đình Vũ, Nam Trảng Cát	100.000	100.000
Tổng công suất:				930.000	1.540.000

b. Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng (thành phố Hải Phòng cũ) theo quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính Phủ

Theo Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính Phủ Quyết định phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 có những nội dung cơ bản như sau:

*** Quy mô dân số:** Dự báo dân số đến năm 2030 khoảng 2,8 – 3,0 triệu người, dân số đô thị khoảng 2,0 – 2,2 triệu người, tỷ lệ đô thị hoá 74 – 76%. Đến năm 2040 dân số khoảng 3,9 – 4,7 triệu người, dân số đô thị khoảng 3,2 – 4,0 triệu người, tỷ lệ đô thị hoá khoảng 80 – 86%.

*** Dự báo nhu cầu sử dụng nước:**

Tổng nhu cầu sử dụng nước toàn thành phố đến năm 2030 dự kiến khoảng 1.150.000 m³/ngày đêm, đến năm 2040 khoảng 1.750.000 m³/ngày đêm, trong đó nhu cầu sử dụng nước cho các mục đích như sau:

TT	Đối tượng dùng nước	Giai đoạn đến năm 2030 (m ³ /ngđ)	Giai đoạn đến năm 2040 (m ³ /ngđ)
1	Sinh hoạt	488.087	770.124
2	Du lịch	51.940	74.200
3	Công cộng	97.617	154.025
4	Tưới cây rửa đường	57.423	83.135
5	Công nghiệp	222.313	324.919
6	Dự phòng	64.394	95.442
7	Bản thân nhà máy	39.271	60.074
Tổng		1.021.045	1.561.918
Tổng K=1,1		1.123.150	1.718.110
Tổng nhu cầu bao gồm các cụm công nghiệp		1.144.553	1.748.446

*** Lựa chọn nguồn nước:**

Nguồn nước chính cho thành phố Hải Phòng đến năm 2040 là nguồn nước mặt từ sông Giá, sông Hòn Ngọc, sông Đa Độ, hệ thống An Kim Hải (sông Sái, sông Vật Cách, Sông Rế), sông Chanh Dương.

Hạn chế sử dụng nguồn nước ngầm. Khu vực đảo Cát Bà, đảo Bạch Long Vĩ sử dụng nguồn nước thô là nước mưa được trữ trong các hồ chứa.

Xem xét đến phương án sử dụng nguồn nước biển với nơi hạn chế về nguồn nước như đảo Cát Bà, đảo Bạch Long Vĩ.

*** Phân vùng cấp nước:**

TT	Vùng cấp nước	Nhu cầu (m ³ /ngđ)		Nhà máy nước
		Năm 2030	Năm 2040	
1	Phân khu trung tâm (gồm Lê Chân - Ngô Quyền - Hồng Bàng)	153.000	183.000	NMN An Dương, Vật Cách 1,2; Cầu Nguyệt, Hưng Đạo, Đình Vũ, Kim Sơn, Ngũ Lão, DeepC 1,2, Hữu Bằng, Ngũ Đoan.
2	Phân khu phía Đông (gồm Kiến An - Hải An - Dương Kinh - Đồ Sơn - H. Kiến Thụy)	323.000	596.000	
3	Phân khu phía Bắc gồm huyện Thủy Nguyên	205.000	265.000	NMN Thủy Sơn, Cầu Giá-Lưu Kiếm, Minh Đức, Vsip, Ngũ Lão, Nam Cầu Kiển.
4	Phân khu phía Tây gồm huyện An Dương, huyện An Lão	168.000	259.000	NMN Kim Sơn, Vật Cách 1, 2; Cầu Nguyệt, An Dương, An Tiến, Quang Trung, Trảng Duệ 1, 2.
5	Phân khu phía Nam gồm huyện Tiên Lãng, huyện Vĩnh Bảo	189.000	281.000	Bắc Tiên Lãng, Vĩnh Bảo 1, 2; Cầu Nguyệt, An Hòa, Hưng Đạo.
6	Phân khu biển đảo gồm huyện Cát Hải, huyện Bạch Long Vĩ	109.000	156.000	NMN Hưng Đạo, An Dương, Ngũ Lão, Cái Giá, Phù Long, Xuân Đám, Hải Sơn, Hiền Hào, Việt Hải, Thuồng Luồng, Bạch Long Vĩ.

*** Quy hoạch xây dựng và mở rộng các nhà máy nước**

- Cải tạo nâng công suất các nhà máy nước hiện đang hoạt động tốt tại các quận huyện.

- Xây mới các nhà máy nước: Kim Sơn (An Dương), Đình Vũ (Hải An), Nam Cầu Kiển, Cầu Giá- Lưu Kiếm (Thủy Nguyên), Trảng Duệ 2 (An Lão), Bắc Tiên Lãng (Tiên Lãng), Xuân Đám (Cát Bà), Bạch Long Vĩ (đảo Bạch Long Vĩ).

- Công nghiệp: Các khu công nghiệp có vị trí gần các nhà máy nước tập trung sẽ dùng nguồn nước này. Tiếp tục sử dụng các nhà máy phục vụ riêng khu công nghiệp như: Trảng Duệ 1, Vsip; DeepC1 và DeepC2. Xây mới nhà máy nước khu công nghiệp Nam Cầu Kiển, Trảng Duệ giai đoạn 2.

- Nông thôn: Đối với khu vực nông thôn liền kề các đô thị hoặc có hệ thống cấp nước đô thị đi qua sẽ được cấp nước từ hệ thống này. Còn lại các khu vực khác sử dụng các công trình cấp nước với quy mô nhỏ.

TT	Nhà máy nước	Công suất (m ³ /ngđ)			Nguồn nước
		Hiện có	2030	2040	
1	NMN An Dương	200.000	200.000	200.000	Sông Rế
2	NMN Vật Cách 1,2	40.000	100.000	140.000	Sông Vật Cách
3	NMN Cầu Nguyệt	40.000	80.000	120.000	Sông Đa Độ
4	NMN Hưng Đạo	25.000	100.000	300.000	Sông Đa Độ
5	NMN Đình Vũ		50.000	100.000	Sông Đa Độ
6	NMN DeepC 2 và 2	2.500	10.000	10.000	Sông Đa Độ
7	NMN Hữu Bằng	5.000	10.000	10.000	Sông Đa Độ
8	NMN Ngũ Đoan	6.000	12.000	12.000	Sông Đa Độ
9	NMN Kiến Quốc	3.000	3.000	TB tăng áp	
10	NMN Thủy Sơn	18.000	30.000	30.000	Sông Hòn Ngọc
11	NMN Minh Đức	5.000	10.000	10.000	Sông Giá
12	NMN Vsip	5.000	20.000	30.000	Sông Giá
13	NMN Nam Cầu Kiền		8.500	10.000	Sông Hòn Ngọc
14	NMN Cầu Giá -Lưu Kiền		9.000	15.000	Sông Giá
15	NMN Ngũ Lão 2	3.000	9.000	15.000	Sông Giá
16	TCN Gia Minh	1.000	2.000	TB tăng áp	
17	NMN Ngũ Lão 1	25.000	150.000	200.000	Sông Giá
18	NMN An Tiến	2.000	15.000	15.000	Sông Đa Độ
19	NMN Quang Trung	3.000	15.000	15.000	Sông Đa Độ
20	NMN Tráng Duệ 1	5.000	5.000	5.000	Sông Đa Độ
21	NMN Tráng Duệ 2		20.000	30.000	Sông Đa Độ
22	NMN Kim Sơn		50.000	150.000	Sông Sái
23	NMN Tiên Lãng	1.400	TB tăng áp	TB tăng áp	
24	NMN Tiên Cường	5.000	5.000	TB tăng áp	
25	NMN Bắc Tiên Lãng		100.000	200.000	Sông Thái Bình
26	NMN Vĩnh Bảo 1	12.000	40.000	40.000	Sông Chanh Dương
27	NMN Vĩnh Bảo 2	5.000	30.000	30.000	Sông Chanh Dương
28	NMN Dũng Tiến	5.000	5.000	TB tăng áp	
29	NMN Tiên Phong	6.000	6.000	TB tăng áp	
30	NMN Liên Am	3.000	3.000	TB tăng áp	
31	NMN Cao Minh	5.000	5.000	TB tăng áp	

TT	Nhà máy nước	Công suất (m ³ /ngđ)			Nguồn nước
		Hiện có	2030	2040	
32	NMN Vĩnh Long	5.000	5.000	TB tăng áp	
33	NMN Cái Giá	11.000	20.000	30.000	Nước mặt+ nước ngầm+ nước biển
34	NMN Phù Long	1.000	10.000	20.000	Hồ Phù Long+ nước ngầm
35	NMN Xuân Đám		5.000	5.000	Hồ Xuân Đám thượng+ nước ngầm
36	TCN Thuồng Luồng	400	2.000	5.000	Hồ Trần Châu+ nước ngầm
37	NMN Hải Sơn	400	6.000	6.000	Nước hồ dự kiến
38	TCN Việt Hải	400	400	400	Nước mặt
39	TCN Hiền Hào	400	400	400	Nước mặt
40	TCN Bạch Long Vĩ		150	300	Nước ngọt hồ chứa hoặc nước biển
	Tổng công suất	449.500	1.151.450	1.754.100	

c. Căn cứ quyết định số 1516/QĐ/TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính Phủ Quyết định phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 1516/QĐ/TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính Phủ liên quan đến dự báo nhu cầu tăng dân số và nhu cầu dùng nước như sau:

*** Quy mô dân số:** Dự báo dân số Hải Phòng được xây dựng theo hai kịch bản. Kịch bản A (Kịch bản cơ sở) với năm gốc 2020 là 2.179 nghìn người, tăng trưởng mỗi năm khoảng 1% thì đến năm 2025 và 2030 sẽ là khoảng 2.300 và 2.400 nghìn người; Theo kịch bản B (thực tế) mặc dù cao hơn hẳn Kịch bản A, nhưng có tính thực tế hơn năm 2025 và 2030 sẽ là khoảng 2.400 và 2.7000 nghìn người tương ứng với tỷ lệ tăng trưởng mỗi năm là 2,2%.

	2020	2025	2030	Tăng trưởng 2021-2030 (%)
Kịch bản A (cơ sở)	2.179	2.290	2.407	1,0
Kịch bản B (thực tế)	2.179	2.406	2.722	2,2

*** Dự báo nhu cầu sử dụng nước đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050:**

Tổng nhu cầu sử dụng nước toàn Thành phố dự kiến vào năm 2025: Trung bình ngày: 890.775 m³; ngày dùng lớn nhất: 1.051.460 m³. Vào năm 2050: ngày dùng trung bình: 1.854.723 m³; ngày dùng nước lớn nhất: 2.156.245 m³.

STT	Đối tượng dùng nước	Giai đoạn 2025		Giai đoạn 2030		Giai đoạn 2050	
		Trung bình	Ngày max	Trung bình	Ngày max	Trung bình	Ngày max
1	Sinh hoạt, dịch vụ, tưới cây, rửa đường	674.365	835.050	811.639	1.002.062	1.322.295	1.623.817
1	Đô thị trung tâm	531.964	638.357	638.357	766.028	1.070.080	1.284.096
2	Đô thị vệ tinh và thị trấn	54.702	71.115	65.642	85.338	133.812	173.957
3	Nông thôn	89.700	125.580	107.640	150.696	118.403	165.764
II	Công nghiệp	216.410	216.410	255.446	255.446	532.428	532.428
1	Cụm công nghiệp	21.230	21.230	21.230	21.230	21.060	21.060
2	Khu công nghiệp	195.180	195.180	234.216	234.216	511.368	511.368
	Tổng	890.775	1.051.460	1.067.085	1.257.508	1.854.723	2.156.245

c. Đánh giá về việc tăng trưởng dân số và nhu cầu sử dụng nước thực tế so với các Quy hoạch cấp nước thành phố Hải Phòng.

Căn cứ các quy hoạch phát triển hệ thống cấp nước và quy hoạch phát triển đô thị của thành phố Hải Phòng (cũ), nhu cầu sử dụng nước trong dài hạn được dự báo tăng tương đối cao, gắn với tốc độ gia tăng dân số, quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, thực tế giai đoạn 2015–2025 cho thấy tốc độ tăng dân số và nhu cầu sử dụng nước thấp hơn so với các dự báo trong quy hoạch. Mặc dù GRDP của thành phố tăng trưởng mạnh, đạt khoảng 10–16%/năm, song sản lượng nước sản xuất và tiêu thụ của Công ty chỉ tăng trung bình khoảng 3–4%/năm. Nguyên nhân chủ yếu do cơ cấu sử dụng nước của thành phố vẫn phụ thuộc lớn vào nhu cầu sinh hoạt dân cư (chiếm khoảng 80% tổng sản lượng tiêu thụ), trong khi tốc độ tăng dân số giai đoạn 2020–2025 chỉ khoảng 0,95%/năm, năm 2025 cao nhất là 1,15% (theo số liệu của Cục Thống kê thành phố Hải Phòng), thấp hơn rất nhiều so với các kịch bản dự báo trong quy hoạch.

Trong thời gian tới, xu hướng tăng trưởng nhu cầu sử dụng nước tiếp tục phụ thuộc chủ yếu vào tốc độ tăng dân số, và một phần vào tốc độ đô thị hóa, tăng trưởng Công nghiệp – Sản xuất và tình hình phát triển kinh tế – xã hội của thành phố. Đồng thời, các biến động của kinh tế thế giới như chiến tranh thương mại và các xung đột khu vực (Trung Đông, Nga – Ukraina...) có thể ảnh hưởng sâu và rộng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn, qua đó tác động gián tiếp đến nhu cầu sử dụng nước.

VII.2.2. Căn cứ thực tế kết quả Sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025.

Trong giai đoạn 2021–2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh có nhiều biến động và thách thức. Đặc biệt, đại dịch COVID-19 kéo dài trong các năm 2020–2021 đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến toàn bộ nền kinh tế, trong đó có lĩnh vực cấp nước. Nhiều hoạt động đầu tư, thi công, kiểm soát thất thoát... bị gián đoạn; nhu cầu sử dụng nước tại các khu vực sản xuất, dịch vụ giảm mạnh trong thời gian giãn cách xã hội, tác động trực tiếp đến doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, trong năm 2024 bão Yagi gây mưa lớn, lũ lụt cục bộ ở một số khu vực, ảnh hưởng đến nguồn nước thô, hệ thống khai thác – xử lý nước, một số kết cấu công trình nhà trạm bị bão cuốn, đường ống mạng lưới cấp nước bị vỡ gây phát sinh chi phí sửa chữa và duy tu, đồng thời đòi hỏi Công ty phải tăng cường các biện pháp đảm bảo cấp nước an toàn trong điều kiện bất lợi.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, Công ty vẫn nỗ lực duy trì sản xuất kinh doanh ổn định và từng bước đạt được các kết quả tích cực. thể hiện qua sự tăng trưởng ổn định về sản lượng nước sản xuất, nước tiêu thụ cũng như các chỉ tiêu tài chính chủ chốt. Công ty đã duy trì vận hành hệ thống cấp nước an toàn, liên tục và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng trên địa bàn quản lý.

Các chỉ tiêu Sản xuất kinh doanh thực hiện giai đoạn 2021-2025 chi tiết xem tại phần V.

VII.2.3. Dự kiến phát triển khách hàng, sản lượng, doanh thu giai đoạn 2026-2030**VII.2.3.1. Công tác phát triển khách hàng giai đoạn 2026-2030**

Việc xây dựng kế hoạch phát triển khách hàng giai đoạn 2026-2030 căn cứ vào sự gia tăng số lượng khách hàng tự nhiên trung bình từ năm 2021-2025 và thực tế tình hình, khả năng phát triển khách hàng của Công ty trong giai đoạn 2026-2030 (phát triển tự nhiên, dự địa phát triển mở rộng mạng lưới).

Với bối cảnh hiện tại, dự kiến tỷ lệ Tổng số đầu nối (khách hàng) của Công ty cũng chỉ tăng trưởng tối đa năm 2026 là 2,7%, giai đoạn 2027-2030 là khoảng 2,5%/năm:

TT	Hình thức	Đơn vị	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Số đầu nối phát triển	Đầu nối	10.223	9.763	10.007	10.258	10.514
2	Tổng số khách hàng	Khách hàng	390.535	400.298	410.306	420.563	431.078
3	Tỷ lệ tăng trưởng	%	2,7	2,5	2,5	2,5	2,5

VII.2.3.2. Tỷ lệ tăng trưởng nhu cầu dùng nước tiêu thụ, nước sản xuất

Trong giai đoạn từ 2015-nay, thành phố Hải Phòng có sự tăng trưởng phát triển kinh tế xã hội mạnh mẽ, tỷ lệ tăng trưởng GRDP luôn đạt trên 10%. Việc phát triển kinh tế xã hội, hạ tầng đô thị có tác động tích cực, kéo theo tỷ lệ tăng trưởng nước sản xuất, nước tiêu thụ của Công ty giai đoạn này đạt trung bình khoảng 3-4%/năm (tỷ lệ tăng trưởng đối với lĩnh vực cấp nước tăng thấp hơn tăng trưởng GRDP của thành phố do tăng trưởng nhu cầu dùng nước phụ thuộc chủ yếu vào việc tăng trưởng dân số, trong đó dân số thành phố có tăng tuy nhiên mức tăng không cao, chỉ dưới 1%/năm).

Trong giai đoạn này việc phát triển cấp nước cho khu vực đô thị trung tâm đã bao trùm khắp, các khu cụm công nghiệp lớn đã xây dựng cũng đã lấp đầy tương đối. Công ty cũng đã tập trung phát triển mạnh mẽ, mở rộng hệ thống cấp nước ra các khu vực lân cận và khu vực nông thôn theo chỉ đạo của thành phố, góp phần nâng cấp, đảm bảo cơ sở hạ tầng cấp nước phục vụ việc thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống cho nhân dân thành phố. Giai đoạn 2026-2030 dự kiến Công ty sẽ rất khó khăn trong việc phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển khách hàng tập trung.

Trong đó giai đoạn 2022–2025, đặc biệt là năm 2025, ghi nhận mức tăng trưởng rất cao, đột biến của Công ty, nguyên nhân là do việc áp dụng rất nhiều giải pháp thúc đẩy tăng trưởng 8% theo chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố và nhiều yếu tố thuận lợi mang tính thời điểm khác như: việc tăng áp lực nước phát tại các nhà máy lên mức tối đa là khoảng 4,0-4,2bar để nâng cao sản lượng nước cấp và nâng cao chất lượng dịch vụ; giá nước được áp dụng trọn vẹn 12 tháng mức giá nước mới được Ủy ban nhân dân thành phố duyệt áp dụng từ tháng 3/2024; mở rộng phát triển tập trung lượng lớn khách hàng tại nhiều khu vực huyện Vĩnh Bảo, huyện Kiến Thụy, huyện Cát Hải, huyện Tiên Lãng; gia tăng sản lượng từ một số các khách hàng công nghiệp lớn (như KCN Đình Vũ tăng cao do xảy ra sự cố đối với Trạm cấp nước DeepC1-2 nên doanh nghiệp chuyển nguồn dùng nước toàn bộ từ Nhà máy nước An Dương của Công ty,...); nhu cầu sử dụng nước tăng thêm do việc sáp nhập địa giới hành chính và mở rộng hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn. Đây là những yếu tố tạo dư địa tăng trưởng một lần, khó lặp lại trong năm tiếp theo.

Tuy nhiên, bước sang giai đoạn 2026-2030, các yếu tố thuận lợi nêu trên cơ bản không còn. Trên cơ sở đánh giá toàn diện các yếu tố khách quan và nội tại nêu trên, việc xây dựng kế hoạch phân đầu tăng trưởng nước tiêu thụ có thực thu ở mức

khoảng 1,7%, tăng trưởng nước sản xuất tương ứng ở mức 1,7%-2,0% cho giai đoạn 2026-2030 được xem là phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo tính khả thi thực hiện, an toàn tài chính và phát triển bền vững, đây cũng là tỷ lệ tăng trưởng nước tiêu thụ cao so với mặt bằng chung của các Công ty Cấp nước có quy mô lớn tại Việt Nam là chỉ khoảng 1,0%-1,5% (công ty tiếp tục phấn đấu duy trì tỷ lệ nước thất thoát, nước không doanh thu như tỷ lệ rất thấp hiện tại, hiện đã tiệm cận tỷ lệ tối đa trong lĩnh vực quản lý cấp nước tại các nước phát triển trên thế giới).

VII.2.3.3. Tăng trưởng doanh thu/doanh thu SXKD nước sạch

Dự kiến giai đoạn 2026-2030 sẽ chưa được điều chỉnh giá nước, do đó dự kiến giá nước bình quân sẽ tương ứng giá nước bình quân của năm 2025, như vậy sẽ không còn tác động tích cực tăng doanh thu từ việc điều chỉnh giá nước (bối cảnh thế giới tiếp tục biến động do chiến tranh thương mại và các xung đột quốc tế tại Trung Đông, Nga – Ukraine,..., tác động ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu sử dụng nước công nghiệp và dịch vụ - là nhóm khách hàng đóng góp lớn vào giá nước bình quân).

Doanh thu nước sạch sẽ tăng trưởng tương ứng với tăng trưởng lượng nước tiêu thụ. Về Tổng doanh thu và thu nhập khác, Công ty là doanh nghiệp chỉ hoạt động trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt với mục tiêu chính là tập trung đảm bảo công tác cấp nước an toàn, ổn định phục vụ dân sinh và hỗ trợ việc thu hút đầu tư, phát triển kinh tế xã hội của thành phố, do đó Doanh thu của Công ty vẫn dựa chủ yếu trên doanh thu nước sạch với tỷ lệ đến trên 94%. Các doanh thu phụ trợ khác như Dịch vụ tư vấn, sản xuất nước uống đóng chai,... cơ bản ổn định, không có sự tăng trưởng lớn, đặc biệt năm 2026 không có khoản doanh thu khác lớn đột biến như năm 2025 từ khoản 7,7 tỷ đồng chi phí đền bù việc xây dựng Trạm bơm tăng áp Cầu Rào.

Với việc đẩy mạnh tăng trưởng, phát triển rất mạnh mẽ trong giai đoạn trước, các chỉ tiêu doanh thu, Tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty đã đạt ở mức rất cao so sánh tương quan với các Công ty cấp nước trong nước và trong khu vực. Do đó Tỷ lệ tăng trưởng Tổng doanh thu và thu nhập khác giai đoạn 2026-2030 sẽ trung bình đạt trong khoảng 0,7-1,7%.

VII.2.3.4. Tỷ lệ lợi nhuận/ lợi nhuận trước thuế/ tỷ lệ chia cổ tức

Lợi nhuận trước thuế phản ánh hiệu quả quản lý chi phí, tổ chức sản xuất và năng suất lao động. Mặc dù giá nước ổn định, dự kiến trong giai đoạn 2026-2030 sẽ chưa được điều chỉnh giá, chi phí đầu vào có xu hướng tăng, nhưng nhờ ứng dụng công nghệ, tự động hóa và tái cấu trúc tổ chức, Công ty đặt mục tiêu vẫn duy trì tăng

trường lợi nhuận. Lợi nhuận tăng cũng là điều kiện cần thiết để đảm bảo kế hoạch đầu tư mở rộng và duy trì khả năng chia cổ tức ở mức cao.

Đối với lợi nhuận trước thuế và là cơ sở xác định mức chia cổ tức cho cổ đông hàng năm. Việc kiểm soát hiệu quả chi phí thuế, khấu hao tài sản và chi phí tài chính đóng vai trò quan trọng để đạt được mục tiêu đề ra.

VII.3. Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030 các lĩnh vực

VII.3.1. Định hướng chỉ tiêu SXKD giai đoạn 2026-2030

Đối với việc xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030, với đặc thù ngành nước sạch là dịch vụ công ích thiết yếu, giá bán do Nhà nước quản lý, nhu cầu tiêu dùng ổn định và dư địa tăng trưởng tự nhiên thấp, khó có sự tăng trưởng cao, việc xây dựng xem xét theo nguyên tắc: bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, liên tục; bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; duy trì hiệu quả hoạt động và phù hợp với đặc thù ngành nước, phản ánh đúng khả năng tăng trưởng tự nhiên và tính khả thi trong tổ chức thực hiện

Nước sạch là sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân và chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước từ quy hoạch, đầu tư hạ tầng đến giá bán lẻ. Nhu cầu sử dụng nước không mang tính co giãn theo thu nhập và khó có thể thúc đẩy tiêu dùng bằng các biện pháp thương mại. Hiện nay địa bàn cấp nước của Công ty đã cơ bản ổn định, tỷ lệ hộ dân được cấp nước đạt gần như toàn bộ khu vực quản lý. Dư địa tăng trưởng theo chiều rộng là không có. Đồng thời, xu hướng sử dụng nước tiết kiệm của người dân và doanh nghiệp cũng làm thu hẹp khả năng tăng trưởng theo chiều sâu.

Bên cạnh đó, chi phí đầu vào trong hoạt động sản xuất – kinh doanh nước sạch như điện năng, hóa chất xử lý nước, vật tư sửa chữa, chi phí nhân công và bảo dưỡng hệ thống đều có xu hướng gia tăng theo mặt bằng giá chung của nền kinh tế, tạo áp lực đối với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Định hướng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 dự kiến như sau:

Bảng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 Công ty

TT	Các chỉ tiêu SXKD	ĐVT	Định hướng chiến lược 2026-2030				
			2026	2027	2028	2029	2030
1	Nước sản xuất	Triệu m ³	100,7	102,4	104,2	105,9	107,7
2	Nước tiêu thụ	Triệu m ³	90,9	92,4	94,0	95,6	97,2

TT	Các chỉ tiêu SXKD	ĐVT	Định hướng chiến lược 2026-2030				
			2026	2027	2028	2029	2030
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	1.323,5	1.346,0	1.369,2	1.392,7	1.416,5
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	187,8	190,9	194,0	197,1	200,3
5	Nộp ngân sách NN	Tỷ đồng	139,5	140,7	141,8	143,0	144,1

VII.3.2. Định hướng chiến lược phát triển doanh nghiệp

- Quản trị doanh nghiệp:

Tiếp tục duy trì mô hình công ty cổ phần, nhà nước chiếm tỷ lệ chi phối. Quản trị doanh nghiệp theo Điều lệ, quy chế quản trị và các quy chế khác của Công ty.

- **Xây dựng thương hiệu, công tác truyền thông quảng bá doanh nghiệp:** Xây dựng thương hiệu, quảng bá doanh nghiệp giúp khách hàng tin tưởng và lựa chọn sản phẩm dù là nước máy, nước đóng chai hay các sản phẩm trong lĩnh vực tư vấn, xây dựng hệ thống cấp thoát nước.

- **Hợp tác, liên doanh, liên kết:** Duy trì, phát triển với các đối tác trong nước và quốc tế đã có từ nhiều năm nay, đồng thời tăng cường tìm kiếm các đối tác mới trong hợp tác đào tạo, tiếp thu công nghệ, sản xuất kinh doanh.

- **Huy động các nguồn lực:** Tăng cường duy trì quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế, các công ty đối tác nước ngoài để tranh thủ nguồn vay lãi suất thấp phục vụ cho đầu tư phát triển doanh nghiệp.

- **Chiến lược về khoa học công nghệ:** Chọn lọc, tiếp nhận và sử dụng các công nghệ mới trong công nghệ xử lý, vận hành nhà máy, phân tích, đo lường, truyền dẫn theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa từng bước phù hợp với nguồn lực của doanh nghiệp trong từng giai đoạn.

- **Đào tạo phát triển nguồn nhân lực:** Nguồn nhân lực chất lượng cao được xác định là nhân tố quan trọng góp phần vào sự phát triển của doanh nghiệp. Nhân sự bao gồm cấp lãnh đạo, cấp quản lý, các vị trí làm việc trong doanh nghiệp. Việc đào tạo phát triển thông qua các chương trình hợp tác với đối tác nước ngoài, với các trường đại học, trường đào tạo nghề và đào tạo tại chỗ là công việc hàng năm của Công ty.

VII.3.3. Định hướng chiến lược phát triển khách hàng

Khách hàng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nguồn thu cho doanh nghiệp. Việc phát triển khách hàng tập trung theo chiến lược phát triển mở rộng hệ thống cấp nước của Công ty và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Công ty thiết lập và duy trì mối quan hệ hợp tác bền chặt với khách hàng trên cơ sở đáp ứng và ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước với các tiêu chí: thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, cung cấp dịch vụ với chất lượng cao, tạo niềm tin cho khách hàng. Không ngừng nâng cao dịch vụ cung cấp nước sạch cho khách hàng ngang tầm với các công ty cấp nước hàng đầu cả nước và Châu Á: nâng cao chất lượng nước, áp lực nước cấp, dịch vụ chăm sóc khách hàng, phát triển các dịch vụ hỗ trợ khách hàng,....

VII.3.4. Định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh chung

- Đảm bảo cấp nước an toàn thích ứng với biến đổi khí hậu, thực hiện các biện pháp chủ động trong công tác phòng chống thiên tai, hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn,... Tăng cường công tác bảo vệ nguồn nước, phối hợp cùng việc vận hành hệ thống thủy lợi, giảm thiểu ô nhiễm, xâm nhập mặn nguồn nước; tăng cường các hoạt động giáo dục, truyền thông để tuyên truyền về thói quen sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước.

- Đảm bảo công suất cấp nước đáp ứng yêu cầu tăng trưởng về nhu cầu sử dụng nước của dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao sản lượng nước tiêu thụ, tăng doanh thu Công ty.

- Không ngừng nâng cao hiệu quả quản lý vận hành mạng lưới cấp nước, chống thất thu thất thoát, phân đầu giảm tỷ lệ nước không doanh thu.

- Đẩy mạnh công tác Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và tự động hoá trong quản lý sản xuất và vận hành Hệ thống cấp nước, nâng cao công tác quan trắc, giám sát nguồn nước, chất lượng nước.

- Tăng cường nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, nghiên cứu công nghệ xử lý nhằm ứng phó trước tình trạng chất lượng nước nguồn ngày càng bị ô nhiễm.

- Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng cho lực lượng quản lý, kỹ thuật và vận hành công trình cấp nước.

VII.3.5. Định hướng Đầu tư phát triển Hệ thống cấp nước giai đoạn 2026-2030

Chiến lược đầu tư được thực hiện trong mối liên hệ chặt chẽ với chiến lược phát triển hệ thống cấp nước theo các giai đoạn, trong đó một số định hướng như sau: Nghiên cứu triển khai đẩy mạnh công tác phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước khu vực nông thôn, các Khu cụm công nghiệp, các Khu đô thị,...; Nghiên cứu cải tạo, nâng công suất Hệ thống cấp nước đảm bảo công suất cấp nước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị hoá, công nghiệp hoá của thành phố; Đảm bảo cấp nước an toàn thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai: tăng cường công suất liên thông giữa các khu vực cấp nước, tăng cường đảm bảo cấp nước phòng cháy chữa cháy.

Hiện nay, thành phố đang phát triển vượt bậc, các khu đô thị, các khu kinh tế, công nghiệp không ngừng mở rộng và đầu tư trên toàn địa bàn thành phố. Các chương trình chính sách phát triển kinh tế, xã hội, thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, đô thị hoá, xây dựng nông thôn mới đang được thành phố triển khai tập trung và đẩy nhanh tốc độ. Để kịp thời đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của thành phố thì cần thiết phải tiếp tục đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, nâng công suất, bổ sung các nhà máy nước, trạm bơm tăng áp, lắp đặt các tuyến ống cấp nước truyền tải, liên thông đảm bảo cấp nước an toàn, ổn định với chất lượng dịch vụ tốt nhất.

Đồng thời để kịp thời đáp ứng nhu cầu nước sạch cho nhân dân tại các khu vực nông thôn. Theo chỉ đạo và phương án cấp nước của Ủy ban nhân dân thành phố, Công ty tiếp tục định hướng, lập kế hoạch đầu tư xây dựng phát triển hệ thống cấp nước ra các khu vực nông thôn khi có đủ cơ sở pháp lý. Việc đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước khu vực nông thôn sẽ đáp ứng nguyện vọng của nhân dân và chính quyền địa phương về cung cấp nước sạch và cũng là hoạt động đầu tư mở rộng vùng phục vụ, tạo nguồn tăng doanh thu kinh doanh nước sạch lâu dài cho công ty.

Do đó, Công ty đã nghiên cứu phương án, lập kế hoạch từng bước triển khai các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp nước, mở rộng vùng phục vụ, phát triển khách hàng, đảm bảo cấp nước an toàn ổn định, kịp thời cho nhu cầu của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của thành phố, phù hợp theo quy hoạch cấp nước thành phố. Tổng nguồn vốn đầu tư dự kiến cho giai đoạn năm 2026-2030 là khoảng 1.394 tỷ, trong đó dự kiến giải ngân năm 2026 là khoảng 83 tỷ. Nguồn vốn thực hiện dự án bao gồm nguồn vốn tự có của công ty và vốn vay ngân hàng.

Thẩm quyết quyết định kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030 thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và việc quyết định các dự án thành phần theo tổng mức đầu tư thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị khi có đầy đủ điều kiện và cơ sở pháp lý. Tổng mức đầu tư của từng dự án đều <631,3 tỷ (tương đương <35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán. Tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2025 là 1.975,1 tỷ đồng), thẩm quyền quyết định Chủ trương đầu tư từng dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Quy mô các dự án cụ thể căn cứ theo nhu cầu cấp nước của từng khu vực, khách hàng nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch đầy đủ, chất lượng đảm bảo theo quy định trong giai đoạn hiện tại và tính đến nhu cầu phát triển tương lai. Các dự án thành phần khi triển khai sẽ được thực hiện đúng quy định, đầy đủ cơ sở pháp lý và theo đúng chỉ đạo của

UBND thành phố. Nguồn vốn thực hiện từ nguồn vốn của Công ty, vốn vay thương mại, quỹ đầu tư phát triển.

(Chi tiết tại phụ lục kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030 kèm theo).

VIII. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

VIII.1 Tăng cường quản trị doanh nghiệp

VIII.1.1. Tăng cường quản trị chiến lược

- Nâng cao năng lực quản lý, sản xuất, kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ các quy trình hoạt động của Công ty. Luôn chú trọng quản lý chặt chẽ các nguồn vốn của Công ty, nhằm hoàn thiện doanh nghiệp theo mô hình công ty cổ phần.
- Tiếp tục duy trì và bám sát thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Tổ chức đánh giá nội bộ định kỳ để xem xét hiệu quả hoạt động của hệ thống, tìm kiếm cơ hội cải tiến hệ thống.
- Duy trì lập báo cáo giao ban hàng tháng, hàng quý và hàng năm theo các trung tâm doanh thu, theo các lĩnh vực, đối chiếu với các chỉ tiêu kế hoạch và cùng kỳ năm trước làm cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động của từng khu vực và toàn Công ty.
- Duy trì lập Kế hoạch công tác năm, lấy bản Chiến lược phát triển làm cơ sở để thành lập các Kế hoạch công tác dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Thường xuyên đối chiếu tình hình thực tế tại Công ty với bản Chiến lược phát triển và các Kế hoạch công tác để đưa ra quyết định quản trị.

VIII.1.2. Hiện đại hóa hệ thống giám sát và quản lý chất lượng nước

- Kiểm soát chất lượng nước trên mạng lưới thường xuyên, xử lý kịp thời các trường hợp nước trên mạng lưới bị ô nhiễm.
- Thường xuyên theo dõi kết quả phân tích chất lượng nước thô nhằm phát hiện biến động về chất lượng nước, lập tức đề ra biện pháp khắc phục, xác định chủng loại và định lượng hóa chất phù hợp để áp dụng vào sản xuất.
- Tăng cường áp dụng công nghệ vào công tác kiểm soát chất lượng nước trên mạng lưới, lắp đặt bổ sung các thiết bị đo chất lượng nước trên mạng lưới và tại các trạm bơm, nhà máy.
- Kiểm soát chặt chẽ các hóa chất nhập đầu vào, đảm bảo các hóa chất sử dụng để xử lý nước có chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn.
- Báo cáo chất lượng nước hàng ngày với Ban Lãnh đạo Công ty.
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình kiểm soát chất lượng nước theo quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT và QCDP 02:2023/TPHP.
- Tham gia các chương trình nghiên cứu thử nghiệm, cải tiến, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kiểm tra, phân tích chất lượng nước và phục vụ sản xuất.

- Kiến nghị với các cơ quan chức năng khi phát hiện tác nhân gây ô nhiễm nguồn nước thô nhằm xử lý và khắc phục kịp thời.

VIII.1.3. Tối ưu hóa quản lý và điều hành sản xuất sản xuất

- Theo dõi chặt chẽ tình hình hoạt động của các nhà máy hiện có, duy trì công suất hoạt động của các nhà máy. Sửa chữa khắc phục kịp thời các vấn đề phát sinh, sự cố.
- Đầu tư nâng cấp công suất các nhà máy hiện có, chú trọng đầu tư nâng cấp, xây mới các nhà máy tại các khu vực có nhiều tiềm năng phát triển nhu cầu sử dụng nước, đồng thời phục vụ việc đảm bảo cơ sở hạ tầng cấp nước, góp phần thu hút đầu tư, phục vụ việc phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.
- Thường xuyên nâng cấp, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới trong dây chuyền công nghệ xử lý nước. Tăng cường hiệu quả trong công tác sản xuất nước tại các nhà máy và xí nghiệp sản xuất nước.

VIII.1.4. Nâng cao năng lực quản lý tài chính

Để thực hiện quản lý tài chính hiệu quả, góp phần vào thực hiện Chiến lược phát triển doanh nghiệp cần chú trọng đến một số giải pháp sau:

a. Phân bổ và sử dụng hiệu quả vốn hiện có

Phân bổ và sử dụng hiệu quả số vốn hiện có, kiểm soát chặt chẽ mọi khoản thu chi vừa đảm bảo trang trải đầy đủ, kịp thời vừa tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh giúp gia tăng lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. Mọi hoạt động kinh tế tài chính của Công ty cần phải tuân thủ và thực hiện theo đúng quy chế tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng. Có thể áp dụng một số biện pháp để tiết kiệm chi phí, hạ giá sản phẩm như sau:

- Đối với chi phí nguyên nhiên vật liệu:

+ Tiến hành xây dựng các định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh. Mức lương các đơn vị được hưởng hàng tháng sẽ tỷ lệ thuận với tỷ lệ định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu và mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu thực tế của đơn vị. Như vậy nếu mức tiêu hao thực tế nguyên nhiên vật liệu của đơn vị nhỏ hơn định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu Công ty đề ra thì mức lương đơn vị được hưởng sẽ tăng lên và ngược lại.

+ Để tiết kiệm nguyên vật liệu, hóa chất xử lý nước, Công ty cần có các biện pháp để nâng cao chất lượng nước đầu vào như: thường xuyên tuyên truyền, phổ biến một cách rộng rãi tới mọi cá nhân, tổ chức để nhận thức được việc bảo vệ nguồn nước là việc cần thiết và vô cùng cấp bách, bởi nó liên quan trực tiếp đến sức khỏe con người. Song song với việc tuyên truyền, Công ty cần phối kết hợp chặt chẽ với các Công ty thủy lợi và đơn vị chức năng theo dõi, giám sát để có các biện pháp ngăn chặn kịp

thời việc xả thải trái phép. Bên cạnh đó, tăng cường lấy mẫu nước nguồn theo giờ, thời điểm nào chất lượng nước tốt nhất thì tăng cường xử lý để tiết kiệm hóa chất.

- Đối với chi phí tiền lương:

+ Thực hiện áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào quy trình sản xuất kinh doanh. Việc áp dụng khoa học công nghệ hiện đại giúp thuận lợi, tiết kiệm thời gian và nhân lực giải quyết công việc từ đó có thể tinh gọn bộ máy, tiết kiệm chi phí tiền lương.

+ Cần bố trí, phân công lao động một cách hợp lý để phát huy được hết năng lực của người lao động, tránh lãng phí nguồn lực sản xuất kinh doanh giúp nâng cao năng suất lao động. Công ty cần bố trí và tuyển dụng lao động đúng ngành đúng nghề, trình độ năng lực phù hợp với công việc.

+ Có chính sách khuyến khích người lao động nghiên cứu, xây dựng các sáng kiến, giải pháp hiệu quả trong sản xuất kinh doanh như hỗ trợ kinh phí và thời gian nghiên cứu khoa học.

- Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp:

+ Đối với các chi phí văn phòng phẩm, công tác phí, tiếp khách,...: xây dựng các định mức hoặc khoán cho việc sử dụng các khoản mục chi phí này.

- Áp dụng các biện pháp giảm tỷ lệ thất thoát để giảm tình trạng thất thoát nước giúp giảm chi phí sản xuất kinh doanh.

b. Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ

Ngày càng hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hướng mọi sự kiểm soát vào việc phát hiện, ngăn ngừa, giảm thiểu tác hại của các rủi ro tài chính. Công ty cũng cần thường xuyên cập nhật cũng như nghiên cứu để tuân thủ và vận dụng các chế độ chính sách của nhà nước vừa đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật vừa mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu.

c. Nâng cao trình độ, năng lực của cán bộ công nhân viên trong lĩnh vực kinh tế tài chính

Với nền kinh tế thị trường ngày một phát triển, đòi hỏi cán bộ công nhân viên cũng phải nâng cao trình độ để đáp ứng với nhu cầu ngày một tăng lên. Để nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế tài chính, Công ty có thể thực hiện một số biện pháp sau:

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính chuyên sâu, các lớp cập nhật về các kiến thức mới, các chính sách thay đổi.

- Khuyến khích và tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên tự học thêm chuyên môn, ngoại ngữ, tin học,...

- Tuyển chọn nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Xây dựng quy chế lương thưởng thích hợp, tạo cơ hội thăng tiến trong công việc và môi trường làm việc thuận tiện để khuyến khích người lao động phát huy khả năng sáng, cống hiến cho sự phát triển của Công ty.

VIII.1.5. Tăng cường quản lý tài sản

a. Quy chế quản lý tài sản

Công ty xây dựng, ban hành và đảm bảo thực hiện theo đúng quy chế quản lý tài sản theo nguyên tắc:

- Đối với tài sản cố định:

Tài sản sản cố định hữu hình gồm: Nhà cửa vật kiến trúc; máy móc, thiết bị; phương tiện vận tải; hệ thống truyền dẫn và các tài sản cố định hữu hình khác. Tăng cường quản lý và sử dụng tài sản cố định là khai thác tối đa lợi ích và có biện pháp quản lý phù hợp để nâng cao tuổi thọ của tài sản. Để thực hiện việc này, Công ty có thể áp dụng một số biện pháp sau:

+ Đối với hệ thống truyền dẫn: thường xuyên tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng, xả rửa để giảm tỷ lệ thất thoát, nâng cao tuổi thọ của hệ thống đường ống.

Do tài sản này nằm ngoài nhà máy vì vậy cần đưa ra biện pháp để quản lý tài sản tránh tình trạng mất mát, hư hỏng không đáng có.

+ Đối với hệ thống xử lý nước: Tiến hành bảo dưỡng định kỳ và có kế hoạch đầu tư nâng công suất các nhà máy hiện tại để nâng cao hiệu quả sử dụng của tài sản. Ngoài ra, cần bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý, khai thác tối đa và nâng cao công suất làm việc của máy móc, thiết bị. Nghiên cứu áp dụng các dây chuyền sản xuất hiện đại để giảm chi phí nhân công và hóa chất xử lý nước.

+ Đối với phương tiện vận tải, máy móc thiết bị văn phòng: cần kiểm soát chặt chẽ việc bảo dưỡng định kỳ theo đúng kế hoạch để đảm bảo chất lượng và tuổi thọ.

+ Đối với các tài sản cố định khác: Tiến hành thanh lý một số máy móc thiết bị không còn giá trị và giá trị sử dụng để giảm thiểu chi phí lưu kho, lưu bãi và bổ sung vào nguồn vốn đầu tư trang thiết bị mới.

+ Đối với tài sản cố định trang bị mới: Phải nghiên cứu và lựa chọn công nghệ phù hợp với nhu cầu và trình độ sử dụng để tận dụng triệt để các tính năng và có giá cả hợp lý. Khi thực hiện mua sắm phải chú trọng đến chế độ bảo hành sản phẩm, phụ tùng thay thế.

+ Đảm bảo thực hiện đúng tiến độ xây dựng các công trình, dự án để nhanh chóng đưa tài sản được hình thành vào hoạt động.

- Đối với tài sản lưu động:

Tài sản lưu động của Công ty bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, các khoản phải thu ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác. Để nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản lưu động Công ty cần xác định nhu cầu sử dụng vốn lưu động một cách hợp lý sao cho vẫn đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh mà chi phí bỏ ra là thấp nhất, Công ty có thể áp dụng một số biện pháp sau:

+ Đối với khoản tiền và tương đương tiền: Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và tiến độ thanh toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn để xác định mức dự trữ tiền một cách hợp lý, tránh dự trữ dư thừa để đảm bảo trả nợ kịp thời đầy đủ mà vẫn tận dụng được các dòng tiền chưa cần sử dụng để đầu tư mang lại lợi nhuận.

+ Đối với hàng tồn kho: Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu bao gồm các nguyên vật liệu sản xuất nước, phụ tùng lắp đặt, đồng hồ, đường ống, phụ tùng thay thế,... Công ty cần phải giảm mức tồn kho vật tư để giảm chi phí bảo quản, lưu kho lưu bãi và tránh tình trạng ứ đọng vốn, vật tư bị lỗi thời, lạc hậu. Để giảm mức tồn kho vật tư mà vẫn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty cần bám sát với kế hoạch công tác hàng năm và kịp thời điều chỉnh khi có sự thay đổi để có kế hoạch mua sắm vật tư phù hợp, tránh lãng phí nguồn lực.

Ngoài ra, Công ty cần có phương án tận dụng được số vật tư còn tồn trong kho, vật tư thu hồi để giảm chi phí mua sắm mới một cách hợp lý. Bên cạnh đó, tiến hành thanh lý những loại vật tư không còn giá trị sử dụng và tồn kho nhiều năm để giảm diện tích lưu trữ, chi phí bảo quản.

+ Đối với các khoản phải thu ngắn hạn: Chủ yếu là các khoản phải thu khách hàng. Hiện tại công ty đã áp dụng mức khoản số tiền thu được gắn với tiền lương hàng tháng được hưởng đối với đội ngũ thu ngân. Để giảm số vốn bị chiếm dụng này, Công ty cần nâng mức khoản lên để đẩy mạnh hơn nữa công tác đốc thúc nợ, giảm số tiền phải thu của khách hàng, tăng hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

b. Tăng cường đổi mới, tăng hàm lượng công nghệ đối với các tài sản đầu tư

Hiện tại Công ty đang tiến hành đầu tư mua sắm, xây dựng nhiều tài sản mới, hiện đại cũng như hợp tác quốc tế với nhiều nước trên thế giới như: Nhật Bản, Úc, Phần Lan,... để áp dụng các khoa học công nghệ kỹ thuật mới và trình độ quản lý tiên tiến trong sản xuất kinh doanh nước. Trong thời gian tới, Công ty cần tăng cường và phát huy hơn nữa hoạt động này để ngày càng hiện đại hóa các máy móc thiết bị, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

c. Tăng cường phân cấp quản lý tài sản

Trong quy chế quản lý tài sản cần phân phân định rõ quyền và nghĩa vụ của từng bộ phận, cá nhân đối với từng khâu, từng việc trong quy trình quản lý, sử dụng tài

sản. Bên cạnh đó cũng đưa ra các mức xử lý cụ thể đối với các cá nhân, tổ chức có những sai phạm trong quá trình quản lý và sử dụng tài sản.

d. Nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên

- Đối với cán bộ quản lý: Tiếp tục tạo điều kiện để các cán bộ quản lý tham gia các khóa học nâng cao trình độ, kể cả ở nước ngoài để tiếp cận với trình độ khoa học kỹ thuật mới và trình độ quản lý tiên tiến.
- Đối với công nhân trực tiếp sản xuất: Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng đặc biệt là các lớp thực hành để nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân tham gia sản xuất trực tiếp.

VIII.1.6. Áp dụng hệ thống, công cụ quản lý doanh nghiệp

a. Cải tiến không ngừng hệ thống quản lý chất lượng

Hiện tại Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015; Hệ thống quản lý chất lượng phòng thử nghiệm theo ISO 17025. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục duy trì mọi hoạt động đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy trình của hệ thống quản lý chất lượng ISO và không ngừng cải tiến các quy trình để khắc phục, phòng ngừa những điểm không phù hợp giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn.

b. Hoàn thiện và phát triển hệ thống kiểm soát nội bộ

Hệ thống kiểm soát nội là toàn bộ môi trường kiểm soát; Quy trình đánh giá rủi ro; Hệ thống thông tin liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; Các hoạt động kiểm soát và Giám sát các kiểm soát. Hệ thống kiểm soát nội bộ giúp cho doanh nghiệp khắc phục, phát hiện, phòng ngừa các rủi ro và đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Hệ thống kiểm soát vững mạnh sẽ tạo được sự tin tưởng cao cho cổ đông và các nhà đầu tư. Vì vậy, Công ty cần chú trọng và ngày càng hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị mình.

c. Cải tiến hệ thống văn bản, quy định

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các quy định trong nội bộ doanh nghiệp là định hướng cũng như căn cứ pháp lý để doanh nghiệp hoạt động. Hệ thống quy định nội bộ giúp cho Ban lãnh đạo điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Để giúp cho việc quản trị doanh nghiệp có hiệu quả, hệ thống văn bản và quy định trong nội bộ doanh nghiệp cần thường xuyên cập nhật, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các chế độ chính sách của nhà nước và tình hình hoạt động thực tế tại doanh nghiệp.

d. Phát triển hệ thống thông tin và hạ tầng công nghệ thông tin

Thông tin là một công cụ vô cùng quan trọng trong quá trình ra quyết định của các cán bộ quản lý. Các cán bộ quản lý chỉ có thể đánh giá, nhận xét, ra các quyết định khi có đầy đủ các thông tin đích thực, khách quan và đủ tin cậy. Hoàn thiện hệ thống thông tin theo hướng thường xuyên cập nhật, sàng lọc để tăng độ tin cậy và tính hữu dụng của thông tin sẽ giúp hiệu quả quản trị được nâng cao.

VIII.2. Phát triển mở rộng vùng phục vụ, nâng cao hiệu quả chăm sóc khách hàng**VIII.2.1. Nghiên cứu phát triển và mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ**

Kế hoạch phát triển khách hàng giai đoạn 2026-2030: với tốc độ phát triển như giai đoạn hiện nay thì đến năm 2030 tổng số khách hàng toàn công ty khoảng 430.000 khách hàng.

VIII.2.2. Thúc đẩy các giải pháp nâng cao hiệu quả chăm sóc khách hàng

- Ứng xử lịch sự, chu đáo tận tình trong quan hệ và giao tiếp với khách hàng.
- Chủ động tìm hiểu và đáp ứng kịp thời nhu cầu dùng nước của khách hàng.
- Đơn giản các thủ tục đăng ký sử dụng dịch vụ cấp nước của khách hàng.
- Định kỳ khảo sát khách hàng đánh giá chất lượng dịch vụ cấp nước của công ty, để tìm ra các cơ hội cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động cấp nước.

*** Các hoạt động triển khai:**

- Về công tác đọc số đồng hồ:
 - + Tiếp tục duy trì và phát triển sử dụng đọc số đồng hồ 1 lần bằng smart phone.
 - + Từng bước lắp đặt đồng hồ tiêu thụ có phát sóng Radio để tăng năng suất lao động nâng cao chất lượng dịch vụ, khách hàng có thể kiểm tra để biết lượng nước tiêu thụ tại bất kỳ thời điểm nào khi cần.
- Về công tác thanh toán tiền nước:
 - + Tiếp tục phát hành và nâng cấp phần mềm hóa đơn điện tử; thực hiện 100% thanh toán không dùng tiền mặt, tiến hành đa dạng các hình thức thanh toán tiền nước: Thu tại quầy, thu tại nhà, thu qua TK ngân hàng, thu qua các dịch vụ thanh toán trung gian Payoo, qua các dịch vụ viễn thông và các hình thức thanh toán trực tuyến khác.
- Về dịch vụ cấp nước và quảng bá các hoạt động cấp nước của Công ty:
 - + Xây dựng các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin, mạng viễn thông để tiến tới các giao dịch của khách hàng với công ty chủ yếu là giao dịch trực tuyến.

+ Duy trì và nâng cấp phát triển hệ thống chăm sóc khách hàng (Call Center), hướng tới đa số các thông tin phản ánh của khách hàng đều được Call Center tiếp nhận và xử lý;

+ Xây dựng đội thi công chuyên nghiệp, khắc phục nhanh các sự cố trong dịch vụ cấp nước tại các đơn vị quản lý địa bàn.

+ Nâng cấp phần mềm DVCN trực tuyến, để phục vụ đa số khách hàng khi có yêu cầu sử dụng dịch vụ cấp nước và các sản phẩm khác của công ty.

+ Thường xuyên cập nhật thông tin hoạt động cấp nước của Công ty trên Website để khách hàng truy cập.

+ Kết hợp với các trường học trên địa bàn thành phố, tổ chức ngoại khóa cho học sinh, sinh viên tìm hiểu về các hoạt động cấp nước của công ty, qua đó nâng cao nhận thức và trách nhiệm chung của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước và hệ thống cấp nước.

+ Nâng cao hiệu quả việc nhắn tin qua điện thoại di động của khách hàng để thông báo về lượng nước sử dụng, số tiền thanh toán và các thông tin về sự cố ngừng cấp nước khác...

VIII.3. Tổ chức nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới

Trong những năm tiếp theo ngoài việc nhân rộng những kết quả đã đạt được, Công ty sẽ tập trung đầu tư cho công tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới vào trong sản xuất, vận hành và quản lý, cụ thể các vấn đề sau:

- Tăng cường công tác đào tạo, khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ kỹ sư, cử nhân tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu, tiếp cận với công nghệ mới để nghiên cứu nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ để có được nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, đặc biệt là các nước phát triển với những chương trình, dự án thiết thực về công nghệ áp dụng cho hoạt động sản xuất, quản lý vận hành.
- Hàng năm bố trí nguồn kinh phí cho công tác truyền thông để nâng cao ý thức người dân trong vấn đề bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm;

Một số định hướng cho công tác nghiên cứu áp dụng công nghệ mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật cho Công ty giai đoạn tiếp theo là:

- Nghiên cứu lắp đặt hệ thống cảnh báo vệ nguồn nước Online dọc theo lưu vực các con sông, đặc biệt là tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao do xả thải từ các khu công nghiệp, khu đô thị, các nhà máy sản xuất,... để chủ động và kịp thời ứng phó trong sản xuất;

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xanh thân thiện với môi trường trong xử lý nước, mục tiêu là phát triển bền vững.
- Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới để chủ động đối phó với sự ô nhiễm nguồn nước cũng như do biến đổi khí hậu.
- Nghiên cứu xử lý các nguồn nước có tính chất đặc biệt (như nước chua phèn, nước lợ, nước mặn,...) để cấp nước cho các khu vực hải đảo kết hợp với nhu cầu phát triển sinh thái.
- Nghiên cứu thử nghiệm, chế tạo các thiết bị (hoặc trạm) cấp nước định hình cho các loại nguồn nước khác nhau với công suất nhỏ (nhỏ hơn 50m³/h), góp phần giải quyết có hiệu quả vấn đề cấp nước cho các khu vực khi có thiên tai.
- Ứng dụng công nghệ mới, thiết bị mới, vật liệu mới một cách hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong quản lý mạng lưới, chống thất thoát thất thu nước sạch.
- Nghiên cứu các vấn đề điều khiển tự động hóa các công trình cấp nước, nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết giảm nhân lực phù hợp với xu thế chung của thế giới và cuộc cách mạng công nghệ 4.0.
- Ứng dụng công nghệ thông tin sâu hơn nữa, để nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ kỹ thuật trong công tác sản xuất kinh doanh và quản lý hệ thống cấp nước.
- Nghiên cứu lựa chọn các thiết bị đo có chất lượng tốt, ổn định, chính xác và phù hợp với điều kiện của Công ty để tăng cường công tác giám sát, kiểm soát chất lượng nước Online.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống SCADA cho mạng lưới cấp nước, mục tiêu tăng cường công tác quản lý.
- Đánh giá và thẩm định lại khả năng ứng dụng các loại vật liệu lọc các hoá chất từ các nguồn cung cấp khác nhau đang được sử dụng trong Công ty.

VIII.4. Tổ chức, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

VIII.4.1. Tổ chức, sắp xếp bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Trong giai đoạn 2026–2030, Công ty xác định việc tinh gọn tổ chức, sắp xếp lại bộ máy theo hướng hiện đại, linh hoạt và hiệu quả là một trong những định hướng chiến lược trọng tâm nhằm nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả vận hành toàn diện. Trên cơ sở đánh giá thực tiễn hoạt động và yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới, Công ty sẽ tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ của các phòng/ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc để loại bỏ chồng chéo, lược giản tầng nấc trung gian, tăng cường phân quyền và nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Đồng thời, ưu tiên mô hình tổ chức tinh gọn nhưng đa năng, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

(AI) vào điều hành, quản lý, góp phần giảm thiểu công việc thủ công, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng dịch vụ và năng suất lao động. Đây là bước đi cần thiết để đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng linh hoạt với xu thế chuyển đổi số trong ngành cấp nước hiện nay.

VIII.4.2. Chiến lược phát triển và quản lý nguồn nhân lực

- Xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển nguồn nhân lực cụ thể cho mỗi năm.
- Xem xét nhu cầu lao động phù hợp với mô hình tổ chức và hoạt động trong từng giai đoạn.
- Tuyển dụng đúng người, đúng thời điểm, bố trí vị trí phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao năng suất lao động.
- Xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ cao, đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu, triển khai và ứng dụng các công nghệ mới, tự động hóa và chuyển đổi số, xây dựng hệ thống cấp nước thông minh.
- Đảm bảo thu nhập ổn định, thỏa đáng và nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên trong Công ty.
- Đánh giá kết quả công tác của cán bộ công nhân viên để có chế độ khen thưởng hoặc xử phạt kịp thời.
- Lắng nghe ý kiến của nhân viên về cải tiến quá trình lao động và tâm tư, nguyện vọng của họ.

VIII.4.3. Đào tạo nguồn nhân lực

- Chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng phù hợp với nhiệm vụ, xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp đáp ứng kịp thời yêu cầu của Công ty.
- Thực hiện chuyên môn hóa sâu hơn cho từng công việc.
- Nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, đào tạo thành các chuyên gia có trình độ cấp khu vực.
- Tăng cường nguồn lực đào tạo, học tập ở nước ngoài và các địa phương khác trong cả nước.

VIII.5. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi học tập kinh nghiệm

- Tăng cường quan hệ hợp tác kết nghĩa với Cục cấp thoát nước Kitakyushu để tiếp thu công nghệ hiện đại và nâng cao quản lý cấp nước.
- Tăng cường hợp tác với các tổ chức tổ chức quốc tế như: Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á, Hiệp hội các công ty nước Đông Nam Á, Hiệp hội nước Đức.... tranh thủ vốn tài trợ, vốn ODA lãi suất thấp, thời gian vay dài để đầu tư các

dự án cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước để nâng cao năng lực cấp nước, giám sát thoát nước, mở rộng diện phục vụ cấp nước, tăng số lượng khách hàng.

- Tìm kiếm, thiết lập mối quan hệ với các đối tác khác không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ, đổi mới công tác quản lý theo hướng tiên tiến, hiệu quả. Qua đó nâng cao trình độ ngoại ngữ của cán bộ quản lý, kỹ thuật công ty.
- Tăng cường nguồn lực đào tạo trong và ngoài nước.

VIII.6. Huy động các nguồn vốn

Hiện nay Công ty đang có quan hệ tốt với Ngân Hàng Thế giới, ADB, JICA. Các tổ chức này đã và đang giúp công ty vay vốn ưu đãi có lãi suất thấp hoặc viện trợ không hoàn lại để triển khai các dự án cấp nước, được các tổ chức này đánh giá cao trong việc sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả, trả nợ đúng hạn và đầy đủ. Trong thời gian tới tiếp tục phát huy để tranh thủ sự giúp đỡ cho các dự án mới.

VIII.7. Xây dựng thương hiệu, công tác truyền thông, quảng bá doanh nghiệp

- Thực hiện chiến lược truyền thông và marketing để nâng cao nhận thức của khách hàng về các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động xã hội của Công ty.
- Nghiên cứu thị trường đưa ra các hướng tiếp cận thoả mãn nhu cầu khách hàng để trở thành nhà cung cấp nước chủ yếu của thành phố với dịch vụ tốt.
- Nâng cao khả năng liên lạc cho các khách hàng đồng thời cung cấp nhanh, đầy đủ các thông tin về Công ty và các dịch vụ đi kèm.
- Thương hiệu của Công ty được xác định xây dựng trên cơ sở chất lượng sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu tối đa của khách hàng.
- Trung thực với khách hàng: luôn giới thiệu theo cách trung thực nhất và đảm bảo cam kết với người tiêu dùng luôn thực hiện được.
- Quảng bá trên các kênh, phương tiện thông tin đại chúng: báo, đài truyền hình, website công ty.

VIII.8. Bảo vệ nguồn nước và môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Chung tay cùng Thành phố, đầu tư nguồn lực để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo vệ nguồn nước, tuyên truyền người dân và doanh nghiệp không xả thải nước bẩn vào nguồn nước. Bản thân doanh nghiệp đầu tư công nghệ sản xuất kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm nguồn nước.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Đề bảo đảm việc thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030 được triển khai đúng mục tiêu, hiệu quả và tuân thủ quy định về quản lý, đầu tư vốn nhà

nước tại doanh nghiệp, Công ty tổ chức thực hiện công tác Giám sát nội bộ theo quy định, hướng dẫn của pháp luật.

Công tác giám sát tập trung vào các nội dung chủ yếu sau: việc thực hiện phương án đầu tư, bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp; đánh giá hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị, quốc phòng – an ninh được giao. Đồng thời giám sát việc thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định. Bên cạnh đó, giám sát hoạt động đầu tư dự án, đầu tư vốn tại các doanh nghiệp khác, việc huy động và sử dụng vốn; quản lý tài sản, công nợ, các giao dịch liên quan đến tài sản cố định; việc chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng vốn, thu hồi vốn, cổ tức. Công tác giám sát được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính, các báo cáo quản trị và các chỉ tiêu giám sát theo quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026 -2030

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIỀN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)					
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030	TỔNG GĐ 2026-2030
1	DỰ ÁN TRIỂN KHAI (A+B+C)			1.478		83,15	169,01	365,82	371,79	304,77	1.294,54
A. DỰ ÁN HOÀN THÀNH XÂY DỰNG				44,14		21,15					21,15
1	Cấp nước xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng (cũ)- nay là xã Tân Minh	Cấp nước sạch cho nhân dân xã Cấp Tiến	2160 hộ	30,39	Năm 2026	10,94					10,94
2	Xây dựng tuyến ống cấp nước D400 đường 351 từ ngã tư Long Thành đến cầu Rế	Tăng cường và kết nối đảm bảo an toàn cấp nước từ NMN Vật Cách nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước và liên thông với NMN An Dương;	D400 L=2,2km	13,75	Năm 2026	10,21					10,21

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIỀN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)					
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030	TỔNG GD 2026-2030
B. DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI				779,90		60,88	157,33	274,74	178,40	108,55	779,90
B1. Tuyến ống trực cấp nước				365,29		44,26	98,73	161,26	61,05	0,00	365,29
1	Xây dựng tuyến ống D1000 đường Tôn Đức Thắng (từ ngã tư Cơ Điện đến cầu An Dương)	Tăng cường và kết nối đảm bảo an toàn cấp nước thô từ trạm bơm Quán Vĩnh về NMN An Dương	D1000 L=0,832km	31,85	Năm 2026-2027	12,74	19,11				31,85
2	Xây dựng tuyến ống cấp nước D1000 cầu An Dương khoan ngầm qua sông Tam Bạc	Kết nối đảm bảo an toàn cấp nước thô qua sông Tam Bạc về NMN An Dương	D1000 L=185m	7,53	Năm 2026	7,53					7,53
3	Xây dựng tuyến ống si phông khoan ngầm DN450 qua sông, vị trí cầu Máy Chai L=0,4km;	Tăng cường và đảm bảo an toàn cấp nước cho khu vực đảo Vũ Yên (Khu đô thị và vui chơi giải trí Vinhome)	DN450 L=0,4km	9,55	Năm 2026-2027	5,73	3,82				9,55
4	Xây dựng tuyến ống cấp nước D600 Lân Bê - Nguyễn Văn Linh (từ NMN An Dương đến cầu niệm L=980m)	Tăng cường cấp nước sang khu vực Kiến An, giảm tải cho tuyến ống trực D700 để tăng cường cấp nước xuống khu Đình Vũ và kết nối liên thông đảm bảo an toàn cấp nước giữa NMN An Dương và NMN Cầu Nguyệt	DN600 L=980m	17,09	Năm 2026-2027	10,25	6,84				17,09

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIỀN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)					
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030	TỔNG GP 2026-2030
5	Xây dựng tuyến ống cấp nước DN560 khoan ngầm qua sông Lạch Tray khu vực cầu Rào 1 L=186m	Kết nối liên thông đảm bảo an toàn cấp nước giữa NMN An Dương và NMN Hưng Đạo (tăng cường cấp nước giữa khu Dương Kinh và Lê Chân, Hải An) sau khi tuyến ống trục liên thông D400 hiện có bị tháo dỡ khi thực hiện dự án xây dựng cầu Rào 1	DN560 L=186m	8,50	Năm 2026-2027	5,10	3,40				8,50
6	Xây dựng tuyến ống D700 Cát Bi - Búi Viên (từ cầu Rào 1 đến đường Lê Hồng Phong L=2,9km)	Tăng cường khả năng và đảm bảo cấp nước từ trạm bơm cầu Rào cho khu vực Hải An, Trảng Cát và khu khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	DN700 L=2,9km	59,75	Năm 2026-2028	0,60	35,85	23,30			59,75
7	Xây dựng tuyến ống D700 đường vành đai 2 - đường Tân Vũ Lạch Huyện từ đường TL353 đến TBTA Đình Vũ L=9,3km	Tăng cường và đảm bảo cấp nước từ NMN Hưng Đạo về khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải và tạo nguồn cấp nước sang Cát Bà (theo dự án cấp nước Cát Bà của thành phố)	DN700 L=9,3km	165,00	Năm 2026-2029	1,65	3,30	99,00	61,05		165,00
B2. Nhà máy, trạm bơm				414,60		16,62	58,60	113,48	117,35	108,55	414,60

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIẾN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)					
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030	TỔNG GĐ 2026-2030
9	Xây dựng bể chứa 3500m ³ trạm bơm tăng áp Đồng Hải	Bổ sung dung tích bể chứa nước tại TBTA Đồng Hải, đảm bảo an toàn và nâng cao năng lực cấp nước cho khu Đình Vũ - Cát Hải	V=3500m ³	13,06	Năm 2026	10,44	2,61				13,06
10	Xây dựng cải tạo, nâng cấp Trạm bơm tăng áp Cầu Rào	Cải tạo và nâng cấp trạm bơm khi thành phố giải phóng thu hồi một phần đất để thực hiện dự án Cầu Rào, đảm bảo an toàn và nâng cao năng lực cấp nước cho khu Hải An và Đình Vũ - Cát Hải;	Q=20.000 m ³ /ngđ	34,27	Năm 2026-2028	1,03	20,56	12,68			34,27
11	Xây dựng trạm bơm nước sạch NMN Cầu Nguyệt công suất 160.000 m ³ /ngđ	Nâng công suất trạm bơm nước sạch tại NMN Cầu Nguyệt đảm bảo vận hành cấp nước theo công suất nhà máy (160.000 m ³ /ngđ)	Q=160.000 m ³ /ngđ	73,90	Năm 2026-2028	2,22	29,56	42,12			73,90
12	Xây dựng cụm xử lý 100.000 m ³ /ngđ để nâng công suất NMN Cầu Nguyệt lên 160.000m ³ /ngày;	Nâng cao công suất cấp nước của NMN, đảm bảo cấp nước cho nhu cầu công nghiệp, dịch vụ, sản xuất và sinh hoạt của nhân dân thành phố	Q=100.000 m ³ /ngđ	293,38	Năm 2026-2030	2,93	5,87	58,68	117,35	108,55	293,38

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIẾN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)					
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030	TỔNG GD 2026-2030
C. DỰ ÁN DỰ KIẾN TRIỂN KHAI				653,47		1,13	11,69	91,08	193,39	196,22	493,50
C1. Tuyến ống trực				360,09		1,13	8,75	85,21	134,72	78,87	308,68
1	Xây dựng tuyến ống D600 từ trạm bơm Đông Hải theo đường 356, đường Mạc Thái Tổ đến TBTA Đình Vũ, L=6,83km	Tăng cường cấp nước cho khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, tạo nguồn bổ sung cấp nước sang Cát Bà theo dự án cấp nước Cát Bà do thành phố đầu tư	DN600 L=6,83km	112,72	Năm 2026-2029	1,13	2,25	45,09	64,25		112,72
2	Xây dựng tuyến ống cấp nước D600 từ ngã tư đường Võ Nguyên Giáp Bùi Viện qua cầu Ráo 2 đến đường 353	Đảm bảo cấp nước an toàn liên thông giữa NMN An Dương và Hưng Đạo, tăng cường cấp nước giữa khu vực trung tâm, Kiến An và Dương Kinh	DN600 L=1,5km	10,36	Năm 2026-2028		2,07	8,29			10,36
3	Xây dựng tuyến ống si phông đôi D630 khoan ngầm qua sông tại cầu Ráo II	Đảm bảo cấp nước an toàn liên thông giữa NMN An Dương và Hưng Đạo, tăng cường cấp nước giữa khu vực trung tâm, Kiến An và Dương Kinh	DN630 L=0,3km	14,80	Năm 2026-2028		2,96	11,84			14,80
4	Xây dựng tuyến ống D400 tuyến đường nội đường bộ ven biển đến ngã 3 Vạn Bùn L=6,1km	Đảm bảo cấp nước cho khu du lịch đồ sơn, khu đô thị và khu công nghiệp, đảm bảo an toàn cấp nước	DN400 L=6,1km	36,28	Năm 2026-2030		1,09	7,26	14,51	13,42	36,28

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIỀN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)					
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030	TỔNG GB 2026-2030
5	Xây dựng tuyến ống cấp nước D500 phà Bình - cầu Bình L=1,3km;	Kết nối liên thông cấp nước giữa các tuyến ống si phông DN450 qua sông phà Bình và cầu Bình đảm bảo an toàn cấp nước cho khu đô thị Bắc sông Cẩm và Thủy Nguyên;	D500 L=1,3km	12,56	Năm 2026-2029		0,38	7,54	4,65		12,56
6	Xây dựng tuyến ống D700 đường Bùi Viện từ Lê Hồng Phong đến trạm bơm tăng áp Đồng Hải L=4,7km	Nâng cao khả năng và đảm bảo cấp nước từ trạm bơm cầu Rào đến trạm bơm Đồng Hải, Đình Vũ, cấp nước khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	DN700 L=4,7km	90,21	Năm 2026-2030			2,71	18,04	18,04	38,79
7	Xây dựng tuyến ống D400 đường 354 (đoạn từ ngã ba đi cầu Đàng đến đường QL37 L=6,2km; đoạn đường QL37 tiếp theo đến NMN Vĩnh Bảo 2 L=3,3km)	Đảm bảo cấp nước an toàn liên thông giữa NMN Cầu Nguyệt về cho NMN Vĩnh Bảo 2, tăng cường cấp nước và ứng phó diễn biến ô nhiễm nguồn nước thô	DN400 L=9,5km	83,16	Năm 2026-2028			2,49	33,27	47,40	83,16

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIẾN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)					
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030	TỔNG GD 2026-2030
C2. Nhà máy, trạm bơm				293,38		0,00	2,93	5,87	58,68	117,35	184,83
8	Xây dựng cụm xử lý 100.000 m3/ngđ nâng công suất NMN Hưng Đạo lên 160.000m3/ngđ	Nâng cao công suất cấp nước của NMN, kịp thời đảm bảo cấp nước cho nhu cầu công nghiệp, dịch vụ, sản xuất và sinh hoạt của nhân dân thành phố, đặc biệt khu Kinh tế Đình Vũ -Cát Hải và Cát Bà	Q=100.000 m3/ngđ	293,38	Năm 2027-2031		2,93	5,87	58,68	117,35	184,83
C3. Phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước											
9	Xây dựng phát triển, mở rộng mạng lưới cấp nước ra các khu vực mới khi có yêu cầu và thoả thuận cấp nước		ht								

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIẾN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)					
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030	TỔNG GD 2026-2030
II. DỰ ÁN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ				1.565							
2.1. Tuyến ống trục				1.334							
1	Xây dựng tuyến ống si phông đôi khoan ngầm DN560 qua sông, vị trí cầu Nguyễn Trãi L=0,6km	Nâng cao năng lực và đảm bảo an toàn cấp nước liên thông từ trung tâm sang khu vực Bắc sông Cẩm	DN560 L=600m	34,00	Năm 2026-2030						
2	Tuyến ống cấp nước D600 đường 354 từ Cầu Nguyệt đến cầu Khuê L=5,8km	Nâng cao năng lực truyền tải cấp nước từ NMN Cầu Nguyệt đến cầu Khuê	D600 L=5,8km	95,75	Năm 2026-2030						
3	Xây dựng tuyến ống D400 đường Tân Vũ - Lạch Huyện (cấp nước bến số 5, 6, 7, 8 Cảng Lạch Huyện) L=0,9km	Đảm bảo cấp nước cho nhu cầu của các bến, khu công nghiệp tại Cảng Lạch Huyện	D400 L=0,9km	6,82	Năm 2026-2030						
4	Xây dựng tuyến ống D500 tuyến đường bộ ven biển (từ đường tỉnh lộ 353 đến sông Văn Úc) L=8,6km	Truyền tải cấp nước từ NMN Hưng Đạo cho nhu cầu cấp nước khu công nghiệp, dịch vụ, đô thị trên tuyến đường ven biển	D500 L=8,6km	78,08	Năm 2026-2030						
5	Xây dựng tuyến ống D400 đường nối TL354 đến đường ven biển (đoạn từ TL354 đến Ngũ Phúc L=3km, đoạn tiếp đến KCN Tân Trào (đường 403) L= 7km, đoạn tiếp đến đường ven biển L=5km	Cấp nước cho các KCN Tân Trào, Ngũ Phúc và các khu CN, đô thị, dịch vụ;	D400 L=3km; D400 L=7km; D400 L=5km;	113,72	Năm 2026-2030						

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIỀN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)					
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030	TỔNG GD 2026-2030
6	Xây dựng tuyến ống cấp nước D600 đường 353 từ cầu Rào II đến kênh Hoà Bình L=3,5km	Nâng cao năng lực truyền tải cấp nước và liên thông an toàn cấp nước giữa NMN An Dương và NMN Hưng Đạo	D600 L=3,5km	46,54	Năm 2026-2030						
7	Xây dựng tuyến ống cấp nước D500 đường 353 từ cầu Rào 1 đến cầu Rào 2 L=1,5km	Nâng cao năng lực cấp nước liên thông an toàn giữa khu vực Dương Kinh và Hải An, Lê Chân	D500 L=1,5km	14,50	Năm 2026-2030						
8	Xây dựng tuyến ống D600 L=4,5km từ đường Trường Chinh đến đường TL351 (xi phông qua sông Lạch Tray)	Kết nối liên thông và tăng cường cấp nước từ tuyến ống D600 Bùi Viện, tuyến ống D500 Trường Chinh sang khu vực An Dương;	D600 L=4,5km	74,29	Năm 2026-2030						
9	Xây dựng tuyến ống D600 đường vành đai 2 từ đường Bùi Viện đến đường kênh Hoà Bình L=6,2km	Kết nối tuyến ống D600 đường Bùi Viện đến ống D800, D400 đường 353, NMN Hưng Đạo tăng cường cấp nước liên thông NMN An Dương và NMN Hưng Đạo	D600 L=6,2km	102,35	Năm 2026-2030						
10	Xây dựng tuyến ống D600 đường nối từ đường Bùi Viện đến cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, với chiều dài khoảng 7,3 km	Tăng cường cấp nước khu vực và liên thông theo hướng từ đường Bùi Viện đến đường cao tốc HN-HP	D600 L=7,3km	118,86	Năm 2026-2030						

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIẾN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)					
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030	TỔNG GD 2026-2030
11	Xây dựng tuyến ống D800 đường Vành đai 3 nối từ NMN Cầu Nguyệt đến NMN Hung Đạo L=7km	Tăng cường cấp nước liên thông đảm bảo an toàn giữa các NMN	D800 L=7km	162,60	Năm 2026-2030						
12	Xây dựng tuyến ống D400 đường 353C từ kênh Hoà Bình đến đường ven biển L=9km	Tăng cường cấp nước khu vực và liên thông theo hướng từ NMN Hung Đạo về khu vực đường ven biển, Đồ Sơn	D400 L=9km	70,66	Năm 2026-2030						
13	Xây dựng tuyến ống D600 đường Trường Chinh từ cầu Kiến An đến TB Đồng Hoà L=2,5km	Tăng cường cấp nước liên thông giữa NMN An Dương và Cầu Nguyệt	D600 L=2,5km	41,27	Năm 2026-2030						
14	Xây dựng tuyến ống D500 đường nối cầu Rào 3 (từ đường Bùi Viện đến đường 363) L= 4,2km và ống DN560 qua sông Lạch Tray tại cầu Rào 3 L=650m	Tăng cường cấp nước từ NMN Hung Đạo ra khu vực đường 353	D500 L=4,2 km; DN560 L=0,65km	40,62	Năm 2026-2030						
15	Xây dựng tuyến ống D600 đường Vành đai 2 từ đường ngã ba Đa Phúc đến đường 353 L= 5,6km	Tăng cường cấp nước từ NMN Hung Đạo ra khu vực đường 353	D600 L=5,6 km	92,45	Năm 2026-2030						

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIỀN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)					
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030	TỔNG GD 2026-2030
16	Xây dựng tuyến ống D500 L=2,0km Lê Hồng Phong từ Mediamart đến Nguyễn Bình Khiêm	Tăng cường và liên thông cấp nước an toàn giữa các tuyến ống trục khu vực Cát Bì	D500 L=2km	19,33	Năm 2026-2030						
17	Xây dựng tuyến ống D400 theo đường Lạch Tray Hồ Đông từ Tôn Đức Thắng đến đường Liên phường L=10km	Tăng cường và liên thông cấp nước an toàn giữa các tuyến ống trục khu vực, nâng cao năng lực cấp nước cho khu vực phía Trảng Cát	D400 L=10km	78,52	Năm 2026-2030						
18	Khoan ống D1000 qua sông Tam Bạc từ nhà máy nước An Dương sang An Đồng L=230m đảm bảo an toàn cấp nước thô cho NMN An Dương	Nâng cao năng lực và đảm bảo an toàn cấp nước thô qua sông Tam Bạc cho NMN An Dương	D1000 L=230m	9,36	Năm 2026-2030						
19	Xây dựng tuyến ống D500 L=3,0km từ phả Bính đến cầu Nguyễn Trãi - TBTA Máy Tơ	Kết nối liên thông cấp nước giữa các tuyến ống dọc theo tuyến đường bờ sông Cẩm phía trung tâm thành phố;	D500 L=3km	28,99	Năm 2026-2030						
20	Xây dựng tuyến ống D500 L=1,3km cống cảng 4 - Lê Lai	Nâng cao năng lực truyền tải đảm bảo an toàn cấp nước cho khu vực	D500 L=1,3km	12,56	Năm 2026-2030						
21	Xây dựng tuyến ống D400 L=5,3km từ TL351 đến QL10	Truyền tải và đảm bảo cấp nước lên phía tây Bắc thành phố;	D400 L=5,3km	41,61	Năm 2026-2030						

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIẾN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)					
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030	TỔNG GD 2026-2030
22	Tuyến ống D600 L=3,1km bao Đông Nam quận Hải An từ cầu Hải Thành - đg Bùi Viện - Cát Bi	Đảm bảo cấp nước liên thông và tăng cường cấp nước từ NMN Hưng Đạo, An Dương lên khu vực Đình Vũ, Cát Hải.	D600 L=3,1km	51,18	Năm 2026-2030						
23	Xây dựng tuyến ống D1000 đường kênh Hoà Bình từ NMN Hưng Đạo ra đường 353 L=6km	Tăng cường, nâng cao năng lực truyền tải nước từ NMN Hưng Đạo ra mạng lưới, đảm bảo cấp nước khu vực Đình Vũ, Cát Hải	D1000 L=6km		Năm 2026-2030						
24	- Xây dựng tuyến ống cấp nước D400 đường HL.212 (đoạn từ cầu Minh Đức đến xã Tiên Minh)	Cấp nước cho các KCN Ngũ Phúc và các Khu CN tại khu Kinh tế ven biển (khi thành phố yêu cầu)	D400 L=6,5km		Năm 2026-2030						
25	- Xây dựng tuyến ống cấp nước D400 đường HL.212 (đoạn từ xã Tiên Minh đến đường bộ ven biển)		D400 L=7,05km		Năm 2026-2030						
26	Xây dựng tuyến ống xi phông đôi khoan qua sông Văn Úc DN560 L=630m khu vực cầu Văn Úc (cấp nguồn huyện Tiên Lãng)	Cấp nước cho khu kinh tế ven biển (khi thành phố yêu cầu)	DN560 L=630m		Năm 2026-2030						
27	Xây dựng tuyến ống D500 L=4,0km đường ven biển từ sông Văn Úc đến TL.212 (cấp nguồn huyện Tiên Lãng)	Cấp nước cho khu kinh tế ven biển (khi thành phố yêu cầu)	DN500 L=4km		Năm 2026-2030						

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIỀN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)					
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030	TỔNG GP 2026-2030
28	Xây dựng tuyến ống cấp nước D400 tuyến đường từ đường 354 qua KCN Tiên Thanh đến đường QL10, L=6km	Liên thông cấp nước từ NMN Cầu Nguyệt sang khu vực NMN Vĩnh Bảo và cấp nước khu CN khi thành phố có yêu cầu	D400 L=6km		Năm 2026-2030						
29	Xây dựng các tuyến ống trục chuyên tải và phân phối khác	Đảm bảo nâng cao năng lực truyền tải và cấp nước cho nhu cầu cấp nước của các khu kinh tế, công nghiệp, dịch vụ, thương mại, nông thôn trên địa bàn thành phố			Năm 2026-2030						

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIẾN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)					
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030	TỔNG GD 2026-2030
2.2. Nhà máy, trạm bơm				230,68							
30	Xây dựng trạm bơm tăng áp Đồng Hoà (bể chứa 4500m3)	Nâng cao năng lực truyền tải và cấp nước cho khu vực Kiến An và cấp nước liên thông từ NMN Cầu Nguyệt về trung tâm NMN An Dương	Q=50.000 m3/ngđ	34,27	Năm 2026-2030						
31	Xây dựng trạm bơm tăng áp Thuồng Luồng Q=10,000m3/ngđ	Nâng cao năng lực truyền tải cấp nước tại Cát Bà	Q=10.000 m3/ngđ	17,14	Năm 2026-2030						
32	Xây dựng nâng công suất NMN Vĩnh Bảo thêm 20.000m3/ngđ	Nâng công suất NMN Vĩnh Bảo, đảm bảo cấp nước	Q=20.000 m3/ngđ	93,94	Năm 2026-2030						
33	Xây dựng Bể lọc tiếp xúc sinh học U-BCF nhà máy nước Vật Cách.	Nâng cao năng lực xử lý và ứng phó sự gia tăng ô nhiễm của chất lượng nước thô	Q=20.000 m3/ngđ	36,14	Năm 2026-2030						
34	Xây dựng bể chứa 4000m3 NMN Vật Cách	Bổ sung dung tích bể chứa, nâng cao năng lực vận hành cấp nước NMN Vật Cách	V=4.000 m3	14,92	Năm 2026-2030						
35	Nâng cấp trạm bơm sông He Q=50.000 m3/ngđ	Tăng cường truyền tải cấp nước xuống khu vực Dương Kinh, Đồ Sơn và Hải An	Q=50.000 m3/ngđ	34,27	Năm 2026-2030						
36	Nâng công suất NMN An Dương lên 250.000-300.000 m3/ngđ	Xây dựng, cải tạo bổ sung một số hạng mục công trình để nâng cao năng lực sản xuất từ 200.000 lên 250.000-300.000 m3/ngđ;	Q=50.000 -100.000 m3/ngđ		Năm 2026-2030						

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIỀN ĐỢ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)					
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030	TỔNG GD 2026-2030
37	Nâng công suất NMN Vật Cách lên 80.000 m3/ngđ	Nâng công suất NMN từ 40,000 m3/ngđ lên 80,000 m3/ngđ đảm bảo theo nhu cầu cấp nước	Q=40.000 m3/ngđ		Năm 2026-2030						
38	Nâng công suất NMN Ngũ Lão lên 100.000 m3/ngđ	Nâng công suất NMN từ 50,000 m3/ngđ lên 100,000 m3/ngđ đảm bảo theo nhu cầu cấp nước	Q=50.000 m3/ngđ		Năm 2026-2030						
39	Xây dựng nâng công suất NMN Cái Giã	Nâng cao công suất NMN Cái Giã đảm bảo cấp nước cho Cát Bà (nếu Dự án cấp nước sang Cát Bà từ đất liền không kịp triển khai)			Năm 2026-2030						
40	Xây dựng và nâng công suất các nhà máy xử lý, trạm bơm cấp nước, tăng áp	Nâng cao năng lực cấp nước			Năm 2026-2030						
TỔNG CỘNG GIAI ĐOẠN 2026-2030 (I+II)				3.042		83,2	169,0	365,8	371,8	304,8	1.295

TT	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	MỤC TIÊU	QUY MÔ DỰ KIẾN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/DỰ KIẾN (TỶ ĐỒNG)	TIỀN ĐỘ DỰ KIẾN	DỰ KIẾN THỰC HIỆN (TỶ ĐỒNG)					
						NĂM 2026	NĂM 2027	NĂM 2028	NĂM 2029	NĂM 2030	TỔNG GD 2026-2030

Ghi chú:

- Kế hoạch đầu tư phát triển nêu trên là cơ sở để HĐQT quyết định chủ trương đầu tư các dự án cụ thể khi có đủ điều kiện theo quy định và tình hình cụ thể của công ty;
- Tổng mức đầu tư của từng dự án đều <631,3 tỷ (tương đương <35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán. Tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2025 là 1975,1 tỷ đồng), thẩm quyền quyết định Chủ trương đầu tư từng dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Năm 2026, Công ty tập trung cam triển khai các dự án theo kế hoạch thực hiện năm 2026. Trường hợp có yêu cầu của thành phố hoặc địa phương và điều kiện pháp lý đảm bảo, cũng như để kịp thời, đồng bộ với dự án xây dựng các tuyến đường hè của thành phố, Hội đồng quản trị sẽ quyết định các dự án trong kế hoạch 2026-2030 hoặc bổ sung để triển khai sớm hơn dự kiến;
- Khối lượng, quy mô đầu tư, đơn giá, tổng mức đầu tư, tiến độ triển khai các dự án được lập trên cơ sở khái toán theo mức độ, khách hàng và một số dự án đang đang công ty đã triển khai; Quy mô, tổng mức đầu tư và tiến độ phụ thuộc vào thực tế;
- Các dự án trong quá trình đầu tư, tiến độ có thể kéo dài do vướng các thủ tục về quy hoạch chung, quy hoạch 1:2000, quy hoạch chuyên ngành, thoả thuận vùng cấp nước và các nguyên nhân khác như cung ứng vật tư thiết bị ảnh hưởng bởi tình hình ổn định của thế giới,...
- Kế hoạch giải ngân năm 2026 được xây dựng trên cơ sở kế hoạch tiến độ thực hiện dự án và tổng mức đầu tư. Các công trình dự án dự kiến thực hiện năm 2026 và công trình phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước giải ngân phụ thuộc vào tình hình thực tế triển khai dự án và tình hình thực tế của công ty;
- Số tiền dự kiến giải ngân năm 2026 có thể được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế triển khai dự án với đầy đủ điều kiện, cơ sở pháp lý và tình hình cụ thể của công ty; Số tiền giải ngân thực tế phụ thuộc vào khối lượng công việc thực tế triển khai và nghiệm thu, quyết toán theo quy định;
- Các dự án trong kế hoạch này được thực hiện cho giai đoạn năm 2026-2030 và thay thế cho các dự án trong kế hoạch trước (từ năm 2025 trở về trước)./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO



BÁO CÁO

Về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ-2025 ngày 17/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty;

Căn cứ theo báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;

Căn cứ theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 67/BB-HĐQT ngày 12/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2025 cụ thể như sau:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2025
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Đồng	1.313.926.776.890
2	Tổng chi phí	Đồng	1.137.170.881.746
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	176.755.895.144
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	143.356.939.867

2. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2025

STT	Diễn giải	ĐVT	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Trong đó:	Đồng	145.187.916.853
1.1	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2024</i>	<i>Đồng</i>	<i>1.830.976.986</i>
1.2	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025</i>	<i>Đồng</i>	<i>143.356.939.867</i>
2	Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	Đồng	33.877.506.853
3	Chia cổ tức 15,0%/Vốn điều lệ (Tương ứng 1.500 đồng/cổ phần)	Đồng	111.310.410.000

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- HĐQT, BĐH, BTC ĐHĐCĐ;
- BKS, CTCD;
- Lưu: BTK, VT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Việt Cường

Hải Phòng, ngày 22 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

**BÁO CÁO**

Kế hoạch, quyết toán thù lao năm 2025 và phương án chi trả thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ theo văn bản số 2234/UBND-NVKTGS ngày 27/08/2025 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án xác định quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 67/BB-HĐQT ngày 12/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) để thông qua kế hoạch và quyết toán thù lao năm 2025 và phương án chi trả thù lao năm 2026 của HĐQT, Ban kiểm soát (BKS) như sau:

1. Kế hoạch và quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2025

Mức thù lao chi trả cho HĐQT, BKS năm 2025 được căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động; Văn bản số 2234/UBND-NVKTGS ngày 27/08/2025 của UBND Thành phố Hải Phòng.

Tổng mức thù lao của HĐQT, BKS trong năm 2025 là **588.720.000 đồng**. Cụ thể như sau:

- Thù lao của thành viên HĐQT mức: 8.920.000 đồng/tháng/người.
(Thù lao của HĐQT gồm 04 thành viên là: 428.160.000 đồng/năm)
- Thù lao của thành viên BKS mức: 6.690.000 đồng/tháng/người.
(Thù lao của BKS gồm 02 thành viên là: 160.560.000 đồng/năm)

2. Phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2026

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và phương hướng hoạt động của HĐQT, BKS năm 2026, HĐQT đề xuất tổng mức chi trả thù lao cho HĐQT (04 thành viên), BKS (02 thành viên) Công ty năm 2026 (bằng năm 2025) là **588.720.000 đồng.**

Cụ thể như sau:

- Thù lao của thành viên HĐQT mức: 8.920.000 đồng/tháng/người.
- Thù lao của thành viên BKS mức: 6.690.000 đồng/tháng/người.

Phương thức trả thù lao: Thực hiện thanh toán hàng tháng thù lao và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính. HĐQT sẽ quyết toán tổng tiền thù lao và báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2027.

Xin kính trình Đại hội!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Việt Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO



BÁO CÁO

Về việc lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Nghị định số 134/2020/NĐ-CP ngày 15/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập ngày 29/3/2011; Nghị định số 17/2012/BĐ-CP ngày 13/02/2012 hướng dẫn thi hành Luật kiểm toán độc lập; Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính ban hành Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban chứng khoán nhà nước về việc chấp thuận doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 67/BB-HĐQT ngày 12/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:



(1) Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 (*Chi tiết danh sách kèm theo*)

(2) Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quy trình để lựa chọn 01 trong các Công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên là đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

Xin kính trình Đại hội!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Việt Cường

**DANH SÁCH CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐƯỢC CHẤP THUẬN
KIỂM TOÁN CHO ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHÚNG
THUỘC LĨNH VỰC CHỨNG KHOẢN NĂM 2026**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 902/QĐ-UBCK ngày 19/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước)

STT	Tên Công ty
1	Công ty TNHH KPMG (KPMG)
2	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
3	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C)
4	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC (Moore AISC)
5	Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (PwC)
6	Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam (GT)
7	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC)
8	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)
9	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG (PKF-TTG)
10	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (RSM)
11	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
12	Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO)
13	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte)
14	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
15	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
16	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
17	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY)
18	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (NTV)
19	Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC)
20	Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO)



STT	Tên Công ty
21	Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (ECOVIS AFA)
22	Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO (ASCO)
23	Công ty TNHH Kiểm toán NVA (NVA)
24	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (An Việt)
25	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế (IAV)
26	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
27	Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VN)
28	Công ty TNHH Kiểm toán FAC (FAC)

Hải Phòng, ngày 22 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

**BÁO CÁO****Về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động lần thứ 4 của Công ty**

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ theo Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ văn bản số 745/STC-ĐKKD&QLDN ngày 27/1/2026 của Sở Tài chính hướng dẫn Người đại diện phần vốn nhà nước lập và nộp báo cáo của doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước năm 2026, hướng dẫn Công ty báo cáo UBND thành phố cho ý kiến để tham gia biểu quyết tại ĐHĐCĐ về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 67/BB-HĐQT ngày 12/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bản dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi và bổ sung lần thứ 4) (Chi tiết tài liệu kèm theo).

(Nội dung bản dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi và bổ sung lần thứ 4 đã được công bố thông tin theo quy định, đăng tải trên website của Công ty và thông báo tới các quý cổ đông trong thông báo mời họp)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Việt Cường

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

Hải Phòng, Tháng 4/2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích các thuật ngữ trong Điều lệ	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ VÀ PHẠM VI KINH DOANH CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	10
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	10
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	10
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	11
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	14
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát	14
CHƯƠNG VI: CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	14
Điều 11. Quyền của cổ đông	14
Điều 12. Nghĩa vụ chung của cổ đông	16
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông	19
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 18. Thể thức tiến hành họp, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 19. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	25
Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 21. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	28
CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 24. Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	31
Điều 26. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	33
Điều 28. Các cuộc họp Hội đồng quản trị	35
Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	38
Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty	38
CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	38
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	38

Điều 32. Người điều hành Công ty, phân cấp Cán bộ quản lý.....	39
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	40
CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT, BAN THƯ KÝ CÔNG TY.....	42
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát.....	42
Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát.....	43
Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát.....	44
Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát	44
Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát	46
Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	46
Điều 40. Ban Thư ký Công ty.....	46
CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	47
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	47
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	48
CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	48
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	48
CHƯƠNG XII: TỔ CHỨC ĐẢNG, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ CÔNG NHÂN VIÊN.....	49
Điều 44. Tổ chức Đảng, tổ chức chính trị – xã hội và công nhân viên.....	49
CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	51
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	51
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	52
Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....	52
Điều 47. Năm tài chính.....	52
Điều 48. Chế độ kế toán	52
CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	52
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	52
Điều 50. Báo cáo thường niên, tiếp nhận và công bố thông tin	53
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	54
Điều 51. Kiểm toán và Giám sát nội bộ	54
CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	55
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp.....	55
CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY	56
Điều 53. Giải thể Công ty	56
Điều 54. Thanh lý	56
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	56
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	56
CHƯƠNG XX: KẾ THỪA, BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	57
Điều 56. Kế thừa, Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	57
CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC	58
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	58

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng được lập và thông qua lần đầu tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng họp ngày 30 tháng 03 năm 2015. Được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất tại Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 07 năm 2016; Sửa đổi, bổ sung lần thứ hai tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 04 năm 2019; Sửa đổi, bổ sung lần thứ ba tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 04 năm 2022.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được thống nhất thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng số/NQ-ĐHĐCĐ-2026 ngày 22 tháng 4 năm 2026.

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích các thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. “Vốn Điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Khoản 34 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

1.2. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1.3. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025.

1.4. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

1.5. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.6. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

1.7. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

1.8. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc.

1.9. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.

1.10. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

1.11. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và có tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty (danh sách cổ đông thời điểm cổ phần hóa).

1.12. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.

1.13. “Cơ quan đại diện chủ sở hữu” là Ủy ban nhân dân thành phố (UBND TP) Hải Phòng hoặc cơ quan được Chính phủ giao thực hiện quyền trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

1.14. “Người đại diện phần vốn nhà nước” là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty.

1.15. “Người đại diện phần vốn của doanh nghiệp” là cá nhân được công ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của Công ty đối với phần vốn của Công ty đầu tư tại Doanh nghiệp khác.

1.16. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.

1.17. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều, Mục của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ không được định nghĩa trong Điều lệ này được giải thích theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

1.1. Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

Tên tiếng Việt viết tắt: CÔNG TY CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

1.2. Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAIPHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Tên nước ngoài viết tắt: HAI PHONG WATER.

2. Hình thức: Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Số 54 đường Đinh Tiên Hoàng, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại: (0225) 3745.377 - Fax: (0225) 3823.748

- Email: congtycophancapnuochaiphong@gmail.com, ctycapnuoc@haiphong.gov.vn

- Website: www.capnuochaiphong.com.vn

Việc di dời trụ sở đi nơi khác (nếu có) sẽ do Đại Hội đồng cổ đông quyết định.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc liên doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty được tính từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và là vô thời hạn. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

1. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty:

Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;

b) Trung thành với lợi ích của công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Ủy quyền thực hiện quyền của Người đại diện theo pháp luật:

Khi cần thiết, Người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị) có thể thực hiện việc ủy quyền bằng văn bản (ủy quyền thường xuyên hoặc ủy quyền theo vụ việc) cho Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Chi nhánh, Xí nghiệp trực thuộc hoặc những người quản lý, điều hành khác để thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền và nghĩa vụ của Người đại diện pháp luật (Chủ tịch hội đồng quản trị).

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ VÀ PHẠM VI KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của công ty là:

TT	Tên ngành nghề kinh doanh (áp theo mã ngành cấp 4)	Mã ngành
1.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác	3600 (Chính)
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Đào tạo cao đẳng Chi tiết: Dạy nghề	8533

TT	Tên ngành nghề kinh doanh (áp theo mã ngành cấp 4)	Mã ngành
4.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Quản lý và kinh doanh điện	3513
5.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi	4222
6.	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông đường sắt	4211
7.	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông đường bộ	4212
8.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống, hệ thống cấp, thoát nước	4322
9.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
10.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	4293
11.	Xây dựng nhà để ở	4101
12.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị ngành cấp, thoát nước	4673
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng chuyên ngành cấp, thoát nước	4659
15.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng	6810
16.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn nước tinh lọc, Bán buôn nước đá viên tinh khiết	4633
17.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar)	5610
20.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá Chi tiết: Sản xuất nước đá	3530
21.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
22.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

TT	Tên ngành nghề kinh doanh (áp theo mã ngành cấp 4)	Mã ngành
23.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước tinh lọc	1105
24.	Ngành Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất vật tư thiết bị ngành nước	3290
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo	8230
26.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm nghiệm chất lượng nước; Dịch vụ kiểm định đồng hồ đo nước lạnh	7120
27.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị, công nghệ xử lý chất thải và chất thải rắn, động lực	3320
28.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Hoạt động tư vấn hệ thống quản lý chất lượng nước; Dịch vụ lập quy hoạch, dự án đầu tư, thẩm tra, thẩm định dự án cấp nước; Quản lý các công trình cấp nước nội ngoại thành thành phố Hải Phòng; Tư vấn đầu thầu xây lắp, cung ứng vật tư, thiết bị, công trình cấp thoát nước; Hướng dẫn quy trình vận hành, bảo dưỡng thiết bị ngành nước	7020
29.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa (bao gồm vận tải các chất oxy hóa, các ôxít hữu cơ và các chất ăn mòn phục vụ sản xuất nước sạch)	4933
30.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế, thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp, hệ thống cấp nước; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ khí cho công trình xây dựng; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: cấp, thoát nước; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ: cấp, thoát nước cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cấp – thoát nước các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình cấp – thoát nước; Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông đường bộ, cầu đường; Thi công công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế cấu kiện, kết cấu chịu lực, áp lực; Thiết kế công trình điện dân dụng và công nghiệp; Tư vấn định giá công trình xây dựng; Khảo sát địa hình; Khảo sát trắc địa công trình; Khảo sát và thí nghiệm địa chất công trình; Dịch vụ kiểm tra, đo đạc và lập bản đồ. Hoạt động tư vấn đầu thầu xây lắp, cung ứng vật tư, thiết bị, công trình cấp thoát nước; Hướng dẫn quy trình vận hành, bảo dưỡng thiết bị ngành nước.	7110
31.	Lập trình máy vi tính	6201

TT	Tên ngành nghề kinh doanh (áp theo mã ngành cấp 4)	Mã ngành
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách đường thủy	5222
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ	5225

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Vì sức khỏe cộng đồng và sự thỏa mãn của khách hàng.
- Vì lợi nhuận và cổ tức của cổ đông.
- Không ngừng nâng cao đời sống cho Cán bộ Công nhân viên

3. Định hướng phát triển của công ty, bao gồm ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ và các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp đến thời điểm họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông mà chưa có ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện Chủ sở hữu, cuộc họp phải xem xét hoãn hoặc điều chỉnh nội dung họp.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam (VNĐ), ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng (VNĐ).

2. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của Công ty là: 742.069.400.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi hai tỷ, sáu mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ được chia thành 74.206.940 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

3. Công ty chỉ có thể thay đổi vốn điều lệ sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Việc thay đổi vốn điều lệ phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp đến thời điểm họp Đại hội đồng cổ đông mà chưa có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Cơ quan đại diện Chủ sở hữu, cuộc họp phải xem xét hoãn hoặc điều chỉnh nội dung họp.

4. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi Điều lệ Công ty, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh hoặc trường hợp chia tài sản của Công ty khi giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phát hành của Công ty Cấp nước Hải Phòng là cổ phần phổ thông. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của công ty, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại của pháp Luật Doanh nghiệp (chứng chỉ do công ty phát hành hoặc dữ liệu điện tử theo quy định).

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành khác quy định.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo những quy định sau đây:

3.1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng.

3.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm 4.2 Điều này.

3.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau:

a) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng văn bản theo phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

4. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

4.1. Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thay đổi về các vấn đề được quy định tại khoản này.

4.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm 4.1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp chưa có giá thị trường hoặc không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí về việc định giá này do cổ đông thanh toán.

5. Cổ phần được Công ty mua lại theo quy định tại Điều này được coi là cổ phần chưa bán. Công ty phải thực hiện thủ tục hủy bỏ sổ cổ phần này và đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Chào bán cổ phần

6.1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

6.2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức: Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu; Chào bán cổ phần riêng lẻ; Chào bán cổ phần ra công chúng.

Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

6.3. Cổ phần được coi là đã bán khi người mua đã thanh toán đủ và thông tin về người mua theo quy định pháp luật được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty. Thông tin ghi nhận tối thiểu bao gồm: (i) đối với cổ đông là cá nhân: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân; (ii) đối với cổ đông là tổ chức: tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính; và (iii) số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

Trường hợp cổ phiếu của Công ty thuộc diện đăng ký tập trung và/hoặc lưu ký tập trung theo pháp luật về chứng khoán, việc xác lập/chuyển quyền sở hữu đối với cổ phiếu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán; việc chuyển quyền sở hữu có hiệu lực theo thời điểm ghi Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) quản lý (theo trường hợp áp dụng).

Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phát hành và giao cổ phiếu cho người mua theo hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử; trường hợp không giao cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ, việc ghi nhận trong Sổ đăng ký cổ đông và/hoặc ghi nhận sở hữu thông qua hệ thống đăng ký, lưu ký tập trung (nếu áp dụng) là căn cứ chứng thực quyền sở hữu cổ phần/cổ phiếu của cổ đông.

6.4. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

7. Thừa kế cổ phần

7.1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế của cổ đông. Cổ đông được thừa kế theo Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.

7.2. Người thừa kế hợp pháp của cổ đông sẽ đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế với Công ty và trở thành cổ đông của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

7.3. Cổ đông là tổ chức bị giải thể, sáp nhập, chia, tách hoặc phá sản thì quyền thừa kế liên quan đến cổ đông pháp nhân đó được giải quyết theo các quy định của pháp luật.

7.4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty (thực hiện theo mô hình điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp) bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc.
4. Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông

1.1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

1.2. Cổ đông của Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng là những tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty.

1.3. Cổ đông của Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng là cổ đông phổ thông.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

2.1. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

2.2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2.3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông sở hữu.

2.4. Được chuyển nhượng cổ phần đã thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

2.5. Được xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

2.6. Được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.7. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ.

2.8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 9 của Điều lệ này.

2.9. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.

2.10. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

2.11. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2.12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

3.1. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

3.2. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác theo quy định pháp luật, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

3.3. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: họ, tên, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số đăng ký sở hữu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

3.4. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3.5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho công ty biết tối thiểu 05 ngày làm việc trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Cơ quan đại diện chủ sở hữu và trách nhiệm phối hợp của Công ty

5.1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu (Cổ đông Nhà nước) thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông thông qua Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Điều lệ này.

5.2. Trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ của Công ty:

a) Công ty, Hội đồng quản trị và Ban điều hành có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu và bảo đảm thời gian cần thiết để Người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện quy trình nghiên cứu, báo cáo và xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Khoản 6 Điều này.

b) Trường hợp đến thời điểm họp mà chưa có ý kiến chỉ đạo bằng văn bản từ Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các nội dung thuộc diện phải xin ý kiến, Người đại diện phần vốn nhà nước có quyền kiến nghị Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị xem xét hoãn, điều chỉnh chương trình họp đối với các nội dung đó. Trường hợp cuộc họp vẫn tiếp tục tiến hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, Người đại diện phần vốn nhà nước phải ghi nhận ý kiến bảo lưu hoặc bỏ phiếu trắng (không tham gia biểu quyết) đối với nội dung này để bảo đảm tuân thủ quy định về quản lý vốn nhà nước.

6. Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty (NĐDPVNN): Người đại diện phần vốn nhà nước có quyền và trách nhiệm theo điều 39 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước.

7. Quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - 6.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - 6.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - 6.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - 6.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - 7.1. Vi phạm pháp luật.
 - 7.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - 7.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
8. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác của cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

3.2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

3.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, lý do và mục đích yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

3.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

3.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại mục 3.2 khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại mục 3.3 và mục 3.4 khoản 3 Điều này.

4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại mục 4.1 khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại mục 4.2 khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại mục 3.3 khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

4.4. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (Thẩm quyền quyết định với các trường hợp khác thuộc Hội đồng quản trị hoặc theo các quy chế/quy định nội bộ liên quan). Trường hợp quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu (trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu) phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất.
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty.

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần.

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của công ty hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

3.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

3.2. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền.

3.3. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trong hai mươi bốn (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

2.1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.

2.3. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.

2.4. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.

2.5. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.

2.6. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

2.7. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết

tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần cổ đông nắm giữ, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung quy định tại Khoản 4 Điều này.

5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này.

5.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

5.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chỉnh thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 18. Thẻ thức tiến hành họp, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

1.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký sở hữu, họ tên của cổ đông hoặc họ tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

1.2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi Đại hội đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2.2. Trừ trường hợp quy định tại mục 2.1 khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2.3. Chủ tọa cử một đến ba thư ký Đại hội, người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

2.4. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phản quyết cao nhất.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

7.1. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

7.2. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

8.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

8.2. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

8.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều

144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

11. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 19. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

3.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;
- e) Vấn đề khác do Điều lệ này quy định.

3.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại mục 3.1 khoản 3 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

3.3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua Nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông, kể cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 21. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- 1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- 1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- 1.3. Chương trình họp và nội dung cuộc họp.
- 1.4. Họ, tên chủ tọa và thư ký.
- 1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp.

1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

1.9. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 5 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín theo phương thức dồn phiếu. Thành viên Hội đồng quản trị trúng cử với số phiếu bầu từ cao xuống thấp tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp.

2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử hai ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên, từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Danh sách đề cử phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch và một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) có nhiệm vụ giải quyết công việc hằng ngày.

6. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

6.1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; có sức khoẻ và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

6.2. Là cổ đông được ủy quyền của tổ chức nhưng phải sở hữu tối thiểu 30.000 cổ phần có quyền biểu quyết trở lên; cổ đông chiến lược của Công ty.

6.3. Tốt nghiệp đại học, có năng lực kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Ưu tiên người kinh nghiệm quản lý thuộc ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

6.4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

7. Đối với ứng viên thành viên Hội đồng quản trị do cổ đông Nhà nước đề cử/giới thiệu, việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự phải bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện công tác tổ chức, cán bộ; thực hiện đầy đủ các nội dung quy hoạch, tiêu chuẩn, nhận xét, đánh giá, đào tạo/bồi dưỡng, giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm (khi có) theo quy định của Đảng và theo phân cấp quản lý cán bộ trước khi hoàn thiện hồ sơ đề cử/ứng cử trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Điều 24. Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

4. Việc thay thế thành viên hội đồng quản trị cơ bản theo nguyên tắc kế thừa, cố gắng đảm bảo trong Hội đồng quản trị có ít nhất 3 thành viên cũ.

5. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

7. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (nhân sự do cổ đông Nhà nước đề cử/giới thiệu) phải bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ (quy hoạch, tiêu chuẩn, giới thiệu, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm...) theo quy định của Đảng và phân cấp quản lý cán bộ. Người đại diện phần vốn nhà nước có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; thực hiện biểu

quyết theo ý kiến/chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu và phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ được phân công giám sát từng lĩnh vực hoạt động của Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý.

4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; đề xuất phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu (bao gồm trái phiếu chuyển đổi) và các chứng khoán khác (nếu có) theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.

d) Quyết định giá bán/giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán khác của Công ty trong phạm vi thẩm quyền và/hoặc theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật, (không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng) và các trường hợp mua lại khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

e) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; tổ chức ban hành và thực hiện cơ chế phân cấp/quy trình quyết định đầu tư nội bộ.

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó. Đề cử

người đại diện phần vốn của công ty tham gia quản trị tại các doanh nghiệp có vốn góp và quyết định mức thù lao, quyền lợi khác của những người đó.

Hội đồng quản trị quyết định thù lao cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký/bộ phận giúp việc theo quy chế nội bộ.

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty; phê duyệt các định mức; quyết định thành lập công ty con, liên doanh (nếu có), chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần và việc mua/bán phần vốn góp/cổ phần của doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh theo quy định pháp luật và Điều lệ.

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định.

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

6. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hiện hành hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

7. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty, ngoài các quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo Điều lệ này và pháp luật có liên quan, đồng thời phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn nhà nước.

Hội đồng quản trị/Công ty bảo đảm cung cấp hồ sơ, tài liệu và thời gian cần thiết để Người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty thực hiện quy trình xin ý kiến.

Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình; các chuyến công tác, đối ngoại, hội thảo cần thiết do Hội đồng quản trị cử đi; bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch, Hội đồng quản trị có thể bầu một Phó chủ tịch (trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác).

1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty (trừ khi Luật hiện hành có quy định khác).

1.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty, đồng thời là Bí thư Đảng ủy công ty (trừ giai đoạn chuyển tiếp kiện toàn các chức danh giữa hai nhiệm kỳ).

1.3. Người giữ cương vị Chủ tịch Hội đồng quản trị tuổi đời không được quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật (Ngoại trừ có ý kiến khác của Chủ sở hữu).

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông; chỉ đạo lập báo cáo tài chính hằng năm; Chỉ đạo lập kế hoạch dài hạn, trung hạn và hằng năm; Chỉ đạo chuẩn bị các tài liệu, nội dung, chương trình ĐHĐCĐ theo quy định để trình HĐQT phê duyệt.

2.2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; phân công các thành viên Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty.

2.3. Chuẩn bị hoặc chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

2.4. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2.5. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

2.6. Quyết định mua sắm tài sản cố định không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy chế/quy định nội bộ của Công ty.

2.7. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với trưởng, phó các phòng ban, xí nghiệp, chi nhánh; Kế toán trưởng Ban QLCTCN, Ban Thư ký Công ty, Thư ký Chủ tịch, thư ký Tổng Giám đốc, đại diện Công ty tại các liên doanh.

2.8. Quyết định tiếp nhận lao động với các trường hợp tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với kỳ hạn 1 năm trở lên, trên cơ sở đề nghị của đơn vị được Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc duyệt.

2.9. Có trách nhiệm thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quyết định, quy định, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị thông qua theo đúng quy định.

2.10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

4.1. Tham mưu và giải quyết theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT các vấn đề phát sinh liên quan đến nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng quản trị.

- 4.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp của HĐQT.
- 4.3. Tư vấn cho Hội đồng quản trị về thủ tục pháp lý của các cuộc họp.
- 4.4. Tư vấn cho Chủ tịch Hội đồng quản trị về các vấn đề tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật.
- 4.5. Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng quản trị trong giải quyết khiếu nại, tranh chấp liên quan đến các vấn đề hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật.
- 4.6. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị.
- 4.7. Hướng dẫn Thư ký lập biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị.
- 4.8. Chủ tọa các cuộc họp theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 28. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị là Người đại diện phần vốn nhà nước, cùng các thành viên Hội đồng quản trị được cổ đông nhà nước cử tham gia Hội đồng quản trị có nghĩa vụ thực hiện thẩm quyền biểu quyết tại cuộc họp tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn nhà nước, bao gồm nghĩa vụ báo cáo, xin ý kiến/chỉ đạo bằng văn bản trước khi biểu quyết bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các nội dung thuộc diện phải xin ý kiến.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- 3.1. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý.
- 3.2. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.
- 3.3. Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

7. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác trên lãnh thổ Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

8. Thông báo và chương trình họp:

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Biểu quyết: Trừ quy định tại Khoản 4 Điều 41 Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.

11. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

12. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

13. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

13.1. Nghe các thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

13.2. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

14.1. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

14.2. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt, có đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158

Luật Doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro... Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty gồm:

a. Ban điều hành Công ty (gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng);

b. Các phòng, ban chức năng Công ty;

c. Các chi nhánh, xí nghiệp, văn phòng đại diện và tương đương.

2. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có một Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty, phân cấp Cán bộ quản lý

1. Người điều hành công ty:

a. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc (không quá 03), Kế toán trưởng.

b. Trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc và phù hợp với cơ cấu tổ chức, kế hoạch nhân sự, định biên lao động và các quy chế nội bộ của Công ty, Hội đồng quản trị xem xét, quyết định việc tuyển dụng/bổ nhiệm/thuê người điều hành Công ty (nếu cần) về số lượng, chức danh, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ đãi ngộ theo quy định của pháp luật và các quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

Yêu cầu và quy trình đối với các chức danh quản lý này thuộc diện phải thực hiện theo nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ. Trường hợp nội dung quyết định thuộc diện Người đại diện phần vốn nhà nước phải báo cáo xin ý kiến/chỉ đạo cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết, thành viên Hội đồng quản trị là Người đại diện phần vốn nhà nước chỉ thực hiện biểu quyết theo ý kiến/chỉ đạo hoặc trong phạm vi ủy quyền hợp lệ; nếu đến thời điểm họp chưa có ý kiến/chỉ đạo thì Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét hoãn cuộc họp hoặc hoãn việc xem xét/biểu quyết đối với nội dung đó để bảo đảm tuân thủ.

Người điều hành Công ty có trách nhiệm thực hiện chức trách được giao trung thực, cẩn trọng, tuân thủ nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, chỉ đạo của Tổng giám đốc và các quy chế nội bộ; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ nhằm hỗ trợ Công ty đạt mục tiêu hoạt động và tổ chức.

c. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định hoặc được quy định trong các quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định ban hành.

d. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

2. Phân cấp Cán bộ quản lý gồm:

a. Cán bộ quản lý cấp cao (quản lý cấp công ty): Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch/Giám đốc công ty con.

b. Cán bộ quản lý cấp trung (quản lý cấp phòng/Ban/ Chi nhánh):

+ Cấp trưởng và tương đương bao gồm: Trưởng các phòng, Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh, Giám đốc Ban quản lý công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố và các chức danh tương đương khác; đại diện của Công ty tham gia HĐQT/ HĐTV, Phó Giám đốc các công ty con, trưởng Văn phòng đại diện, Người phụ trách quản trị công ty.

+ Cấp phó và tương đương bao gồm: Phó trưởng các phòng; Phó Giám đốc các xí nghiệp/chi nhánh; Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Ban quản lý công trình cấp nước và Vệ sinh thành phố, Trợ lý Chủ tịch – Tổng Giám đốc; đại diện vốn của Công ty tại các công ty con/đơn vị thành viên, trưởng các phòng ban tại các công ty con/đơn vị thành viên.

c. Cán bộ quản lý cơ sở: Tổ trưởng các tổ nghiệp vụ (tổng hợp, kỹ thuật...), tổ vận hành, tổ bảo dưỡng sửa chữa, tổ quản lý và kinh doanh nước máy; phó trưởng các phòng ban tại các công ty con/đơn vị thành viên.

d. Việc quản lý cán bộ thực hiện phải đảm bảo nguyên tắc theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác cán bộ, các quy chế/quy định của Đảng ủy và Công ty về tổ chức cán bộ. Khi thực hiện công tác quy hoạch, lựa chọn, giới thiệu, cử/bổ nhiệm Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty và tại các doanh nghiệp do Công ty đầu tư (nếu có), ưu tiên xem xét nguồn nhân sự tại chỗ (cán bộ, người lao động của Công ty và các đơn vị thành viên) trên cơ sở đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, quy hoạch và yêu cầu nhiệm vụ.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc và quy định mức lương, thù lao và các lợi ích liên quan khác. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế nhưng không kéo dài quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật (Ngoại trừ có ý kiến khác của Cơ quan đại diện chủ sở hữu). Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

3.1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

3.2. Có trình độ chuyên môn và/hoặc kinh nghiệm làm việc thực tế trong quản trị hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch; các chức danh trong Ban Điều hành công ty phải trải qua công tác tại công ty ít nhất 5 năm (tính đến thời điểm được bổ nhiệm).

3.3. Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

3.4. Tổng Giám đốc không được đồng thời làm Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của doanh nghiệp khác.

3.5. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên Công ty và công ty mẹ; Người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.

4. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

4.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Điều lệ và quy định pháp luật.

4.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư, các kế hoạch công tác của Công ty đã được cấp có thẩm quyền thông qua.

4.3. Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty; kiến nghị Hội đồng quản trị phương án cơ cấu tổ chức, định hướng/giải pháp quản trị điều hành và các nội dung cần Hội đồng quản trị xem xét, quyết định trong phạm vi thẩm quyền.

4.4. Xây dựng, trình Hội đồng quản trị phê duyệt (hoặc phê duyệt theo phân cấp tại các quy chế nội bộ): các định mức kinh tế-kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm/dịch vụ, đơn giá tiền lương-thưởng, các quy trình/quy chế nội bộ thuộc phạm vi điều hành; tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện trong toàn Công ty và đơn vị trực thuộc.

4.5. Tổ chức công tác nhân sự – lao động theo phân cấp: xây dựng kế hoạch lao động, nhu cầu nhân sự; tổ chức tuyển dụng, đào tạo, sử dụng lao động theo quy chế của Công ty; đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền Chủ tịch HĐQT/HĐQT (ví dụ: tiếp nhận lao động và ký HĐLĐ kỳ hạn từ 01 năm trở lên; bổ nhiệm các chức danh theo phân cấp), Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập hồ sơ/đề xuất đề cấp có thẩm quyền quyết định và tổ chức triển khai sau khi được phê duyệt.

4.6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Điều lệ và quy chế phân cấp quản lý cán bộ; đối với các chức danh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4.7. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động (kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc) theo quy chế/quy định nội bộ và ngân sách/quỹ lương đã được phê duyệt; tổ chức thực hiện chế độ khen thưởng, kỷ luật theo quy định pháp luật và quy chế của Công ty.

4.8. Ký kết hợp đồng, giao dịch và ban hành văn bản điều hành trong phạm vi thẩm quyền và trong phạm vi được Người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch HĐQT) ủy quyền (ủy quyền thường xuyên hoặc theo vụ việc) theo Điều lệ; đồng thời bảo đảm tuân thủ các giới hạn thẩm quyền của ĐHĐCĐ/HĐQT/Chủ tịch HĐQT và quy định công bố thông tin (nếu thuộc diện phải công bố).

4.9. Trình Hội đồng quản trị (và/hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định nội bộ) phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết năm sau, trên cơ sở mục tiêu, định hướng và kế hoạch trung hạn (05 năm).

4.10. Báo cáo, giải trình trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông (khi được yêu cầu) và chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4.11. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh theo quy định pháp luật và Điều lệ; tổ chức triển khai theo nghị quyết/quyết định của cấp có thẩm quyền.

4.12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, hợp đồng lao động và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc phải điều hành đúng pháp luật, Điều lệ và nghị quyết/quyết định của HĐQT, nếu vi phạm gây thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường theo quy định.

5. Tổng Giám đốc tổ chức quản lý, sử dụng tài sản, vốn, nguồn lực của Công ty phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế tài chính và các quy chế nội bộ; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng trong phạm vi được giao.

6. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án liên quan đến quyền lợi và để bảo đảm các quyền lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

8. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT, BAN THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ này.

2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 60% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ đủ 60% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

3.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 35 điều lệ này;

3.2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

4.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

4.2. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

4.3. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4.4. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

6. Người giữ cương vị trưởng Ban kiểm soát tuổi đời không quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật.

7. Thành viên Ban kiểm soát là người của tổ chức có tuổi đời không quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật. Tuy nhiên thành viên Ban kiểm soát có thể kéo dài thời gian làm việc sau khi đến tuổi nghỉ hưu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu và Đại hội đồng cổ đông không có ý kiến khác, nhưng thời gian kéo dài tối đa không quá 2/3 nhiệm kỳ hoặc tới hết nhiệm kỳ thực hiện tùy theo thời hạn nào đến trước.

8. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở

hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát như sau:

1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát.
2. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát.
3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
4. Thẩm định tính hợp pháp, đầy đủ và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và đưa ra khuyến nghị về Hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty, quy định của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản tới Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội cổ đông thông qua.

10. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

12. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

13. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

e. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1,2 và 3 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.

f. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của Chính phủ về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, di lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 40. Ban Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) ban thư ký (1 đến 3 người) làm Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ theo quy định, trong trường hợp lớn hơn một người thì có một người làm trưởng ban thư ký.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty.
4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
5. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị quy định phục vụ công tác quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
6. Ban Thư ký Công ty được nhận thù lao cho công việc của mình, mức thù lao của từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, doanh nghiệp/tổ chức khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin và Quy chế công bố thông tin của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ/chưa công bố để thực hiện các giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của các đối tượng liên quan đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của các đối tượng liên quan đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phân quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép.

CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa

chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu danh sách cổ đông (tại thời điểm chốt quyền theo quy định), sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII: TỔ CHỨC ĐẢNG, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ CÔNG NHÂN VIÊN

Điều 44. Tổ chức Đảng, tổ chức chính trị – xã hội và công nhân viên

1. Tổ chức Đảng

1.1. Tổ chức Đảng trong Công ty được thành lập và hoạt động theo Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng; là hạt nhân chính trị, lãnh đạo Công ty thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, vững mạnh.

1.2. Tổ chức Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo toàn diện theo quan điểm, nguyên tắc nêu tại Quy định số 48-QĐ/TW ngày 20/12/2021 (bao gồm lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị; công tác tổ chức, cán bộ; kiểm tra, giám sát; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; lãnh đạo các tổ chức chính trị – xã hội trong doanh nghiệp), trên cơ sở tôn trọng và bảo đảm thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành theo pháp luật và Điều lệ này.

1.3. Trong phạm vi có liên quan đến quản lý và sử dụng phần vốn nhà nước tại Công ty, tổ chức Đảng lãnh đạo việc quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương, nguyên tắc, yêu cầu tuân thủ pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; lãnh đạo việc xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các tổ chức có liên quan nhằm bảo đảm kỷ luật, kỷ cương, công khai, minh bạch và hiệu quả.

2. Tổ chức chính trị – xã hội (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Cựu chiến binh)

2.1. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh (nếu có) trong Công ty được thành lập và hoạt động theo pháp luật, điều lệ của từng tổ chức và các quy chế nội bộ của Công ty.

2.2. Các tổ chức chính trị – xã hội thực hiện chức năng đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên/người lao động; tuyên truyền, vận động chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ, nội quy và quy chế của Công ty; tham gia thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phong trào thi đua, cải tiến, thực hành tiết kiệm, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

2.3. Công ty tạo điều kiện để các tổ chức chính trị – xã hội hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ; bảo đảm cơ chế phối hợp công tác theo quy định và phù hợp điều kiện thực tế của Công ty.

2.4. Tổng giám đốc có trách nhiệm lập kế hoạch và trình Hội đồng quản trị thông qua (trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị) các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với tổ chức Công đoàn, bảo đảm phù hợp với các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản trị tốt; các quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

3. Công nhân viên

3.1. Công nhân viên (người lao động) của Công ty có quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế nội bộ của Công ty và quy định pháp luật có liên quan; được bảo đảm điều kiện làm việc, an toàn, vệ sinh lao động và các chế độ, chính sách theo quy định.

3.2. Công nhân viên có trách nhiệm chấp hành nghị quyết/quyết định hợp pháp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành; chấp hành nội quy, quy chế, quy trình nghiệp vụ và kỷ luật lao động; bảo vệ tài sản, thương hiệu, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ và tuân thủ quy định về bảo mật thông tin của Công ty và pháp luật.

3.3. Tổng giám đốc có trách nhiệm lập kế hoạch và trình Hội đồng quản trị thông qua (trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị) các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp; bảo đảm tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, quy chế của Công ty và thỏa ước lao động tập thể.

3.4. Công ty khuyến khích công nhân viên học tập nâng cao trình độ, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp; khen thưởng, kỷ luật kịp thời, công bằng theo quy định của Công ty và pháp luật.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp quy định của luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước, luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định có liên quan. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu bằng văn bản trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Phần cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền tương ứng với tỷ lệ cổ phần do Nhà nước nắm giữ phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Việc sử dụng phần lợi nhuận sau thuế tương ứng phần vốn nhà nước để chia cổ tức bằng cổ phiếu và/hoặc bổ sung vốn nhà nước tại Công ty chỉ thực hiện khi đáp ứng điều kiện và sau khi có chủ trương phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

2. Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế (bao gồm Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác theo quy định) do Hội đồng quản trị xây dựng phương án trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh hằng năm và phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty; trong đó mức trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi được thực hiện trong giới hạn theo kết quả xếp loại doanh nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

4. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

5. Sau khi có chủ trương của Thủ tướng chính phủ/Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở

giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm

toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đồng thời, Công ty thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp dữ liệu/báo cáo tài chính (và các tài liệu liên quan theo yêu cầu) cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và thực hiện cập nhật/gửi thông tin trên Hệ thống thông tin về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cá nhân/bộ phận liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu và thông tin báo cáo, bảo đảm đáp ứng yêu cầu báo cáo, giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các báo cáo này đồng thời là nguồn dữ liệu phục vụ nghĩa vụ báo cáo tình hình hoạt động, giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định pháp luật.

Điều 50. Báo cáo thường niên, tiếp nhận và công bố thông tin

1. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Đồng thời, để phục vụ cơ chế giám sát của chủ sở hữu nhà nước, Công ty thực hiện chế độ báo cáo định kỳ/đột xuất về tình hình hoạt động theo quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trong đó tối thiểu bao gồm: (i) chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hằng năm; (ii) nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị; (iii) kết quả thực hiện kế hoạch hằng quý (bao gồm dự án đầu tư, tiến độ dự án); (iv) báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; (v) các vấn đề phát sinh tác động đến kết quả kinh doanh; (vi) kết quả giám sát nội bộ và các nội dung khác theo quy định.

2. Công ty phải công bố định kỳ hoặc bất thường trên trang thông tin điện tử của Công ty, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và của Ủy ban chứng khoán nhà nước, sở giao dịch chứng khoán nơi niêm yết theo quy định. Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin/dữ liệu để cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện đăng tải công khai trên Cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu; đồng thời phối hợp để Bộ Tài chính đăng tải công khai theo cơ chế công khai thông tin về hoạt động của doanh nghiệp (trong phạm vi, thời hạn và hình thức theo quy định).

3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hằng năm của Công ty được công bố tại khoản 1 nêu trên. Việc cung cấp/tiếp cận thông tin thực hiện theo quy định pháp luật và Quy chế công bố thông tin của Công ty; bảo đảm nguyên tắc công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời; đồng thời không công khai các nội dung thuộc bí mật nhà nước và thực hiện lưu trữ, quản lý thông tin theo quy định.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thiết lập kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty. Tại văn phòng Công ty phải có hộp thư của Hội đồng quản trị và hộp thư của Ban kiểm soát để tiếp nhận thông tin của cổ đông bất kỳ thời điểm nào các cổ đông cho là cần thiết phải có ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

5. Quy chế công bố thông tin: Công ty ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế công bố thông tin để hướng dẫn thống nhất việc tiếp nhận, phân loại, xử lý, phê duyệt và công bố thông tin; phân công trách nhiệm người/phần sự đầu mỗi công bố thông tin; đồng thời bảo đảm tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán và Giám sát nội bộ

1. Kiểm toán

1.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định pháp luật hoặc thông qua danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở hợp đồng kiểm toán (phạm vi, phí, thời hạn và các điều kiện khác) do Hội đồng quản trị thỏa thuận, bảo đảm tính độc lập, khách quan của kiểm toán theo quy định.

1.2. Báo cáo kiểm toán (kèm thư quản lý/ý kiến khuyến nghị của kiểm toán, nếu có) được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty và là tài liệu phục vụ công bố thông tin theo quy định. Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện, khắc phục và/hoặc giải trình đối với các nội dung nêu trong báo cáo kiểm toán; đồng thời thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị/cảnh báo của cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán có liên quan theo quy định.

1.3. Kiểm toán viên/tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty được mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận về báo cáo tài chính và các vấn đề liên quan đến kiểm toán; được quyền nhận thông báo và tài liệu liên quan đến nội dung đó và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và nghĩa vụ bảo mật thông tin.

2. Giám sát nội bộ

2.1. Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện giám sát nội bộ đối với hoạt động quản trị, điều hành, tài chính, đầu tư và quản lý, sử dụng vốn, tài sản (bao gồm phần vốn nhà nước tại Công ty), nhằm kịp thời phát hiện rủi ro, tồn tại, vi phạm; nâng cao hiệu quả hoạt động; tăng cường công khai, minh bạch; bảo toàn và phát triển vốn.

2.2. Nội dung giám sát nội bộ bao gồm:

a. Hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại

doanh nghiệp.

b. Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp.

c. Việc đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.

d. Việc quản lý của doanh nghiệp đối với công ty do doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn điều lệ và đối với phần vốn góp của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

đ. Các nội dung khác theo yêu cầu quản trị, giám sát của cơ quan có thẩm quyền và/hoặc theo quy chế nội bộ của Công ty.

2.3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm thiết lập, duy trì cơ chế giám sát nội bộ phù hợp; ban hành hoặc phê duyệt các quy chế, quy trình có liên quan (bao gồm tối thiểu quy chế tài chính, quy trình kiểm soát, quản lý rủi ro, quy trình kiểm tra – giám sát nội bộ và cơ chế phối hợp giữa các bộ phận).

2.4. Tổng giám đốc và các đơn vị/cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy chế, quy trình giám sát nội bộ; kịp thời triển khai biện pháp khắc phục khi phát hiện rủi ro/vi phạm; thực hiện đầy đủ các kiến nghị của kiểm toán độc lập, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước (nếu có) và các cơ quan có thẩm quyền.

2.5. Kết quả giám sát nội bộ được tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản trị theo định kỳ và/hoặc đột xuất theo quy chế nội bộ; đồng thời được tổng hợp để phục vụ nghĩa vụ báo cáo, công khai thông tin và trách nhiệm giải trình theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc tổ chức lại, yêu cầu phá sản, giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

3.1. Các chi phí thanh lý.

3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.

3.3. Nợ thuế.

3.4. Các khoản nợ khác của Công ty.

3.5. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (3.1) đến (3.4) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc

nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các Luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

1.1. Cổ đông với Công ty.

1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX: KẾ THỪA, BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Kế thừa, Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Công ty kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng được bàn giao từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Hải Phòng.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu bằng văn bản trước khi tham gia thảo luận, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; việc biểu quyết của Người đại diện phần vốn nhà nước được thực hiện theo ý kiến/chỉ đạo hoặc trong phạm vi ủy quyền hợp lệ. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về sửa đổi, bổ sung Điều lệ có hiệu lực theo quy định của pháp luật và Điều lệ này (bao gồm thời điểm, điều kiện công bố/dăng ký và các thủ tục liên quan theo quy định).

3. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

4. Điều lệ tổ chức và hoạt động đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng năm 2015, sửa đổi bổ sung lần 1 năm 2016, sửa đổi

bổ sung lần 2 năm 2019, sửa đổi bổ sung lần 3 năm 2022, sửa đổi bổ sung lần 4 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, được hợp nhất các nội dung sửa đổi thành Điều lệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng nhất trí thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2026 cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 01 bản, được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu bốn (04) thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trần Việt Cường

TT	Điều - khoản	Điều lệ hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
1	Cấu trúc Điều lệ	Gồm IX chương, 60 điều	Gồm XXI chương, 57 điều	Xây dựng lại cấu trúc và số lượng điều theo Điều lệ mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC.
2	Phần mở đầu (đoạn cuối)	Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng họp ngày 26/4/2022 thống nhất thông qua và chấp nhận sửa đổi, bổ sung một số điều tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30 tháng 03 năm 2015; Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần thứ nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 07 năm 2016; Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần thứ hai đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2019 như sau:	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được thống nhất thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng số/NQ-ĐHĐCĐ-2026 ngày 22 tháng 4 năm 2026.	Sửa đổi thông tin do ban hành mới. Phân lịch sử sửa đổi đã chuyển vào Điều 56. Kế thừa, bổ sung và sửa đổi Điều lệ
3	Chương I Điều 1	Chương I: Điều khoản chung Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ	Chương I: Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ Điều 1. Giải thích các thuật ngữ trong Điều lệ	Chuẩn hoá theo nội dung tại Điều 1 Chương I Điều lệ mẫu
4	Mục 1.1 Khoản 1 Điều 1	1.1. "Vốn Điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.	1.1. "Vốn Điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Khoản 34 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	Chuẩn hóa viện dẫn theo Luật Doanh nghiệp 2020
5	Mục 1.3 Khoản 1 Điều 1	1.2. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.	1.3. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025.	Bổ sung thêm căn cứ theo Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025
6	Mục 1.14, 1.15, 1.16 khoản 1 Điều 1	Không có	1.13. "Cơ quan đại diện chủ sở hữu" là Ủy ban nhân dân thành phố (UBND TP) Hải Phòng hoặc cơ quan được Chính phủ giao thực hiện quyền trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.	Đối với công ty có vốn nhà nước chi phối, cần bổ sung định nghĩa này để thống nhất khái niệm; có cơ sở khẳng định vai trò, quyền và nghĩa

			<p>1.14. “Người đại diện phần vốn nhà nước” là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty.</p> <p>1.15. “Người đại diện phần vốn của doanh nghiệp” là cá nhân được công ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của Công ty đối với phần vốn của Công ty đầu tư tại Doanh nghiệp khác.</p>	vụ của cơ quan đại diện chủ sở hữu người đại diện vốn nhà nước trong các điều khoản khác.
7	Khoản 4 Điều 1 – Giải thích các thuật ngữ trong Điều lệ	4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	4. Các từ hoặc thuật ngữ không được định nghĩa trong Điều lệ này được giải thích theo quy định của pháp luật.	Mở rộng đến các quy định pháp luật khác có liên quan (không chỉ Luật doanh nghiệp).
8	Chương II		Chương II: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Tạo đề mục theo Chương II Điều lệ mẫu
9	Điều 2 Chương II	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.	Điều lệ mẫu - điều 2 – Chương II.
10	Chương II Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2 1.2. Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAIPHONG WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY	Điều 2 1.2. Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAIPHONG WATER JOINT STOCK COMPANY	Chuẩn hóa theo Giấy phép đăng ký kinh doanh
11	Khoản 3 Điều 2.	Địa chỉ: Số 54 đường Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Email: cnhp@vnn.vn	- Địa chỉ: Số 54 đường Đinh Tiên Hoàng, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Email: congtycophancapnuochaiphong@gmail.com, ctycapnuoc@haiphong.gov.vn	Cập nhật địa chỉ và email hiện đang sử dụng
12	Chương II Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi	Điều 2. 5. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc liên doanh để thực hiện các mục	Điều 2. 4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc liên doanh tại địa bàn kinh doanh để	Chuẩn hoá nội dung theo Khoản 4 Điều 2 Điều lệ mẫu

	nhân, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép	thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.	
13	Điều 3 Chương II – Người đại diện theo pháp luật của Công ty	Điều 2 Khoản 4.	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Tách Mục 4 Điều 2 tạo đề mục thành Điều 3 Chương II Điều lệ mẫu.
14	Điều 3 Chương II – Người đại diện theo pháp luật của Công ty	Khoản 4 Điều 2: 4.1.	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty. 1. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty:	Thêm tiêu đề khoản mục theo Điều 3 - Điều lệ mẫu.
15	Khoản 3 Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	(Không có)	3. Ủy quyền thực hiện quyền của Người đại diện theo pháp luật: Khi cần thiết, Người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị) có thể thực hiện việc ủy quyền bằng văn bản (ủy quyền thường xuyên hoặc ủy quyền theo vụ việc) cho Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Chi nhánh, Xí nghiệp trực thuộc hoặc những người quản lý, điều hành khác để thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị)	Tạo cơ chế ủy quyền điều hành hoạt động SXKD hằng ngày
16	Khoản 1 Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	Điều 4. Ngành nghề kinh doanh và phạm vi kinh doanh - Mã số các nội dung trong Bảng ngành nghề kinh doanh tại các dòng 4, 13, 23, 31 lần lượt là: 3512, 4663, 1104, 6201;	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của công ty là: - Cập nhật Mã số các nội dung trong Bảng ngành nghề kinh doanh tại các dòng 4, 13, 23, 31 lần lượt là: 3513, 4673, 1105, 6219; - Cập nhật các mã ngành 5222, 5225 vào Điều lệ tại dòng 32, 33;	Cập nhật mã số một số mã ngành theo quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025. Cập nhật 02 mã ngành 5222, 5225 đã có trên đăng ký doanh nghiệp vào Điều lệ.

17	Khoản 2 Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty	Cơ cấu lại mục như Điều lệ mẫu: chuyển Điều 3 thành Khoản 2 Điều 4.
18	Khoản 3 Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	(Không có)	3. Định hướng phát triển của công ty, bao gồm ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ và các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp đến thời điểm họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông mà chưa có ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện Chủ sở hữu, cuộc họp phải xem xét hoãn hoặc điều chỉnh nội dung họp.	Cập nhật nội dung theo quy định tại Mục a Khoản 2 Điều 27 Luật số 68/2025. Theo Mục c Khoản 3 Điều 31 Nghị định 366/2025/NĐ-CP
19	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	Điều 4. Ngành nghề kinh doanh và phạm vi kinh doanh 4.2 Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	Cơ cấu lại mục như Điều lệ mẫu: chuyển Khoản 2 Điều 4 thành Điều 5
20	Chương IV: Vốn Điều lệ - Cổ phần	Chương III: Vốn Điều lệ – Cổ phần – Cổ phiếu – Cổ đông	Chương IV: Vốn Điều lệ - Cổ phần	Chuẩn hoá đề mục theo Điều lệ mẫu
21	Điều 6 Chương IV – Vốn Điều lệ, cổ phần	Điều 5. Vốn Điều lệ Điều 6. Cổ phần	Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần	Hợp nhất 2 Điều: Điều 5 & Điều 6 theo kết cấu của Điều lệ mẫu
22	Khoản 2. Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần	Khoản 2 Điều 5. Vốn điều lệ Vào ngày thông qua Điều lệ này: Vốn điều lệ của Công ty là 742.069.400.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi hai tỷ, sáu mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn). Khoản 2 Điều 6. Cổ phần Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 74.206.940 cổ phần, mỗi cổ phần trị giá 10.000 VND/cổ phần	Điều 6. 2. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của Công ty là: 742.069.400.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi hai tỷ, sáu mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ được chia thành 74.206.940 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần	Gộp Khoản 2 Điều 5 và Khoản 2 Điều 6, chuẩn hóa nội dung theo Khoản 1 Điều 6 Điều lệ mẫu.

23	Điều 6 Chương IV – Vốn Điều lệ, cổ phần	Điều 5. Vốn Điều lệ 3. Công ty có thể thay đổi vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần 3. Công ty chỉ có thể thay đổi vốn điều lệ sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Việc thay đổi vốn điều lệ phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp đến thời điểm họp Đại hội đồng cổ đông mà chưa có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Cơ quan đại diện Chủ sở hữu, cuộc họp phải xem xét hoãn hoặc điều chỉnh nội dung họp.	Cập nhật nội dung theo quy định tại Mục b Khoản 2 Điều 27 Luật số 68/2025.
24	Điều 6 Chương IV – Vốn Điều lệ, cổ phần; khoản 6 mục 6.3	6.3. Cổ phần được coi là đã bán và người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty khi đã thanh toán đủ và những thông tin về người mua (gồm họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy CMND, số lượng cổ phần, loại cổ phần, ngày đăng ký cổ phần đối với cổ đông là cá nhân; họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy CMND của người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, số lượng cổ phần, loại cổ phần, ngày đăng ký cổ phần đối với cổ đông là tổ chức) được ghi đúng, ghi đủ vào sổ Đăng ký cổ đông; Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua.	6.3. Cổ phần được coi là đã bán khi người mua đã thanh toán đủ và thông tin về người mua theo quy định pháp luật được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty. Thông tin ghi nhận tối thiểu bao gồm: (i) đối với cổ đông là cá nhân: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân; (ii) đối với cổ đông là tổ chức: tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính; và (iii) số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần. Trường hợp cổ phiếu của Công ty thuộc diện đăng ký tập trung và/hoặc lưu ký tập trung theo pháp luật về chứng khoán, việc xác lập/chuyển quyền sở hữu đối với cổ phiếu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán; việc chuyển quyền sở hữu có hiệu lực theo thời điểm ghi Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) quản lý (theo trường hợp áp dụng).	Phù hợp với thuật ngữ theo luật doanh nghiệp và luật chứng khoán mới

			Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phát hành và giao cổ phiếu cho người mua theo hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử; trường hợp không giao cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ, việc ghi nhận trong Sổ đăng ký cổ đông và/hoặc ghi nhận sở hữu thông qua hệ thống đăng ký, lưu ký tập trung (nếu áp dụng) là căn cứ chứng thực quyền sở hữu cổ phần/cổ phiếu của cổ đông.	
25	Khoản 2 Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của công ty, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp	2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của công ty, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp (chứng chỉ do công ty phát hành hoặc dữ liệu điện tử theo quy định)	- Làm rõ về hình thức của giấy chứng nhận cổ phiếu.
26	Khoản 3 Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	Điều 7. 5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông	3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới	Làm rõ nội dung đề nghị cấp lại cổ phiếu theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 Điều lệ mẫu
27	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	Điều 7. 4. Trong thời hạn 15 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu sở cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở	(Bỏ)	Khoản 1 Điều 6 Thông tư 119/2020/TT-BTC quy định về việc Chuyển quyền sở hữu chứng khoán: Công ty đã đăng ký chứng khoán tập trung tại TCT Lưu ký và bù trừ chứng khoán VN (VSDC) nên việc chuyển quyền sở hữu phải thực hiện thông qua giao dịch mua bán trên hệ thống

		hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.		giao dịch chứng khoán (trừ các trường hợp không mang tính chất mua bán hoặc không thể thực hiện qua hệ thống giao dịch chứng khoán).
28	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	Sửa số điều theo Điều lệ mẫu Giữ nguyên các nội dung theo Điều lệ cũ và Điều lệ mẫu
29	Khoản 5 Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	Điều 10 6. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu ngân quỹ và Hội đồng quản trị được quyền chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan	5. Cổ phần được Công ty mua lại theo quy định tại Điều này được coi là cổ phần chưa bán. Công ty phải thực hiện thủ tục hủy bỏ số cổ phần này và đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	Đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 134 Luật Doanh nghiệp, điều 36 Luật Chứng khoán
30	Khoản 6 Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	Điều 9. Chào bán cổ phần	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần Khoản 6. Chào bán cổ phần	Chuyển Điều 9 Điều lệ cũ thành Khoản 6 Điều 9.
31	Khoản 7 Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	Điều 11. Thừa kế cổ phần	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần Khoản 7. Thừa kế cổ phần	Chuyển Điều 11 Điều lệ cũ thành Khoản 7 Điều 9.
32	Mục 7.1 Khoản 7 Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	Điều 11. Thừa kế cổ phần 1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế của cổ đông. Cổ đông được thừa kế theo Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế cổ phần thì phải cử Đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục công chứng thư. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế	7.1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế của cổ đông. Cổ đông được thừa kế theo Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.	Việc thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Luật Dân sự hiện hành.

33	Mục 7.4 Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	Điều 11. Thừa kế cổ phần 4. Trường hợp không xác định được người thừa kế hợp pháp sau 2 năm kể từ ngày cổ đông qua đời, cổ phần của cổ đông này sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 7. Thừa kế cổ phần 7.4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân.	Căn cứ Khoản 4 Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020
34	Điều 10. Chương IV: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	Chương IV: Cơ cấu tổ chức, quản lý, kiểm soát và hoạt động của công ty Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý	Chương V: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát	Cấu trúc lại theo Điều lệ mẫu
35	Chương VI: Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	(Cấu trúc lại)	Chương VI: Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	Tạo đề mục theo Điều lệ mẫu
36	Điều 11. Quyền của cổ đông	Điều 13. Quyền của cổ đông phổ thông	Điều 11. Quyền của cổ đông	Sửa tên Điều theo Điều lệ mẫu
37	Khoản 1. Điều 11. Quyền của cổ đông	Điều 12. Cổ đông	Điều 11. Quyền của cổ đông Khoản 1. Cổ đông	Chuyển Điều 12 Điều lệ cũ thành Khoản 1 Điều 11
38	Khoản 1. Điều 11. Quyền của cổ đông	Điều 12. Cổ đông 3. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ Đăng ký cổ đông lưu trữ tại công ty	(Bỏ)	Điều khoản này chỉ áp dụng khi Công ty tiến hành chuyển đổi cổ phần hoá, hiện tại không còn phù hợp.
39		Điều 12. Cổ đông 4. “Người đại diện vốn nhà nước” tại công ty: là (các) cá nhân được Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng (chủ sở hữu) ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại công ty. Người đại diện vốn nhà nước có trách nhiệm tham khảo ý kiến của đảng ủy công ty khi xây dựng quy hoạch và đề xuất các người đại diện/người đại diện giữ các chức vụ quản lý tại công ty cho nhiệm kỳ tiếp theo.	(Bỏ)	- Chuyển khái niệm về NDDPVN lên mục 1.14 Khoản 1 Điều 1; - Công tác quy hoạch và đề xuất NDDPVN được thực hiện theo những quy định có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

40	Mục 2.1 Khoản 2 Điều 11. Quyền của cổ đông	2.1. Cổ đông được quyền tham dự và phát biểu, biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Để đảm bảo hoạt động sản xuất không bị gián đoạn các Cổ đông ủy quyền cho các đại diện tham gia Đại hội cổ đông.	2.1. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.	Theo Điều lệ mẫu khoản 1 điều 12.
41	Điều 11. Quyền của cổ đông	Điều 13. Quyền của cổ đông phổ thông 3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm 2.3. khoản 2 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền	(Bỏ)	Đã được làm rõ tại Mục 3.3 Khoản 3 Điều 13 – Đại hội đồng cổ đông của Điều lệ này
42	Mục 2.12 Khoản 2 Điều 11. Quyền của cổ đông	(Bổ sung)	1.12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Bổ sung theo Mục m Khoản 1 Điều 12 Chương VI Điều lệ mẫu
43	Mục 3.1. Khoản 3. Điều 11. Quyền của cổ đông	Điều 13. Quyền của cổ đông phổ thông 2. 2.3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau: 2.3.1. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý	3.1. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	Chuẩn hoá nội dung theo Mục a Khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu.

		<p>hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.</p> <p>2.3.2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.</p> <p>2.3.3 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>		
44	Mục 3.2 Khoản 3 Điều 11. Quyền của cổ đông	<p>Điều 13.</p> <p>3.</p> <p>3.2. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 11.</p> <p>3.</p> <p>3.2. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác theo quy định pháp luật, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Bổ sung theo Mục b Khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu</p> <p>Căn cứ Mục a Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
45	Mục 3.3 Khoản 3 Điều 11. Quyền của cổ đông	<p>3.3. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.</p> <p>Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: họ, tên, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p>	<p>3.3. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra các vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.</p> <p>Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: họ, tên, địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số đăng ký sở hữu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</p>	<p>Đổi khái niệm về giấy tờ xác thực cá nhân từ chứng minh nhân dân, hộ chiếu... thành "Số đăng ký sở hữu" để thống nhất với luật chứng khoán.</p>

46	2 Mục 3.4 & 3.5 Khoản 3 Điều 11. Quyền của cổ đông	(Bổ sung)	2.4. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. 2.5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Bổ sung theo Mục d, Mục d Khoản 2 Điều 12 Chương VI Điều lệ mẫu Căn cứ Khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020
47	Mục a Khoản 4 Điều 11. Quyền của cổ đông	Điều 13. a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.	Điều 11. Khoản 4. a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho công ty biết tối thiểu 05 ngày làm việc trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.	Làm rõ thời hạn khi cổ đông đề cử người vào HĐQT và BKS.
48	Khoản 5 Điều 11. Quyền của cổ đông	Điều 12, khoản 4. "Người đại diện vốn nhà nước" tại công ty: là (các) cá nhân được Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng (chủ sở hữu) ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại công ty. Người đại diện vốn nhà nước có trách nhiệm tham khảo ý kiến của đảng ủy công ty khi xây dựng quy hoạch và đề xuất các người đại diện/người đại diện giữ các chức vụ quản lý tại công ty cho nhiệm kỳ tiếp theo.	Điều 11. Quyền của cổ đông 5. Cơ quan đại diện chủ sở hữu và trách nhiệm phối hợp của Công ty 5.1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu (Cổ đông Nhà nước) thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông thông qua Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Điều lệ này. 5.2. Trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ của Công ty: a) Công ty, Hội đồng quản trị và Ban điều hành có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu và bảo đảm thời gian cần thiết để Người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện quy trình nghiên cứu, báo cáo và xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Khoản 6 Điều này. b) Trường hợp đến thời điểm họp mà chưa có ý kiến chỉ đạo bằng văn bản từ Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các nội dung thuộc diện phải xin ý	Làm rõ quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm phối hợp của CQĐDCSH, NĐDPVNN theo tinh thần của Luật Quản lý đầu tư vốn nhà nước.

			<p>kiến, Người đại diện phần vốn nhà nước có quyền kiến nghị Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị xem xét hoãn, điều chỉnh chương trình họp đối với các nội dung đó. Trường hợp cuộc họp vẫn tiếp tục tiến hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, Người đại diện phần vốn nhà nước phải ghi nhận ý kiến báo lưu hoặc bỏ phiếu trắng (không tham gia biểu quyết) đối với nội dung này để bảo đảm tuân thủ quy định về quản lý vốn nhà nước.</p> <p>6. Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty (NĐDPVNN): Người đại diện phần vốn nhà nước có quyền và trách nhiệm theo điều 39 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước.</p> <p>7. Quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
49	Khoản 1 Điều 12 – Nghĩa vụ của cổ đông	<p>Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty</p>	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p>	<p>Theo Khoản 1 Điều 13 Điều lệ mẫu.</p> <p>Nội dung còn lại đã được nhắc đến tại mục 1.1 khoản 1 Điều 11</p>
50	Khoản 4 Điều 12 – Nghĩa vụ của cổ đông	<p>Điều 14.</p> <p>4. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị</p>	<p>4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 4 Điều 13 Chương VI Điều lệ mẫu</p> <p>Căn cứ Khoản 4 Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
51	(Điều 15. Sổ đăng ký cổ đông – Điều lệ cũ)	<p>Điều 15. Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.</p>	(Bỏ)	<p>Việc đăng ký cổ đông không phát sinh theo quy định tại Điều này. Công ty hàng năm vẫn lập danh sách theo quy định pháp luật. Việc quản lý thông tin cổ đông là trách nhiệm của TCT Lưu ký và bù</p>

		Sổ đăng ký cổ đông phải có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.		trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC).
52	Khoản 1. & 2. Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 17. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.</p> <p>Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>1. Đại hội cổ đông thường niên:</p> <p>1.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần, trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>1.2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.</p>	<p>Điều 17. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p>	<p>Chuẩn hoá theo Khoản 1&2 Điều 14 Điều lệ mẫu</p> <p>Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
53	Khoản 3 Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	<p>Khoản 2 Điều 17.</p> <p>2.1. Trường hợp phát sinh ra những vấn đề bất thường ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>	<p>Chuẩn hóa theo Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu</p>

		Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:		
54	Mục 3.3 Khoản 3 Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	Điều 17. Khoản 2. Mục 2.1. 2.1.4. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.	Điều 13. Khoản 3. 3.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, lý do và mục đích yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.	Chuẩn hoá theo mục c) Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020 Tham khảo nội dung theo Khoản 3 Điều 13 Điều lệ cũ
55	Mục 3.4 Khoản 3 Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	Điều 17 Khoản 2 Mục 2.1 2.1.5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có chứng cứ khẳng định các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định trong Điều lệ này hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.	3.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát	Chuẩn hóa theo Mục d Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu
56	Khoản 4 Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	Điều 17. Khoản 2. Mục 2.2. 2.2.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày	Điều 13. Khoản 4. 4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể	Chuẩn hoá theo mục a) Khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu

		kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 2.1.3 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 2.1.4 và 2.1.5 Điều này.	từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại mục 3.2 khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại mục 3.3 và mục 3.4 khoản 3 Điều này.	Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020
57	Khoản 4 Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	Điều 17. Khoản 2. Mục 2.2. 2.2.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2.2.1 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 13. Khoản 4. 4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại mục 4.1 khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	Chuẩn hoá theo mục b) Khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020
58		Điều 17. Mục 2.2. 2.2.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2.2.2 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết. 2.2.4. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	Điều 13. Khoản 4. 4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại mục 4.2 khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại mục 3.3 khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	Chuẩn hoá theo mục c) Khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020
59		(Bổ sung)	4.4. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp	Bổ sung theo mục d) Khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu.

60	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông	Điều 14. đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty	Điều 14. đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (Thẩm quyền quyết định với các trường hợp khác thuộc Hội đồng quản trị hoặc theo các quy chế/quy định nội bộ liên quan). Trường hợp quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại công ty cổ phần có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu (trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu) phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất.	Cập nhật nội dung theo quy định tại Mục d Khoản 2 Điều 27 Luật số 68/2025.
61	Điều 15. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và Đại diện được ủy quyền	Điều 14. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Theo Điều 16 Điều lệ mẫu
62	Khoản 2 Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19 khoản 2. 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của công ty hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.	Theo khoản 2 điều 16 Điều lệ mẫu

		Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền cho Công ty chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền từ cổ đông để dự họp không được ủy quyền lại cho bên thứ 3 khác dự họp thay.	Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	
63	Khoản 3 Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 20 Khoản 3 Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên. c. Phiếu biểu quyết. d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp	Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.	- Các tài liệu gửi kèm thông báo mời họp được quy định theo Luật doanh nghiệp hiện hành.
64	Điều 16. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	Chuẩn hoá theo Điều 18 Điều lệ mẫu
65	Khoản 1 Điều 16. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại tiết 2.2.2 hoặc 2.2.3 Mục 2.2 Khoản 2 Điều 17 Bản Điều lệ này	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.	Khoản 1 Điều 18 Điều lệ mẫu Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020
66	Khoản 4 Điều 16. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng	Điều chỉnh thời gian gửi kiến nghị đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ (đồng nhất với

		hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần cổ đông nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp	cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần cổ đông nắm giữ, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp	thời gian nộp hồ sơ ứng cử thành viên HĐQT & BKS) Quy định mềm tại Khoản 4 Điều 18 Điều lệ mẫu
67	Khoản 5 Điều 16. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:	Chuẩn hoá theo Khoản 5 Điều 18 Điều lệ mẫu
68		(Bổ sung)	5.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Bổ sung theo mục d khoản 5 Điều 18 Điều lệ mẫu
69	Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 21. 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều 17. 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.	Chuẩn hoá theo Khoản 2 & Khoản 3 Điều 19 Điều lệ mẫu Khoản 2 & Khoản 3 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020
70		Điều 21. 3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà	Điều 17. 3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.	

		Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.		
71		Điều 21 Khoản 4. 4. Theo đề nghị của Cổ đông quy định tại khoản 3 điều 11 Điều lệ này, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.	(Bỏ)	Chuẩn hóa nội dung theo Điều 19 Điều lệ mẫu.
72	Khoản 1 Điều 18. Thể thức tiến hành họp, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 22. 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:	Khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu Khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020
73	Mục 1.1 Khoản 1 Điều 18. Thể thức tiến hành họp, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	1.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng bảng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do	1.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký sở hữu, họ tên của cổ đông hoặc họ tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	Bỏ quy định về thu thẻ biểu quyết để phù hợp với diễn biến thực tế biểu quyết tại đại hội

		Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.		
74	Mục 1.2 Khoản 1 Điều 18. Thể thức tiến hành họp, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 22. 3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm đứng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.	Điều 18. 1.2. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được uỷ quyền đến sau khi Đại hội đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm đứng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	Mục 1.2 Khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu Mục b Khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020
75	Khoản 2 Điều 18 - Thể thức tiến hành họp, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 22. 4. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông:	Điều 18. 2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:	Chuẩn hoá theo Khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020
76		4.2. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để bầu chủ tọa và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	2.2. Trừ trường hợp quy định tại mục 2.1 khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	
77		4.4. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.	2.4. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.	
78	Khoản 3 Điều 18 - Thể thức tiến hành họp, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 22. 5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.	Điều 18. 3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.	Khoản 3 Điều 20 Điều lệ mẫu Khoản 3 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020
79	Khoản 5 & Khoản 6 Điều 18 - Thể	(Bổ sung)	Điều 18.	Khoản 5 & Khoản 6 Điều 20 Điều lệ mẫu

	thực tiến hành họp, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông		<p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	
80	Khoản 10 Điều 18 - Thể thức tiến hành họp, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 22.</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p>	<p>Điều 18.</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	Chuẩn hoá theo khoản 10 Điều 20 Điều lệ mẫu
81	Điều 19. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	Điều 23. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	Chuẩn hoá để mục theo Điều 21 Điều lệ mẫu
82	Mục 3.1. Khoản 3 Điều 19.	<p>Điều 23.</p> <p>3.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3.3 và 3.4 Điều này.</p>	<p>3.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p>	<p>Khoản 1 Điều 21 Điều lệ mẫu</p> <p>Khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

83	Mục 3.2. Khoản 3 Điều 19.	3.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3.1, 3.3 và 3.4 Điều này	3.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại mục 3.1 khoản 3 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp	Khoản 2 Điều 21 Điều lệ mẫu Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020
84	Khoản 3 Điều 19.	3.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty	(Bỏ)	Đã được quy định chi tiết tại Khoản 3 Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Khoản 2 Điều 8 Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Điều lệ mẫu không bắt buộc nội dung này
85	Khoản 3 Điều 19.	3.4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.	(Bỏ)	Đã được quy định chi tiết tại khoản 8 Điều 24 Điều lệ.

86	Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 23. 5. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Tách Khoản 5 Điều 23 thành Điều 20 theo cấu trúc của Điều lệ mẫu
87	Điều 21. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 21. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Chuẩn hoá để mục theo Điều 23 Điều lệ mẫu
88	Khoản 1 Điều 21. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 24. 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty.	Điều 21 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác	Chuẩn hoá theo nội dung tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ mẫu
89		1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh	1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp	Chuẩn hoá theo nội dung tại mục a) khoản 1 Điều 23 Điều lệ mẫu
90		1.4. Chủ toạ và thư ký	1.4. Họ, tên chủ toạ và thư ký	Chuẩn hoá theo nội dung tại mục đ) khoản 1 Điều 23 Điều lệ mẫu
91		1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp	1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp	Chuẩn hoá theo nội dung tại mục đ) khoản 1 Điều 23 Điều lệ mẫu
92		1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	Chuẩn hoá theo nội dung tại mục g) khoản 1 Điều 23 Điều lệ mẫu
93	Khoản 2, khoản 3 Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 24. 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ toạ và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản	Chuẩn hoá theo nội dung tại khoản 2, khoản 3 Điều 23 Điều lệ mẫu. Hợp nhất khoản 2&3 Điều 24 thành Khoản 2 Điều 21 theo

		3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.		nội dung tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ mẫu.
94	Chương VII. Hội đồng quản trị		(Tạo mới)	Tạo đề mục Chương VII theo kết cấu của Điều lệ mẫu
95	Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Điều 26. Hội đồng quản trị	Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Sửa tên đề mục theo Điều 25 Điều lệ mẫu
96	Khoản 2. Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Điều 26 Khoản 1 1. Hội đồng quản trị có 5 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín theo phương thức dồn phiếu. Thành viên Hội đồng quản trị trúng cử với số cổ phần từ cao xuống thấp tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp	1. Hội đồng quản trị có 5 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín theo phương thức dồn phiếu. Thành viên Hội đồng quản trị trúng cử với số phiếu bầu từ cao xuống thấp tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp.	Nội dung miễn nhiệm thành viên HĐQT (nếu có) tại ĐHCĐ được thực hiện theo hình thức giơ thẻ biểu quyết.
97	Khoản 2. Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Điều 26. 2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm	2.Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm...	- Làm rõ mốc thời gian công bố thông tin theo Khoản 1 Điều 25 Điều lệ mẫu.
98	Khoản 4. Điều 23. Ứng cử, đề cử	Điều 26.	Điều 23.	- Chuẩn hoá nội dung theo Khoản 3 Điều 25 Điều lệ mẫu

	thành viên Hội đồng quản trị	4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử	4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.	
99	Khoản 7. Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Không có	7. Đối với ứng viên thành viên Hội đồng quản trị do cổ đông Nhà nước đề cử/giới thiệu, việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự phải bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện công tác tổ chức, cán bộ; thực hiện đầy đủ các nội dung quy hoạch, tiêu chuẩn, nhận xét, đánh giá, đào tạo/bồi dưỡng, giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm (khi có) theo quy định của Đảng và theo phân cấp quản lý cán bộ trước khi hoàn thiện hồ sơ đề cử/ứng cử trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.	Đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện công tác Cán bộ trong DNNN theo quy định 48-QĐ/TW ngày 20 tháng 12 năm 2021 của BCH Trung ương.
100	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 27. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	- Sửa tên đề mục theo Điều 26 Điều lệ mẫu
101	Khoản 2. Điều 24.	Điều 27. 2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.	2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	- Chuẩn hoá theo nội dung tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ mẫu
102	Khoản 5. Điều 24	(Bổ sung)	5. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội	- Bổ sung nội dung theo Khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu

			đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	
103	Khoản 6. Điều 24	(Bổ sung)	6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.	- Bổ sung nội dung theo Khoản 4 Điều 26 Điều lệ mẫu
104	Khoản 7. Điều 24	(Bổ sung)	7. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	- Bổ sung nội dung theo Khoản 5 Điều 26 Điều lệ mẫu
105	Khoản 8. Điều 24	(Bổ sung)	8. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (nhân sự do cổ đông Nhà nước đề cử/giới thiệu) phải bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ (quy hoạch, tiêu chuẩn, giới thiệu, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm...) theo quy định của Đảng và phân cấp quản lý cán bộ. Người đại diện phần vốn nhà nước có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; thực hiện biểu quyết theo ý kiến/chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu và phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ Công ty.	Cập nhật nội dung theo quy định tại Mục c Khoản 2 Điều 27 Luật số 68/2025. Đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện công tác Cán bộ trong DNNN theo quy định 48-QĐ/TW ngày 20 tháng 12 năm 2021 của BCH Trung ương.
106	khoản 4 Điều 25	Điều 28 khoản 4 và khoản 5	Điều 25 4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;	- Cập nhật các quyền và nghĩa vụ HĐQT theo Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu.

			<p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; đề xuất phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu (bao gồm trái phiếu chuyển đổi) và các chứng khoán khác (nếu có) theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.</p> <p>d) Quyết định giá bán/giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các chứng khoán khác của Công ty trong phạm vi thẩm quyền và/hoặc theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật, (không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng) và các trường hợp mua lại khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; tổ chức ban hành và thực hiện cơ chế phân cấp/quy trình quyết định đầu tư nội bộ.</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p>	
--	--	--	---	--

			<p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó. Đề cử người đại diện phần vốn của công ty tham gia quản trị tại các doanh nghiệp có vốn góp và quyết định mức thù lao, quyền lợi khác của những người đó.</p> <p>Hội đồng quản trị quyết định thù lao cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký/bộ phận giúp việc theo quy chế nội bộ.</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; phê duyệt các định mức; quyết định thành lập công ty con, liên doanh (nếu có), chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần và việc mua/bán phần vốn góp/cổ phần của doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ.</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh theo quy định pháp luật và Điều lệ.</p>
--	--	--	--

			<p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định.</p> <p>s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
107	Khoản 5 Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<p>Điều 28.</p> <p>6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020,</p>	<p>Điều 25.</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.</p>	- Làm rõ theo khoản 3 Điều 27 Điều lệ mẫu
108	Khoản 7 Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	(Bổ sung)	<p>7. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty, ngoài các quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo Điều lệ này và pháp luật có liên quan, đồng thời phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn nhà nước.</p> <p>Hội đồng quản trị/Công ty bảo đảm cung cấp hồ sơ, tài liệu và thời gian cần thiết để Người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty thực hiện quy trình xin ý kiến.</p>	- Làm rõ trách nhiệm của thành viên HĐQT là người đại diện vốn nhà nước.
109	Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị		<p>(Tạo mới)</p> <p>Tách Mục 7, 8&9 Điều 28 Điều lệ cũ thành Mục 2, 4&5 Điều 26</p>	- Tạo đề mục Điều 26 theo Điều 28 của Điều lệ mẫu

110	Khoản 1 Điều 26.	(Bổ sung)	1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh	- Bổ sung nội dung theo Khoản 1 Điều 28 Điều lệ mẫu - Căn cứ theo khoản 1 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020
111	Khoản 2. Điều 26.	Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mức thù lao của Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị bằng 80% mức của Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 26. 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	- Chuẩn hoá nội dung theo khoản 2 Điều 28 Điều lệ mẫu. - Không quy định chi tiết mức thù lao theo mức thù lao CTHĐQT vì CTHĐQT không nhận thù lao.
112	Khoản 3. Điều 26	(Bổ sung)	3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	- Bổ sung nội dung theo Khoản 3 Điều 28 Điều lệ mẫu - Căn cứ theo khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020.
113	Khoản 6. Điều 26	(Bổ sung)	6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty	- Bổ sung nội dung theo Khoản 6 Điều 28 Điều lệ mẫu.
114	Mục 2.1 khoản 2 Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29 khoản 2 2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông; chỉ đạo lập báo cáo tài chính hằng năm; Chỉ đạo lập kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm; Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty; Báo cáo đánh giá	Điều 27 khoản 2 2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông; chỉ đạo lập báo cáo tài chính hằng năm; Chỉ đạo lập kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm; Chỉ đạo chuẩn bị các tài liệu, nội dung, chương trình ĐHĐCĐ theo quy định để trình HĐQT phê duyệt.	- Điều chỉnh cho phù hợp thực tế.

		công tác quản lý, điều hành Công ty lên Đại hội đồng cổ đông.		
115	Mục 2.4 khoản 2 Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29 khoản 2 2.4. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.	Điều 27 khoản 2 2.4. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	- Bổ sung theo mục c Khoản 3 Điều 29 Điều lệ mẫu.
116	Mục 2.6 khoản 2 Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29. Khoản 2 2.6. Phê duyệt dự án đầu tư.	2.6. Quyết định mua sắm tài sản cố định không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy chế/quy định nội bộ Công ty.	- Làm rõ thẩm quyền của CT HĐQT trong việc mua sắm tài sản cố định.
117	Mục 2.7 khoản 2 Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29. Khoản 2 2.7. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với trưởng, phó các phòng ban, xí nghiệp, chi nhánh; Kế toán trưởng Ban QLCTCN, Ban Thư ký Công ty, Thư ký Chủ tịch, thư ký Tổng Giám đốc, đại diện Công ty tại các liên doanh. Phê duyệt các định mức, quy chế quản lý nội bộ công ty	2.7. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với trưởng, phó các phòng ban, xí nghiệp, chi nhánh; Kế toán trưởng Ban QLCTCN, Ban Thư ký Công ty, Thư ký Chủ tịch, thư ký Tổng Giám đốc, đại diện Công ty tại các liên doanh.	- Điều chỉnh thẩm quyền của CTHĐQT để phù hợp với quy trình thực tế đang thực hiện.
118	Mục 2.8 khoản 2. Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	2.8. Phê duyệt tuyển dụng lao động trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.	2.8. Quyết định tiếp nhận lao động với các trường hợp tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với kỳ hạn 1 năm trở lên, trên cơ sở đề nghị của đơn vị được Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc duyệt.	- Phù hợp với quy trình thực tế. Đáp ứng linh hoạt và kịp thời nhu cầu nhân lực phục vụ sản xuất kinh doanh.
119	Khoản 3. Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29 Khoản 3 3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một trong các thành viên HĐQT kiêm nhiệm trong ban điều hành công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị mất khả năng làm việc hoặc không ủy quyền cho một thành viên khác thay thế khi vắng mặt thì Thành	3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt	- Theo khoản 5 điều 29 Điều lệ mẫu

		viên HĐQT trong ban điều hành công ty kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc thường trực (khi Tổng Giám đốc vắng mặt) tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc thường trực cũng vắng mặt cùng Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc thì Phó Chủ tịch HĐQT tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ngoài các trường hợp trên thì các thành viên HĐQT còn lại tham gia ban điều hành công ty cũng có trách nhiệm triệu tập họp các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số các thành viên HĐQT giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.	buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	
120	Khoản 5, Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.	Điều 27. 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	- Chuẩn hóa nội dung theo Khoản 4 Điều 29 Điều lệ mẫu
121	Khoản 1 Điều 28. Các cuộc họp Hội đồng quản trị	1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị là Người đại diện phần vốn nhà nước, cùng các thành viên Hội đồng	- Bổ sung nghĩa vụ của NDDPVNN đối với những nội dung phải báo cáo xin ý kiến CQĐDCSH trước khi biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.

			quản trị được cổ đông nhà nước đề cử tham gia Hội đồng quản trị có nghĩa vụ thực hiện thẩm quyền biểu quyết tại cuộc họp tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn nhà nước, bao gồm nghĩa vụ báo cáo, xin ý kiến/chỉ đạo bằng văn bản trước khi biểu quyết bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các nội dung thuộc diện phải xin ý kiến.	
122	Khoản 4 Điều 28. Các cuộc họp Hội đồng quản trị	(Bổ sung)	4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.	- Bổ sung nội dung theo Khoản 4 Điều 30 Điều lệ mẫu
123	Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều 28. 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	- Tách khoản 11 Điều 28 thành Điều 29 lại theo cấu trúc Điều lệ mẫu
124	Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty	Điều 28. 12. Người phụ trách quản trị Công ty	Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty	- Tách khoản 12 Điều 28 thành Điều 30 lại theo cấu trúc Điều lệ mẫu
125		Điều 31. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị. 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.	(Bỏ)	- Đã được quy định tại Điều 4 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. - Điều lệ mẫu không bắt buộc nội dung này.
126		Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	(Bỏ)	- Đã được quy định tại Điều 8 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>1.1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>1.2. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.</p> <p>1.3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.</p> <p>1.4. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phân quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.</p> <p>1.5. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1.6. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các công việc không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, có thu nhập mà không chấp hành sự thu hồi của Công ty.</p> <p>1.7. Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>- Điều lệ mẫu không bắt buộc nội dung này.</p>
--	---	---

		Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm còn ít hơn 50% so với quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.		
127	Chương VIII. Tổng Giám đốc và Người điều hành khác		(Tạo mới)	- Tạo đề mục Chương VIII theo kết cấu của Điều lệ mẫu
128	Mục a) Khoản 1 Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	Điều 33. Khoản 1 a. Ban điều hành Công ty: Tổng giám đốc; các Phó Tổng giám đốc (không quá 05 Phó Tổng giám đốc) và kế toán trưởng.	Điều 31. Khoản 1. a. Ban điều hành Công ty (gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng).	- Theo nội dung khoản 1 Điều 34 Điều lệ mẫu.
129	Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	Điều 33. 2. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.	Điều 31. 2. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.	- Chuẩn hoá nội dung theo Điều 33 Điều lệ mẫu. - Bổ nội dung Kế toán trưởng có thể là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Luật kế toán 2015.
130	Điều 32. Người điều hành Công ty, phân cấp Cán bộ quản lý	Điều 34. Cán bộ quản lý	Điều 32. Người điều hành Công ty, phân cấp Cán bộ quản lý	- Sửa tên đề mục bao gồm Điều 34 Điều lệ mẫu và Điều 34 Điều lệ cũ
131	Mục a. Khoản 1 Điều 32. Người điều hành Công	Điều 33. Khoản 1.	Điều 32. Khoản 1.	- Bổ sung và điều chỉnh nội dung theo khoản 1 Điều 34 Điều lệ mẫu

	ty, phân cấp Cán bộ quản lý	a. Ban điều hành Công ty: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc (không quá 05 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.	a. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc (không quá 03), Kế toán trưởng.	- Điều chỉnh số lượng PTGD theo quyết định 80/2004/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2004
132	Mục b. Khoản 1 Điều 32. Người điều hành Công ty, phân cấp Cán bộ quản lý	(Bổ sung)	<p>Điều 32. Khoản 1.</p> <p>b. Trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc và phù hợp với cơ cấu tổ chức, kế hoạch nhân sự, định biên lao động và các quy chế nội bộ của Công ty, Hội đồng quản trị xem xét, quyết định việc tuyển dụng/bổ nhiệm/thuê người điều hành Công ty (nếu cần) về số lượng, chức danh, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ đãi ngộ theo quy định của pháp luật và các quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.</p> <p>Yêu cầu và quy trình đối với các chức danh quản lý này thuộc diện phải thực hiện theo nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ, trường hợp nội dung quyết định thuộc diện Người đại diện phần vốn nhà nước phải báo cáo, xin ý kiến/chỉ đạo cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết, thành viên Hội đồng quản trị là Người đại diện phần vốn nhà nước chỉ thực hiện biểu quyết theo ý kiến/chỉ đạo hoặc trong phạm vi ủy quyền hợp lệ; nếu đến thời điểm họp chưa có ý kiến/chỉ đạo thì Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét hoãn cuộc họp hoặc hoãn việc xem xét/biểu quyết đối với nội dung đó để bảo đảm tuân thủ.</p> <p>Người điều hành Công ty có trách nhiệm thực hiện chức trách được giao trung thực, cẩn trọng, tuân thủ nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, chỉ đạo của Tổng giám đốc và các quy chế nội bộ; chịu trách nhiệm về kết quả thực</p>	- Bổ sung nội dung theo khoản 2 Điều 34 Điều lệ mẫu

			hiện nhiệm vụ nhằm hỗ trợ Công ty đạt mục tiêu hoạt động và tổ chức.	
133	Mục d, Khoản 1 Điều 32. Người điều hành Công ty, phân cấp Cán bộ quản lý	(Bổ sung)	Điều 32. 1. d. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	- Bổ sung nội dung theo khoản 4 Điều 34 Điều lệ mẫu - Căn cứ theo Điều 66 Luật doanh nghiệp 2020
134	Mục d, Khoản 2 Điều 32. Người điều hành Công ty, phân cấp Cán bộ quản lý	Điều 34 khoản 2 mục d d. Việc quản lý cán bộ thực hiện phải đảm bảo nguyên tắc theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác cán bộ, các quy chế/ quy định của đảng ủy và công ty về tổ chức cán bộ.	d. Việc quản lý cán bộ thực hiện phải đảm bảo nguyên tắc theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác cán bộ, các quy chế/quy định của Đảng ủy và Công ty về tổ chức cán bộ. Khi thực hiện công tác quy hoạch, lựa chọn, giới thiệu, cử/bổ nhiệm Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty và tại các doanh nghiệp do Công ty đầu tư (nếu có), ưu tiên xem xét nguồn nhân sự tại chỗ (cán bộ, người lao động của Công ty và các đơn vị thành viên) trên cơ sở đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, quy hoạch và yêu cầu nhiệm vụ.	- Quy định số 50-QĐ/TW (27/12/2021) về công tác quy hoạch cán bộ; quy trình quy hoạch được xác định gồm (i) xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ; (ii) rà soát, bổ sung hằng năm từ nguồn tại chỗ hoặc nơi khác.
135	Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	Điều 35. Tổng Giám đốc	Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.	Sửa tên Điều theo Điều 35 Điều lệ mẫu
136	Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	Điều 35. 1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc và quy định mức lương, thù lao và các lợi ích liên quan khác.	Điều 33. 1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc và quy định mức lương, thù lao và các lợi ích liên quan khác. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	- Bổ sung nội dung theo khoản 2 Điều 35 Điều lệ mẫu.

137	<p>Điều 35.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế nhưng không kéo dài quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật (Ngoại trừ có ý kiến khác của Chủ sở hữu).</p>	<p>Điều 33.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế nhưng không kéo dài quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật (Ngoại trừ có ý kiến khác của Cơ quan đại diện chủ sở hữu). Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>- Bổ sung nội dung theo khoản 3 Điều 35 Điều lệ mẫu.</p>
138	<p>Điều 35. Khoản 3.</p> <p>3.5. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên Công ty và công ty mẹ; Người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ</p>	<p>Điều 33. Khoản 3</p> <p>3.5. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty, Kiểm soát viên của công ty; người đại diện phần vốn của công ty tại doanh nghiệp khác, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty.</p>	<p>- Theo luật Doanh nghiệp Điều 64 Khoản 3</p> <p>- Công ty không có công ty mẹ.</p>
139	<p>Điều 35 khoản 4, khoản 5</p> <p>4. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>4.1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>4.2. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>4.3 Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, chuyển chuyển vị trí công tác, quyết định mức lương, lợi ích khác đối với: tổ trưởng, tổ phó và cán bộ, công nhân viên ở cấp thấp hơn</p>	<p>Điều 33 khoản 4, khoản 5</p> <p>4. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>4.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Điều lệ và quy định pháp luật.</p> <p>4.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư, các kế hoạch công tác của Công ty đã được cấp có thẩm quyền thông qua.</p> <p>4.3. Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty; kiến nghị Hội đồng</p>	<p>Sắp xếp lại các nội dung liên quan quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc theo quy định tại điều lệ mẫu, luật doanh nghiệp và không mâu thuẫn với quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCD/ HĐQT/ Chủ tịch HĐQT</p>

(Thông qua Chủ tịch HĐQT đối với trường hợp điều chuyển lao động trực tiếp sang gián tiếp).

4.4. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo quy chế của Công ty được Hội đồng quản trị thông qua.

4.5. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần để Hội đồng quản trị thông qua khi cần thiết. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

4.6. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

4.7. Tổ chức thực hiện các kế hoạch công tác của Công ty.

4.8. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt: Các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, đơn giá tiền lương, thưởng và các quy chế nội bộ. Kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá, các quy định trong nội bộ của Công ty.

4.9. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ và các quyền lợi khác đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng, phó các phòng, ban, xí nghiệp, chi nhánh, kế toán trưởng Ban quản lý, ban thư ký, thư ký Chủ tịch,

quản trị phương án cơ cấu tổ chức, định hướng/giải pháp quản trị điều hành và các nội dung cần Hội đồng quản trị xem xét, quyết định trong phạm vi thẩm quyền.

4.4. Xây dựng, trình Hội đồng quản trị phê duyệt (hoặc phê duyệt theo phân cấp tại các quy chế nội bộ): các định mức kinh tế-kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm/dịch vụ, đơn giá tiền lương-thưởng, các quy trình/quy chế nội bộ thuộc phạm vi điều hành; tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện trong toàn Công ty và đơn vị trực thuộc.

4.5. Tổ chức công tác nhân sự – lao động theo phân cấp: xây dựng kế hoạch lao động, nhu cầu nhân sự; tổ chức tuyển dụng, đào tạo, sử dụng lao động theo quy chế của Công ty; đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền Chủ tịch HĐQT/HĐQT (ví dụ: tiếp nhận lao động và ký HĐLĐ ký hạn từ 01 năm trở lên; bổ nhiệm các chức danh theo phân cấp), Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập hồ sơ/đề xuất đề cấp có thẩm quyền quyết định và tổ chức triển khai sau khi được phê duyệt.

4.6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Điều lệ và quy chế phân cấp quản lý cán bộ; đối với các chức danh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4.7. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động (kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc) theo quy chế/quy định nội bộ và ngân sách/quỹ lương đã

	<p>thư ký Tổng giám đốc Công ty, đại diện Công ty tại các liên doanh.</p> <p>4.10. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với người lao động và cán bộ quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền và được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị.</p> <p>4.11. Đề xuất Hội đồng quản trị việc tuyển dụng lao động trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh và đảm bảo tiêu chuẩn theo Quy chế của Công ty.</p> <p>4.12. Vào tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.</p> <p>4.13. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.</p> <p>4.14. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông:</p> <p>Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>4.15. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền hạn, nhiệm</p>	<p>được phê duyệt; tổ chức thực hiện chế độ khen thưởng, kỷ luật theo quy định pháp luật và quy chế của Công ty.</p> <p>4.8. Ký kết hợp đồng, giao dịch và ban hành văn bản điều hành trong phạm vi thẩm quyền và trong phạm vi được Người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch HĐQT) ủy quyền (ủy quyền thường xuyên hoặc theo vụ việc) theo Điều lệ; đồng thời bảo đảm tuân thủ các giới hạn thẩm quyền của ĐHĐCĐ/HĐQT/Chủ tịch HĐQT và quy định công bố thông tin (nếu thuộc diện phải công bố).</p> <p>4.9. Trình Hội đồng quản trị (và/hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định nội bộ) phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết năm sau, trên cơ sở mục tiêu, định hướng và kế hoạch trung hạn (05 năm).</p> <p>4.10. Báo cáo, giải trình trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông (khi được yêu cầu) và chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>4.11. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh theo quy định pháp luật và Điều lệ; tổ chức triển khai theo nghị quyết/quyết định của cấp có thẩm quyền.</p> <p>4.12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, hợp đồng lao động và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc phải điều hành đúng pháp luật, Điều lệ và nghị quyết/quyết định của HĐQT, nếu vi phạm gây thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường theo quy định.</p> <p>5. Tổng Giám đốc tổ chức quản lý, sử dụng tài sản, vốn, nguồn lực của Công ty phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày theo đúng quy định</p>	
--	--	---	--

		<p>vụ được giao trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước.</p> <p>4.16. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.</p> <p>4.17. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.</p> <p>5. Thay mặt Hội đồng quản trị quản lý toàn bộ tài sản của Công ty.</p>	<p>pháp luật, Điều lệ, Quy chế tài chính và các quy chế nội bộ; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng trong phạm vi được giao.</p>	
140		<p>Điều 35 khoản 4</p> <p>4.4. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo quy chế của Công ty được Hội đồng quản trị thông qua.</p>	<p>Điều 33 khoản 4</p> <p>4.4. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>	- Giống như Điều lệ mẫu
141		<p>Điều 35 khoản 4</p> <p>4.9. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ và các quyền lợi khác đối với phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng, phó các phòng, ban, xí nghiệp, chi nhánh, kế toán trưởng Ban quản lý, ban thư ký, thư ký Chủ tịch, thư ký Tổng giám đốc Công ty, đại diện Công ty tại các liên doanh.</p>	<p>Điều 33 khoản 4</p> <p>4.9. Đề nghị Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ và các quyền lợi khác (theo phân cấp quản lý) đối với: phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng, phó các phòng, ban, xí nghiệp, chi nhánh, kế toán trưởng Ban quản lý, ban thư ký, thư ký Chủ tịch, thư ký Tổng giám đốc Công ty, đại diện Công ty tại các liên doanh.</p>	- Sửa để phù hợp với phân cấp về thẩm quyền quyết định đối với cán bộ theo quy định của Điều lệ này.
142		<p>4.12. Vào tháng 12 hằng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch</p>	<p>4.12. Vào tháng 12 hằng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh</p>	- Sửa để phù hợp thực tế.

	kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.	doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng mục tiêu, định hướng, cũng như kế hoạch trung hạn (05) năm.	
143	<p>Điều 35. Tổng Giám đốc</p> <p>7. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>7.1. Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty.</p> <p>7.2. Để Công ty thua lỗ hoặc không đạt chỉ tiêu cổ tức tối thiểu theo mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định; Trừ trường hợp đầu tư các dự án lớn hoặc Nhà nước quyết định giá bán nước sạch thấp dẫn đến việc không đạt chỉ tiêu cổ tức.</p> <p>7.3. Không tổ chức xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm để trình Hội đồng quản trị ban hành, làm cơ sở để quản trị, điều hành Công ty.</p> <p>7.4. Không thực hiện các nhiệm vụ trong hợp đồng lao động ký với Hội đồng quản trị. Vi phạm pháp luật bị truy cứu trách nhiệm, tham nhũng tài sản Công ty hoặc thiếu trách nhiệm, gây hậu quả nghiêm trọng cho Công ty.</p> <p>7.5. Khi tuổi đời đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của Pháp luật.</p> <p>7.6. Ngoại trừ trường hợp 7.5, quyết định miễn nhiệm Tổng Giám đốc thông qua khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và Hội đồng quản trị phải đưa ra lý do miễn nhiệm. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm</p>	<p>Điều 33 khoản 7</p> <p>7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	- Chuẩn hoá theo Khoản 5 Điều 35 Điều lệ mẫu.

		có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất. Trong trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, HĐQT phải công bố bằng văn bản về việc này và đề cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày công bố, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.		
144		(Bổ sung)	Điều 33. 8. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.	- Cập nhật nội dung theo quy định tại Mục c Khoản 2 Điều 27 Luật số 68/2025.
145	Chương IX: Ban kiểm soát		(Tạo mới)	- Tạo đề mục Chương IX. và các Điều theo cấu trúc tại Điều lệ mẫu
146	Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát		(Tạo mới) Chuyển khoản 3 Điều 36 thành khoản 2 Điều 34.	- Tạo đề mục Điều 34 theo Điều 36 Điều lệ mẫu
147	Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát	(Bổ sung)	1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.	- Bổ sung nội dung theo khoản 1 Điều 36 Điều lệ mẫu.
148		(Bổ sung)	3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	- Bổ sung nội dung theo khoản 2 Điều 36 Điều lệ mẫu.

149	Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát		(Tạo mới) Chuyển nội dung Khoản 2 Điều 36 thành Khoản 1 Điều 35. Chuyển nội dung Khoản 1, 2, 5, 6, 7 Điều 39 thành Khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 35.	- Tạo đề mục Điều 35 theo Điều 37 Điều lệ mẫu
150	Khoản 2 Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát	Điều 36 khoản 5 5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 5.1. Không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty. 5.2. Từ 25 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp. 5.3. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. 5.4. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty. 5.5. Không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty. b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 3 năm liền trước đó. 5.6. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.	Điều 35 2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.	- Theo Điều lệ mẫu về tiêu chuẩn và điều kiện kiểm soát viên.
151	Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát		(Tạo mới)	- Tạo đề mục Điều 36 theo Điều 38 Điều lệ mẫu

			Chuyển nội dung Khoản 4 Điều 36 Điều lệ cũ thành Điều 36 Điều lệ mới.	
152	Điều 36. Trường Ban Kiểm soát	(Bổ sung)	Điều 36. 8. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trường Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.	- Cập nhật nội dung theo quy định tại Mục c Khoản 2 Điều 27 Luật số 68/2025.
153	Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát	Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát	- Sửa tên Điều bao gồm Điều 39 Điều lệ mẫu và Điều 38 Điều lệ cũ
154	Khoản 2 Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	(Bổ sung)	2. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.	- Bổ sung nội dung theo khoản 1 Điều 39 Điều lệ mẫu.
155	Khoản 3 Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính	3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.	- Bổ sung nội dung theo khoản 3 Điều 39 Điều lệ mẫu.
156	Khoản 5, Khoản 6 Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc	5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông.	Đổi ngưỡng tỷ lệ sở hữu cổ đông lớn tính từ tỷ lệ sở hữu 5% để phù hợp với quy định của khoản 2 điều 115 luật doanh nghiệp.

		nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông. 6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.	6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.	
157	Khoản 7 Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.	7. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.	- Bổ sung nội dung theo khoản 4 Điều 39 Điều lệ mẫu.
158	Khoản 9 Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	(Bổ sung)	9. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội cổ đông thông qua.	Bổ sung nội dung theo khoản 6 Điều 39 Điều lệ mẫu
159	Khoản 10 Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.	10. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.	- Bổ sung nội dung theo khoản 7 Điều 39 Điều lệ mẫu.
160	Khoản 13. Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Điều 38. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	Điều 37. 13. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	- Chuyển Điều 38 Điều lệ cũ thành khoản 13 Điều 37

161	Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát		(Tạo mới) Chuyển nội dung Khoản 1 Điều 37 Điều lệ cũ sang khoản 1 Điều 38 Điều lệ mới.	- Tạo đề mục Điều 38 theo Điều 40 Điều lệ mẫu
162	Khoản 1 Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát	Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 11. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người	Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.	- Bổ sung nội dung theo khoản 1 Điều 40 Điều lệ mẫu.
163	Khoản 2 Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát	(Bổ sung)	2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	- Bổ sung theo khoản 2 Điều 40 Điều lệ mẫu.
164	Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát		(Tạo mới)	- Tạo đề mục Điều 39 theo Điều 41 Điều lệ mẫu
165	Khoản 1 Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 12. Tổng mức thù lao của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thù lao của Trưởng Ban kiểm soát bằng 80% của Chủ tịch Hội đồng quản trị, mức thù lao của Thành viên của Ban kiểm soát bằng 60% mức thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh	Điều 39. 1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của Chính phủ về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.	- Chuẩn hoá nội dung theo khoản 1 Điều 41 Điều lệ mẫu. - Không quy định chi tiết mức thù lao theo mức thù lao CTHĐQT vì CTHĐQT không nhận thù lao.

		hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.		
166	Khoản 2 Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	(Bổ sung)	2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.	- Bổ sung theo khoản 2 Điều 41 Điều lệ mẫu
167	Khoản 3 Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	(Bổ sung)	3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	- Bổ sung theo khoản 3 Điều 41 Điều lệ mẫu
168	Điều 40. Ban Thư ký Công ty – đoạn 1	Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định một (01) ban thư ký (1 đến 3 người) làm Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ theo quy định, trong trường hợp lớn hơn một người thì có một người làm trưởng ban thư ký.	Hội đồng quản trị chỉ định một (01) ban thư ký (1 đến 3 người) làm Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ theo quy định, trong trường hợp lớn hơn một người thì có một người làm trưởng ban thư ký.	-
169	Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 40. Ban Thư ký Công ty	Nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: 1. Tham gia chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 2. Làm biên bản các cuộc họp. 3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. 4. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát khi có ý kiến đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Công ty bao gồm: 1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; 2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; 3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; 4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc	- Chuẩn hóa nội dung từ khoản 1 đến khoản 4 theo luật doanh nghiệp (khoản 5 điều 156)

			tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai báo thông tin và thủ tục hành chính;	
170	Chương X. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác		Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cân trọng vì lợi ích của Công ty.	- Bổ sung nội dung theo nội dung Chương X Điều lệ mẫu
171	Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Toàn bộ nội dung các điều: Điều 42. Trách nhiệm cân trọng, trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý. Điều 43. Công khai các lợi ích liên quan. Điều 44. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.	Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, doanh nghiệp/tổ chức khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về	- Gộp Điều 42, Điều 43, Điều 44 thành Điều 41 với nội dung điều chỉnh lại giống như Điều 47 Điều lệ mẫu

			<p>các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin và Quy chế công bố thông tin của Công ty.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ/chưa công bố để thực hiện các giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của các đối tượng liên quan đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như</p>	
--	--	--	---	--

			mối quan hệ và lợi ích của các đối tượng liên quan đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	
172	Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	(Bổ sung)	<p>Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép.</p>	- Bổ sung nội dung theo Điều 48 Điều lệ mẫu
173	CHƯƠNG XI: Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ công ty	(Bổ sung)	<p>CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p> <p>Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và</p>	- Bổ sung theo Chương XI Điều lệ mẫu.

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ			<p>hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu danh sách cổ đông (tại thời điểm chốt quyền theo quy định), sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội</p>	
---	--	--	---	--

			đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này. 5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.	
174	Chương XII: Công nhân viên và Công đoàn	Chương V: Lao động	Chương XII: Tổ chức Đảng, Tổ chức chính trị - xã hội và Công nhân viên	- Cơ cấu lại Chương XII theo cấu trúc tại Điều lệ mẫu
175	Điều 44. Tổ chức đảng, công đoàn và công nhân viên	Điều 41. Tổ chức đảng, đoàn thể và công nhân viên trong công ty 1. Tổ chức chính trị, chính trị - xã hội: Đảng bộ là hạt nhân chính trị, lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị, phát triển doanh nghiệp, xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh, góp phần để công ty giữ vững vị trí then chốt trong lĩnh vực cấp nước, là lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế xã hội thành phố, thúc đẩy phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh. 1.1. Các tổ chức chính trị, Chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Việt Nam và theo các Điều lệ tổ chức mình phù hợp với quy định của luật pháp. 1.2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia vào các tổ chức	Điều 44. Tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội và công nhân viên 1. Tổ chức Đảng 1.1. Tổ chức Đảng trong Công ty được thành lập và hoạt động theo Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng; là hạt nhân chính trị, lãnh đạo Công ty thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, vững mạnh. 1.2. Tổ chức Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo toàn diện theo quan điểm, nguyên tắc nêu tại Quy định số 48-QĐ/TW ngày 20/12/2021 (bao gồm lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị; công tác tổ chức, cán bộ; kiểm tra, giám sát; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp), trên cơ sở tôn trọng và bảo đảm thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành theo pháp luật và Điều lệ này. 1.3. Trong phạm vi có liên quan đến quản lý và sử dụng phần vốn nhà nước tại Công ty, tổ chức Đảng	- Chuyển Điều 41 Điều lệ cũ thành khoản 1 Điều 44. - Đổi tên cho đúng thuật ngữ, mở rộng nội dung đến các đoàn thể khác. - Tham chiếu đến quy định về việc Tổ chức Đảng lãnh đạo toàn diện trong DNNN, và liên quan đến yêu cầu liên quan Tổ chức Đảng của luật QLSDV

chính trị - xã hội và hoạt động theo những quy định tại khoản 1 Điều này.

1.3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng các quy chế quản lý nội bộ, quy chế phân quyền và các quy chế khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị thông qua theo quy định.

1.4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng để Hội đồng quản trị thông qua về Quy chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị, đảng ủy, công đoàn và các tổ chức đoàn thể trong Công ty theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất và theo quy định pháp luật hiện hành.

1.5. Đảng ủy lãnh đạo Công ty thông qua đảng viên trong hội đồng quản trị, ban điều hành, các đoàn thể chính trị, đảng viên và quần chúng. Chủ tịch HĐQT đồng thời là Bí thư Đảng ủy; Đảng ủy công ty xây dựng và ban hành quy chế hoạt động là cơ sở đảm bảo hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp của BCH/BTV/Bí thư Đảng ủy/cấp ủy đối với HĐQT/BĐH/Phòng (ban, chi nhánh)/các đoàn thể, nhằm thực hiện vai trò của đảng bộ trong doanh nghiệp nhà nước.

2. Quyền của người lao động trong Công ty

2.1. Được hưởng các quyền lợi theo quy định của bộ Luật Lao động và các quy định pháp luật hiện hành khác.

2.2. Người lao động có quyền giám sát Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau:

2.2.1. Hội nghị người lao động của Công ty.

2.2.2. Tổ chức Công đoàn của Công ty.

lãnh đạo việc quản trị và tổ chức thực hiện các chủ trương, nguyên tắc, yêu cầu tuân thủ pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; lãnh đạo việc xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các tổ chức có liên quan nhằm bảo đảm kỷ luật, kỷ cương, công khai, minh bạch và hiệu quả.

2. Tổ chức chính trị – xã hội (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Cựu chiến binh)

2.1. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh (nếu có) trong Công ty được thành lập và hoạt động theo pháp luật, Điều lệ của từng tổ chức và các quy chế nội bộ của Công ty.

2.2. Các tổ chức chính trị – xã hội thực hiện chức năng đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên/người lao động; tuyên truyền, vận động chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ, nội quy và quy chế của Công ty; tham gia thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phong trào thi đua, cải tiến, thực hành tiết kiệm, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

2.3. Công ty tạo điều kiện để các tổ chức chính trị – xã hội hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ; bảo đảm cơ chế phối hợp công tác theo quy định và phù hợp điều kiện thực tế của Công ty.

2.4. Tổng giám đốc có trách nhiệm lập kế hoạch và trình Hội đồng quản trị thông qua (trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị) các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với tổ chức Công đoàn, bảo đảm phù hợp với các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản trị tốt; các quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

2.2.3. Thông qua việc phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2.3. Người lao động thông qua người Đại diện của người lao động (tổ chức Công đoàn) có quyền tham gia thảo luận góp ý kiến trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty ra quyết định các vấn đề sau:

2.3.1. Phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch, các giải pháp sắp xếp, tổ chức lại để phát triển sản xuất kinh doanh; sắp xếp và bố trí lại lao động trong Công ty.

2.3.2. Phương án phân phối lợi nhuận sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phương án phân phối tiền lương, tiền thưởng, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.

2.3.3. Các nội quy, quy chế của doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

2.3.4. Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Công ty.

2.3.5. Năng lương, ngạch, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, viên chức và người lao động trong Công ty.

2.3.6. Giải quyết đơn, thư khiếu nại của người lao động trong Công ty.

2.4. Ngoài ra người lao động trong Công ty còn có quyền:

2.4.1. Ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Công nhân viên

3.1. Công nhân viên (người lao động) của Công ty có quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế nội bộ của Công ty và quy định pháp luật có liên quan; được bảo đảm điều kiện làm việc, an toàn, vệ sinh lao động và các chế độ, chính sách theo quy định.

3.2. Công nhân viên có trách nhiệm chấp hành nghị quyết/quyết định hợp pháp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành; chấp hành nội quy, quy chế, quy trình nghiệp vụ và kỷ luật lao động; bảo vệ tài sản, thương hiệu, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ và tuân thủ quy định về bảo mật thông tin của Công ty và pháp luật.

3.3. Tổng giám đốc có trách nhiệm lập kế hoạch và trình Hội đồng quản trị thông qua (trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị) các vấn đề liên quan đến tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp; bảo đảm tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, quy chế của Công ty và thỏa ước lao động tập thể.

3.4. Công ty khuyến khích công nhân viên học tập nâng cao trình độ, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp; khen thưởng, kỷ luật kịp thời, công bằng theo quy định của Công ty và pháp luật.

		<p>2.4.2. Thông qua nội dung Thỏa ước lao động tập thể; các nội dung sửa đổi, bổ sung Thỏa ước lao động tập thể để Đại diện Ban Chấp hành Công đoàn ký kết với Đại diện người sử dụng lao động.</p> <p>2.4.3. Thông qua Nghị quyết Hội nghị người lao động.</p> <p>2.4.4. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.</p> <p>2.5. Công ty đảm bảo các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty sử dụng hệ thống thang, bảng lương làm cơ sở trả lương, trả công cho người lao động; hoặc xây dựng cơ chế trả lương phù hợp với tính chất, mức độ phức tạp của công việc và gắn với kết quả hoàn thành công việc.</p> <p>3. Nghĩa vụ của người lao động</p> <p>3.1. Người lao động có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung hợp đồng lao động đã ký với Công ty; Thỏa ước lao động tập thể, chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của Công ty.</p> <p>3.2. Người lao động phải học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề để hoàn thành công việc được giao.</p> <p>3.3. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.</p>		
176	Chương XIII: Phân phối lợi nhuận		(Tạo mới)	- Tạo đề mục Chương XIII theo kết cấu Điều lệ mẫu
177	Điều 45. Phân phối lợi nhuận	Điều 49. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ và xử lý lỗ trong kinh doanh	Điều 45. Phân phối lợi nhuận	- Chuyển Điều 49, Điều 51 Điều lệ cũ thành Điều 45

		Điều 51. Trả cổ tức	Sửa tên đề mục theo Điều 51 Điều lệ mẫu
178	Khoản 1, Khoản 2 Điều 45. Phân phối lợi nhuận	<p>Điều 49.</p> <p>1. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh được thực hiện theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>3. Việc trích tỷ lệ % cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển do HĐQT trình ĐHDCĐ quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hằng năm.</p>	<p>Cập nhật thêm nội dung theo quy định tại Mục d Khoản 2 Điều 27 Luật số 68/2025.</p>
		<p>Điều 45. Phân phối lợi nhuận</p> <p>1. Việc phân phối lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp quy định của luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước, luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định có liên quan. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu bằng văn bản trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Phần cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền tương ứng với tỷ lệ cổ phần do Nhà nước nắm giữ phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Việc sử dụng phần lợi nhuận sau thuế tương ứng phần vốn nhà nước để chia cổ tức bằng cổ phiếu và/hoặc bổ sung vốn nhà nước tại Công ty chỉ thực hiện khi đáp ứng điều kiện và sau khi có chủ trương phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo quy định.</p> <p>2. Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế (bao gồm Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác theo quy định) do Hội đồng quản trị xây dựng phương án trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh hằng năm và phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty; trong đó mức trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi được thực hiện trong giới hạn theo kết quả xếp loại doanh nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành.</p>	

179	Khoản 5 Điều 45. Phân phối lợi nhuận	Điều 51 3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.	Điều 45 5. Sau khi có chủ trương của Thủ tướng chính phủ/Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.	
180	Chương XIV: Tài khoản ngân hàng, Năm tài chính và Chế độ kế toán	Chương VI: Kế toán tài chính công ty	Chương XIV: Tài khoản ngân hàng, Năm tài chính và Chế độ kế toán	- Chuẩn hoá tên theo chương XIV Điều lệ mẫu
181	Điều 46. Tài khoản ngân hàng	Điều 48. 4. Tài khoản ngân hàng	Điều 46. Tài khoản ngân hàng	- Cấu trúc lại khoản 4 Điều 48 tách thành Điều 46 theo nội dung tại Điều 52 Điều lệ mẫu
182	Điều 47. Năm tài chính	Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.	- Sửa giống Điều 53 Điều lệ mẫu
183	Chương XV: Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên và trách nhiệm công bố thông tin		(Tạo mới)	- Tạo đề mục Chương XV theo cấu trúc tại Điều lệ mẫu
184	Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	Điều 50 Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý; Báo cáo thường niên 1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo	Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của	- Sửa tên Điều theo Điều 55 Điều lệ mẫu

<p>cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>1.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>1.2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>1.3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p>pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đồng thời, Công ty thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp dữ liệu/báo cáo tài chính (và các tài liệu liên quan theo yêu cầu) cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và thực hiện cập nhật/gửi thông tin trên Hệ thống thông tin về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cá nhân/bộ phận liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu và thông tin báo cáo, bảo đảm đáp ứng yêu cầu báo cáo, giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các báo cáo này đồng thời là nguồn dữ liệu phục vụ nghĩa vụ báo cáo tình hình hoạt động, giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định pháp luật.</p>
---	---

		4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.		
185	Khoản 1 Điều 50. Báo cáo thường niên, tiếp nhận và công bố thông tin	<p>Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý; Báo cáo thường niên</p> <p>4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Điều 50. Báo cáo thường niên, tiếp nhận và công bố thông tin</p> <p>1. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Đồng thời, để phục vụ cơ chế giám sát của chủ sở hữu nhà nước, Công ty thực hiện chế độ báo cáo định kỳ/đột xuất về tình hình hoạt động theo quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trong đó tối thiểu bao gồm: (i) chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hằng năm; (ii) nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị; (iii) kết quả thực hiện kế hoạch hằng quý (bao gồm dự án đầu tư, tiến độ dự án); (iv) báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; (v) các vấn đề phát sinh tác động đến kết quả kinh doanh; (vi) kết quả giám sát nội bộ và các nội dung khác theo quy định.</p> <p>2. Công ty phải công bố định kỳ hoặc bất thường trên trang thông tin điện tử của Công ty, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và của Ủy ban chứng khoán nhà nước, sở giao dịch chứng khoán nơi niêm yết theo quy định. Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin/dữ liệu để cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện đăng tải công khai trên Cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu; đồng thời phối hợp để Bộ Tài chính đăng tải công khai theo cơ chế công khai thông tin về hoạt động của doanh nghiệp (trong phạm vi, thời hạn và hình thức theo quy định).</p>	- Cấu trúc lại khoản 4 Điều 50 thành khoản 1 Điều 50 theo nội dung tại Điều 56 Điều lệ mẫu

			<p>3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty được công bố tại khoản 1 nêu trên. Việc cung cấp/tiếp cận thông tin thực hiện theo quy định pháp luật và Quy chế công bố thông tin của Công ty; bảo đảm nguyên tắc công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời; đồng thời không công khai các nội dung thuộc bí mật nhà nước và thực hiện lưu trữ, quản lý thông tin theo quy định.</p> <p>4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thiết lập kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty. Tại văn phòng Công ty phải có hộp thư của Hội đồng quản trị và hộp thư của Ban kiểm soát để tiếp nhận thông tin của cổ đông bất kỳ thời điểm nào các cổ đông cho là cần thiết phải có ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>5. Quy chế công bố thông tin: Công ty ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế công bố thông tin để hướng dẫn thống nhất việc tiếp nhận, phân loại, xử lý, phê duyệt và công bố thông tin; phân công trách nhiệm người/phần sự đầu mỗi công bố thông tin; đồng thời bảo đảm tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp..</p>	
186	Khoản 2,3,4 Điều 50. Báo cáo thường niên, tiếp nhận và công bố thông tin	Điều 55. Tiếp nhận và công bố thông tin	Khoản 2, 3, 4 Điều 50. Báo cáo thường niên, tiếp nhận và công bố thông tin	- Cấu trúc lại Điều 55 Điều lệ cũ thành khoản 2,3,4 Điều 50
187	Điều 51 Chương XVI. Kiểm toán công ty	Chương VI Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý; Báo cáo thường niên	Chương XVI: Kiểm toán công ty 1. Kiểm toán	- Cấu trúc lại khoản 1 Điều 50 tách thành Điều 51 theo nội dung tại Điều 57 Điều lệ mẫu.

	<p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>1.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>1.2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>1.3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin.</p>	<p>1.1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định pháp luật hoặc thông qua danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở hợp đồng kiểm toán (phạm vi, phí, thời hạn và các điều kiện khác) do Hội đồng quản trị thỏa thuận, bảo đảm tính độc lập, khách quan của kiểm toán theo quy định.</p> <p>1.2. Báo cáo kiểm toán (kèm thư quản lý/ý kiến khuyến nghị của kiểm toán, nếu có) được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty và là tài liệu phục vụ công bố thông tin theo quy định. Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện, khắc phục và/hoặc giải trình đối với các nội dung nêu trong báo cáo kiểm toán; đồng thời thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị/cảnh báo của cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán có liên quan theo quy định.</p> <p>1.3. Kiểm toán viên/tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty được mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận về báo cáo tài chính và các vấn đề liên quan đến kiểm toán; được quyền nhận thông báo và tài liệu liên quan đến nội dung đó và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>2. Giám sát nội bộ</p> <p>2.1. Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện giám sát nội bộ đối với hoạt động quản trị, điều hành, tài</p>	<p>- Bổ sung ý theo và yêu cầu của luật QLSDV và nghị định 365</p>
--	---	---	--

tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

chính, đầu tư và quản lý, sử dụng vốn, tài sản (bao gồm phần vốn nhà nước tại Công ty), nhằm kịp thời phát hiện rủi ro, tồn tại, vi phạm; nâng cao hiệu quả hoạt động; tăng cường công khai, minh bạch; bảo toàn và phát triển vốn.

2.2. Nội dung giám sát nội bộ bao gồm:

a. Hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

b. Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp.

c. Việc đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.

d. Việc quản lý của doanh nghiệp đối với công ty do doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn Điều lệ và đối với phần vốn góp của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

đ. Các nội dung khác theo yêu cầu quản trị, giám sát của cơ quan có thẩm quyền và/hoặc theo quy chế nội bộ của Công ty.

2.3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm thiết lập, duy trì cơ chế giám sát nội bộ phù hợp; ban hành hoặc phê duyệt các quy chế, quy trình có liên quan (bao gồm tối thiểu quy chế tài chính, quy trình kiểm soát, quản lý rủi ro, quy trình kiểm tra – giám sát nội bộ và cơ chế phối hợp giữa các bộ phận).

2.4. Tổng giám đốc và các đơn vị/cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy chế, quy trình giám sát nội bộ; kịp thời triển khai biện pháp khắc phục khi phát hiện rủi ro/vi phạm; thực

			hiện đầy đủ các kiến nghị của kiểm toán độc lập, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước (nếu có) và các cơ quan có thẩm quyền. 2.5. Kết quả giám sát nội bộ được tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản trị theo định kỳ và/hoặc đột xuất theo quy chế nội bộ; đồng thời được tổng hợp để phục vụ nghĩa vụ báo cáo, công khai thông tin và trách nhiệm giải trình theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.	
188	Chương XVII: Dấu của doanh nghiệp		(Tạo mới)	- Tạo đề mục Chương XVII theo cấu trúc tại Điều lệ mẫu
189	Điều 52. Dấu của doanh nghiệp	Điều 57. Con dấu	Điều 52. Dấu của doanh nghiệp	- Sửa tên điều theo Điều 58 Điều lệ mẫu
190	Khoản 1 Điều 52. Dấu của Doanh nghiệp	2. Con dấu công ty được thể hiện là hình tròn, đường kính 36 mm và mực sử dụng màu đỏ. 3. Nội dung con dấu Công ty thể hiện những thông tin sau đây: a) Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG; b) Mã số doanh nghiệp: 0200171274 c) Tên tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở: Quận Hồng Bàng – TP HẢI PHÒNG. 4. Công ty chỉ có 01 (một) con dấu doanh nghiệp.	1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử	- Chuẩn hoá nội dung theo khoản 1 Điều 52 Điều lệ mẫu
191	Khoản 2 Điều 52. Dấu của Doanh nghiệp	1. Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.	Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).	- Chuẩn hoá nội dung theo khoản 2 Điều 52 Điều lệ mẫu
192	Khoản 3 Điều 52. Dấu của Doanh nghiệp	5. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu theo quy định hiện hành của pháp luật.	Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	- Chuẩn hoá nội dung theo khoản 3 Điều 52 Điều lệ mẫu
193	Chương XVIII. Giải thể Công ty	Chương VIII: Tổ chức lại, giải thể, phá sản	Chương XVIII: Giải thể Công ty	- Chuẩn hoá đề mục theo Chương XVIII Điều lệ mẫu

194	Điều 53. Chương XVII	Điều 53: Chấm dứt hoạt động	Điều 53: Giải thể Công ty	- Chuẩn hoá để mục theo Điều 59 Điều lệ mẫu
195	Khoản 2 Điều 53. Giải thể Công ty	2. Bất kỳ quyết định nào nhằm chấm dứt hoạt động của Công ty đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyết định này phải được gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trước khi tiến hành theo thủ tục luật định.	2. Việc tổ chức lại, yêu cầu phá sản, giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	- Sửa đổi nội dung theo khoản 2 Điều 59 Điều lệ mẫu - Cập nhật thêm nội dung theo quy định tại Mục d Khoản 2 Điều 27 Luật số 68/2025.
196	Khoản 1 Điều 54. Thanh lý	1. Trong thời hạn sáu tháng kể từ khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.	1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.	- Chuẩn hoá nội dung theo khoản 1 Điều 61 Điều lệ mẫu
197	Chương XIX: Giải quyết tranh chấp nội bộ	Chương VII: Giải quyết tranh chấp nội bộ	Chương XIX: Giải quyết tranh chấp nội bộ	- Chuẩn hoá để mục theo Chương XIX Điều lệ mẫu
198	Chương XX: Kế thừa, bổ sung và sửa đổi Điều lệ	Chương IX: Các vấn đề khác	Chương XX: Kế thừa, bổ sung và sửa đổi Điều lệ	- Sửa đổi để mục theo nội dung chương XX Điều lệ mẫu
199	Điều 56. Kế thừa, bổ sung và sửa đổi Điều lệ	Chương IX. Các vấn đề khác, Điều 56 Kế thừa, Điều 58 Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	Điều 56, Kế thừa, Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	- Gộp Điều 56, Điều 58 thành Điều 56 Chương XIX
200	Khoản 2 & 3 Điều 56. Kế thừa, bổ	Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.	Điều 56, Kế thừa, Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp	- Cập nhật nội dung theo quy định tại Mục b Khoản 2 Điều 27 Luật số 68/2025.

	sung và sửa đổi Điều lệ	2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.	luật và Điều lệ Công ty. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu bằng văn bản trước khi tham gia thảo luận, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; việc biểu quyết của Người đại diện phần vốn nhà nước được thực hiện theo ý kiến/chỉ đạo hoặc trong phạm vi ủy quyền hợp lệ. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về sửa đổi, bổ sung Điều lệ có hiệu lực theo quy định của pháp luật và Điều lệ này (bao gồm thời điểm, điều kiện công bố/dăng ký và các thủ tục liên quan theo quy định).	
201	Khoản 4 Điều 56. Kế thừa, bổ sung và sửa đổi Điều lệ	Điều 59. Ngày hiệu lực Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung lần 3 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/04/2022; Điều lệ tổ chức và hoạt động được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng năm 2015, Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung lần 1 năm 2016, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi bổ sung lần 2 năm 2019, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi bổ sung lần 3 năm 2022 được hợp nhất các nội dung thành Điều lệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng	Điều 56. Kế thừa, bổ sung và sửa đổi Điều lệ 4. Điều lệ tổ chức và hoạt động đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng năm 2015, sửa đổi bổ sung lần 1 năm 2016, sửa đổi bổ sung lần 2 năm 2019, sửa đổi bổ sung lần 3 năm 2022, sửa đổi bổ sung lần 4 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, được hợp nhất các nội dung sửa đổi thành Điều lệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.	- Chuyển nội dung vào điều 56 cho phù hợp với nội dung đề cập tại Điều 56

202	Chương XXI: Ngày hiệu lực		Chương XXI: Ngày hiệu lực	- Tạo để mục Chương XX theo Chương XXI Điều lệ mẫu
203	Khoản 1 Điều 57: Ngày hiệu lực	1. Bản Điều lệ này gồm IX chương 60 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng nhất trí thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2022 cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này.	1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng nhất trí thông qua ngày ... tháng 4 năm 2026 cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này.	- Cập nhật theo Điều lệ được thông qua tại ĐHĐCĐ 2025.

- Ghi chú: Số thứ tự của một số Điều/Khoản/Mục trong dự thảo Điều lệ này, được viện dẫn trong dự thảo Điều lệ này đã được sửa lại theo số thứ tự cập nhật của các Điều/Khoản/Mục trong các văn bản tương ứng hiện hành.



ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO



BÁO CÁO

Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng
Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ theo Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15
ngày 14/6/2025;

Căn cứ theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính
phủ quy định về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin
trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính
phủ quy định về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính
hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị
định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành
một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 67/BB-HĐQT ngày 12/3/2026 của Hội đồng
quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất các nội dung, tài
liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bản dự thảo Quy chế nội bộ
về quản trị Công ty (Chi tiết tài liệu kèm theo).

(Nội dung bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được công bố
thông tin theo quy định, đăng tải trên website của Công ty và thông báo tới các quý cổ
đông trong thông báo mời họp.)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Việt Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC HẢI PHÒNG

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
(QCC-01)**

Hải Phòng, Tháng 4/2026

MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	4
Điều 3. Hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.....	4
Điều 4. Hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	7
Điều 5. Hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.....	9
Điều 6. Hội đồng quản trị.....	10
Điều 7. Ban Kiểm soát.....	12
Điều 8. Tổng Giám đốc.....	13
Điều 9. Các hoạt động khác.....	14
Điều 10. Đánh giá, khen thưởng, kỷ luật.....	17
Điều 11. Điều khoản thi hành.....	18
PHỤ LỤC: DANH MỤC PHÂN QUYỀN PHÊ DUYỆT, QUẢN LÝ CÁC QUY CHẾ, QUY ĐỊNH.....	19

Hải Phòng, ngày 22 tháng 4 năm 2026

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../NQ-ĐHĐCĐ-2026 ngày 22 tháng 4 năm 2026
của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 09/04/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc hoàn tất thủ tục chuyển Công ty TNHH MTV cấp nước Hải Phòng thành Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc cho thôi, cử lại người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../NQ-ĐHĐCĐ-2026 của Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị công ty Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Công ty được phép tổ chức các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua các nghị quyết phù hợp với quy định của pháp luật nếu được HĐQT thống nhất, theo một trong các hình thức sau:

3.1. Họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

3.2. Họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

3.3. Họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

3.4. Các hình thức họp ĐHĐCĐ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 3. Họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ: HĐQT có thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định Điều 17 của Điều lệ Công ty.

2. Lập Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của các cổ đông có quyền dự họp hoặc/và theo địa chỉ của cổ đông theo dữ liệu của trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam; các cổ đông là công nhân viên công ty được gửi thông qua phòng/ban/chi nhánh cổ đông đang làm việc. Thông báo triệu tập được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.

5. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ bao gồm quy định về kiến nghị của cổ đông (nếu có) được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông tiếp cận. Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua các nội dung mà Người đại diện phần vốn nhà nước (NĐDPVNN) phải báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu mà đến thời điểm họp chưa nhận được ý kiến bằng văn bản đối với nội dung thuộc diện phải xin ý kiến, NĐDPVNN thực hiện theo quy chế hoạt động của NĐDPVNN và có quyền kiến nghị hoãn/điều chỉnh nội

dung hợp hoặc tạm thời chưa biểu quyết (hoặc biểu quyết theo phạm vi ủy quyền/ý kiến đã được phê duyệt trước đó, nếu có căn cứ) để bảo đảm tuân thủ pháp luật.

6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ: Cổ đông thực hiện thủ tục đăng ký trực tiếp vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội.

HDQT chỉ định Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm ba đến chín người, trong đó có thành viên BKS. Ban kiểm tra tư cách cổ đông, căn cứ sổ đăng ký cổ đông, các chứng từ kế toán,... và danh sách đăng ký dự họp, lập biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và công bố công khai tại đại hội trước khi thực hiện chương trình nghị sự.

7. Cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo mời họp. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình hoặc các Thành viên HDQT tham dự. Cổ đông cá nhân chỉ ủy quyền cho 01 người đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện họp phải được lập thành văn bản theo mẫu quy định đã gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là Người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân)/Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức);

- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân)/Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức);

- Trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào dự họp.

8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, thì thông báo mời họp cuộc họp lần thứ hai phải được gửi lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, thì thông báo mời họp cuộc họp lần thứ ba phải được gửi lại trong vòng hai mươi (20)

ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Đến giờ khai mạc đại hội, Ban tổ chức ổn định tổ chức, thực hiện nghi lễ chào cờ Tổ quốc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và mời Ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố biên bản kiểm tra tư cách cổ đông theo quy định. Đại hội được tiến hành theo trình tự sau: Ban tổ chức mời Chủ tịch HĐQT (hoặc Chủ tọa đại hội được ủy quyền; Chủ tọa được bầu trực tiếp tại đại hội theo quy định tại Điều lệ) lên chủ tọa đại hội. Chủ tọa giới thiệu với đại hội bầu Thư ký đại hội để ghi biên bản và nghị quyết đại hội; Chủ tọa thông báo và đề nghị đại hội biểu quyết chương trình đại hội; Chủ tọa điều hành đại hội thực hiện lần lượt chương trình nghị sự.

9. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (tổ chức họp trực tiếp) được thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

10. Cách thức bỏ phiếu:

Các nội dung báo cáo và các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ được biểu quyết công khai và trực tiếp tại Đại hội. Cổ đông hoặc người được ủy quyền sẽ sử dụng thẻ biểu quyết để biểu quyết tại cuộc họp. Chủ tọa quyết định cách thức biểu quyết đối với từng vấn đề; ý kiến biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

11. Cách thức kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu của Đại hội được ĐHĐCĐ bầu ra theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Kết quả kiểm phiếu được xác định bằng cách đếm biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành.

12. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo điều 148 Luật doanh nghiệp và điều 23 Điều lệ.

13. Ban kiểm phiếu được đại hội bầu ra kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của thành viên BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của HĐQT, BDH Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

14. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ:

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp theo quy định của điều 151 Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty.

Nghị quyết ĐHĐCĐ vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

15. Biên bản họp ĐHĐCĐ được lập bởi Thư ký đại hội do Chủ tọa đề cử. Biên bản họp phải được lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Chủ tọa và Đoàn thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

16. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

17. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Nghị quyết ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

Điều 4. Hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Các trường hợp không được thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

- 1.1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty.
- 1.2. Định hướng phát triển công ty.
- 1.3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
- 1.4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS.
- 1.5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định.
- 1.6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
- 1.7. Tổ chức lại, giải thể công ty.
- 1.8. Các trường hợp khác theo quy định.

2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (tham khảo điều 149 Luật Doanh nghiệp):

2.1. HĐQT thống nhất và ra quyết định về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều này.

2.2. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông được gửi phiếu lấy ý kiến tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2.3. HĐQT lập danh sách cổ đông được gửi phiếu lấy ý kiến dựa trên danh sách cổ đông tại thời điểm chốt quyền. Danh sách phải bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp và được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo.

2.4. HĐQT chuẩn bị phiếu để lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và sẽ gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất trong thời gian mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

Phiếu lấy ý kiến cổ đông và các tài liệu liên quan kèm theo được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty (trường hợp không gửi kèm được tài liệu thì phiếu lấy ý kiến phải chỉ rõ đường dẫn đến tài liệu).

2.5. Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo hình thức sau đây:

- Gửi thư;
- Gửi fax;
- Gửi thư điện tử.

Phiếu lấy ý kiến của các cổ đông phải gửi về công ty trước thời hạn xác định và phải đảm bảo tuân thủ các điều kiện về hình thức theo quy định. Phiếu trả lời ý kiến cổ đông phải được bảo mật tuyệt đối trước khi thực hiện kiểm phiếu.

Trường hợp các phiếu lấy ý kiến các cổ đông được gửi về công ty sau thời hạn đã xác định trong nội dung của phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở ra trong trường hợp gửi thư hoặc đã bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.

Phiếu lấy ý kiến của cổ đông không được gửi về công ty sẽ được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

2.6. HĐQT công ty tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS công ty hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý trong công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

Các thành viên trong HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định đã được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2.7. Gửi Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết đến các cổ đông trong thời hạn là mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; hoặc có thể thực hiện thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản các cổ đông thì nghị quyết của ĐHĐCĐ công ty được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất là năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết tán thành. Nghị quyết ĐHĐCĐ công ty được thông qua theo

hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị tương đương như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

2.8. Công ty lưu giữ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến tại trụ sở chính của công ty cho đến khi hết mỗi nhiệm kỳ và được HĐQT nhiệm kỳ tiếp theo thông qua việc hủy bỏ.

2.9. Các vấn đề khác thực hiện theo điều 149 Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật.

Điều 5. Hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: HĐQT quyết định việc tổ chức họp trực tuyến nếu như nền tảng công nghệ thông tin và viễn thông của công ty cho phép, sẽ thuê đơn vị cung cấp dịch vụ và tư vấn thực hiện tổ chức ĐHĐCĐ trên hệ thống trực tuyến theo quy định. Thông báo triệu tập được thực hiện như điều 3.

2. Điều kiện, cách thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

2.1. Điều kiện tham dự: tương tự điều 3.

2.2. HĐQT có trách nhiệm ban hành quy định về việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến gửi kèm thông báo mời họp trong đó quy định rõ về các thức đăng ký, việc ủy quyền, điều kiện và hình thức thông qua, hướng dẫn cách thức bỏ phiếu/kiểm phiếu trên hệ thống họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

2.3. Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua các nội dung mà Người đại diện phần vốn nhà nước phải báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu mà đến thời điểm họp chưa nhận được ý kiến bằng văn bản đối với nội dung thuộc diện phải xin ý kiến, Người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện theo quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn nhà nước và có quyền kiến nghị hoãn/điều chỉnh nội dung họp hoặc tạm thời chưa biểu quyết (hoặc biểu quyết theo phạm vi ủy quyền/ý kiến đã được phê duyệt trước đó, nếu có căn cứ) để bảo đảm tuân thủ pháp luật.

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tuyến.

Cách thức biểu quyết trực tuyến: Cổ đông/đại diện ủy quyền biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến. Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện ngay sau khi cổ đông/đại diện ủy quyền đã đăng ký dự họp trực tuyến và đăng nhập thành công hoặc có thể thực hiện tại mỗi thời điểm phát sinh nội dung biểu quyết khi theo dõi cuộc họp trực tuyến.

4. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:

4.1. Khi cổ đông/đại diện ủy quyền thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số phiếu tán thành và số phiếu không tán thành.

4.2. Biên bản kiểm phiếu là biên bản ghi nhận kết quả kiểm phiếu của tất cả các Đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.

5. Thông báo kết quả kiểm phiếu. Căn cứ kết quả kiểm phiếu ghi nhận trên hệ thống kiểm phiếu, ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp, báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định tại khoản Điều 3 Quy chế này và được thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

7. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ được thực hiện công bố theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

Điều 6. Hội đồng quản trị.

HDQT chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty. HDQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế hoạt động của HDQT và các quy chế, quy định định nội bộ của công ty; đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến công ty.

1. HDQT, Thành viên HDQT có vai trò, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định khác có liên quan.

2. HDQT có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của công ty về việc quy hoạch trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm, luân chuyển, miễn nhiệm cán bộ quản lý (ban điều hành và cán bộ khác) thuộc thẩm quyền quản lý của HDQT:

2.1. Tất cả cán bộ được quy hoạch trước khi bổ nhiệm. Điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định cán bộ của công ty.

2.2. Đảm bảo tuân thủ chủ trương, nghị quyết và lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức, cán bộ của đảng ủy; Đảng ủy nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, quy trình, quy định và thẩm quyền được phân cấp quản lý cán bộ của HDQT.

2.3. Phân cấp cán bộ quản lý tại công ty con tương đương với cấp cán bộ quản lý tại công ty (làm rõ hơn khoản 2 Điều 32 Điều lệ) như sau:

- Chủ tịch/Giám đốc công ty con tương đương Phó TGD công ty.
- Thành viên HDQT/Phó Giám đốc công ty con tương đương như cấp Trưởng phòng/ban đơn vị công ty.
- Kế toán trưởng/Trưởng BKS/Trưởng các đơn vị công ty con, Người đại diện vốn tại công ty con tương đương như cấp Phó Trưởng phòng/ban đơn vị công ty.

3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

3.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 24 Điều lệ.

3.2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và các quy định/quy chế quản lý cán bộ của công ty.

3.3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo Điều 23 Điều lệ.

3.4. Cách thức bầu: Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều.

- Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, có ghi số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu, số cổ phiếu bầu mỗi cổ đông dự đại hội, có đóng dấu công ty.

- Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

- Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

3.5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành.

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);

- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung mà cổ đông không xác nhận lại nội dung sửa đổi với Ban kiểm phiếu;

- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử.

- Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm nhân sự do cổ đông Nhà nước đề cử/giới thiệu) phải bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ (quy hoạch, tiêu chuẩn, giới thiệu, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm...) theo quy định của Đảng và phân cấp quản lý cán bộ. Người đại diện phần vốn nhà nước có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; thực hiện biểu

quyết theo ý kiến/chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu và phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

Người được giới thiệu ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị đại diện phần vốn nhà nước phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định tại Điều 37 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT: Thực hiện theo nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT; Điều lệ, quy định trả lương của công ty. Tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị chuyển trách phải tuân thủ quy định pháp luật về quản lý lao động, tiền lương đối với công ty cổ phần do nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ.

7. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT: theo quy chế hoạt động của HĐQT.

Trường hợp đặc biệt không thể triệu tập cuộc họp hoặc Chủ tịch HĐQT xét thấy vấn đề thảo luận có thể lấy ý kiến từng thành viên (bằng phiếu lấy ý kiến hoặc dự thảo biên bản và/hoặc nghị quyết HĐQT) mà không ảnh hưởng đến lợi ích chung, thì các biên bản/nghị quyết được đa số các thành viên tán thành và ký tên thì có giá trị như khi tổ chức họp trực tiếp. Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành các nghị quyết/quyết định liên quan và các văn bản khác theo quy định. Các phiếu lấy ý kiến hoặc dự thảo nghị quyết HĐQT có xác nhận của từng thành viên phải được lưu tại văn phòng HĐQT và được coi giá trị tương đương biên bản cuộc họp HĐQT.

Người đại diện phần vốn nhà nước là thành viên Hội đồng quản trị, đại diện ủy quyền của cổ đông nhà nước tham gia Hội đồng quản trị có nghĩa vụ thực hiện thẩm quyền biểu quyết tại cuộc họp HĐQT tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn nhà nước do cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành, bao gồm nghĩa vụ báo cáo, xin ý kiến/chỉ đạo bằng văn bản trước khi biểu quyết các nội dung thuộc diện phải xin ý kiến.

8. HĐQT có trách nhiệm cập nhật, sửa đổi quy chế hoạt động của HĐQT theo quy định trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo quy định (trường hợp quy chế hiện tại phù hợp với yêu cầu của quy chế mẫu thì không cần ban hành lại, HĐQT có trách nhiệm trình ĐHĐCĐ thông qua nếu có các sửa đổi cập nhật tiếp theo).

9. HĐQT nếu xét thấy cần thiết có thể lập các tiểu ban trực thuộc theo quy định của pháp luật và điều 29 Điều lệ.

10. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty: thực hiện theo điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và điều 30 Điều lệ.

Điều 7. Ban Kiểm soát.

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS: BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. BKS có trách

nhiệm giám sát tình hình sản xuất kinh doanh của công ty; giám sát việc cung cấp thông tin phục vụ báo cáo giám sát vốn nhà nước; khuyến nghị HĐQT khi phát hiện rủi ro vi phạm nghĩa vụ của NDDPVNN hoặc nguy cơ thất thoát vốn nhà nước; giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, BDH, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc, cổ đông và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông (chi tiết theo điều 37 Điều lệ).

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS (chi tiết theo Điều 35 Điều lệ).

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS (chi tiết theo khoản 2 Điều 35 Điều lệ).

4. Đề cử, ứng cử thành viên BKS (chi tiết theo Điều 34 Điều lệ).

5. Cách thức bầu thành viên BKS giống như đối với bầu thành viên HĐQT.

6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS; Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS: thực hiện theo khoản 3, 4, 5, 8 Điều 35 Điều lệ và quy chế công bố thông tin của công ty.

7. Thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS: Thực hiện theo nghị quyết của ĐHĐCĐ; Điều 39 Điều lệ, quy định trả lương của công ty. Tiền lương của thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải tuân thủ quy định pháp luật về quản lý lao động, tiền lương đối với công ty cổ phần do nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ.

8. BKS có trách nhiệm cập nhật, sửa đổi quy chế hoạt động của BKS theo quy định trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định (trường hợp quy chế hiện tại phù hợp với yêu cầu của quy chế mẫu thì không cần ban hành lại, BKS có trách nhiệm trình ĐHĐCĐ thông qua nếu có các sửa đổi cập nhật tiếp theo).

Điều 8. Tổng Giám đốc.

1. Vai trò, trách nhiệm: Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động (nếu có) và các nghị quyết/quyết định của HĐQT; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc theo quy định của khoản 4 Điều 33 Điều lệ và các quy định của pháp luật.

3. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

3.1. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

3.2. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty.

3.3. Thỏa mãn tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc quy định tại khoản 3 Điều 33 Điều lệ Công ty.

3.4. Thành viên khác trong Ban điều hành công ty cũng phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện như Tổng Giám đốc.

4. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm nhưng không kéo dài quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật (ngoại trừ có ý kiến khác của Chủ sở hữu), và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. HĐQT bổ nhiệm một thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc theo quy định về tổ chức cán bộ của công ty.

6. Việc đề cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc phải được thông qua nghị quyết HĐQT, Người đại diện vốn nhà nước tham gia HĐQT phải xin ý kiến của chủ sở hữu theo quy định trước khi biểu quyết tại cuộc họp HĐQT. Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và quy chế công bố thông tin của công ty.

7. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc được hưởng tiền lương, tiền thưởng, do HĐQT quyết định và được quy định chi tiết theo quy định trả lương của Công ty.

Điều 9. Các hoạt động khác.

1. Việc phân cấp quyền và trách nhiệm của ĐHĐCĐ, HĐQT, BĐH, BKS được quy định chi tiết theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế này; phân cấp và trách nhiệm trong việc ban hành quy chế nội bộ theo Phụ lục: Danh mục phân quyền phê duyệt, phân phối các quy chế, quy định.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cán bộ quản lý trong công ty cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Các cán bộ quản lý khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá ba (03) ngày sau khi nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá năm (05) ngày. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên công ty mà không thông qua Tổng giám đốc hoặc Trưởng đơn vị trực thuộc công ty, trừ trường hợp nhân viên Công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị đó.

3. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc theo Điều lệ Công ty, chương IV quy chế hoạt động của HĐQT, các quy chế và quy định khác liên quan. Các trường hợp Tổng Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT phải được lập dưới hình thức văn bản và phải nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. BKS và Tổng Giám đốc được quyền nhận thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT như đối với thành viên HĐQT.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Chủ tịch HĐQT, HĐQT khi có yêu cầu.

6. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc xét thấy các sự việc cần thiết khác, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác cần báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT được biết. HĐQT phải tổ chức họp để cho ý kiến/giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo yêu cầu của Tổng Giám đốc và BKS theo quy định tại Điều 28 Điều lệ và của pháp luật.

7. HĐQT được quyền yêu cầu Tổng giám đốc và Ban điều hành báo cáo, kiểm điểm định kỳ công việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề được ủy quyền từ HĐQT. Tổng Giám đốc/Ban Điều hành cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát Công ty theo quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin số liệu báo cáo cung cấp cho HĐQT phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của Công ty, phù hợp với yêu cầu quản trị của Công ty và quy định pháp luật.

8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên BKS và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên:

8.1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết HĐQT thông qua các giao dịch nêu trên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

8.2. Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

8.3. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời đại diện Ban kiểm soát tham gia và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị; Kiểm soát viên có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8.4. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

8.5. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8.6. Ban Kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của Người điều hành của Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người điều hành với những nơi họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích nhằm phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn ngừa những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty và cổ đông của Công ty.

8.7. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại, tham vấn Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông.

8.8. Ban Kiểm soát được nhân danh Công ty để tiếp các đoàn kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước, trực tiếp làm việc và cung cấp tài liệu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, đồng thời có quyền từ chối làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra nếu cho rằng việc kiểm tra, thanh tra của họ là không phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp;

8.9. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý điều hành khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty/đơn vị theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

8.10. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

9. Trong quá trình thực hiện điều hành hoạt động của công ty; Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và các cấp quản lý của công ty có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ và kịp thời theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng ủy và cấp ủy quy định tại Điều 44 điều lệ và quy chế làm việc của Đảng ủy công ty.

10. Mối quan hệ của HĐQT/BĐH/BKS/Người quản lý (Chính quyền) với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên, cựu chiến binh) được quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 44 điều lệ.

Mối quan hệ giữa Chính quyền và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội là mối quan hệ trong đó thể hiện sự tôn trọng tính độc lập trong hoạt động của mỗi tổ chức; Do đó cần có sự phối hợp, bàn bạc, đồng thuận với chính quyền các cấp tạo điều kiện để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Thể hiện ở một số khía cạnh:

- Phối hợp để thực hiện các nhiệm vụ: Phối hợp chỉ đạo việc thực hiện dân chủ trong công ty, tổ chức và chỉ đạo các phong trào thi đua, công tác tuyên truyền giáo dục.

- Mọi quan hệ hỗ trợ giữa chính quyền và các tổ chức nêu trên trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các cựu chiến binh, người lao động, đoàn viên thanh niên.

- Chính quyền tạo điều kiện hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát việc tuân thủ theo điều lệ hoạt động của các tổ chức cũng như quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ của các ủy viên trong tổ chức này.

- Tổ chức chính trị - xã hội là các tổ chức tiên phong, vận động các hội viên/thành viên của mình thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ được giao, tuân thủ sự điều hành và chỉ đạo của cấp chính quyền và tham mưu kịp thời việc các công việc liên quan cho các cấp chính quyền.

11. Thực hiện giám sát nội bộ về hoạt động đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Mục 4 Chương II Nghị định 365/2025/NĐ-CP. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người đại diện phần vốn nhà nước có trách nhiệm xây dựng quy trình, thực hiện giám sát và báo cáo kết quả giám sát nội bộ, kịp thời ngăn chặn nguy cơ mất an toàn vốn.

12. Thực hiện lập và gửi báo cáo đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và gửi thông tin trên Hệ thống thông tin về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 54 Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Điều 39 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 10. Đánh giá, khen thưởng, kỷ luật.

1. Đánh giá hàng năm:

Căn cứ kế hoạch kinh doanh hằng năm đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu và Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ việc thực hiện nhiệm vụ được giao và hiệu quả hoạt động tổng thể của công ty, Người đại diện phần vốn nhà nước lập báo cáo đánh giá nội dung theo quy định tại Điều 52 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Mục 2 Chương III Nghị định 365/2025/NĐ-CP trước ngày 15 tháng 8 hằng năm.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công theo Quy định phân công nhiệm vụ HĐQT, BKS xem xét các kết quả đạt được, tổ chức đánh giá hoạt động HĐQT/BKS và từng thành viên; Báo cáo trong báo cáo của HĐQT/BKS tại ĐHĐCĐ thường niên.

Việc đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc và người điều hành khác được thực hiện theo Quy định phân công nhiệm vụ Ban điều hành Công ty và các quy định, quy chế nội bộ liên quan khác.

2. Việc khen thưởng đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành khác được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại khoản 1 điều này và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế hàng năm.

- Hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc các hình thức khác do HĐQT xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng giám đốc lập kế hoạch trình HĐQT phê duyệt, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua.

- Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng sẽ do Tổng giám đốc đề xuất HĐQT phê duyệt, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua.

3. Kỷ luật: Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành khác khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành.

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng gồm 11 điều và phụ lục đính kèm có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, quy chế này thay thế quy chế Quản trị nội bộ Công ty ban hành kèm theo Nghị quyết số 89/NQ-ĐHĐCĐ-2022 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

2. Quy chế này đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày/4/2026. Quy chế này được phân phối đến các tổ chức/đoàn thể, đơn vị trực thuộc công ty, các tổ chức/cá nhân liên quan; Là những nguyên tắc căn bản trong công tác quản trị nội bộ công ty.

3. Các Cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban điều hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

4. Những nội dung chưa được đề cập đến trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của Công ty. Trong trường hợp các nội dung trong Quy chế này trở nên không phù hợp do các quy định của pháp luật hiện hành thay đổi mà Quy chế này chưa kịp sửa đổi thì các quy định của pháp luật hiện hành sẽ được ưu tiên áp dụng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Việt Cường

PHỤ LỤC: DANH MỤC PHÂN QUYỀN PHÊ DUYỆT, QUẢN LÝ CÁC QUY CHẾ, QUY ĐỊNH

- Quy chế, quy định được phân nhóm thành 06 lĩnh vực, Thẩm quyền phê duyệt từng nhóm theo cột "Phê duyệt" trong bảng. Một số quy định về phối hợp với Đảng ủy, các Đoàn thể thì việc phê duyệt sẽ bao gồm cả Đảng ủy/Đoàn thể liên quan.
- Bộ phận/Đơn vị được chỉ định tại cột "Đơn vị QL" có trách nhiệm: rà soát định kỳ các quy định/quy chế theo quy định tại cột "tần suất rà soát" để cập nhật những thay đổi (do luật định, quy định mới hoặc thay đổi từ thực tế SXKD) trình duyệt lại theo thẩm quyền quy định tại cột "Phê duyệt"; Phân phối tài liệu đến đơn vị/cá nhân liên quan để nắm bắt và kịp thời áp dụng các thay đổi.
- Đối với quy chế/quy định phát sinh, Chủ tịch HĐQT phân công thành phần chuẩn bị, quyết định xây dựng và được cập nhật vào phụ lục này vào thời điểm thích hợp báo cáo ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua theo thẩm quyền.
- Ngoài các phân quyền tại phụ lục này, các quy chế/quy định cần được xây dựng và phê duyệt phù hợp với yêu cầu của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội (nếu có).

TT	Tên Quy chế, Quy định	Phân quyền quản lý, phê duyệt				Phân phối tài liệu ("X" chia sẻ cho toàn bộ; "L" chia sẻ cho người liên quan)														Ghi chú
		Mã hiệu	Đơn vị QL	Tần suất rà soát	Phê duyệt	CĐ đồng	HDQT	CT, TGD	BĐH	BKS	HTK	Trưởng ĐV	Phó ĐV	Nhân viên	Đảng ủy	Công đoàn	Đoàn thể	ĐD UQ	Công ty con/LK	
1. Quy chế chung (thẩm quyền phê duyệt thuộc ĐHĐCĐ, HDQT, BCHĐU cho ý kiến chỉ đạo)																				
1.1	Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty	QCC-01	BTK	Năm	ĐHĐCĐ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
1.2	Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	QCC-01	BTK	Năm	ĐHĐCĐ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
1.3	Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát	QCC-02	BKS	Năm	ĐHĐCĐ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
1.4	Quy chế quản trị các Đơn vị thành viên	QCC-03	BTK	Năm	HDQT	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
1.5	Quy chế kiểm toán nội bộ	QCC-04	TCKT	Năm	HDQT	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
1.6	Quy chế công bố thông tin	QCC-06	BTK	Năm	HDQT	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
1.7	Quy chế thanh lý, nhượng bán tài sản	QCC-07	TCKT	Năm	HDQT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
1.8	Quy chế tài chính	QĐKT-01	TCKT	Năm	HDQT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
2. Quy định chung																				
2.1	Quy định về Chỉ đạo/Phối hợp Đảng - Chính quyền - Công đoàn - Đoàn Thanh niên	QĐC-01	TCHC	Năm	BĐH, ĐU, CĐ, ĐTN		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
2.2	Quy định Phân công nhiệm vụ Ban điều hành Công ty	QĐC-02	BTK	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
2.3	Quy định xét công nhận sáng kiến	QĐC-03	KT	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
3. Liên quan lĩnh vực Nhân sự (thẩm quyền phê duyệt thuộc Chủ tịch HDQT, BTV cho ý kiến chỉ đạo)																				
3.1	Nội quy lao động	QĐNS-01	TCHC	3 Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
3.2	Thỏa ước lao động tập thể	QĐNS-	TCHC	3 Năm	CT, CĐ		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		

TT	Tên Quy chế, Quy định	Phân quyền quản lý, phê duyệt				Phân phối tài liệu ("X" chia sẻ cho toàn bộ; "L" chia sẻ cho người liên quan)														Ghi chú
		Mã hiệu	Đơn vị QL	Tần suất rà soát	Phê duyệt	Cổ đông	HDQT	CT. TGD	BDH	BKS	BTK	Trưởng DV	Phó DV	Nhân viên	Đảng ủy	Công đoàn	Đoàn thể	ĐD UQ	Công ty con/LK	
		02																		
3.3	Quy định Tuyển dụng lao động	QĐNS-03	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3.4	Quy định Đào tạo	QĐNS-04	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3.5	Quy định Thi đua khen thưởng	QĐNS-05	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3.6	Quy định Áp dụng hình thức kỷ luật sa thải	QĐNS-06	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3.7	Quy định Trả lương theo mức độ hoàn thành công việc	QĐNS-07	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3.8	Quy định tính lương nhân viên TNBD	QĐNS-08	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3.9	Quy định Tổ chức cán bộ	QĐNS-09	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		L	
3.10	Quy định Quy định trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân	QĐNS-10	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		L	
3.11	Quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh	QĐNS-11	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		L	
3.12	Quy định khoản quỹ lương	QĐNS-12	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3.13	Quy định về công tác an toàn vệ sinh lao động	QĐNS-13	TCHC	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
4. Liên quan lĩnh vực TCKT (thẩm quyền phê duyệt thuộc Chủ tịch HĐQT, BTV cho ý kiến chỉ đạo)																				
4.1	Quy định Chi tiêu nội bộ	QĐKT-02	TCKT	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
4.2	Quy định Quản lý công nợ và hàng tồn kho	QĐKT-03	TCKT	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
4.3	Quy định quản lý xe ô tô	QĐKT-04	TCKT	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
4.4	Quy định về mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động SXKD của Công ty	QĐKT-05	TCKT	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
4.5	Quy chế chi tiêu hoạt động công tác Đảng	QĐKT-06	TCKT	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			
4.6	Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống SCADA	QĐKT-07	TCKT	Năm	CT		x	x	x	x	x	x	x	L	x	x	x			

TT	Tên Quy chế, Quy định	Phân quyền quản lý, phê duyệt				Phân phối tài liệu ("X" chia sẻ cho toàn bộ; "L" chia sẻ cho người liên quan)													Ghi chú	
		Mã hiệu	Đơn vị QL	Tần suất rà soát	Phê duyệt	Cổ đông	HDQT	CT, TGD	BĐH	BKS	BTK	Trưởng DV	Phó DV	Nhân viên	Đảng ủy	Công đoàn	Đoàn thể	ĐD UQ		Công ty con/LK
4.7	Quy định quản lý thu khác		TCKT	Năm	CT			X	X	X	X	X	X	X	L	X	X	X		
5. Liên quan lĩnh vực Hành chính (thẩm quyền phê duyệt thuộc BDH, Bí thư đảng ủy cho ý kiến chỉ đạo)																				
5.1	Quy định Hoạt động của TT Chăm sóc khách hàng (Call center)	QĐHC-01	TCHC	Năm	BĐH			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
5.2	Quy chế Thực hiện dân chủ	QĐHC-02	CD	Năm	BĐH, ĐU, CD			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
5.3	Quy chế Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc	QĐHC-03	CD	Năm	BĐH, ĐU, CD			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
5.4	Quy chế Tổ chức hội nghị Người lao động	QĐHC-04	CD	Năm	BĐH, ĐU, CD			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
5.5	Quy định Sử dụng văn phòng điện tử	QĐHC-05	TCHC	Năm	BĐH			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
5.6	Quy định Thuê và sử dụng nhà ở công vụ	QĐHC-06	TCHC	Năm	BĐH			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
5.7	Quy định công tác Văn thư lưu trữ	QĐHC-07	TCHC	Năm	BĐH			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
5.8	Quy định Xây dựng, quản lý và sử dụng quỹ tình thương	QĐHC-08	CD	Năm	BĐH, ĐU, CD			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
5.9	Quy định Công tác quân sự và hoạt động của LL tự vệ	QĐHC-09	TCHC	Năm	BĐH			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
5.10	Quy định về tổ chức các cuộc họp, hội nghị	QĐHC-10	TCHC	Năm	BĐH			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
5.11	Quy định quản lý trang fanpage	QĐHC-11	KHH	Năm	BĐH			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
5.12	Quy định quản lý và sử dụng đồng hồ đo nước	QĐHC-12	KHH	Năm	BĐH			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
5.13	Quy định về lắp đặt, di chuyển máy nước và thay đổi cơ đồng hồ đo nước	QĐHC-13	KHH	Năm	BĐH			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
6. Liên quan lĩnh vực Đầu tư (thẩm quyền phê duyệt thuộc CT HĐQT, BTV cho ý kiến chỉ đạo)																				
6.1	Quy định Tổ chức, phân công nhiệm vụ trong công tác Đầu tư đầu thầu	QĐĐT-01	QL HDXD	Năm	CT			X	X	X	X	X	X	L	L	X				
6.2	Quy định về sửa chữa lớn	QĐĐT-02	KH	Năm	CT			X	X	X	X	X	X	L	L	X				

THUYẾT MINH SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÌNH ĐHĐCĐ 2026 THÔNG QUA

TT	Điều - khoản	Quy chế hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
1.	Căn cứ	(Bổ sung)	Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14/6/2025; Căn cứ Nghị định 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Căn cứ Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;	Bổ sung căn cứ của Luật số 68/2025 ban hành ngày 14/6/2025 và các Nghị định có liên quan.
2.		Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc miễn nhiệm và cử, cử lại người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng	Căn cứ Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc cho thôi, cử lại người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng	- Cập nhật căn cứ văn bản của UBND TP về việc cử lại người đại diện phần vốn nhà nước
3.		Căn cứ Biên bản cuộc họp số 90/BB-ĐHĐCĐ-2022 của Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2022.	Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../NQ-ĐHĐCĐ-2026 của Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2026	- Cập nhật theo thời điểm Quy chế được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026
4.	Khoản 5 Điều 3. Hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp	Điều 3. 5. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ bao gồm quy định về kiến nghị của cổ đông (nếu có) được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông tiếp cận.	Điều 3. 5. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ bao gồm quy định về kiến nghị của cổ đông (nếu có) được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua các nội dung mà Người đại diện phần vốn nhà nước (NDDPVNN) phải báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu mà đến thời điểm họp chưa nhận được ý kiến bằng văn bản đối với nội dung thuộc diện phải xin ý kiến, NDDPVNN thực hiện theo quy chế hoạt động của NDDPVNN và có quyền kiến nghị hoãn/điều chỉnh nội dung họp hoặc tạm thời chưa biểu quyết (hoặc biểu	- Căn cứ khoản 2 Điều 27 Luật 68/2025.



11	Điều - khoản	Quy chế hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			quyết theo phạm vi ủy quyền/ý kiến đã được phê duyệt trước đó, nếu có căn cứ) để bảo đảm tuân thủ pháp luật.	
5.	Mục 2.3 Khoản 2 Điều 5. Hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến	(Bổ sung)	Khoản 2 Điều 5. 2.3. Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua các nội dung mà Người đại diện phần vốn nhà nước phải báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu mà đến thời điểm họp chưa nhận được ý kiến bằng văn bản đối với nội dung thuộc diện phải xin ý kiến, Người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện theo quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn nhà nước và có quyền kiến nghị hoãn/điều chỉnh nội dung họp hoặc tạm thời chưa biểu quyết (hoặc biểu quyết theo phạm vi ủy quyền/ý kiến đã được phê duyệt trước đó, nếu có căn cứ) để bảo đảm tuân thủ pháp luật.	- Căn cứ khoản 2 Điều 27 Luật 68/2025.
6.	Khoản 4 Điều 6. Hội đồng quản trị	4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: Theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT	4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm nhân sự do cổ đông Nhà nước đề cử/giới thiệu) phải bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ (quy hoạch, tiêu chuẩn, giới thiệu, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm...) theo quy định của Đảng và phân cấp quản lý cán bộ. Người đại diện phần vốn nhà nước có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; thực hiện biểu quyết theo ý kiến/chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu và phù hợp quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.	- Bổ sung nội dung theo quy định tại Mục c Khoản 2 Điều 27 Luật số 68/2025; - Căn cứ Điều 37 Luật số 68/2025; - Đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện công tác Cán bộ trong DNNN theo quy định 48-QĐ/TW ngày 20/12/2021 của BCH Trung ương.

TT	Điều - khoản	Quy chế hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			Người được giới thiệu ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị đại diện phần vốn nhà nước phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định tại Điều 37 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.	
7.	Khoản 6 Điều 6. Hội đồng quản trị	Điều 6. 6. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT: Thực hiện theo nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT; Điều lệ, quy định trả lương của công ty.	Điều 6. 6. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT: Thực hiện theo nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT; Điều lệ, quy định trả lương của công ty. Tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách phải tuân thủ quy định pháp luật về quản lý lao động, tiền lương đối với công ty cổ phần do nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ	- Quy định theo Điều 11, Điều 12 Nghị định 248/2025/NĐ-CP
8.	Khoản 7. Điều 6. Hội đồng quản trị	Điều 6. 7. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT: theo quy chế hoạt động của HĐQT. Trường hợp đặc biệt không thể triệu tập cuộc họp hoặc Chủ tịch HĐQT xét thấy vấn đề thảo luận có thể lấy ý kiến từng thành viên (bằng phiếu lấy ý kiến hoặc dự thảo biên bản và/hoặc nghị quyết HĐQT) mà không ảnh hưởng đến lợi ích chung, thì các biên bản/nghị quyết được đa số các thành viên tán thành và ký tên thì có giá trị như khi tổ chức họp trực tiếp. Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành các nghị quyết/quyết định liên quan. Các phiếu lấy ý kiến hoặc dự thảo nghị quyết HĐQT có xác nhận của từng thành viên phải được lưu tại văn phòng HĐQT và được coi giá trị tương đương biên bản cuộc họp HĐQT.	Điều 6. 7. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT: theo quy chế hoạt động của HĐQT. Trường hợp đặc biệt không thể triệu tập cuộc họp hoặc Chủ tịch HĐQT xét thấy vấn đề thảo luận có thể lấy ý kiến từng thành viên (bằng phiếu lấy ý kiến hoặc dự thảo biên bản và/hoặc nghị quyết HĐQT) mà không ảnh hưởng đến lợi ích chung, thì các biên bản/nghị quyết được đa số các thành viên tán thành và ký tên thì có giá trị như khi tổ chức họp trực tiếp. Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành các nghị quyết/quyết định liên quan. Các phiếu lấy ý kiến hoặc dự thảo nghị quyết HĐQT có xác nhận của từng thành viên phải được lưu tại văn phòng HĐQT và được coi giá trị tương đương biên bản cuộc họp HĐQT. Người đại diện phần vốn nhà nước là thành viên Hội đồng quản trị, đại diện ủy quyền của cổ đông	- Căn cứ Điều 27 Luật số 68/2025

TT	Điều - khoản	Quy chế hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			nhà nước tham gia Hội đồng quản trị có nghĩa vụ thực hiện thẩm quyền biểu quyết tại cuộc họp HĐQT tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn nhà nước do cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành, bao gồm nghĩa vụ báo cáo, xin ý kiến/chi đạo bằng văn bản trước khi biểu quyết các nội dung thuộc diện phải xin ý kiến.	
9.	Khoản 1 Điều 7. Ban kiểm soát	Điều 7. 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS: BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. BKS có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, HĐQT, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc, cổ đông và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông (chi tiết theo điều 37, Điều 38 Điều lệ).	Điều 7. 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS: BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. BKS có trách nhiệm giám sát tình hình sản xuất kinh doanh của công ty; giám sát việc cung cấp thông tin phục vụ báo cáo giám sát vốn nhà nước; khuyến nghị HĐQT khi phát hiện rủi ro vi phạm nghĩa vụ của NDDPVNN hoặc nguy cơ thất thoát vốn nhà nước; giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, HĐQT, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc, cổ đông và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông (chi tiết theo điều 37 Điều lệ).	- Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP.
10.	Khoản 7 Điều 7. Ban kiểm soát	Điều 7. 7. Thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS: Thực hiện theo nghị quyết của ĐHĐCĐ; khoản 12 điều 38 Điều lệ, quy định trả lương của công ty	Điều 7. 7. Thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS: Thực hiện theo nghị quyết của ĐHĐCĐ; Điều 39 Điều lệ, quy định trả lương của công ty. Tiền lương của thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải tuân thủ quy định pháp luật về quản lý lao động, tiền lương đối với công ty cổ phần do nhà	- Quy định theo Điều 11, Điều 12 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP



TT	Điều - khoản	Quy chế hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ	
11.	Khoản 6 Điều 8. Tổng Giám đốc	Điều 8. 6. Việc đề cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc phải được thông qua nghị quyết HĐQT, Người đại diện vốn nhà nước tham gia HĐQT phải xin ý kiến của chủ sở hữu theo quy định trước khi thực hiện. Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và quy chế công bố thông tin của công ty	Điều 8. 6. Việc đề cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc phải được thông qua nghị quyết HĐQT, Người đại diện vốn nhà nước tham gia HĐQT phải xin ý kiến của chủ sở hữu theo quy định trước khi biểu quyết tại cuộc họp HĐQT. Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và quy chế công bố thông tin của công ty.	- Nếu rõ nghĩa vụ theo nội dung mục c) Khoản 2 Điều 27 Luật 68/2025.
12.	Khoản 1. Điều 9. Công tác khác	1. Việc phân cấp quyền và trách nhiệm của ĐHĐCĐ, HĐQT, BĐH, BKS được quy định chi tiết theo Phụ lục 1: Bảng phân quyền quyết định, thẩm định, đề xuất các công việc đính kèm quy chế này; Phụ lục 2: Danh mục phân quyền phê duyệt, phân phối các quy chế, quy định.	1. Việc phân cấp quyền và trách nhiệm của ĐHĐCĐ, HĐQT, BĐH, BKS được quy định chi tiết theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế này; phân cấp và trách nhiệm trong việc ban hành quy chế nội bộ theo Phụ lục: Danh mục phân quyền phê duyệt, phân phối các quy chế, quy định.	- Bỏ phụ lục 1 do: + Phù hợp với quy chế mẫu + Thẩm quyền và trách nhiệm trong phụ lục 1 (cũ) đã được phân cấp theo luật và trong Điều lệ, nên không cần phải quy định lại trong quy chế này.
13.	Khoản 11. Điều 9. Công tác khác	(Bổ sung)	Điều 9. 11. Thực hiện giám sát nội bộ về hoạt động đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Mục 4 Chương II Nghị định 365/2025/NĐ-CP. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người đại diện phần vốn nhà nước có trách nhiệm xây dựng quy trình, thực hiện giám sát và báo cáo kết quả giám sát nội bộ, kịp thời ngăn chặn nguy cơ mất an toàn vốn.	- Căn cứ Điều 48 Luật 68/2025; - Căn cứ Điều 24, Điều 25 Nghị định 365/2025/NĐ-CP.
14.	Khoản 12. Điều 9. Công tác khác	(Bổ sung)	Điều 9. 12. Thực hiện lập và gửi báo cáo đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và gửi thông tin trên Hệ thống thông tin về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 54	- Căn cứ Khoản 1 Điều 54 Luật số 68/2025; - Căn cứ Điều 39 Nghị định 365/2025/NĐ-CP.

TT	Điều - khoản	Quy chế hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
			Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Điều 39 Nghị định số 365/2025/NĐ-CP về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.	
15.	Điều 10. Đánh giá, khen thưởng, kỷ luật	<p>Điều 10.</p> <p>1. Đánh giá: Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công theo Quy định phân công nhiệm vụ HĐQT, BKS xem xét các kết quả đạt được, tổ chức đánh giá hoạt động HĐQT/BKS và từng thành viên; Báo cáo trong báo cáo của HĐQT/BKS tại ĐHĐCĐ thường niên. Việc đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc và người điều hành khác được thực hiện theo Quy định phân công nhiệm vụ Ban điều hành Công ty và các quy định, quy chế nội bộ liên quan khác.</p>	<p>Điều 10.</p> <p>1. Đánh giá hàng năm:</p> <p>Căn cứ kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu và Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ việc thực hiện nhiệm vụ được giao và hiệu quả hoạt động tổng thể của công ty, Người đại diện phần vốn nhà nước lập báo cáo đánh giá nội dung theo quy định tại Điều 52 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Mục 2 Chương III Nghị định 365/2025/NĐ-CP trước ngày 15 tháng 8 hằng năm.</p> <p>Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công theo Quy định phân công nhiệm vụ HĐQT, BKS xem xét các kết quả đạt được, tổ chức đánh giá hoạt động HĐQT/BKS và từng thành viên; Báo cáo trong báo cáo của HĐQT/BKS tại ĐHĐCĐ thường niên.</p> <p>Việc đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc và người điều hành khác được thực hiện theo Quy định phân công nhiệm vụ Ban điều hành Công ty và các quy định, quy chế nội bộ liên quan khác.</p>	- Căn cứ theo Mục 2 Chương III Nghị định 365/2025/NĐ-CP
16.	Khoản 1 Điều 11. Điều khoản thi hành	1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng gồm 11 điều và 01 phụ lục có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, và thay thế quy chế Quản trị nội bộ Công ty ban hành kèm theo	1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng gồm 11 điều và phụ lục đính kèm có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, quy chế này thay thế quy chế Quản trị nội bộ Công ty ban hành kèm theo Nghị quyết số 89/NQ-ĐHĐCĐ-2022	- Cập nhật theo Nghị quyết ban hành của ĐHĐCĐ thường niên năm 2026

TT	Điều - khoản	Quy chế hiện tại	Điều chỉnh mới	Lý do/tham chiếu
		Quyết định số 378/QĐ-CNHP ngày 09/8/2018 của Công ty	ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.	
17.	Phụ lục 1. Bảng phân quyền quyết định, thẩm định, đề xuất các công việc	Phụ lục 1: Bảng phân quyền quyết định, thẩm định, đề xuất các công việc	(Bỏ)	- Bỏ phụ lục 1 do: + Phù hợp với quy chế mẫu + Thẩm quyền và trách nhiệm trong phụ lục 1 (cũ) đã được phân cấp theo luật và trong Điều lệ, nên không cần phải quy định lại trong quy chế này.
18.	Phụ lục. Danh mục phân quyền phê duyệt, quản lý các quy chế, quy định hiện hành	Phụ lục 2: Danh mục phân quyền phê duyệt, phân phối các quy chế, quy định	Phụ lục: Danh mục phân quyền phê duyệt, quản lý các quy chế, quy định hiện hành. Cập nhật bổ sung, sửa đổi một số quy chế, quy định hiện hành sau vào bảng: - QĐC-03. Quy định xét công nhận sáng kiến - QĐNS-12. Quy định khoán quỹ lương - QĐNS-13. Quy định về công tác an toàn vệ sinh lao động - QĐKT-05. Quy định về mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động SXKD của Công ty - QĐKT-06. Quy chế chi tiêu hoạt động công tác Đảng - QĐKT-07. Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống SCADA - QĐHC-11. Quy định quản lý trang fanpage - QĐHC-12. Quy định quản lý và sử dụng đồng hồ đo nước - QĐHC-13. Quy định về lắp đặt, di chuyển máy nước và thay đổi cơ đồng hồ đo nước	- Đổi tên phụ lục cho phù hợp với nội dung. - cập nhật một số quy chế, quy định hiện hành vào bảng.

Ghi chú: Số thứ tự của một số Điều/Khoản/Mục được viện dẫn trong dự thảo Quy chế này đã được sửa lại theo số thứ tự cập nhật của các Điều/Khoản/Mục trong các văn bản tương ứng hiện hành.

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Về việc thông qua các báo cáo hoạt động SXKD; BCTC năm 2025; Báo cáo của HĐQT; Báo cáo của BKS; Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030 của Công ty; Báo cáo về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2025; Báo cáo thù lao của HĐQT, BKS; Báo cáo Lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2026; Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026; Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi và bổ sung lần thứ 4; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ văn bản số 1188/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc cho thôi, cử lại người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ văn bản số .../QĐ-TCNS ngày .../.../2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc cho ý kiến đề người đại diện phần vốn nhà nước biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ theo Biên bản cuộc họp số 67/BB-HĐQT ngày 12/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng về việc thống nhất các nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

Căn cứ vào các Báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2026 của Công ty; Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán; Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2025, Kế hoạch hoạt động năm 2026; Báo cáo của BKS về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026; Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030 của Công ty; Báo cáo kế hoạch, quyết toán thù lao năm 2025 và phương án chi trả thù lao năm 2026 của HĐQT, BKS; Báo cáo về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2025; Báo cáo lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán BCTC năm

2026; Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026; Báo cáo về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động lần thứ 4; Báo cáo thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty,

HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các báo cáo:

(1) Báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2026 của Công ty. *(Chi tiết báo cáo đính kèm)*

(2) Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. *(Chi tiết báo cáo đính kèm)*

(3) Báo cáo của HDQT về quản trị và kết quả hoạt động của HDQT và từng thành viên HDQT năm 2025; Kế hoạch hoạt động năm 2026. *(Chi tiết báo cáo đính kèm)*

(4) Báo cáo của BKS về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026. *(Chi tiết báo cáo đính kèm)*

(5) Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030 của Công ty.

(6) Báo cáo phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2025. *(Chi tiết báo cáo đính kèm)*

(7) Báo cáo kế hoạch, quyết toán thù lao năm 2025 và phương án chi trả thù lao năm 2026 của HDQT, BKS. *(Chi tiết báo cáo đính kèm)*

(8) Báo cáo lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng. *(Chi tiết báo cáo đính kèm)*

(9) Kế hoạch đầu tư phát triển của Công ty năm 2026. *(Chi tiết đính kèm)*

(10) Báo cáo về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động lần thứ 4 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng. *(Dự thảo đính kèm)*

(11) Báo cáo thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. *(Dự thảo đính kèm)*

Xin kính trình Đại hội!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Việt Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **BB-ĐHĐCĐ-2026**

Hải Phòng, ngày 22 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản họp số .../BB-ĐHĐCĐ-2026 ngày 22/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng ngày 22/4/2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty (Chi tiết kèm theo), với một số chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026
1	Nước sản xuất	triệu m3	95,6	98,7	100,7
2	Nước tiêu thụ	triệu m3	89,3	89,3	90,9
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	1.309,3	1.313,9	1.323,5
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	125,7	176,8	187,8
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	102,5	143,4	152,2
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%		16,0%	16,9%
7	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	≥9,0%	15,0%	≥12,0%

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025; Kế hoạch hoạt động năm 2026 *(Chi tiết kèm theo)*.

Điều 4: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 *(Chi tiết kèm theo)*.

Điều 5: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức năm 2025 cụ thể như sau:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	145.187.916.853 đồng
(Trong đó: - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm 2024 là: 1.830.976.986 đồng)	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 là: 143.356.939.867 đồng)	
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	33.877.506.853 đồng
- Chia cổ tức 15%/vốn điều lệ:	111.310.410.000 đồng
(tương ứng 1.500 đồng/01 cổ phần)	

Điều 6: Thông qua mức chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

- Kế hoạch và quyết toán tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 là: 588.720.000 đồng.
- Kế hoạch tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2026 là: 588.720.000 đồng.

Điều 7: Thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng như sau:

(1) Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 *(Chi tiết danh sách kèm theo)*.

(2) Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quy trình để lựa chọn 01 trong các Công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên là đơn vị thực hiện soát xét 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng.

Điều 8: Thông qua Kế hoạch đầu tư phát triển của Công ty năm 2026 *(Chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển kèm theo)*.

Đại hội đồng cổ đông của Công ty ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty triển khai thực hiện các công trình/dự án tại Kế hoạch đầu tư phát triển của Công

ty năm 2026 khi có đủ điều kiện và cơ sở pháp lý, đảm bảo việc triển khai, thực hiện các công trình/dự án thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9: Thông qua Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030 của Công ty *(Chi tiết kèm theo)*

Điều 10: Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi và bổ sung lần thứ 4 *(Chi tiết kèm theo)*

Điều 11: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty *(Chi tiết kèm theo)*

Điều 12: Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/4/2026.

Điều 13: Tổ chức thực hiện:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí thông qua.

Nơi nhận:

- HĐQT, BDH, BKS;
- Các Cổ đông;
- Lưu: Văn thư, Ban thư ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

**Chủ tịch HĐQT
Trần Việt Cường**

